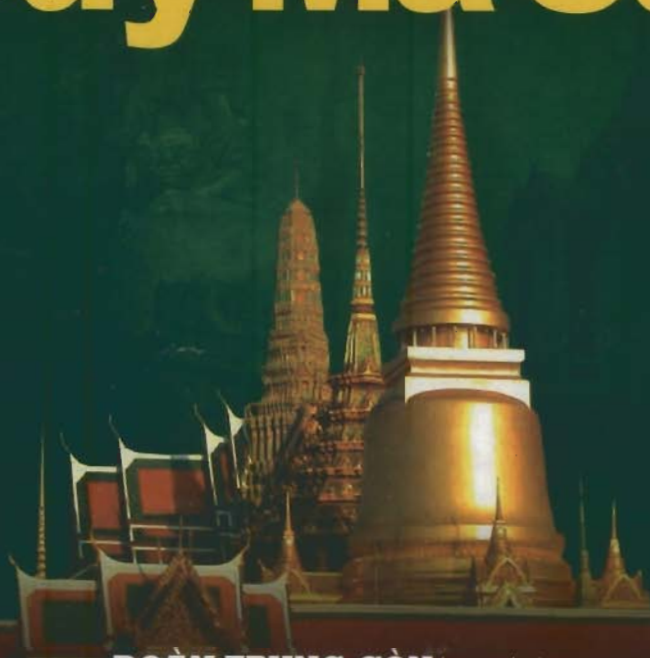




ĐOÀN TRUNG CÔN
NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

KINH Duy Ma Cát



ĐOÀN TRUNG CÔN biên dịch



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

KINH DUY MA CẬT

KINH DUY MA CẬT

ĐOÀN TRUNG CÒN

NGUYỄN MINH TIẾN

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Số 4 - Lô 11 Trần Duy Hưng - Q. Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT: 04-5566701 - Fax: (04).5566702

Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGUYỄN THANH XUÂN

Biên tập	:	TRẦN XUÂN LÝ
Sửa bản in	:	MINH TIẾN
Bìa	:	QUANG MINH

Thực hiện liên doanh :



CÔNG TY VĂN HÓA HƯỚNG TRANG

Nhà Sách QUANG MINH

416 Nguyễn Thị Minh Khai - Phường 5 - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84 8) 8322386 - 8340990 * Fax: (84 8) 8342457 - 8340990

Email: quangminhbooks@hcm.vnn.vn
<http://www.quangminhbooks.com>

ĐOÀN TRUNG CÒN
NGUYỄN MINH TIẾN

dịch và chú giải

KINH DUY MA CẬT

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

維摩詰所說經

【亦名不可思議解脫】

卷上

姚秦三藏法師鳩摩羅什奉詔譯

DUY-MA-CẬT SỞ THUYẾT KINH

(Diệu danh: Bất Khả Tư Nghị Giải Thoát Kinh)

QUYỂN THƯỢNG

DAO TÂN TAM TẠNG PHÁP SƯ CƯU MA LA THẬP
PHỤNG CHIẾU DỊCH

維摩詰所說經

【亦名：不可思議解脫經】

姚秦三藏法師鳩摩羅什

奉詔譯

香讚

爐香乍熱
法界蒙熏
諸佛海會悉遙聞。
隨處結祥雲
誠意方殷
諸佛現全身。
南無香雲蓋菩薩摩訶薩。

【三稱】

淨口業真言

唵脩唎脩唎摩訶脩唎脩脩唎薩婆訶。

【三稱】

淨三業真言

唵娑嚩婆嚩祇駄娑嚩達麼娑嚩婆嚩祇度憾。

【三稱】

DUY MA CẬT SỞ THUYẾT KINH

Diệc danh

BẤT KHẢ TỬ NGHỊ GIẢI THOÁT KINH

DAO TẦN TAM TẠNG PHÁP SƯ CƯU MA LA THẬP
PHỤNG CHIẾU DỊCH

Hương tán

Lư hương sạ nhiệt.

Pháp giới môn huân,

Chư Phật hải hội tất dao văn,

Tùy xứ kiết tường văn,

Thành ý phương ân,

Chư Phật hiện toàn thân.

Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát ma ha tát!

(Tam xưng)

Tịnh khẩu nghiệp chân ngôn

Án, tu rị, tu rị, ma ha tu rị, tu tu rị, tát bà ha.

(Tam xưng)

Tịnh tam nghiệp chân ngôn

*Án ta phạ bà phạ, thuật đà ta phạ, đạt ma ta phạ, bà
phạ thuật độ hám.*

(Tam xưng)

土地真言

南無三滿多沒馱喃唵度嚧度嚧地尾娑婆訶。

〔三稱〕

普供養真言

唵誡誡曩三婆嚧伐日囉斛。

〔三稱〕

開經偈

無上甚深微妙法
百千萬劫難遭遇。
我今見聞得受持
願解如來真實義。
南無本師釋迦牟尼佛。

〔三稱〕



Án thổ địa chân ngôn

*Nam mô tam mãn đa, một đà nẫm. Án độ rô, độ rô,
địa vĩ, ta bà ha.*

(Tam xưng)

Phổ cúng dường chân ngôn

Án nga nga nẵng, tam bà phạ, phiệt nhật ra hộc.

(Tam xưng)

Khai kinh kệ

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp,
Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ,
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì,
Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa.

Nam-mô Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật!

(Tam xưng)



卷上

佛國品

第一

如是我聞。

一時佛在毘耶離菴羅樹園。與大比丘衆八千人俱。菩薩三萬二千衆所知識。大智本行皆悉成就。諸佛威神之所建立。為護法城受持正法。能師子吼名聞十方。衆人不請友而安之。紹隆三寶能使不絕。降伏魔怨制諸外道。悉已清淨永離蓋纏。心常安住無礙解脫。念定總持辯才不斷。布施持戒忍辱精進禪定智慧。及方便力無不具足。逮無所得不起法忍。已能隨順轉不退輪。善解法相知衆生根。蓋諸大衆得無所畏。功德智慧以修其心。

相好嚴身色像第一。捨諸世間所有飾好。名稱高遠踰於須彌。深信堅固猶若金剛。法寶普照而雨甘露。於衆言音微妙第一。深入緣起斷諸邪見。有無二邊無復餘

QUYỂN THƯỢNG

PHẬT QUỐC PHẨM

Đệ nhất

Như thị ngã văn:

Nhất thời, Phật tại *Tỳ-da-ly*, *Am-la* thọ viên, dữ đại *tỳ-kheo* chúng bát thiên nhân câu. *Bồ Tát* tam vạn nhị thiên, chúng sở tri thức. Đại trí bốn hạnh giai tất thành tựu. Chư Phật oai thần chi sở kiến lập, vị hộ pháp thành, thọ trì Chánh pháp, năng sư tử hống, danh văn thập phương. Chúng nhân bất thỉnh hữu nhi an chi. Thiệu long Tam bảo năng sử bất tuyệt. Hàng phục ma oán, chế chư ngoại đạo, tất dĩ thanh tịnh, vĩnh ly cái triền, tâm thường an trụ vô ngại giải thoát, niệm, định, tổng trì, biện tài bất đoạn. Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ cập phương tiện lực, vô bất cụ túc. Đãi vô sở đắc, bất khởi pháp nhẫn, dĩ năng tùy thuận chuyển bất thối luân. Thiện giải pháp tướng, tri chúng sinh căn. Cái chư đại chúng, đắc vô sở úy. Công đức trí huệ, dĩ tu kỳ tâm.

Tướng hảo nghiêm thân, sắc tượng đệ nhất. Xả chư thế gian sở hữu sức hảo. Danh xưng cao viễn, du ư *Tu-di*. Thâm tín kiên cố, du nhược kim cang. Pháp bảo phổ chiếu, nhi vô *cam-lộ*. Ư chúng ngôn âm, vi diệu đệ nhất. Thâm nhập duyên khởi, đoạn chư tà kiến, hữu vô nhị

習。演法無畏猶師子吼。其所講說乃如雷震。無有量已過量。集衆法寶如海導師。了達諸法深妙之義。善知衆生往來所趣及心所行。近無等等佛自在慧十力無畏十八不共。關閉一切諸惡趣門。而生五道以現其身。為大醫王善療衆病。應病與藥令得服行。無量功德皆成就。無量佛土皆嚴淨。其見聞者無不蒙益。諸有所作亦不唐捐。如是一切功德皆悉具足。

其名曰等觀菩薩。不等觀菩薩。等不等觀菩薩。定自在王菩薩。法自在王菩薩。法相菩薩。光相菩薩。光嚴菩薩。大嚴菩薩。寶積菩薩。辯積菩薩。寶手菩薩。寶印手菩薩。常舉手菩薩。常下手菩薩。常慘菩薩。喜根菩薩。喜王菩薩。辯音菩薩。虛空藏菩薩。執寶炬菩薩。寶勇菩薩。寶見菩薩。帝網菩薩。明網菩薩。無緣觀菩薩。慧積菩薩。寶勝菩薩。天王菩薩。壞魔菩薩。電德菩薩。自在王菩薩。功德相嚴菩薩。師子吼菩薩。雷音菩薩。山相擊音菩薩。香象菩薩。白香象菩薩。常精進菩薩。不休

biên, vô phục dư tập. Diễn pháp vô úy, du sư tử hống. Kỳ sở giảng thuyết, nãi như lôi chấn. Vô hữu lượng, dĩ quá lượng, tập chúng pháp bảo, như hải đảo sư. Liễu đạt chư pháp thâm diệu chi nghĩa. Thiện tri chúng sinh vãng lai sở thú, cập tâm sở hành. Cận vô đẳng đẳng Phật tự tại huệ, thập lực, vô úy, thập bát bất cộng. Quan bố nhất thiết chư ác thú môn, nhi sinh ngũ đạo dĩ hiện kỳ thân. Vi đại y vương, thiện liệu chúng bệnh. Ứng bệnh dữ dược, linh đặc phục hành. Vô lượng công đức giai thành tựu. Vô lượng Phật độ giai nghiêm tịnh. Kỳ kiến văn giả, vô bất móng ích. Chư hữu sở tác diệc bất đường quyền. Như thị nhất thiết công đức giai tất cụ túc.

Kỳ danh viết: *Đẳng Quan Bồ Tát, Bất Đẳng Quan Bồ Tát, Đẳng Bất Đẳng Quan Bồ Tát, Định Tự Tại Vương Bồ Tát, Pháp Tự Tại Vương Bồ Tát, Pháp Tướng Bồ Tát, Quang Tướng Bồ Tát, Quang Nghiêm Bồ Tát, Đại Nghiêm Bồ Tát, Bảo Tích Bồ Tát, Biện Tích Bồ Tát, Bảo Thủ Bồ Tát, Bảo Ấn Thủ Bồ Tát, Thường Cử Thủ Bồ Tát, Thường Hạ Thủ Bồ Tát, Thường Thắm Bồ Tát, Hỷ Căn Bồ Tát, Hỷ Vương Bồ Tát, Biện Âm Bồ Tát, Hư Không Tạng Bồ Tát, Cháp Bảo Cụ Bồ Tát, Bảo Đồng Bồ Tát, Bảo Kiến Bồ Tát, Đế Vông Bồ Tát, Minh Vông Bồ Tát, Vô Duyên Quan Bồ Tát, Huệ Tích Bồ Tát, Bảo Thắng Bồ Tát, Thiên Vương Bồ Tát, Hoại Ma Bồ Tát, Điện Đức Bồ Tát, Tự Tại Vương Bồ Tát, Công Đức Tướng Nghiêm Bồ Tát, Sư Tử Hống Bồ Tát, Lôi Âm Bồ Tát, Sơn Tướng Kích Âm Bồ Tát, Hương Tượng Bồ Tát, Bạch Hương Tượng Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, Bất Hưu Túc Bồ Tát, Diệu*

息菩薩。妙生菩薩。華嚴菩薩。觀世音菩薩。得大勢菩薩。梵網菩薩。寶杖菩薩。無勝菩薩。嚴土菩薩。金髻菩薩。珠髻菩薩。彌勒菩薩。文殊師利法王子菩薩。如是等三萬二千人。

復有萬梵天王尸棄等。從餘四天下來詣佛所而爲聽法。復有萬二千天帝。亦從餘四天下來在會坐。并餘大威力諸天。龍神。夜叉。乾闥婆。阿脩羅。迦樓羅。緊那羅。摩睺羅伽。等悉來會坐。諸比丘比丘尼優婆塞優婆夷俱來會坐。

彼時佛與無量百千之衆恭敬圍繞而爲說法。譬如須彌山王顯於大海。安處衆寶師子之座。蔽於一切諸來大衆。

爾時毘耶離城有長者子。名曰寶積。與五百長者子俱。持七寶蓋來詣佛所。頭面禮足。各以其蓋共供養佛。佛之威神令諸寶蓋合成一蓋。遍覆三千大千世界。而此世界廣長之相悉於中現。又此三千大千世界。諸須彌山雪山。目真鄰陀山摩訶目真鄰陀山。香山寶山金山黑山。鐵圍山大鐵

Sinh *Bồ Tát*, Hoa Nghiêm *Bồ Tát*, Quán Thế Âm *Bồ Tát*, Đắc Đại Thế *Bồ Tát*, Phạm Võng *Bồ Tát*, Bảo Trượng *Bồ Tát*, Vô Thắng *Bồ Tát*, Nghiêm Độ *Bồ Tát*, Kim Kế *Bồ Tát*, Châu Kế *Bồ Tát*, Di-lặc *Bồ Tát*, Văn-thù Sư-ly Pháp vương tử *Bồ Tát*... Như thị đẳng tam vạn nhị thiên nhân.

Phục hữu vạn *Phạm* thiên vương *Thi-khí* đẳng, tùng dư Tứ thiên hạ, lai nghệ Phật sở, nhị vị thính pháp. Phục hữu vạn nhị thiên thiên đế, diệt tùng dư Tứ thiên hạ, lai tại hội tọa. Tinh dư đại oai lực chư thiên, long thần, *dạ-xoa*, *càn-thát-bà*, *a-tu-la*, *ca-lâu-la*, *khẩn-na-la*, *ma-hầu-la-già* đẳng, tất lai hội tọa. Chư *tỳ-kheo*, *tỳ-kheo-ni*, *ưu-bà-tắc*, *ưu-bà-di*, câu lai hội tọa.

Bỉ thời, Phật dữ vô lượng bá thiên chi chúng cung kính vi nhiễu, nhị vị thuyết pháp. Thí như *Tu-di* sơn vương, hiển ư đại hải, an xử chúng bảo sư tử chi tọa, tế ư nhất thiết chư lai đại chúng.

Nhĩ thời, *Tỳ-da-ly* thành, hữu trưởng giả tử danh viết Bảo Tích, dữ ngũ bá trưởng giả tử, câu trì thất bảo cái lai nghệ Phật sở, dầu diện lễ túc. Các dĩ kỳ cái, cộng cúng dường Phật. Phật chi oai thần linh chư bảo cái hiệp thành nhất cái, biến phú tam thiên đại thiên thế giới. Nhị thủ thế giới quảng trường chi tướng, tất ư trung hiện. Hựu thủ tam thiên đại thiên thế giới chư *Tu-di* sơn, Tuyết sơn, *Mục-chân-lân-dà* sơn, *Ma-ha Mục-chân-lân-dà* sơn, Hương sơn, Bảo sơn, Kim sơn, Hắc sơn, Thiết vi sơn, Đại

圍山。大海江河川流泉源。及日月星辰。天宮龍宮。諸尊神宮。悉現於寶蓋中。又十方諸佛諸佛說法亦現於寶蓋中。

爾時一切大衆。睹佛神力歎未曾有。合掌禮佛瞻仰尊顏目不暫捨。於是長者子寶積即於佛前以偈頌曰。

目淨脩廣如青蓮
心淨已度諸禪定
久積淨業稱無量
導衆以寂故稽首。
既見大聖以神變
普現十方無量土
其中諸佛演說法
於是一切悉見聞。
法王法力超群生
常以法財施一切
能善分別諸法相
於第一義而不動。
已於諸法得自在
是故稽首此法王
說法不有亦不無

thiết vi sơn, đại hải giang hà, **xuyên** lưu tuyến nguyên, cập nhật nguyệt tinh thần, thiên cung long **cung**, như tôn thần cung, tất hiện ư bảo cái trung. Hợp thập phương chư Phật, chư Phật thuyết **pháp**, **điệ** hiện ư bảo cái trung.

Nhĩ thời, niết thiện **đại** chung, đồ Phật thần lực, thần vị tăng hựu. Hiệp chương 1. Phật, chiêm ngưỡng tôn nhân, mục bất tam xả. Ư thị, trưởng giả tử Bảo Tích, tức ư Phật tiền, dĩ kệ tụng viết:

Ác tịnh tu quảng như thanh liên,
Tâm tịnh dĩ độ chư thiên định,
Cửu tịch tịnh nghiệp xứng vô lượng,
Đạo chung dĩ tịch cố khổ thú.
Kỳ kiến đại thánh dĩ thần biến,
Phổ hiện thập phương vô lượng độ,
Kỳ trung chư Phật diễn thuyết pháp,
Ư thị nhất thiết tất kiến văn.
Pháp vương pháp lực siêu quần sinh,
Thường dĩ pháp tài thí nhất thiết,
Năng thiện phân biệt **chủ pháp** tương,
Ư độ nhất nghĩa nhi bất động,
Dĩ ư chư pháp đắc tự tại,
Thị cố khổ thú thư Pháp vương,
Thuyết pháp bất hữu diệt bất vô.

以因緣故諸法生。
無我無造無受者
善惡之業亦不亡
始在佛樹力降魔
得甘露滅覺道成。
已無心意無受行
而悉摧伏諸外道
三轉法輪於大千
其輪本來常清淨。
天人得道此為證
三寶於是現世間
以斯妙法濟群生
一受不退常寂然。
度老病死大醫王
當禮法海德無邊
毀譽不動如須彌
於善不善等以慈。
心行平等如虛空
孰聞人寶不敬承
今奉世尊此微蓋
於中現我三千界。

Dĩ nhân duyên cố chư pháp sinh.
Vô ngã, vô tạo, vô thọ giả,
Thiện ác chi nghiệp diệt bất vong.
Thủ tại Phật thọ lực hàng ma,
Đắc *cam-lộ* diệt, giác đạo thành.
Dĩ vô tâm ý, vô thọ hành,
Nhi tất tội phục chư ngoại đạo.
Tam Chuyển pháp luân ư đại thiên,
Kỳ luân bốn lai thường thanh tịnh,
Thiên nhân đắc đạo, thử vi chứng,
Tam bảo ư thị hiện thế gian.
Dĩ tư diệu pháp tế quần sinh,
Nhất thọ bất thối, thường tịch nhiên.
Độ lão, bệnh, tử đại y vương,
Đương lễ Pháp hải đức vô biên.
Hủy dự bất động như *Tu-di*,
Ư thiện, bất thiện đẳng dĩ từ,
Tâm hành bình đẳng như hư không,
Thục văn Nhân bảo, bất kính thừa?
Kim phụng Thế Tôn thử vi cái,
Ư trung hiện ngã tam thiên giới:

諸天龍神所居宮
乾闥婆等及夜叉
悉見世間諸所有
十力哀現是化變。
衆睹希有皆歎佛
今我稽首三界尊
大聖法王衆所歸
淨心觀佛靡不欣。
各見世尊在其前
斯則神力不共法
佛以一音演說法
衆生隨類各得解。
皆謂世尊同其語
斯則神力不共法
佛以一音演說法
衆生各各隨所解。
普得受行獲其利
斯則神力不共法
佛以一音演說法
或有恐畏或歡喜。
或生厭離或斷疑

Chư thiên, long, thần sở cư cung,
Càn-thát-bà đẳng cập *dạ-xoa*,
Tất kiến thế gian chư sở hữu.
Thập lực ai hiện thị hóa biến,
Chúng đồ hy hữu giai thán Phật.
Kim ngã khổ thủ Tam giới tôn,
Đại thánh pháp vương: chúng sở quy,
Tịnh tâm quan Phật, my bất hân?
Các kiến Thế Tôn tại kỳ tiền,
Tư tắc thần lực bất cộng pháp,
Phật dĩ nhất âm diễn thuyết pháp,
Chúng sinh tùy loại các đặc giải.
Giai vị: Thế Tôn đồng kỳ ngữ,
Tư tắc thần lực bất cộng pháp.
Phật dĩ nhất âm diễn thuyết pháp,
Chúng sinh các các tùy sở giải,
Phổ đặc thọ, hành, hoạch kỳ lợi,
Tư tắc thần lực bất cộng pháp.
Phật dĩ nhất âm diễn thuyết pháp,
Hoặc hữu khủng úy, hoặc hoan hỷ,
Hoặc sinh yếm ly, hoặc đoạn nghi,

斯則神力不共法
稽首十力大精進
稽首已得無所畏。
稽首住於不共法
稽首一切大導師
稽首能斷衆結縛
稽首已到於彼岸。
稽首能度諸世間
稽首永離生死道
悉知衆生來去相
善於諸法得解脫。
不著世間如蓮華
常善入於空寂行
達諸法相無罣礙
稽首如空無所依。

爾時長者子寶積。說此偈已白佛言。
世尊。是五百長者子。皆已發阿耨多羅三
藐三菩提心。願聞得佛國土清淨。唯願世
尊。說諸菩薩淨土之行。

佛言。善哉寶積。乃能為諸菩薩問於如
來淨土之行。諦聽諦聽。善思念之。當為
汝說。

Tư tắc thần lực bất cộng pháp.
Khể thủ thập lực đại tinh tấn.
Khể thủ dĩ đắc vô sở úy.
Khể thủ trụ ư bất cộng pháp.
Khể thủ nhất thiết đại Đạo sư.
Khể thủ năng đoạn chúng kết phược.
Khể thủ dĩ đáo ư bỉ ngạn.
Khể thủ năng độ chư thế gian.
Khể thủ vĩnh ly sinh tử đạo.
Tất tri chúng sinh lai khứ tướng,
Thiện ư chư pháp đắc giải thoát,
Bất trước thế gian, như liên hoa,
Thường thiện nhập ư không tịch hạnh,
Đạt chư pháp tướng, vô quái ngại,
Khể thủ như không vô sở y.

Nhĩ thời, trưởng giả tử Bảo Tích thuyết thử kệ dĩ, bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thị ngũ bá trưởng giả tử, giai dĩ phát *A-nậu-da-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, nguyện văn đắc Phật quốc độ thanh tịnh. Duy nguyện Thế Tôn thuyết chư *Bồ Tát* tịnh độ chi hạnh.

Phật ngôn: Thiện tai Bảo Tích! Nãi năng vị chư *Bồ Tát*, văn ư Như Lai tịnh độ chi hạnh. Đế thính, đế thính! Thiện tư niệm chi. Đương vị nhữ thuyết.

於是寶積及五百長者子。受教而聽。

佛言。寶積。衆生之類是菩薩佛土。所以者何。菩薩隨所化衆生而取佛土。隨所調伏衆生而取佛土。隨諸衆生應以何國入佛智慧而取佛土。隨諸衆生應以何國起菩薩根而取佛土。所以者何。菩薩取於淨國。皆為饒益諸衆生故。譬如有人欲於空地造立宮室隨意無礙。若於虛空終不能成。菩薩如是。為成就衆生故願取佛國。願取佛國者非於空也。

寶積。當知直心是菩薩淨土。菩薩成佛時不諂衆生來生其國。深心是菩薩淨土。菩薩成佛時具足功德衆生來生其國。菩提心是菩薩淨土。菩薩成佛時大乘衆生來生其國。布施是菩薩淨土。菩薩成佛時一切能捨衆生來生其國。持戒是菩薩淨土。菩薩成佛時行十善道滿願衆生來生其國。忍辱是菩薩淨土。菩薩成佛時三十二相莊嚴衆生來生其國。精進是菩薩淨土。菩薩成佛時勤修一切功德衆生來生其國。禪定是菩薩淨土。菩薩成佛時心不亂衆生來生

Ư thị, Bảo Tích cập ngũ bá trưởng giả tử thọ giáo nhi thính.

Phật ngôn: Bảo Tích! Chúng sinh chi loại thị *Bồ Tát* Phật độ. Sở dĩ giả hà? *Bồ Tát* tùy sở hóa chúng sinh nhi thù Phật độ. Tùy sở điều phục chúng sinh nhi thủ Phật độ. Tùy chư chúng sinh ưng dĩ hà quốc nhập Phật trí huệ, nhi thủ Phật độ. Tùy chư chúng sinh ưng dĩ hà quốc khởi *Bồ Tát* căn, nhi thủ Phật độ. Sở dĩ giả hà? *Bồ Tát* thu ư tịnh quốc, giai vị nhiều ích chư chúng sinh cố. Thí như hữu nhân dục ư không địa, tạo lập cung thất, tùy ý vô ngại. Nhược ư hư không, chung bất năng thành. *Bồ Tát* như thị, vị thành tựu chúng sinh cố nguyện thủ Phật quốc. Nguyện thủ Phật quốc giả, phi ư không dã.

Bảo Tích, đương tri trực tâm thị *Bồ Tát* tịnh độ, *Bồ Tát* thành Phật thời, bất siểm chúng sinh lai sinh kỳ quốc. Thâm tâm thị *Bồ Tát* tịnh độ, *Bồ Tát* thành Phật thời, cụ túc công đức chúng sinh lai sinh kỳ quốc. *Bồ-đề* tâm thị *Bồ Tát* tịnh độ, *Bồ Tát* thành Phật thời, Đại thừa chúng sinh lai sinh kỳ quốc. Bồ thí thị *Bồ Tát* tịnh độ, *Bồ Tát* thành Phật thời, nhất thiết năng xả chúng sinh lai sinh kỳ quốc. Trì giới thị *Bồ Tát* tịnh độ, *Bồ Tát* thành Phật thời, hành thập thiện đạo mãn nguyện chúng sinh lai sinh kỳ quốc. Nhẫn nhục thị *Bồ Tát* tịnh độ, *Bồ Tát* thành Phật thời, tam thập nhị tướng trang nghiêm chúng sinh lai sinh kỳ quốc. Tinh tấn thị *Bồ Tát* tịnh độ, *Bồ Tát* thành Phật thời, cần tu nhất thiết công đức chúng sinh lai sinh kỳ quốc. Thiền định thị *Bồ Tát* tịnh độ, *Bồ Tát* thành Phật thời, nhiếp tâm bất loạn chúng sinh lai sinh

其國。智慧是菩薩淨土。菩薩成佛時正定衆生來生其國。四無量心是菩薩淨土。菩薩成佛時成就慈悲喜捨衆生來生其國。四攝法是菩薩淨土。菩薩成佛時解脫所攝衆生來生其國。

方便是菩薩淨土。菩薩成佛時於一切法方便無礙衆生來生其國。三十七道品是菩薩淨土。菩薩成佛時念處正勤神足根力覺道衆生來生其國。迴向心是菩薩淨土。菩薩成佛時得一切具足功德國土。說除八難是菩薩淨土。菩薩成佛時國土無有三惡八難。自守戒行不譏彼闕是菩薩淨土。菩薩成佛時國土無有犯禁之名。十善是菩薩淨土。菩薩成佛時命不中夭。大富梵行所言誠諦。常以軟語眷屬不離。善和諍訟言必饒益。不嫉不恚正見衆生來生其國。

如是寶積。菩薩隨其直心則能發行。隨其發行則得深心。隨其深心。則意調伏。隨其調伏則如說行。隨如說行則能迴向。隨其迴向則有方便。隨其方便則成就衆

kỳ quốc. Trí huệ thị *Bồ Tát* tịnh độ, *Bồ Tát* thành Phật thời, chánh định chúng sinh lai sinh kỳ quốc. Tứ vô lượng tâm thị *Bồ Tát* tịnh độ, *Bồ Tát* thành Phật thời, thành tựu từ, bi, hỷ, xả chúng sinh lai sinh kỳ quốc. Tứ nhiếp pháp thị *Bồ Tát* tịnh độ, *Bồ Tát* thành Phật thời, giải thoát sở nhiếp chúng sinh lai sinh kỳ quốc.

Phương tiện thị *Bồ Tát* tịnh độ, *Bồ Tát* thành Phật thời, ư nhất thiết pháp phương tiện vô ngại chúng sinh lai sinh kỳ quốc. Tam thập thất đạo phẩm thị *Bồ Tát* tịnh độ, *Bồ Tát* thành Phật thời, niệm xứ, chánh cần, thần túc, căn, lực, giác, đạo chúng sinh lai sinh kỳ quốc. Hồi hướng tâm thị *Bồ Tát* tịnh độ, *Bồ Tát* thành Phật thời, đắc nhất thiết cụ túc công đức quốc độ. Thuyết trừ bát nạn thị *Bồ Tát* tịnh độ, *Bồ Tát* thành Phật thời, quốc độ vô hữu tam ác, bát nạn. Tự thủ giới hạnh, bất cơ bỉ khuyết, thị *Bồ Tát* tịnh độ, *Bồ Tát* thành Phật thời, quốc độ vô hữu phạm cấm chi danh. Thập thiện thị *Bồ Tát* tịnh độ, *Bồ Tát* thành Phật thời, mạng bất trúng yểu, đại phú, phạm hạnh, sở ngôn thành đế, thường dĩ nhuễn ngữ, quyến thuộc bất ly, thiện hòa tranh tụng, ngôn tất nhiều ích, bất tật, bất khuể chánh kiến chúng sinh lai sinh kỳ quốc.

Như thị, Bảo Tích! *Bồ Tát* tùy kỳ trực tâm, tắc năng phát hành. Tùy kỳ phát hành, tắc đắc thâm tâm. Tùy kỳ thâm tâm, tắc ý điều phục. Tùy kỳ điều phục, tắc như thuyết hành. Tùy như thuyết hành, tắc năng hồi hướng. Tùy kỳ hồi hướng, tắc hữu phương tiện. Tùy kỳ phương tiện, tắc thành tựu chúng sinh. Tùy thành tựu chúng

生。隨成就衆生則佛土淨。隨佛土淨則說法淨。隨說法淨則智慧淨。隨智慧淨則其心淨。隨其心淨則一切功德淨。

是故寶積。若菩薩欲得淨土當淨其心。隨其心淨則佛土淨。

爾時舍利弗。承佛威神作是念。若菩薩心淨則佛土淨者。我世尊本為菩薩時意豈不淨。而是佛土不淨若此。

佛知其念即告之言。於意云何。日月豈不淨耶。而盲者不見。

對曰。不也。世尊。是盲者過非日月咎。

舍利弗。衆生罪故不見如來國土嚴淨。非如來咎。

舍利弗。我此土淨而汝不見。

爾時螺髻梵王語舍利弗。勿作是念。謂此佛土以為不淨。所以者何。我見釋迦牟尼佛土清淨。譬如自在天宮。

舍利弗言。我見此土。丘陵坑坎荊棘沙礫。土石諸山穢惡充滿。

螺髻梵王言。仁者心有高下。不依佛慧。故見此土為不淨耳。

sinh, tắc Phật độ tịnh. Tùy Phật độ tịnh, tắc thuyết pháp tịnh. Tùy thuyết pháp tịnh, tắc trí huệ tịnh. Tùy trí huệ tịnh, tắc kỳ tâm tịnh. Tùy kỳ tâm tịnh, tắc nhất thiết công đức tịnh.

Thị cố Bảo Tích, nhược *Bồ Tát* dục đắc tịnh độ, đương tịnh kỳ tâm. Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh.

Nhĩ thời, *Xá-ly-phát*, thừa Phật oai thần, tác thị niệm: Nhược *Bồ Tát* tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh giả. Ngã Thế Tôn, bốn vi *Bồ Tát* thời, ý khởi bất tịnh, nhi thị Phật độ bất tịnh nhược thử?

Phật tri kỳ niệm, tức cáo chi ngôn: Ư ý vân hà? Nhật nguyệt khởi bất tịnh da, nhi minh giả bất kiến?

Đối viết: Phất dã, Thế Tôn! Thị minh giả quá, phi nhật nguyệt cửu.

Xá-ly-phát! Chúng sinh tội cố, bất kiến Như Lai quốc độ nghiêm tịnh, phi Như Lai cửu.

Xá-ly-phát! Ngã thử độ tịnh, nhi nhữ bất kiến.

Nhĩ thời, *Loa Kế Phạm* vương ngự *Xá-ly-phát*: Vật tác thị niệm, vị thử Phật độ dĩ vi bất tịnh. Sở dĩ giả hà? Ngã kiến *Thích-ca Mâu-ni* Phật độ thanh tịnh, thí như Tự tại thiên cung.

Xá-ly-phát ngôn: Ngã kiến thử độ, khuu lăng khanh khảm, kinh cực sa lịch, thổ thạch chư sơn, uế ác sung mãn.

Loa Kế Phạm vương ngôn: Nhân giả tâm hữu cao hạ, bất y Phật huệ. Cố kiến thử độ vi bất tịnh nhĩ.

舍利弗。菩薩於一切衆生悉皆平等。深心清淨。依佛智慧。則能見此佛土清淨。

於是佛以足指按地。即時三千大千世界若干百千珍寶嚴飾。譬如寶莊嚴佛無量功德寶莊嚴土。一切大衆歎未曾有。而皆自見坐寶蓮華。

佛告舍利弗。汝且觀是佛土嚴淨。

舍利弗言。唯然世尊。本所不見。本所不聞。今佛國土嚴淨悉現。

佛語舍利弗。我佛國土常淨若此。為欲度斯下劣人故示是衆惡不淨土耳。譬如諸天共寶器食隨其福德飯色有異。

如是舍利弗。若人心淨便見此土功德莊嚴。

當佛現此國土嚴淨之時。寶積所將五百長者子皆得無生法忍。八萬四千人皆發阿耨多羅三藐三菩提心。

佛攝神足。於是世界還復如故。求聲聞乘者三萬二千諸天及人。知有為法皆悉無常。遠塵離垢得法眼淨。八千比丘不受諸法漏盡意解。

Xá-ly-phát! Bồ Tát ư nhất thiết chúng sinh, tất giai bình đẳng, thâm tâm thanh tịnh, y Phật trí huệ, tắc năng kiến thử Phật độ thanh tịnh.

Ư thị, Phật dĩ túc chỉ án địa. Tức thời, tam thiên đại thiên thế giới, nhược can bá thiên trân bảo nghiêm sức, thí như Bảo Trang Nghiêm Phật vô lượng công đức bảo trang nghiêm độ. Nhất thiết đại chúng thán: Vị tăng hữu! Nhi giai tự kiến tọa bảo liên hoa.

Phật cáo *Xá-ly-phát*: Nhữ khả quan thị Phật độ nghiêm, tịnh?

Xá-ly-phát ngôn: Duy nhiên, Thế Tôn! Bốn sở bất kiến, bốn sở bất văn. Kim Phật quốc độ nghiêm tịnh tất hiện.

Phật cáo *Xá-ly-phát*: Ngã Phật quốc độ thường tịnh nhược thử. Vị dục độ tư hạ liệt nhân cố, thị thị chúng ác bất tịnh độ nhĩ. Thí như chư thiên, cộng bảo khí thực. Tùy kỳ phước đức, phạn sắc hữu dị.

Như thị, *Xá-ly-phát!* Nhược nhân tâm tịnh, tiện kiến thử độ công đức trang nghiêm.

Đương Phật hiện thử quốc độ nghiêm tịnh chi thời, Bảo Tích sở tương ngũ bá trưởng giả tử, giai đắc vô sinh pháp nhẫn. Bát vạn tứ thiên nhân, giai phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm.

Phật nhiếp thần túc. Ư thị, thế giới hoàn phục như cố. Cầu Thanh văn thừa giả, tam vạn nhị thiên chư thiên cập nhân, tri hữu vi pháp giai tất vô thường, viễn trần ly cấu, đắc pháp nhân tịnh. Bát thiên *tỳ-kheo* bất thọ chư pháp, lậu tận, ý giải.

KINH DUY-MA-CẬT⁽¹⁾

Cũng gọi là

KINH GIẢI THOÁT KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN

Hương tán

Lò hương vừa đốt,
Côi pháp nước xông,
Chư Phật hội lớn thấy đều nghe,
Tùy chỗ kết mây lành,
Lòng thành mới thấu,
Chư Phật hiện toàn thân.

Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát ma ha tát!

(Ba lần)

Tịnh khẩu nghiệp chân ngôn:

Án, tu rị, tu rị, ma ha tu rị, tu tu rị, tát bà ha.

(Ba lần)

Tịnh tam nghiệp chân ngôn:

Án ta phạ, bà phạ, thuật đà ta phạ, đạt ma ta phạ, bà phạ thuật độ hám.

(Ba lần)

Án Thổ Địa Chân Ngôn:

Nam mô tam mãn đà, một đà năm. Án độ rô, độ rô, địa vi, ta bà ha.

(Ba lần)

Phổ Cúng Đường Chân Ngôn:

Án nga nga nãg, tam bà phạ, phật nhựt ra hộc.

(Ba lần)

Khai Kinh Kệ

Pháp mầu sâu thẳm chẳng chi hơn,
Trăm ngàn muôn kiếp khó gặp được,
Nay con thấy, nghe, được thọ trì,
Nguyện giải Như Lai nghĩa chân thật.

Nam mô Bốn Sư *Thích-ca Mâu-ni* Phật

(Ba lần)

(1) Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh (Sanskrit: Vimalakīrtinirdeśa-sūtra) thường được gọi tắt là Duy-ma-cật kinh hoặc Duy-ma kinh. Ngày nay không còn nguyên bản Phạn ngữ (Sanskrit) mà chỉ còn lại các bản chữ Hán. Có nhiều bản dịch chữ Hán, trong đó ba bản thường được nhắc đến nhiều nhất là:

1. Phật thuyết Duy-ma-cật kinh (佛說維摩詰經), 2 quyển, do ngài Chi Khiêm dịch vào thời Tam quốc (223-253).
2. Duy-ma-cật sở thuyết kinh (維摩詰所說經) 3 quyển, do ngài Cưu-ma-la-thập (344 – 413) dịch vào năm 406, là bản dịch quan trọng nhất và được sử dụng nhiều nhất, chính là bản kinh này.
3. Thuyết vô cấu xưng kinh (說無垢稱經), 6 quyển, do ngài Huyền Trang (600 – 664) dịch vào năm 650. Cũng gọi theo nghĩa là Tịnh danh kinh.

Duy-ma-cật là tên vị bồ tát hiện thân cư sĩ trong kinh này, gọi đầy đủ là Duy-ma-la-cật (Sanskrit: Vimalakīrti), dịch nghĩa là Vô Cấu Xưng (無垢稱) trước đây cũng dịch là Tịnh Danh (淨名).

QUYỂN THƯỢNG

Phẩm thứ nhất

CÔI PHẬT

Tôi nghe như thế này: ⁽¹⁾ Một thuở nọ, đức Phật ngự tại thành *Tỳ-da-ly*, trong vườn cây *Am-la* với chúng đại *tỳ-kheo* là tám ngàn người, *Bồ Tát* là ba mươi hai ngàn vị mà ai ai cũng đều biết đến, đều đã thành tựu về đại trí và bốn hạnh. Oai thần mà chư Phật đã gây dựng được, chư *Bồ Tát* ấy nương vào đó mà hộ vệ thành trì đạo pháp. Các ngài thọ lãnh giữ gìn Chánh pháp, có thể thuyết pháp hùng hồn như tiếng sấm rỗng, danh tiếng các ngài bay khắp mười phương. Chẳng đợi sự thỉnh cầu giúp đỡ mà các ngài tự mang sự an ổn đến cho mọi người. Các ngài tiếp nối làm hưng thịnh Tam bảo,⁽²⁾ khiến cho lưu truyền chẳng dứt. Hàng phục ma oán, chế ngự các ngoại đạo, các ngài đã trở nên thanh tịnh, là hảnh các phiến nào che phủ quần quít, lòng hằng trụ yên

⁽¹⁾ Tôi nghe như thế này (*Như thị ngã văn*): là lời ngài A-nan thuật lại. Tất cả kinh Phật đều mở đầu bằng câu này, để chỉ rõ là do ngài A-nan, bậc đa văn đệ nhất, nghe chính từ kim khẩu của Phật thuyết ra và sau đó mới ghi chép lại.

⁽²⁾ Tam bảo: ba ngôi quý nhất ở thế gian, đó là: Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo.

nơi giải thoát vô ngại, niệm, định, tổng trì,⁽¹⁾ tài biện thuyết chẳng gián đoạn. Các ngài có đầy đủ những đức: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ và sức phương tiện. Các ngài đạt tới mức tự thấy mình không chứng đắc chi cả, chẳng cần khởi lòng nhẫn nhịn đối với mọi sự việc mà biết tùy thuận căn cơ của chúng sinh để quay bánh xe Pháp chẳng thôi lui.⁽²⁾ Các ngài biết rõ tướng trạng các pháp, hiểu được căn tánh chúng sinh. Các ngài bao trùm khắp đại chúng, đạt đến chỗ an ổn không sợ sệt. Các ngài tu tâm mình bằng công đức trí huệ. Những tướng chánh quý và những tướng phụ tốt tô điểm thân thể, làm cho dung sắc hình tượng các ngài đẹp đẽ bậc nhất. Các ngài che chở mọi món trang sức tốt đẹp của thế gian. Danh tiếng của các ngài rất cao xa, vượt khỏi núi *Tu-di*. Đức tin của các ngài sâu vững như kim cương. Chánh pháp quý giá của các ngài soi sáng khắp nơi và tuôn xuống như mưa *cam-lộ*.⁽³⁾ Tiếng nói của các ngài vi diệu đệ nhất. Các ngài thấu nhập sâu xa tới chỗ phát khởi của nhân duyên, chặt đứt các ý kiến tà vạy và ý kiến thiên lệch về hai bên, chẳng nghiêng về chấp có hoặc chấp không. Các ngài không còn những thói quen xấu. Các ngài diễn giảng pháp giáo một cách hùng hồn không sợ sệt, dường như tiếng sư tử rống. Tiếng giảng

(1) Tổng trì (總持): nghĩa là “thâu nhiếp hết tất cả”, dịch chữ dhāraṇī trong tiếng Sanskrit, phiên âm là *đà-la-ni*.

(2) Có tài nương theo chỉ hướng của người nghe mà thuyết pháp, đưa họ lên đường tấn hóa đạo đức.

(3) Cam-lộ (Sanskrit: Amṛta) phiên âm là *A-mật-ri-đa*, chất nước ngon ngọt, uống vào được sống lâu, rưới trên mình thì trừ hết bệnh tật.

thuyết của các ngài vang dội như sấm dậy, không thể đo lường, quá số đo lường. Những điều quý giá mà các ngài thân góp được trong Chánh pháp nhiều như châu báu mà một vị hải đạo sư ⁽¹⁾ tìm được ở biển cả. Các ngài thấu rõ nghĩa lý sâu xa huyền diệu của các pháp. Các ngài biết rành chỗ đã qua và chỗ sẽ đến của chúng sinh, cùng mọi manh động trong tâm ý của họ. Các ngài gần tới mức huệ tự tại của Phật mà không ai sánh bằng. Huệ ấy bao gồm những đức như: mười trí lực, lòng chẳng sợ, mười tám món công đức vượt trên hàng nhị thừa.⁽²⁾ Các ngài đã đóng kín hết các đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, nhưng tự mình thị hiện sinh sống trong năm đường: cõi trời, cõi người, địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh. Làm bậc đại y vương, các ngài trị lành các thứ bệnh. Tùy bệnh mà cho thuốc, các ngài khiến người ta được lành mạnh. Các ngài đều thành tựu vô lượng công đức. Vô lượng cõi

(1) Hải đạo sư: vị chủ thuyền cầm đầu một số người đi ra biển cả để tìm châu báu, ngọc quý.

(2) Thập bát bất cộng pháp (十八不共法 – Sanskrit: aṣṭādaśa āveṇikā buddha-dharmāḥ): Mười tám pháp bất cộng, vượt cao hơn các quả vị Tiểu thừa và Duyên giác thừa, duy chỉ có hàng Bồ Tát Đại thừa mới đạt đến, cũng gọi là Thập bát bất cụ pháp, bao gồm:

1. Thân vô thất (Thân không lỗi)
2. Khẩu vô thất (Miệng không lỗi)
3. Niệm vô thất (Ý tưởng không lỗi)
4. Vô dị tưởng (Không có ý tưởng xen tạp)
5. Vô bất định tâm (Không có tâm xao động)
6. Vô bất tri di xả (Chẳng phải không biết chuyện đã bỏ).
7. Dục vô diệt (Sự dục không diệt)
8. Tinh tấn vô diệt (Sự tinh tấn không diệt)
9. Niệm vô diệt (Ý tưởng không diệt)

Phật đều được các ngài làm cho trang nghiêm, thanh tịnh. Những ai nghe biết đến các ngài, thấy đều được lợi ích. Những việc mà các ngài làm đều mang lại lợi lạc cho chúng sinh. Tất cả những công đức như vậy, các ngài đều có đầy đủ.

Danh hiệu của các ngài là: *Bồ Tát Đẳng Quan, Bồ Tát Bất Đẳng Quan, Bồ Tát Đẳng Bất Đẳng Quan, Bồ Tát Định Tự Tại Vương, Bồ Tát Pháp Tự Tại Vương, Bồ Tát Pháp Tướng, Bồ Tát Quang Tướng, Bồ Tát Quang Nghiêm, Bồ Tát Đại Nghiêm, Bồ Tát Bảo Tích, Bồ Tát Biện Tích, Bồ Tát Bảo Thủ, Bồ Tát Bảo Ấn Thủ, Bồ Tát Thường Cử Thủ, Bồ Tát Thường Hạ Thủ, Bồ Tát Thường Thâm, Bồ Tát Hỷ Căn, Bồ Tát Hỷ Vương, Bồ Tát Biện Âm, Bồ Tát Hư Không Tạng, Bồ Tát Chấp Bảo Cự, Bồ Tát Bảo Dũng, Bồ Tát Bảo Kiến, Bồ Tát Đế Võng, Bồ Tát Minh Võng, Bồ Tát Vô Duyên Quan, Bồ Tát Huệ Tích, Bồ Tát Bảo Thắng, Bồ Tát Thiên Vương, Bồ Tát Hoại Ma,*

-
10. Huệ vô diệt (Trí huệ không diệt)
 11. Giải vô diệt (Giải thoát không diệt)
 12. Giải thoát tri kiến vô diệt (Giải thoát tri kiến không diệt)
 13. Nhất thiết thân nghiệp tùy trí huệ hành (Hết thân nghiệp của thân tùy theo trí huệ mà thi hành).
 14. Nhất thiết khẩu nghiệp tùy trí huệ hành (Hết thân nghiệp của miệng tùy theo trí huệ mà thi hành).
 15. Nhất thiết ý nghiệp tùy trí huệ hành (Hết thân nghiệp của ý tùy theo trí huệ mà thi hành).
 16. Trí huệ tri quá khứ thế vô ngại (Trí huệ biết đời quá khứ không ngại.)
 17. Trí huệ tri vị lai thế vô ngại (Trí huệ biết đời vị lai không ngại.)
 18. Trí huệ tri hiện tại thế vô ngại (Trí huệ biết đời hiện tại không ngại.)

Bồ Tát Điện Đức, Bồ Tát Tự Tại Vương, Bồ Tát Công Đức Tướng Nghiêm, Bồ Tát Sư Tử Hống, Bồ Tát Lôi Âm, Bồ Tát Sơn Tướng Kịch Âm, Bồ Tát Hương Tượng, Bồ Tát Bạch Hương Tượng, Bồ Tát Thường Tinh Tấn, Bồ Tát Bất Hưu Túc, Bồ Tát Diệu Sinh, Bồ Tát Hoa Nghiêm, Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Đắc Đại Thế, Bồ Tát Phạm Vong, Bồ Tát Bảo Trượng, Bồ Tát Vô Thắng, Bồ Tát Nghiêm Độ, Bồ Tát Kim Kế, Bồ Tát Châu Kế, Bồ Tát Di-lặc, Bồ Tát Pháp vương tử Văn-thù Sư-ly... Những *Bồ Tát* như vậy là ba mươi hai ngàn vị.

Lại có mười nghìn Phạm Thiên Vương, như *Phạm vương Thi Khí...*, từ các cõi Tứ thiên hạ⁽¹⁾ khác đến nơi Phật ngự để nghe pháp. Lại có một mười hai ngàn vị thiên đế, cũng từ các cõi Tứ thiên hạ khác đến dự pháp hội. Cũng có cả chư thiên oai đức lớn, long thần, *dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già*, thấy đều đến ngồi nơi pháp hội. Chư *tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di*⁽²⁾ cũng về ngồi trong pháp hội.

Lúc ấy, Phật vì đại chúng vô lượng trăm ngàn người cung kính bao quanh mà thuyết pháp, như núi chúa *Tu-*

(1) Tứ Thiên hạ: Một thế giới có bốn châu, gọi là một Tứ thiên hạ. Cũng gọi là Tứ châu. Bốn cõi ở bốn phương của thế giới này:

1. Phất-bà-đề tại phương Đông.

2. Cổ-da-ni tại phương Tây.

3. Diêm-phù-đề tại phương Nam.

4. Câu-lư-châu tại phương Bắc. Diêm-phù-đề là một cõi trong Bốn cõi thiên hạ.

(2) Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di: Còn gọi là Tứ bộ chúng, tức là bốn hàng đệ tử của Phật. Tỳ-kheo là nam giới xuất gia, thọ đủ giới.

đi hiện rõ trên biển cả, Ngài ngồi yên trên tòa sư tử nghiêm sức bởi các báu, che mờ tất cả đại chúng đến dự pháp hội.

Lúc bấy giờ, trong thành *Tỳ-da-ly* có một chàng con nhà trưởng giả, tên là Bảo Tích, cùng năm trăm chàng con nhà trưởng giả khác, thấy đều cầm những lọng bảy báu, đến nơi Phật ngự, đầu và mặt làm lễ sát chân Phật. Mỗi chàng đều đem lọng của mình mà cúng dường Phật. Oai thần của Phật khiến cho các lọng báu hiệp thành một cái lọng duy nhất, che trùm cả thế giới tam thiên đại thiên.⁽¹⁾ Trọn tướng rộng dài của thế giới này đều hiện đủ trong cái lọng ấy. Lại nữa, các núi *Tu-di*, *Tuyết sơn*, *Mục-chân-lân-đà*, *Ma-ha Mục-chân-lân-đà*, *Hương sơn*, *Hắc sơn*, *Thiết vi*, *Đại thiết vi*, cùng với biển cả, sông cái, sông con, rạch, suối, nguồn, cùng mặt trời, mặt trăng, các tinh tú, thiên cung, long cung, cung điện của các tôn thần thuộc thế giới tam thiên đại thiên này thấy đều hiện ra trong lọng báu ấy. Lại nữa, chư Phật mười phương, chư Phật đang thuyết pháp cũng hiện ra trong lọng báu ấy.

Lúc ấy, tất cả đại chúng thấy sức thần của Phật, đều khen là chưa từng có. Cùng nhau chấp tay lễ Phật, chiêm ngưỡng vẻ mặt của Phật, mắt chẳng xao lãng. Chàng Bảo Tích, con nhà trưởng giả, liền đối trước Phật tụng kệ rằng:

Tỳ kheo ni là nữ giới xuất gia, thọ đủ giới. Ưu-bà-tắc hay cư sĩ nam là nam giới tu tại gia. Ưu-bà-di hay cư sĩ nữ là nữ giới tu tại gia.

(1) Tam thiên đại thiên: Một cõi thế giới lớn, hiệp bởi 1.000.000.000 quả địa cầu.

Mất trong, dài, rộng như sen xanh,
Lòng sạch qua khỏi các thiền định,
Tịnh nghiệp chứa lâu, lường không xiết,
Dùng tịch dất chúng, đáng đánh lễ!

Đã thấy Đại thánh dùng Thần biến,
Hiện vô lượng cõi khắp mười phương,
Chư Phật thuyết pháp các cõi ấy,
Ở đây ai nấy đều nghe thấy.

Pháp lực Pháp vương vượt quần sinh,
Thường đem của pháp thí tất cả,
Có tài phân biệt tướng các pháp,
Đối Đệ nhất nghĩa, chẳng động chuyển.
Đối với các pháp được tự tại,
Cho nên đánh lễ Pháp vương này.

Nói pháp chẳng có cũng chẳng không,
Các pháp do nhân duyên mà sinh.
Không ta, không tạo, không người thọ,
Nghiệp lành, nghiệp dữ cũng chẳng mất.
Trước dẹp ma tại cõi *Bồ-đề*,
Đắc Diệt *cam-lộ*, thành giác đạo.

Đã không tâm ý, không thọ hành,
Mà tôi phục hết các ngoại đạo.
Ba Chuyển pháp luân ở đại thiên,⁽¹⁾
Pháp ấy xưa nay thường trong sạch:

Trời, người đắc đạo, đó là chứng,
Tam bảo lúc ấy hiện thế gian.
Đem diệu pháp ấy cứu quần sinh,
Thọ rồi, chẳng thối, thường tịch nhiên,

Đại y vương⁽²⁾ độ lão, bệnh, tử,
Nên lễ Pháp hải đức vô biên.⁽³⁾
Chê, khen chẳng động, như *Tu-di*,
Người lành, kẻ dữ, Phật thương đều,

(1) Ba Chuyển pháp luân ở đại thiên (Tam Chuyển pháp luân ở đại thiên): Đức Phật Thích-ca thành đạo rồi, ngài vào Vườn Lộc gần thành Ba-la-nại thuyết pháp lần đầu, gọi là Chuyển pháp luân (quay bánh xe pháp), thuyết pháp Tứ diệu đế bằng ba cách: Thị, Khuyến, Chứng, gọi là Tam chuyển pháp luân.

1. Thị chuyển: Đây là khổ, đây là tập, đây là diệt, đây là đạo. Ngài chỉ rõ bốn tướng của Bốn đế.

2. Khuyến chuyển: Nên biết lẽ khổ, nên dứt lẽ tập (nguyên nhân của khổ), nên chứng lẽ diệt, nên tu lẽ đạo. Tức là Phật khuyến tu hành Bốn đế.

3. Chứng chuyển: Ta đã biết lẽ khổ, ta đã dứt lẽ tập, ta đã chứng lẽ diệt, ta đã tu lẽ đạo. Phật xác nhận rằng ngài thành đạo nhờ hiểu thấu và thực hành Bốn đế.

(2) Đại y vương: Vua thầy thuốc lớn, tiếng để tôn xưng Phật.

(3) Pháp hải đức vô biên: Biển pháp đức hạnh không bờ bến, tiếng để tôn xưng Phật.

Lòng hành bình đẳng như hư không,
Ai nghe Nhân bảo⁽¹⁾ chẳng kính vâng?
Nay hiến Thế Tôn lọng báu này,
Cõi thế giới ta hiện trong ấy:
Cung điện các vị trời, rồng, thần,
Càn-thát-bà với cung *dạ-xoa*,
Mọi vật thế gian thấy trong đó.

Thập lực⁽²⁾ phương tiện biến hóa ấy,
Thấy việc ít có, chúng khen Phật.
Nay ta đành lễ Tam giới tôn,
Đại thánh Pháp vương: chỗ chúng theo,
Tâm tịnh nhìn Phật, ai chẳng vui?

(1) Nhân bảo: Ngôi báu, của quý trong loài người, tiếng để tôn xưng Phật.

(2) Thập lực (十力, Sanskrit: daśabala, Pāli: dasabala): Đức Phật có đủ mười Trí lực, nên xưng ngài là Thập lực. Mười Trí lực của Phật là:

1. Trí thị xứ phi xứ trí lực (知是處非處智力, Sanskrit: sthānāsthānājñāna, Pāli: thānāthāna-ññāṇa): Biết rõ tính khả thi và tính bất khả thi trong mọi trường hợp.
2. Trí tam thế nghiệp báo trí lực (知三世業報智力, Sanskrit: karmavipākajñāna, Pāli: kammavipāka-ññāṇa): Biết rõ luật nhân quả (hay nghiệp quả), tức là nhân nào tạo thành quả nào.
3. Trí nhất thiết sở đạo trí lực (知一切所道智力, Sanskrit: sarva-tragāmīṇīpratipaj-jñāna, Pāli: sabbattha-gāminī-paṭipadāññāṇa): Biết rõ các nguyên nhân dẫn đến tái sinh về các cảnh giới khác nhau.
4. Trí chủng chủng giới trí lực (智種種界智力, Sanskrit: anekadhātu-nānādhātujñāna, Pāli: anekadhātu-nānādhātu-ññāṇa): Biết rõ các thế giới với những yếu tố hình thành.

Thầy thấy Thế Tôn trước mặt mình,
Thần lực của Ngài chẳng ai bằng.
Thuyết pháp, Phật dùng một thứ tiếng,
Chúng sinh loài nào cũng hiểu được,

Họ bảo: Thế Tôn nói tiếng mình,
Như vậy, thần lực chẳng ai bằng.
Thuyết pháp, Phật dùng một thứ tiếng,
Chúng sinh ai nấy tùy chỗ hiểu,

Thầy được thọ, hành, thấu lợi ích,
Như vậy, thần lực chẳng ai bằng.

-
5. Trí chủng chủng giải trí lực (知種種解智力, Sanskrit: nānā-dhimukti-jñāna, Pāli: nānādhimuttikatāñña): Biết rõ cá tính của mỗi chúng sinh.
 6. Trí nhất thiết chúng sinh tâm tính trí lực (知一切眾生心性智力, Sanskrit: indriyapārapara-jñāna, Pāli: indriyaparopariyatta-ñña): Biết rõ căn cơ học đạo cao thấp của mỗi chúng sinh.
 7. Trí chư thiền giải thoát tam-muội trí lực (知諸禪解脫三昧智力, Sanskrit: sarvadhyaṇa-vimokṣa-jñāna, Pāli: jhāna-vimokkha-ñña): Biết rõ tất cả các phương thức thiền định.
 8. Trí túc mệnh vô lậu trí lực (知宿命無漏智力, Sanskrit: pūrvanivāsānusmṛti-jñāna, Pāli: pubbennivāsānussati-ñña): Biết rõ các tiền kiếp của chính mình.
 9. Trí thiên nhãn vô ngại trí lực (知天眼無礙智力, Sanskrit: cyutyupapādajñāna, Pāli: cutūpapāta-ñña): Biết rõ sự hoại diệt và tái sinh của chúng sinh.
 10. Trí vĩnh đoạn tập khí trí lực (知永斷習氣智力, Sanskrit: āśrava-kṣaya-jñāna, Pāli: āsavakkhaya-ñña): Biết các pháp ô nhiễm (Sanskrit: āśrava) sẽ chấm dứt như thế nào.

Các trí lực thứ 8, thứ 9 và thứ 10 cũng chính là Tam minh của Phật.

Thuyết pháp, Phật dùng một thứ tiếng,
Kể nghe sợ sệt hoặc vui vẻ,
Hoặc sinh chán lìa, hoặc dứt nghi,
Như vậy, Thần lực chẳng ai bằng.

Đảnh lễ Thập lực đại tinh tấn.
Đảnh lễ Bạc đặc không sợ sệt.

Đảnh lễ Bạc trụ Bất cộng pháp.
Đảnh lễ Thầy lớn đất tất cả.
Đảnh lễ Bạc dứt các trói buộc.
Đảnh lễ Bạc tới bờ bên kia.

Đảnh lễ Bạc độ các thế gian.
Đảnh lễ Bạc lìa đường sinh tử.
Biết rõ tướng lai khứ chúng sinh,
Hiểu rành các pháp được giải thoát,

Chẳng nhiễm thế gian, như hoa sen,
Thường khéo vào nơi hạnh không tịch,
Thấu các tướng pháp, không trở ngại,
Đảnh lễ Như Không, chẳng dựa dẫu.

Lúc ấy, chàng Bảo Tích tụng những câu kệ ấy rồi,
bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Năm trăm chàng con
nhà trưởng giả đây, thấy đều đã phát tâm A-nậu-đa-la

Tam-miêu Tam-bồ-đề,⁽¹⁾ nay muốn nghe việc được quốc độ thanh tịnh của Phật. Xin đức Thế Tôn giảng thuyết các hạnh tịnh độ của chư *Bồ Tát*.”

Phật phán: “Lành thay, Bảo Tích! Người đã vì chư *Bồ Tát* hỏi Như Lai về hạnh tịnh độ. Hãy lắng nghe, lắng nghe! Hãy suy nghĩ cho kỹ. Ta sẽ vì người mà giảng thuyết.”

Lúc ấy, Bảo Tích và năm trăm chàng con nhà trưởng giả vâng lời dạy ngồi nghe.

Phật dạy Bảo Tích rằng: “Các loài chúng sinh là cõi Phật của *Bồ Tát*. Tại sao vậy? *Bồ Tát* tùy theo chỗ giáo hóa chúng sinh mà giữ lấy cõi Phật. Tùy theo chỗ điều phục chúng sinh mà giữ lấy cõi Phật. Tùy các chúng sinh muốn dùng cõi nước nào để vào trí huệ Phật mà giữ lấy cõi Phật. Tùy các chúng sinh muốn dùng cõi nước nào để phát khởi căn *Bồ Tát* mà giữ lấy cõi Phật. Tại sao vậy? *Bồ Tát* giữ lấy cõi nước thanh tịnh là vì muốn làm lợi ích cho chúng sinh. Tỷ như người ta muốn tạo lập cung điện nhà cửa trên đất trống thì tùy ý mà tạo lập, không chi trở ngại. Nhưng nếu muốn xây cất nơi hư không thì không thể được. *Bồ Tát* cũng vậy, vì muốn giúp cho chúng sinh được thành tựu, cho nên nguyện giữ lấy cõi Phật. Việc nguyện giữ lấy cõi Phật đó, chẳng phải là việc xây cất nơi hư không.

(1) Phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề; phát nguyện thành Phật, nguyện tu tập hạnh Bồ Tát, hồi hướng về quả vị Phật.

Bảo Tích! Nên biết rằng: *Tâm ngay thẳng* là cõi nước thanh tịnh của *Bồ Tát*, khi *Bồ Tát* thành Phật, những chúng sinh chẳng nịnh bợ sinh về nước ấy. *Tâm sâu vững* là cõi nước thanh tịnh của *Bồ Tát*, khi *Bồ Tát* thành Phật, những chúng sinh đầy đủ công đức sinh về nước ấy. *Tâm bồ-đề* là cõi nước thanh tịnh của *Bồ Tát*, khi *Bồ Tát* thành Phật, những chúng sinh Đại thừa sinh về nước ấy. *Bố thí* là cõi nước thanh tịnh của *Bồ Tát*, khi *Bồ Tát* thành Phật, những chúng sinh có thể bỏ tất cả sinh về nước ấy. *Trì giới* là cõi nước thanh tịnh của *Bồ Tát*, khi *Bồ Tát* thành Phật, những chúng sinh làm mười việc lành⁽¹⁾ tròn nguyện sinh về nước ấy. *Nhẫn nhục* là cõi nước thanh tịnh của *Bồ Tát*, khi *Bồ Tát* thành Phật, chúng sinh được

⁽¹⁾ Thập thiện đạo hay Thập thiện là mười việc thiện được thực hiện qua thân (3 việc), miệng (4 việc) và ý (3 việc). Bao gồm:

1. Bất sát sinh (不殺生, Sanskrit: pāṇātipātā paṭivirati): Không sát hại, phải tha thứ, phóng sinh.
2. Bất trộm cắp (不偷盜, Sanskrit: adattādānādvirati): Không trộm cắp, phải thường làm việc bố thí.
3. Bất tà dâm (不邪淫, Sanskrit: kāmamithyācārādvirati): Không tà dâm, phải chung thủy trong cuộc sống một vợ một chồng.
4. Bất vọng ngữ (不妄語, Sanskrit: mṛṣāvādādvirati): Không nói xằng, nói bậy, phải nói lời chân thật.
5. Bất lưỡng thiệt (不兩舌, Sanskrit: paisunyādvirati): Không nói hai lưỡi, nói theo cách dòn xóc hai đầu, phải nói lời cương trực, chân chánh.
6. Bất ác khẩu (不惡口, Sanskrit: pāruseyādvirati): Không nói xấu người, phải nói lời hòa giải, hàn gắn.
7. Bất ỷ ngữ (不綺語, Sanskrit: saṃbhinnaṃpralāpādvirati): Không dùng lời thiếu dè dặt không đầu, phải nói lời có ích, có nghĩa lý.

trang nghiêm bởi ba mươi hai tướng tốt sinh về nước ấy. *Tịnh tấn* là cõi nước thanh tịnh của *Bồ Tát*, khi *Bồ Tát* thành Phật, những chúng sinh siêng tu tất cả công đức sinh về nước ấy. *Thiên định* là cõi nước thanh tịnh của *Bồ Tát*, khi *Bồ Tát* thành Phật, những chúng sinh giữ tâm chẳng loạn sinh về nước ấy. *Trí huệ* là cõi nước thanh tịnh của *Bồ Tát*, khi *Bồ Tát* thành Phật, những chúng sinh chánh định sinh về nước ấy. *Bốn tâm vô lượng* là cõi nước thanh tịnh của *Bồ Tát*, khi *Bồ Tát* thành Phật, những chúng sinh thành tựu các đức từ, bi, hỷ, xả sinh về nước ấy. *Bốn pháp thâm nhiếp*⁽¹⁾ là cõi nước thanh tịnh của

8. Bất tham dục (不貪欲, Sanskrit: abhidhyāyāhprativirati): Không tham lam, phải hiểu rằng mọi vật là chẳng thật, bất tịnh, vô thường.

9. Bất thân khuể (不憚患, Sanskrit: vyāpādātpativirati): Không giận dữ, phải từ bi nhẫn nhục.

10. Bất tà kiến (不邪見, Sanskrit: mithyādr̥ṣṭi-prativirati): Không ôm ấp những ý niệm, kiến giải sai lầm, phải sáng suốt chánh kiến.

⁽¹⁾ Bốn pháp thâm nhiếp (Tứ nhiếp pháp - 四攝法 Sanskrit: catvāri-saṃgrahavastūni): bốn phương cách mà một vị Bồ Tát dùng để nhiếp phục chúng sinh:

1. Bố thí nhiếp (布施攝, Sanskrit: dāna), nghĩa là dùng việc bố thí để nhiếp phục người.

2. Ái ngữ nhiếp (愛語攝, Sanskrit: priyavādītā), nghĩa là dùng lời hay, đẹp để nhiếp phục người.

3. Lợi hành nhiếp (利行攝, Sanskrit: arthacaryā), nghĩa là dùng hành động vị tha, có lợi cho người khác để nhiếp phục họ.

4. Đồng sự nhiếp (同事攝, Sanskrit: samānārthatā), nghĩa là cùng hòa nhập, chung cùng với chúng sinh, người thiện cũng như người ác, để hướng dẫn họ đến bờ chỗ giác ngộ.

Kinh Duy-ma-cật

Bồ Tát, khi *Bồ Tát* thành Phật, những chúng sinh thoát khỏi chỗ nắm giữ sinh về nước ấy. *Phương tiện* là cõi nước thanh tịnh của *Bồ Tát*, khi *Bồ Tát* thành Phật, những chúng sinh đối với tất cả các pháp tùy nghi vô ngại sinh về nước ấy. *Ba mươi bảy phẩm trợ đạo*⁽¹⁾ là cõi nước thanh tịnh của *Bồ Tát*, khi *Bồ Tát* thành Phật, những chúng sinh có *Bốn niệm xứ*,⁽²⁾ *Bốn chánh cần*,⁽³⁾ *Bốn thần túc*,⁽⁴⁾ *Năm căn*,⁽⁵⁾ *Năm*

(1) Ba mươi bảy phẩm trợ đạo: (Tam thập thất trợ đạo phẩm, 三十七助道品 Sanskrit: saptatrimṣaḍbodhipākṣika-dharma) Gồm cả thầy 37 pháp, chia làm 7 nhóm:

1. Bốn niệm xứ (四念處, Tứ niệm xứ, Sanskrit: catuḥsmṛtyu-pasthāna).
2. Bốn tinh tiến (四正勤, Tứ chính cần, Sanskrit: samyak-prahānāni).
3. Bốn Như ý túc (四如意足, Tứ như ý túc, Sanskrit: ṛddhipāda),
4. Năm căn (五根, Ngũ căn, Sanskrit: pañcendriya).
5. Năm lực (無力, Ngũ lực, Sanskrit, Pāli: pañcabala).
6. Bảy giác chi (七覺支, Thất giác chi, Sanskrit: sapta-bodhyaṅga).
7. Bát chính đạo (八正道, Sanskrit: aṣṭāṅgika-mārga).

Tổng cộng là 37 pháp, sẽ được lần lượt trình bày chi tiết trong các chú giải tiếp theo đây.

(2) Bốn niệm xứ (四念處, Tứ niệm xứ, Sanskrit: catuḥsmṛtyupasthāna), bốn đối tượng được nhớ đến, hay bốn phép quán tưởng, gồm có:

1. Quán thân bất tịnh (Thân niệm xứ): Quán thân bao gồm sự tỉnh giác trong hơi thở, thở ra, thở vào, cũng như tỉnh giác trong bốn sự vận động cơ bản của thân là đi, đứng, nằm, ngồi. Tỉnh giác trong mọi hoạt động của thân thể, quán sát các phần thân thể, các yếu tố tạo thành thân cũng như quán tử thi.
2. Quán thọ thị khổ (Thọ niệm xứ): Quán thọ là nhận biết rõ những cảm giác, cảm xúc phát khởi trong tâm, biết chúng là dễ chịu, khó chịu hay trung tính, nhận biết chúng là thế gian hay xuất thế gian, biết tính vô thường của chúng.

3. Quán tâm vô thường (Tâm niệm xứ): Quán tâm là chú ý đến các tâm pháp (ý nghĩ) đang hiện hành, biết nó là tham hay không có tham, sân hay không có sân, hoặc si hay không có si.
 4. Quán pháp vô ngã (Pháp niệm xứ): Quán pháp là biết rõ mọi pháp đều phụ thuộc lẫn nhau, đều vô ngã, biết rõ Năm chướng ngại có hiện hành hay không, biết rõ con người chỉ là Năm uẩn đang tụ họp, biết rõ gốc hiện hành của các pháp và hiểu rõ Bốn chân lý (Tứ diệu đế).
- (3) Tứ chánh cần (四正勤, Sanskrit: samyak-prahāṇāni, Pāli: sammā-padhāṇa): bốn phương pháp tinh tấn chuyên cần để loại trừ các pháp bất thiện. Bốn pháp tinh cần ấy là:
1. Tinh tấn trong việc ngăn ngừa, tránh làm các điều ác từ lúc còn chưa sinh khởi (Sanskrit: anutpannapāpakākuśaladharma).
 2. Tinh tấn trong việc từ bỏ, vượt qua những điều ác đã sinh khởi (Sanskrit: utpanna-pāpakākuśala-dharma).
 3. Tinh tấn phát triển các điều thiện đã có (Sanskrit: utpannakusāla-dharma).
 4. Tinh tấn làm cho các điều thiện phát sinh (Sanskrit: anutpannakusāla-dharma).
- Bốn pháp tinh cần này cũng chính là Chánh tinh tấn trong Bát chánh đạo.
- (4) Bốn thần túc (Tứ thần túc), hay còn được gọi là Tứ như ý túc (四如意足, Sanskrit: catvāra rddhipādāḥ). Bao gồm:
1. Dục như ý túc (Sanskrit: chanda): tập trung vào ý chí mạnh mẽ.
 2. Tinh tấn như ý túc (Sanskrit: vīrya): tập trung vào nghị lực.
 3. Tâm như ý túc (Sanskrit: citta): sự chú tâm.
 4. Trạch pháp như ý túc (Sanskrit: mīmāṃsā): chú tâm vào sự tra tìm.
- (5) Năm căn (Ngũ căn, 五根 Sanskrit: pañca-indriya): Năm pháp căn bản làm nảy sinh các thiện pháp khác, nên còn gọi là Năm căn lành:
1. Tín căn (信根): sự tin tưởng vào Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng) và Bốn chân lý (Tứ diệu đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo).
 2. Tinh tấn căn (精進根), hay Căn cần, là sự dùng mãnh tinh tấn trong việc tu tập các thiện pháp.
 3. Niệm căn (念根), lòng nghĩ nhớ, niệm tưởng đến Chánh pháp.
 4. Định căn (定根), nhiếp giữ tâm định mà không mất.
 5. Huệ căn (慧根), trí huệ suy xét, hiểu rõ được chân lý.

sức,⁽¹⁾ Bảy thánh giác,⁽²⁾ Tám chánh đạo⁽³⁾ sinh về nước ấy. Tâm hồi hướng là cõi nước thanh tịnh của Bồ Tát, khi Bồ Tát thành Phật, ngay được quốc độ đầy đủ tất cả công đức. Thuyết trừ tám nạn là cõi nước thanh tịnh của Bồ

(1) Năm sức (Ngũ lực), bao gồm:

1. Tín lực (信力, Sanskrit: śraddhābala): có đức tin mạnh mẽ vào Chánh pháp, từ bỏ những sự tin tưởng sai lầm.
2. Tinh tấn lực (精進力, Sanskrit: vīryabala): năng lực tu trì Bốn tinh tấn, hay Bốn chánh căn (Sanskrit: sayak-prahanani) để diệt trừ bất thiện pháp.
3. Niệm lực (念力, Sanskrit: smṛtibala): sức mạnh do sự hành trì Bốn niệm xứ mang lại, có thể phá được các tà niệm.
4. Định lực (定力, Sanskrit: samādhibala): sức mạnh do thiền định (Sanskrit: dhyāna) mang lại, loại bỏ được mọi tham ái.
5. Huệ lực (慧力, Sanskrit: prajñābala): sức mạnh nhờ phát khởi tri kiến về Tứ diệu đế, phá tan được các lậu hoặc trong ba cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

(2) Bảy thánh giác (Thất thánh giác), cũng gọi là Thất giác chi, Thất giác ý (Sanskrit: saptabodhyaṅga): Gồm có:

1. Trạch pháp (擇法, Sanskrit: dharmapracaya)
2. Tinh tấn (精進, Sanskrit: vīrya)
3. Hỷ (喜, Sanskrit: prīti)
4. Khinh an (輕安, Sanskrit: praśabdhi)
5. Niệm (念, Sanskrit: smṛti)
6. Định (定, Sanskrit: samādhi)
7. Xả (捨, Sanskrit: upekṣā)

(3) Tám chánh đạo (Bát chánh đạo): Con đường mà người học Phật phải noi theo để đạt đến giải thoát, gồm 8 sự chân chánh như sau

1. Chánh kiến (正見, Pāli: sammā-diṭṭhi, Sanskrit: samyag-dṛṣṭi): có một quan niệm đúng đắn về Tứ diệu đế và giáo lý Vô ngã.
2. Chánh tư duy (正思惟, Pāli: sammā-saṅkappa, Sanskrit: samyak-saṃkalpa): suy nghĩ đúng đắn, suy xét về ý nghĩa của bốn chân lý một cách không sai lầm.
3. Chánh ngữ (正語, Pāli: sammā-vācā, Sanskrit: samyag-vāc): nói lời chân chánh, không nói dối, không nói phù phiếm.

Tát, khi Bồ Tát thành Phật, cõi nước ấy không có Ba ác, Tám nạn.⁽¹⁾ Tự mình giữ giới hạnh, chẳng chê kẻ khác lỗi

4. Chánh nghiệp (正業, Pāli: sammā-kammanta, Sanskrit: samyak-karmānta): theo các nghiệp lành, chân chánh, tránh phạm vào giới luật.
5. Chánh mạng (正命, Pāli: sammā-ājīva, Sanskrit: samyag-ājīva): tránh các nghề nghiệp phải giết hại như đồ tể, thợ săn, buôn vũ khí, buôn thuốc phiện...
6. Chánh tinh tấn (正精進, Pāli: sammā-vāyāma, Sanskrit: samyag-vyāyāma): tinh cần phát triển điều thiện, diệt trừ điều ác. Pháp này bao gồm Tứ chánh cần.
7. Chánh niệm (正念, Sanskrit: samyag-smṛti, Pāli: sammā-sati): tỉnh giác trên cả ba hình thức thân, miệng và ý.
8. Chánh định (正定, Pāli: sammā-samādhi, Sanskrit: samyak-samādhi): tập trung tâm ý đạt bốn định xuất thế gian.

⁽¹⁾ Ba ác, Tám nạn (Tam ác, Bát nạn):

- Ba ác hay Ba đường ác là: 1. Địa ngục, 2. Súc sinh, 3. Ngạ quỷ.
- Tám nạn (Sanskrit: aṣṭāvakṣanā) là tám sự trở ngại, khó tu hành, cũng gồm cả Ba ác vừa kể. Tám nạn gồm có:
 1. Địa ngục (地獄 Sanskrit: naraka).
 2. Súc sinh (畜生, Sanskrit: tiryāṇc).
 3. Ngạ quỷ (餓鬼, Sanskrit: preta).
 4. Trường thọ thiên (長壽天, Sanskrit: dīrghāyurdeva), là cõi trời thuộc sắc giới với thọ mạng kéo dài. Thọ mạng cao cũng là một chướng ngại vì nó làm mê hoặc, khiến dễ quên những nỗi khổ của sinh lão bệnh tử trong luân hồi.
 5. Biên địa (邊地, Sanskrit: pratyantajanapāda), là những vùng không nằm nơi trung tâm, không thuận tiện cho việc tu học chánh pháp.
 6. Căn khuyết (根缺, Sanskrit: indriyavaiḥkalya), không có đủ giác quan hoặc các giác quan bị tật nguyên như mù, điếc...
 7. Tà kiến (邪見, Sanskrit: mithyādarśana), những kiến giải sai lệch, bất thiện.
 8. Như Lai bất xuất sinh (如來不出生, Sanskrit: tathāgatānām anutpāda), nghĩa là sinh ra trong thời gian không có Phật hoặc giáo pháp của Ngài xuất hiện.

Kinh Duy-ma-cật

lầm là cõi nước thanh tịnh của *Bồ Tát*, khi *Bồ Tát* thành Phật, cõi nước ấy không nghe đến chuyện phạm cấm. Mười điều thiện là cõi nước thanh tịnh của *Bồ Tát*, khi *Bồ Tát* thành Phật, mạng sống không ngắn ngủi, chết yếu, những chúng sinh giàu có, giới hạnh trong sạch, nói lẽ thành thật, thường dùng lời êm ái, quyến thuộc chẳng chia lìa, khéo hòa việc tranh tụng, nói lời có ích, chẳng tham, chẳng sân, chẳng si sinh về nước ấy.

Bảo Tích! Như vậy, *Bồ Tát* tùy lòng ngay thẳng mà khởi làm. Tùy chỗ khởi làm mà được lòng sâu vững. Tùy lòng sâu vững mà tâm ý được điều phục. Tùy chỗ điều phục tâm ý mà làm được theo đúng như thuyết dạy. Tùy chỗ làm theo đúng như thuyết dạy mà có thể hồi hướng. Tùy chỗ hồi hướng mà có sức phương tiện. Tùy sức phương tiện mà giúp cho chúng sinh được thành tựu. Tùy chỗ thành tựu cho chúng sinh mà được cõi Phật thanh tịnh. Tùy cõi Phật thanh tịnh mà thuyết pháp thanh tịnh. Tùy chỗ thuyết pháp thanh tịnh mà trí huệ được thanh tịnh. Tùy trí huệ thanh tịnh mà tâm được thanh tịnh. Tùy tâm được thanh tịnh mà tất cả công đức đều thanh tịnh.

Bảo Tích! Cho nên, nếu *Bồ Tát* muốn được cõi nước thanh tịnh hãy làm cho tâm thanh tịnh. Tùy tâm thanh tịnh, ắt cõi Phật thanh tịnh.

Lúc ấy, nương oai thần của Phật, *Xá-lý-phát* có ý nghĩ này: “Nếu như tâm của *Bồ Tát* thanh tịnh, ắt cõi Phật thanh tịnh. Như vậy, phải chăng đức Thế Tôn của chúng

ta khi còn làm *Bồ Tát* tâm ý chẳng thanh tịnh nên cõi nước của ngài nay mới chẳng được thanh tịnh như thế này?

Phật biết được ý nghĩ ấy, bảo *Xá-ly-phát* rằng: “Ý người thế nào, mặt trời, mặt trăng há chẳng sáng hay sao mà kẻ mù chẳng thấy hai vầng ấy?”

Xá-ly-phát thưa: “Thế Tôn! Chẳng phải vậy. Đó là lỗi ở kẻ mù, chẳng phải lỗi ở mặt trời, mặt trăng.”

“*Xá-ly-phát*! Do tội của chúng sinh, nên họ chẳng thấy quốc độ của Như Lai trang nghiêm thanh tịnh, chẳng phải lỗi của Như Lai. *Xá-ly-phát*! Cõi đất này của ta là thanh tịnh, nhưng người chẳng thấy được như vậy.”

Lúc ấy, Phạm Vương Loa Kế bảo *Xá-ly-phát*: “Đừng nghĩ như vậy, cho rằng cõi Phật này là không thanh tịnh. Vì sao vậy? Ta thấy rằng cõi Phật của đức *Thích-ca Mâu-ni* là thanh tịnh như cung trời Tự tại.”

Xá-ly-phát nói: “Tôi chỉ thấy cõi này toàn là gò đồng, hầm hố, gai góc, sỏi sạn, núi đất, núi đá, đầy dẫy mọi nhơ nhớp xấu xa.”

Phạm Vương Loa Kế nói: “Lòng của nhân giả có cao thấp, chẳng y theo trí huệ Phật. Vậy nên ông thấy cõi này là không thanh tịnh. *Xá-ly-phát*! *Bồ Tát* giữ lẽ bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, lòng dạ sâu vững thanh tịnh, y theo trí huệ Phật, ắt thấy cõi Phật này là thanh tịnh.”

Lúc ấy, Phật dùng ngón chân mà nhấn xuống đất. Tức thời, cõi thế giới tam thiên đại thiên này được nghiêm sức bởi trăm ngàn thứ trân bảo, cũng giống như cõi vô lượng công đức trang nghiêm của đức Phật Bảo Trang Nghiêm. Tất cả đại chúng đều khen rằng: “Chưa từng có!” Và ai nấy đều tự thấy mình được ngồi trên tòa sen báu.

Phật hỏi *Xá-ly-phát*: “Người nhìn thấy cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh rồi chứ?”

Xá-ly-phát bạch rằng: “Dạ, Thế Tôn! Từ trước con chưa từng được thấy, chưa từng được nghe như thế này. Nay, quốc độ nghiêm tịnh của Phật đã hiện.”

Phật bảo *Xá-ly-phát*: “Cõi Phật độ của ta thường thanh tịnh như vậy. Nhưng vì muốn độ những kẻ thấp kém ở đây, cho nên ta thị hiện ra cõi bất tịnh với mọi thứ nhơ xấu.

“Vị như chư thiên cùng ăn cơm đựng trong chén bát quý báu, nhưng tùy theo phước đức của họ mà hình sắc của cơm có khác. *Xá-ly-phát*! Cũng vậy đó, nếu lòng người ta tịnh, liền thấy được những công đức trang nghiêm của cõi này.”

Trong khi Phật hiện ra cõi nước trang nghiêm thanh tịnh, năm trăm chàng con nhà trưởng giả do Bảo Tích dẫn dắt đều đắc Vô sinh pháp nhẫn.⁽¹⁾ Tám mươi bốn

⁽¹⁾ Vô sinh pháp nhẫn: Đức nhẫn nhục của người giác ngộ nhờ nhận ra được rằng: thật không có chúng sinh, thật không có các pháp, các chúng sinh (hữu tình) và các pháp (vô tình) vốn không sinh, không

ngàn người trong hội đều phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Phật lấy ngón chân thần lên, thế giới liền trở lại như cũ. Ba mươi hai ngàn chư thiên và những người cầu Thanh văn thừa hiểu ra được rằng các pháp hữu vi là vô thường, liền xa trần cảnh, lìa cấu nhiễm, được *Pháp nhân tịnh*.⁽¹⁾ Tám ngàn vị *tỳ-kheo* chẳng thọ nạp các pháp, dứt phiền não rỉ chảy, tâm ý được giải thoát.



diệt. Nhận thức như vậy, người tu không còn khởi lên sự buồn giận đối với chúng sinh phá hại mình, đối với các pháp ngăn trở mình.

⁽¹⁾ Pháp nhân tịnh hay Pháp nhân (法眼; Sanskrit: dharmacakṣus): mắt pháp thanh tịnh, thấy được sự đa dạng của các pháp hiện hữu. Người tu Thanh văn thừa, khi đắc *pháp nhân tịnh*, thấy được trần thế là giả dối ô trược, bèn chán ngán sự đời mà vui với đạo lý, hướng đến Niết-bàn. Đắc Pháp nhân tịnh cũng tức là đắc quả đầu tiên trong 4 thánh quả của Thanh văn thừa: quả Tu-đà-hoàn. Quả cao nhất là quả A-la-hán.

Pháp nhân tịnh hay Kiến pháp thanh tịnh cũng là địa vị đầu tiên trong Thập địa của Bồ Tát, gọi là Hoan hỷ địa.

方便品

第二

爾時毘耶離大城中有長者名維摩詰。已曾供養無量諸佛深植善本。得無生忍。辯才無礙。遊戲神通逮諸總持。獲無所畏。降魔勞怨。入深法門。善於智度。通達方便。大願成就。明了衆生心之所趣。又能分別諸根利鈍。久於佛道心已純淑決定大乘。諸有所作能善思量。住佛威儀心大如海。諸佛咨嗟弟子。釋梵世主所敬。

欲度人故以善方便居毘耶離。資財無量攝諸貧民。奉戒清淨攝諸毀禁。以忍調行攝諸恚怒。以大精進攝諸懈怠。一心禪寂攝諸亂意。以決定慧攝諸無智。

雖為白衣奉持沙門清淨律行。雖處居家不著三界。示有妻子常修梵行。現有眷屬常樂遠離。雖服寶飾而以相好嚴身。雖復飲食而以禪悅為味。若至博弈戲處輒以度人。受諸異道不毀正信。雖明世典常樂佛

PHƯƠNG TIỆN PHẨM

Đệ nhị

Nhĩ thời, *Tỳ-da-ly* đại thành trung, hữu trưởng giả, danh *Duy-ma-cật*, dĩ tăng cúng dường vô lượng chư Phật, thâm thực thiện bốn, đắc vô sinh nhẫn, biện tài vô ngại, du hý thần thông, đãi chư tổng trì, hoạch vô sở úy, hàng ma lạo oán, nhập thâm pháp môn, thiện ư trí độ, thông đạt phương tiện, đại nguyện thành tựu, minh liễu chúng sinh tâm chi sở thú. Hựu năng phân biệt chư căn lợi độn. Cửu ư Phật đạo, tâm dĩ thuần thực, quyết định Đại thừa. Chư hữu sở tác, năng thiện tư lượng. Trụ Phật oai nghi, tâm đại như hải. Chư Phật tư ta, đệ tử *Thích-phạm* thế chủ sở kính.

Dục độ nhân cố, dĩ thiện phương tiện, cư *Tỳ-da-ly*. Tư tài vô lượng, nhiếp chư bản dân. Phụng giới thanh tịnh, nhiếp chư hủy cấm. Dĩ nhẫn điều hạnh, nhiếp chư nhuế nộ. Dĩ đại tinh tấn, nhiếp chư giải đãi. Nhất tâm thiện tịch, nhiếp chư loạn ý. Dĩ quyết định huệ, nhiếp chư vô trí.

Tuy vi bạch y, phụng trì *sa-môn* thanh tịnh luật hạnh. Tuy xử cư gia, bất trước Tam giới. Thị hữu thê tử, thường tu *Phạm* hạnh. Hiện hữu quyến thuộc thường nhạo viển ly. Tuy phục bảo sức, nhi dĩ tướng hảo nghiêm thân. Tuy phục ẩm thực, nhi dĩ thiên duyệt vi vị. Nhược chí bát dịch hý xứ, triếp dĩ độ nhân. Thọ chư dị đạo, bất hủy

法。一切見敬為供養中最。執持正法攝諸長幼。一切治生諧偶雖獲俗利不以喜悅。遊諸四衢饒益衆生。入治政法救護一切。入講論處導以大乘。入諸學堂誘開童蒙。入諸婬舍示欲之過。入諸酒肆能立其志。

若在長者長者中尊為說勝法。若在居士居士中尊斷其貪著。若在刹利刹利中尊教以忍辱。若在婆羅門婆羅門中尊除其我慢。若在大臣大臣中尊教以正法。若在王子王子中尊示以忠孝。若在內官內官中尊化政宮女。若在庶民庶民中尊令興福力。若在梵天梵天中尊誨以勝慧。若在帝釋帝釋中尊示現無常。若在護世護世中尊護諸衆生。

長者維摩詰。以如是等無量方便饒益衆生。其以方便現身有疾。以其疾故。國王大臣長者居士婆羅門等。及諸王子并餘官屬。無數千人皆往問疾。其往者。維摩詰因以身疾廣為說法。

chánh tín. Tuy minh thế diễn, thường nhạo Phật pháp. Nhất thiết kiến kính, vi cúng dường trung tối. Chấp trì Chánh pháp, nhiếp chư trưởng ấu. Nhất thiết trị sinh hài ngẫu, tuy hoạch tặc lợi, bất di hỷ duyệt. Du chư tứ cù, nhiều ích chúng sinh. Nhập trị chánh pháp, cứu hộ nhất thiết. Nhập giảng luận xứ, đạo di Đại thừa. Nhập chư học đường, dụ khai đồng môn. Nhập chư dâm xá, thị dục chi quá. Nhập chư tửu tứ, năng lập kỳ chí.

Nhược tại trưởng giả, trưởng giả trung tôn, vị thuyết thắng pháp. Nhược tại cư sĩ, cư sĩ trung tôn, đoạn kỳ tham trước. Nhược tại *sát-lý*, *sát-lý* trung tôn, giáo dĩ nhẫn nhục. Nhược tại *bà-la-môn*, *bà-la-môn* trung tôn, trừ kỳ ngã mạn. Nhược tại đại thần, đại thần trung tôn, giáo dĩ Chánh pháp. Nhược tại vương tử, vương tử trung tôn, thị dĩ trung hiếu. Nhược tại nội quan, nội quan trung tôn, hóa chánh cung nữ. Nhược tại thứ dân, thứ dân trung tôn, linh hưng phước lộc. Nhược tại *Phạm* thiên, *Phạm* thiên trung tôn, hối dĩ thắng huệ. Nhược tại *Đế-thích*, *Đế-thích* trung tôn, thị hiện vô thường. Nhược tại hộ thế, hộ thế trung tôn, hộ chư chúng sinh.

Trưởng giả *Duy-ma-cật* dĩ như thị đẳng vô lượng phương tiện, nhiều ích chúng sinh. Kỳ dĩ phương tiện, hiện thân hữu tật. Dĩ kỳ tật cố, quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, *bà-la-môn* đẳng, cập chư vương tử, tinh dư quan thuộc, vô số thiên nhân, giai vãng vấn tật. Kỳ vãng giả, *Duy-ma-cật* nhân dĩ thân tật, quảng vị thuyết pháp:

諸仁者。是身無常無強無力無堅。速朽之法不可信也。為苦為惱衆病所集。

諸仁者。如此身明智者所不怙。是身如聚沫不可撮摩。是身如泡不得久立。是身如燄從渴愛生。是身如芭蕉中無有堅。是身如幻從顛倒起。是身如夢為虛妄見。是身如影從業緣現。是身如響屬諸因緣。是身如浮雲須臾變滅。是身如電念念不住。是身無主為如地。是身無我為如火。是身無壽為如風。是身無人為如水。是身不實四大為家。是身為空離我我所。是身無知如草木瓦礫。是身無作風力所轉。是身不淨穢惡充滿。是身為虛偽。雖假以澡浴衣食必歸磨滅。是身為災百一病惱。是身如丘井為老所逼。是身無定為要當死。是身如毒蛇如怨賊如空聚。陰入諸界所共合成。

諸仁者。此可患厭當樂佛身。所以者何。佛身者即法身也。從無量功德智慧生。從戒定慧解脫解脫知見生。從慈悲喜捨生。從布施持戒忍辱柔和勤行精進禪

Chư nhân giả! Thị thân vô thường, vô cường, vô lực, vô kiên. Tắc hủ chi pháp, bất khả tín dã. Vi khổ, vi não, chúng bệnh sở tập.

Chư nhân giả! Như thử thân, minh trí giả sở bất hõ. Thị thân như mật, bất khả toát ma. Thị thân như bào, bất đắc cử lập. Thị thân như diệm, từng khát ái sinh. Thị thân như ba tiêu, trung vô sở kiên. Thị thân như ảo, từng điên đảo khởi. Thị thân như mộng, vi hư vọng kiến. Thị thân như ảnh, từng nghiệp duyên hiện. Thị thân như hưởng, thuộc chư nhân duyên. Thị thân như phù vân, tu du biến diệt. Thị thân như điện, niệm niệm bất trụ. Thị thân vô chủ, vi như địa. Thị thân vô ngã, vi như hỏa. Thị thân vô thọ, vi như phong. Thị thân vô nhân, vi như thủy, Thị thân bất thật, tứ đại vi gia. Thị thân vi không, ly ngã, ngã sở. Thị thân vô tri, như thảo mộc ngôa lịch. Thị thân vô tác, phong lực sở chuyển. Thị thân bất tịnh, uế ác sung mãn. Thị thân vi hư ngụy, tuy giả dĩ tảo dục y thực, tất quy ma diệt Thị thân vi tai, bá nhất bệnh não. Thị thân như khuu tỉnh, vi lão sở bức. Thị thân vô định, vi yếu đương tử. Thị thân như độc xà, như oán tặc, như không tụ, ám, nhập, chư giới sở cộng hiệp thành.

Chư nhân giả! Thử khả hoạn yếm, đương nhạo Phật thân. Sở dĩ giả hà? Phật thân giả, tức Pháp thân dã. Tòng vô lượng công đức trí huệ sinh. Tòng giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến sinh. Tòng từ, bi, hỷ, xả sinh. Tòng bố thí, trì giới, nhẫn nhục, nhu hòa, cần hành tinh tấn, thiền định giải thoát Tam-muội, đa văn

定解脫三昧多聞智慧諸波羅密生。從方便生。從六通生。從三明生。從三十七道品生。從止觀生。從十力四無所畏十八不共法生。從斷一切不善法集一切善法生。從真實生。從不放逸生。從如是無量清淨法生如來身。

諸仁者。欲得佛身斷一切衆生病者。當發阿耨多羅三藐三菩提心。

如是長者維摩詰。為諸問病者如應說法。令無數千人皆發阿耨多羅三藐三菩提心。



trí huệ, chư *ba-la-mật* sinh. Tùng phương tiện sinh. Tùng lục thông sinh. Tùng tam minh sinh. Tùng tam thập thất đạo phẩm sinh. Tùng chỉ quán sinh. Tùng thập lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng pháp sinh. Tùng đoạn nhất thiết bất thiện pháp, tập nhất thiết thiện pháp sinh. Tùng chân thật sinh. Tùng bất phóng dật sinh. Tùng như thị vô lượng thanh tịnh pháp sinh Như Lai thân.

Chư nhân giả! Dục đắc Phật thân đoạn nhất thiết chúng sinh bệnh giả, đương phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm.

Như thị Trưởng giả *Duy-ma-cật*, vị chư vấn bệnh giả, như ưng thuyết pháp, linh vô số thiên nhân giai phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm.



Phẩm thứ hai

PHƯƠNG TIỆN

Úc ấy, trong thành lớn *Tỳ-da-ly* có một vị trưởng giả tên là *Duy-ma-cật*. Ấy là người đã từng cúng dường vô lượng các đức Phật, trồng sâu căn lành; được đức nhân *vô sinh*, biện tài vô ngại, du hí thần thông, nắm được các phép *tổng trì*, đạt được pháp *vô sở úy*;⁽¹⁾ hàng phục chúng ma, vỗ về những kẻ oán hờn; đã vào được pháp môn sâu xa vi diệu, giỏi về *phép trí huệ*,⁽²⁾ thông đạt phương tiện; thành tựu nguyện lớn, biết rõ chỗ xu hướng trong tâm của mỗi chúng sinh, phân biệt được những căn tánh lành lợi hoặc chậm lụt. Đối với đạo Phật, từ lâu trong tâm ngài đã thuần thực, chí quyết về Đại thừa. Mỗi khi làm việc chi, ngài đều khéo suy xét, liệu lường. Ngài trụ nơi oai nghi của Phật, lòng dạ rộng lớn như biển cả.

(1) Vô sở úy: không gì có thể làm cho sợ sệt. Vị đã chứng được pháp này có thể an nhiên vững vàng đối với tất cả các pháp không hề sinh tâm sợ sệt. Có 4 pháp vô sở úy của Phật và 4 pháp vô sở úy của hàng Bồ Tát. Ở đây chỉ các pháp vô sở úy của hàng Bồ Tát, đó là:

1. Tổng trì bất vong, thuyết pháp vô úy
2. Tận trí pháp được cập trí chúng sinh căn dục tánh tâm, thuyết pháp vô úy
3. Thiện năng vấn đáp, thuyết pháp vô úy
4. Năng đoạn vật nghi, thuyết pháp vô úy

(2) Trí độ (Sanskrit: prajñāparamitā), dịch âm là Bát-nhã ba-la-mật-đa, viết đủ là Trí huệ độ, là hạnh thứ sáu trong sáu hạnh của Bồ Tát (Lục Ba-la-mật).

Chư Phật khen ngợi, những đệ tử là *Đế-thích* và Phạm vương, chúa cõi thế giới đều kính trọng ngài.

Vì muốn cứu độ chúng nhân nên ngài dùng phương tiện khéo cư ngụ tại thành *Tỳ-da-ly*. Dùng tài sản nhiều không kể xiết, ngài nhiếp phục những kẻ nghèo; dùng giới luật thanh tịnh, ngài nhiếp phục những kẻ phạm giới cấm; dùng nhẫn nhục nhu hòa,⁽¹⁾ ngài nhiếp phục những kẻ hay nóng giận; dùng sức tinh tấn mạnh mẽ, ngài nhiếp phục những kẻ lười nhác, giải đãi; dùng nhất tâm thiền tịnh, ngài nhiếp phục những kẻ tâm ý tán loạn; dùng trí huệ chắc quyết, ngài nhiếp phục những kẻ vô trí.

Tuy là cư sĩ,⁽²⁾ nhưng ngài kính giữ luật hạnh thanh tịnh của bậc *sa-môn*. Tuy ở tại nhà, nhưng ngài chẳng vướng vào ba cõi. Thị hiện có vợ con, nhưng ngài thường tu hạnh thanh tịnh.⁽³⁾ Thị hiện có quyến thuộc, nhưng ngài thường thích rời xa. Tuy phục sức đồ quý báu nhưng ngài cốt dùng các tướng tốt để trang nghiêm thân mình. Tuy vẫn ăn uống, nhưng ngài lấy niềm vui hành thiền làm món ăn ngon. Nếu có đến nơi cờ bạc, ngài dùng nơi đó để hóa độ người. Mặc dầu thọ học đạo khác, ngài chẳng chê bỏ chánh tín. Tuy hiểu rành sách vở thế gian, nhưng ngài thường hâm mộ pháp Phật. Thấy ai ngài cũng kính nhường, lấy sự cúng dường làm trọng. Năm

(1) Nhẫn điều hạnh (忍調行 Sanskrit: sauratyā-kṣānti): hạnh nhẫn nhục nhu hòa.

(2) Nguyên văn dùng bạch y (áo trắng), chỉ người đệ tử Phật tu tại gia, tức là cư sĩ, phân biệt với hàng xuất gia mặc áo vàng hay áo hoại sắc.

(3) Phạm hạnh (Sanskrit: Brahmacharya, Pāli: Brahmachariya) hay Tịnh hạnh là hạnh tu trong sạch, ý nói xa lìa sự dâm dục.

giữ Chánh pháp, ngài nhiếp phục được kẻ lớn người nhỏ. Trong mọi cuộc cộng tác làm ăn, mặc dầu thu được những món lợi thế tục, nhưng ngài không lấy đó làm vui. Đạo chơi nơi ngã tư đường, ngài thường giúp ích cho chúng sinh. Dự vào việc chính trị, ngài cứu hộ tất cả nhân dân. Vào nơi giảng luận, ngài đem Đại thừa mà dắt dẫn người nghe. Vào chốn học đường, ngài khuyến dụ và khai hóa trẻ em. Vào chốn lầu xanh, ngài chỉ rõ chỗ tội lỗi của sắc dục. Vào các quán rượu, ngài lập chí hướng thiện cho những người ở đó.

Nếu ở tại nhóm trưởng giả,⁽¹⁾ ngài được tôn trọng, bèn nói pháp cao trời cho họ nghe. Nếu ở tại nhóm cư sĩ, ngài được tôn trọng, bèn dứt mối tham trước của họ. Nếu ở tại nhóm *sát-ly*, ngài được tôn trọng, bèn đem pháp nhẫn nhục mà giáo hóa họ. Nếu ở tại nhóm *bà-la-môn*, ngài được tôn trọng, bèn dứt trừ lòng ngã mạn⁽²⁾ của họ. Nếu ở tại nhóm đại thần, ngài được tôn trọng, bèn đem phép chính trị mà chỉ dạy cho họ. Nếu ở tại nhóm vương tử, ngài được tôn trọng, bèn chỉ cho họ nét trung nét

(1) Trưởng giả, thủ-đà-la, sát-ly và bà-la-môn là bốn giai cấp ở Ấn độ, theo thứ tự dưới đây:

1. Bà-la-môn (Sanskrit: brāhmana): hàng tu sĩ, các bậc thầy giữ việc cúng tế.
2. Sát-ly hay sát-đế-ly (Sanskrit: kṣatriya): hàng vua chúa, quan tướng
3. Trưởng giả, hay phệ-xá (Sanskrit: vaiśya), hàng thương nhân giàu có
4. Thủ-đà-la (Sanskrit: sudra), những người làm ruộng, làm các nghề bình thường

(2) Ngã mạn: tự cao, kiêu căng, luôn tự cho mình là tài giỏi hoặc cao quý hơn kẻ khác.

hiếu. Nếu ở tại nhóm nội quan,⁽¹⁾ ngài được tôn trọng, bèn dạy bảo cho các cung nữ trở nên chính trực. Nếu ở trong hàng dân dã, ngài được tôn trọng, liền khiến cho phước lực của họ được hưng thịnh. Nếu ở tại cảnh Phạm thiên, ngài được các vị Phạm thiên tôn trọng, liền giáo hóa các vị này về pháp trí huệ thắng diệu. Nếu ở tại cảnh trời Đế-thích, ngài được chư thiên cảnh trời Đế-thích tôn trọng, liền thị hiện cuộc vô thường bại hoại. Nếu ở cảnh trời Hộ thế, ngài được bốn vị Thiên vương Hộ thế tôn trọng, liền phò hộ chúng sinh.

Trưởng giả *Duy-ma-cật* dùng vô số các phương tiện như vậy mà giúp ích cho chúng sinh. Người cũng dùng phương tiện hiện ra thân mình có bệnh. Vì người đang bệnh, nên các hàng quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, *bà-la-môn* cùng các vương tử quan thuộc, vô số ngàn người đều đến thăm hỏi bệnh người.

Với những người đến thăm ấy, *Duy-ma-cật* nhân việc thân có bệnh mà thuyết pháp rộng rãi với họ:

“Các nhân giả! Thân này là không thường tồn, không có sức mạnh, không bền chắc. Nó là vật mau hư hoại, không thể tin vào nó được. Nó là khổ, là não, các bệnh đều tụ tập vào nó.

“Các nhân giả! Như cái thân này đây, bạc minh trí không nương cậy vào nó được. Thân này như bọt động mà người ta không thể sờ nắm. Thân này như bọt nổi, không tồn tại lâu dài. Thân này như nháng lửa, nó do sự khát

(1) Nội quan: các vị quan cao niên có nhiều đức độ được tuyển vào trong nội cung của vua để dạy dỗ, cai quản các cung nữ, khác với nội quan ở Trung Hoa là các thái giám.

khao ái dục mà sinh ra. Thân này như cây chuối, bên trong chẳng bền chắc gì. Thân này như món đồ ảo thuật, do nơi sự xáo trộn mà khởi ra. Thân này như chiêm bao, thấy nó là hư vọng chẳng thật. Thân này như cái bóng, nó theo nghiệp duyên mà hiện ra. Thân này như tiếng dội, nó phụ thuộc các nhân duyên. Thân này như mây nổi, trong phút chốc đã biến mất. Thân này như tia chớp, chẳng ở yên một phút nào!

“Thân này không chủ, cũng như đất. Thân này không phải ta, cũng như lửa. Thân này không sống lâu, cũng như gió. Thân này không phải người, cũng như nước. Thân này chẳng thật, nó lấy bốn đại: đất, nước, lửa, gió làm nhà. Thân này là trống không, nó là ta và vật của ta. Thân này không biết chi hết; nó như cỏ, cây, gạch, sỏi. Thân này không làm gì hết, nó bị sức gió chuyển dời. Thân này là bất tịnh, đầy đầy mọi nhơ nhớp xấu xa. Thân này là hư nguy, dầu nó có tạm dùng những việc tắm, rửa, ăn mặc, nhưng rồi nó cũng mòn dứt mà thôi! Thân này là tai hại, mang lấy một trăm lẻ một bệnh nảo.⁽¹⁾ Thân này như gò đất, giếng nước, nó bị cái già hiếp bức. Thân này không kiên định, có ngày phải chết. Thân này như rắn độc, như kẻ cướp oán thù, như xóm nhà không người, các *ấm, nhập, giới*⁽²⁾ phối hợp mà làm thành cái thân.

⁽¹⁾ Một trăm lẻ một bệnh nảo (bá nhất bệnh nảo): thân người ta hợp bởi bốn đại (tứ đại): đất, nước, lửa, gió (địa, thủy, hỏa, phong). Nếu một trong bốn đại gia tăng hoặc tổn giảm thì sinh ra 101 bệnh nảo. Nếu cả bốn đại đều gia tăng hoặc tổn giảm thì sinh ra 404 bệnh nảo. Đây đều là những cách nói tượng trưng để biểu thị là có rất nhiều bệnh nảo.

⁽²⁾ Các *ấm, nhập, giới* bao gồm:

1. Ấm: gồm năm ấm (ngũ ấm hay ngũ uẩn) là: sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

“Các nhân giả! Thân này đáng lo, đáng chán, mà nên ưa thích thân Phật. Tại sao vậy? Thân Phật tức là Pháp thân, do vô lượng cúng dường trí huệ mà sinh ra; do các pháp: giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến mà sinh ra; do những đức từ, bi, hỷ, xả mà sinh ra; do các *ba-la-mật* là *bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ* mà sinh ra; do *phương tiện* mà sinh ra; do *sáu thần thông*⁽¹⁾ mà

2. Nhập: có mười hai nhập là sáu căn nhập với sáu trần. Sáu căn là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý (nhân, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý), sáu trần là: hình sắc, âm thanh, hương, vị, xúc chạm, các pháp (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).
3. Giới: gồm mười tám giới, sáu căn bên trong, sáu trần bên ngoài, sáu thức ở giữa. Như nhãn căn, sắc trần và nhãn thức cùng hợp lại sinh ra sự thấy biết...

⁽¹⁾ Sáu thần thông (Lục thông hay Lục thần thông 六神通, Sanskrit: ṣaḍ abhijñāḥ) là sáu phép thần thông tự tại của Phật. Đó là:

1. Thần cảnh thông (神境通), cũng còn gọi là Thân thông (身通), Thân như ý thông (身如意通), Thần túc thông (神足通).
2. Thiên nhãn thông (天眼通): có thể nhìn thấy toàn bộ tiến trình lưu chuyển của chúng sinh qua 6 cõi luân hồi.
3. Thiên nhĩ thông (天耳通): có thể nghe được toàn thể những tiếng khổ vui mà chúng sinh trải qua trong 6 cõi luân hồi.
4. Tha tâm thông (他心通): năng lực nhận biết tâm niệm của tất cả chúng sinh trong 6 cõi luân hồi.
5. Túc mạng thông (宿命通): còn gọi là Túc trú thông (宿住通): năng lực nhận biết mọi sự việc xảy ra trong vô lượng kiếp trước mà chúng sinh đã trải qua, cũng như biết được toàn bộ thọ mạng của chúng sinh trong 6 cõi luân hồi.
6. Lưu tận thông (漏盡通): năng lực chuyển hoá toàn bộ phiền não trong ba cõi, nên không còn là đối tượng của sinh diệt trong ba cõi nữa.

Trong các phép thần thông kể trên, phép thứ 2, thứ 5 và thứ 6 cũng chính là Tam minh (三明).

sinh ra; do *ba minh*⁽¹⁾ mà sinh ra; do *ba mươi bảy phẩm trợ đạo* mà sinh ra; do *chỉ quán* mà sinh ra; do *mười sức, bốn vô sở úy*,⁽²⁾ *mười tám pháp bất cộng* mà sinh ra; do việc cắt đứt tất cả các pháp chẳng lành, nhóm họp tất cả các pháp lành mà sinh ra; do chân thật mà sinh ra; do chẳng phóng dật mà sinh ra. Do vô lượng pháp thanh tịnh như vậy mà thân Như Lai sinh ra.



(1) Ba minh (Tam minh 三明, Sanskrit: tisrovidyā): Ba trí sáng suốt của bậc giác ngộ, cũng chính là ba năng lực thần thông được kể trong Lục thông. Ba trí sáng suốt ấy là:

1. Thiên nhãn minh (天眼明; Sanskrit: divyācakṣurjñānasākṣatkriyāvidyā), có thể thấy được chúng sinh trong sáu nẻo luân hồi, biết được việc sinh tử của mình và của người khác trong đời vị lai. Cũng gọi là Sinh tử trí chứng minh. Người có trí sáng suốt này cũng gọi là chứng đắc Thiên nhãn thông.

2. Túc mệnh minh (宿命明; Sanskrit: pūrvanivāsānusmṛtijñāna-sākṣatkriyāvidyā) hoặc Túc trú minh (宿住明), biết được những gì xảy ra trong những cuộc sống của chính mình trước đây, trong những kiếp trước đây cũng như cuộc sống của chúng sinh trong sáu nẻo luân hồi, biết được việc sinh tử của mình và của người khác trong những đời đã qua. Cũng gọi là Tục trụ trí chứng minh. Người có trí sáng suốt này cũng gọi là chứng đắc Túc mạng thông.

3. Lậu tận minh (漏盡明; Sanskrit: āśravakṣayañjñānasākṣatkriyāvidyā), biết được là mình đã đoạn diệt tất cả những ô nhiễm, lậu

“Các nhân giả! Muốn được thân Phật dứt hết các bệnh của chúng sinh, nên phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.”

Trưởng giả *Duy-ma-cật* thuyết pháp như vậy với những người thăm bệnh, khiến cho vô số ngàn người đều phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.



hoặc, sẽ không phải tái sinh trong Tam giới, biết được khổ tướng trong hiện tại, dứt trừ được mọi phiền não. Cũng gọi là *Lậu tận trí* chứng minh. Người có trí sáng suốt này cũng gọi là chứng đắc *Lậu tận thông*.

(2) Bốn vô sở úy (Tứ vô sở úy 四無所畏 - Sanskrit: *catur-vaiśaradya*; Pāli: *catuvesārajja*): Bốn đức chẳng sợ, cũng gọi là Tứ vô úy (四無畏). Có 4 vô sở úy của Phật và 4 vô sở úy của các vị Bồ Tát.

a) Bốn vô sở úy của Phật là:

1. Nhất thiết trí vô sở úy
2. *Lậu tận* vô sở úy
3. Thuyết chương đạo vô sở úy
4. Thuyết tận khổ đạo vô sở úy

b) Bốn vô sở úy của các vị Bồ Tát là:

1. Tổng trì bất vong, thuyết pháp vô úy
2. Tận trì pháp được cập tri chúng sinh căn dục tánh tâm, thuyết pháp vô úy
3. Thiện năng vấn đáp, thuyết pháp vô úy
4. Năng đoạn vật nghi, thuyết pháp vô úy

弟子品

第三

爾時長者維摩詰自念。寢疾於牀。世尊大慈寧不垂愍。

佛知其意。即告舍利弗。汝行詣維摩詰問疾。

舍利弗白佛言。世尊。我不堪任詣彼問疾。所以者何。憶念我昔曾於林中宴坐樹下。時維摩詰來謂我言。唯舍利弗。不必是坐為宴坐也。夫宴坐者。不於三界現身意。是為宴坐。不起滅定而現諸威儀。是為宴坐。不捨道法而現凡夫事。是為宴坐。心不住內亦不在外。是為宴坐。於諸見不動而修行三十七品。是為宴坐。不斷煩惱而入涅槃。是為宴坐。若能如是坐者。佛所印可。

時我世尊。聞說是語默然而止不能加報。故我不任詣彼問疾。

佛告大目犍連。汝行詣維摩詰問疾。

ĐỆ TỬ PHẨM

Đệ tam

Nhĩ thời, Trưởng giả *Duy-ma-cật* tự niệm tâm tất ư sàng: Thế Tôn đại từ! Ninh bất thùý mãn?

Phật tri kỳ ý, tức cáo *Xá-ly-phát*: Nhữ hành nghệ *Duy-ma-cật* vấn tất.

Xá-ly-phát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã bất kham nhiệm nghệ bỉ vấn tất. Sở dĩ giả hà? Ưc niệm ngã tích, tăng ư lâm trung, yển tọa thọ hạ. Thời, *Duy-ma-cật* lai, vị ngã ngôn: ‘Duy, *Xá-ly-phát*! Bất tất thị tọa vi yển tọa dã. Phù yển tọa giả, bất ư Tam giới hiện thân ý, thị vi yển tọa. Bất khởi diệt định nhi hiện chư oai nghi, thị vi yển tọa. Bất xả đạo pháp nhi hiện phạm phu sự, thị vi yển tọa. Tâm bất trụ nội, diệt bất tại ngoại, thị vi yển tọa. Ư chư kiến bất động, nhi tu hành tam thập thất phẩm, thị vi yển tọa. Bất đoạn phiền não nhi nhập *Niết-bàn*, thị vi yển tọa. Nhược năng như thị tọa giả, Phật sở ấn khả.’

Thời ngã, Thế Tôn, văn thuyết thị ngữ, mặc nhiên nhi chỉ, bất năng gia báo. Cố ngã bất nhiệm nghệ bỉ vấn tất.

Phật cáo Đại *Mục-kiền-liên*: Nhữ hành nghệ *Duy-ma-cật* vấn tất.

目連白佛言。世尊。我不堪任詣彼問疾。所以者何。憶念我昔入毘耶離大城。於里巷中為諸居士說法。時維摩詰來謂我言。唯大目連。為白衣居士說法。不當如仁者所說。夫說法者當如法說。法無衆生離衆生垢故。法無有我離我垢故。法無壽命離生死故。法無有人前後際斷故。法常寂然滅諸相故。法離於相無所緣故。法無名字言語斷故。法無有說離覺觀故。法無形相如虛空故。法無戲論畢竟空故。法無我所離我所故。法無分別離諸識故。法無有比無相待故。法不屬因不在緣故。法同法性入諸法故。法隨於如無所隨故。法住實際諸邊不動故。法無動搖不依六塵故。法無去來常不住故。法順空隨無相應無作。法離好醜。法無增損。法無生滅。法無所歸。法過眼耳鼻舌身心。法無高下。法常住不動。法離一切觀行。

唯大目連。法相如是豈可說乎。夫說法者無說無示。其聽法者無聞無得。譬如幻士為幻人說法。當建是意而為說法。當了

Mục-liên bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã bất kham nhiệm nghề bĩ vẩn tât. Sở dĩ giả hà? Ưc niệm ngã tích nhập *Tỳ-da-ly* đại thành. Ư lý hạng trung, vị chư cư sĩ thuyết pháp. Thời, *Duy-ma-cật* lai, vị ngã ngôn: Duy, Đại *Mục-liên*! Vị bạch y cư sĩ thuyết pháp, bất đương như nhân giả sở thuyết. Phù thuyết pháp giả, đương như pháp thuyết. Pháp vô chúng sinh, ly chúng sinh cấu cố. Pháp vô thọ mạng, ly sinh tử cố. Pháp vô hữu nhân, tiền hậu tế đoạn cố. Pháp thường tịch nhiên, diệt chư tướng cố. Pháp ly ư tướng, vô sở duyên cố. Pháp vô danh tự, ngôn ngữ đoạn cố. Pháp vô hữu thuyết, ly giác quan cố. Pháp vô hình tướng, như hư không cố. Pháp vô hý luận, tất cánh không cố. Pháp vô ngã sở, ly ngã sở cố. Pháp vô phân biệt, ly chư thức cố. Pháp vô hữu tử, vô tương đãi cố. Pháp bất thuộc nhân, bất tại duyên cố. Pháp đồng pháp tánh, nhập chư pháp cố. Pháp tùy ư như, vô sở tùy cố. Pháp trụ thật tế, chư biên bất động cố. Pháp vô động dao, bất y lục trần cố. Pháp vô khứ lai, thường bất trụ cố. Pháp thuận không, tùy vô tướng, ứng vô tác. Pháp ly hảo xú. Pháp vô tăng tổn. Pháp vô sinh diệt. Pháp vô sở quy. Pháp quá nhân, nhĩ, tử, thiết, thân, tâm. Pháp vô cao hạ. Pháp thường trụ bất động. Pháp ly nhất thiết quan hành.

Duy, Đại *Mục-liên*! Pháp tướng như thị. Khởi khả thuyết hồ? Phù thuyết pháp giả, vô thuyết, vô thị. Kỳ thính pháp giả, vô văn, vô đắc. Thí như ảo sĩ, vị ảo nhân thuyết pháp. Đương kiến thị ý, nhi vị thuyết pháp. Đương

衆生根有利鈍。善於知見無所罣礙。以大悲心讚於大乘。念報佛恩不斷三寶。然後說法。

維摩詰說是法時。八百居士發阿耨多羅三藐三菩提心。我無此辯。是故不任詣彼問疾。

佛告大迦葉。汝行詣維摩詰問疾。

迦葉白佛言。世尊。我不堪任詣彼問疾。所以者何。憶念我昔於貧里而行乞。時維摩詰來謂我言。唯大迦葉。有慈悲心而不能普。捨豪富從貧乞。

迦葉。住平等法應次行乞食。為不食故應行乞食。為壞和合相故應取搏食。為不受故應受彼食。以空聚想入於聚落。所見色與盲等。所聞聲與響等。所嗅香與風等。所食味不分別。受諸觸如智證。知諸法如幻相無自性無他性。本自不然今則無滅。

迦葉。若能不捨八邪入八解脫。以邪相入正法。以一食施一切。供養諸佛及衆賢聖。然後可食。如是食者非有煩惱非離煩

liều chúng sinh căn hữu lợi độn. Thiện ư tri kiến, vô sở quái ngại. Dĩ đại bi tâm, tán ư Đại thừa. Niệm báo Phật ân, bất đoạn Tam bảo. Nhiên hậu thuyết pháp.

Duy-ma-cật thuyết thị pháp thời, bát bá cư sĩ phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Ngã vô thử biện. Thị cố bất nhiệm nghệ bị vấn tạt.

Phật cáo Đại *Ca-diếp*: Nhữ hành nghệ *Duy-ma-cật* vấn tạt.

Ca-diếp bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã bất kham nhiệm nghệ bị vấn tạt. Sở dĩ giả hà? Ưc niệm ngã tích, ư bản lý nhi hành khát. Thời, *Duy-ma-cật* lai, vị ngã ngôn: ‘Duy, Đại *Ca-diếp*! Hữu từ bi tâm, nhi bất năng phổ: xả hào phú, tòng bản khát.

‘*Ca-diếp*! Trụ bình đẳng pháp: ưng thứ hành khát thực. Vị bất thực cố, ưng hành khát thực. Vị hoại hòa hiệp tướng cố, ưng thủ đoàn thực. Vị bất thọ cố, ưng thọ bị thực. Dĩ không tụ tướng, nhập ư tụ lạc. Sở kiến sắc dữ manh đẳng. Sở văn thanh dữ hưởng đẳng. Sở khứu hương dữ phong đẳng. Sở thực vị bất phân biệt. Thọ chư xúc như trí chứng. Tri chư pháp như ảo tướng, vô tự tánh, vô tha tánh, bốn tự bất nhiên, kim tác vô diệt.

‘*Ca-diếp*! Nhược năng bát xả bát tà, nhập bát giải thoát, dĩ tà tướng nhập chánh pháp, dĩ nhất thực thí nhất thiết, cúng dường chư Phật cấp chúng hiền thánh, nhiên hậu khả thực. Như thị thực giả, phi hữu phiền

惱。非入定意非起定意。非住世間非住涅槃。其有施者無大福無小福。不為益不為損。是為正入佛道不依聲聞。

迦葉。若如是食為不空食人之施也。

時我世尊。聞說是語得未曾有。即於一切菩薩深起敬心。復作是念。斯有家名辯才智慧乃能如是。其誰不發阿耨多羅三藐三菩提心。我從是來不復勸人以聲聞辟支佛行。是故不任詣彼問疾。

佛告須菩提。汝行詣維摩詰問疾。

須菩提白佛言。世尊。我不堪任詣彼問疾。所以者何。憶念我昔入其舍從乞食。時維摩詰取我鉢盛滿飯。謂我言。唯須菩提。若能於食等者諸法亦等。諸法等者於食亦等。如是行乞乃可取食。若須菩提不斷婬怒癡亦不與俱。不壞於身而隨一相。不滅癡愛起於解脫。以五逆相而得解脫。亦不解不縛。不見四諦非不見諦。非得果非不得果。非凡夫非離凡夫法。非聖人非不聖人。雖成就一切法而離諸法相。乃可取食。若須菩提。不見佛不聞法。彼外道

não, phi ly phiền não, phi nhập định ý, phi khởi định ý, phi trụ thế gian, phi trụ *Niết-bàn*. Kỳ hữu thí giả, vô đại phước, vô tiểu phước, bất vi ích, bất vi tổn. Thị vi chánh nhập Phật đạo, bất y Thanh văn.

‘*Ca-diếp!* Nhược như thị thực, vi bất không thực nhân chi thí dã.’

Thời ngã, Thế Tôn, văn thuyết thị ngữ, đắc vị tăng hữu. Tức ư nhất thiết *Bồ Tát*, thâm khởi kính tâm. Phục tác thị niệm: “Tư hữu gia danh, biện tài trí huệ nãi năng như thị. Kỳ thùy bất phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm?” Ngã tùng thị lai bất phục khuyến nhân dĩ Thanh văn, Bích chi Phật hạnh. Thị cố bất nhiệm nghệ bỉ vấn tật.

Phật cáo *Tu-bồ-đề*: Nhữ hành nghệ *Duy-ma-cật* vấn tật.

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã bất kham nhiệm nghệ bỉ vấn tật. Sở dĩ giả hà? Ưc niệm ngã tích, nhập kỳ xá tùng khát thực. Thời, *Duy-ma-cật* thủ ngã bát, thành mãn phạn, vị ngã ngôn: ‘Duy, *Tu-bồ-đề!* Nhược năng ư thực đẳng giả, chư pháp diệt đẳng. Chư pháp đẳng giả, ư thực diệt đẳng. Như thị hành khát, nãi khả thủ thực. Nhược *Tu-bồ-đề* bất đoạn dâm, nộ, si, diệt bất dữ câu. Bất hoại ư thân, nhi tùy nhất tướng. Bất diệt si ái, khởi ư giải thoát. Dĩ ngữ nghịch tướng nhi đắc giải thoát. Diệt bất giải, bất phước. Bất kiến tứ đế, phi bất kiến đế. Phi đắc quả, phi bất đắc quả. Phi phạm phu, phi ly phạm phu pháp. Phi thánh nhân, phi bất thánh nhân. Tuy thành tựu nhất thiết pháp, nhi ly chư pháp tướng, nãi khả thủ thực. Nhược *Tu-bồ-đề* bất kiến Phật, bất văn

六師。富蘭那迦葉。末伽梨拘賒梨子。刪闍夜毘羅胝子。阿耆多翅舍欽婆羅。迦羅鳩駄迦旃延。尼犍陀若提子等是汝之師因其出家。彼師所墮汝亦隨墮。乃可取食。

若須菩提入諸邪見不到彼岸。住於八難不得無難。同於煩惱離清淨法。汝得無諍三昧。一切衆生亦得是定。其施汝者不名福田。供養汝者墮三惡道。為與衆魔共一手作諸勞侶。汝與衆魔及諸塵勞等無有異。於一切衆生而有怨心。謗諸佛毀於法不入衆數。終不得滅度。汝若如是乃可取食。

時我世尊。聞此茫然不識是何言。不知以何答。便置鉢欲出其舍。

維摩詰言。唯須菩提提取鉢勿懼。於意云何。如來所作化人。若以是事詰。寧有懼不。

我言。不也。

維摩詰言。一切諸法如幻化相。汝今不應有所懼也。所以者何。一切言說不離是相。至於智者不著文字故無所懼。何以

pháp, bỉ ngoại đạo Lục sư: *Phú-lan-na Ca-diếp*, *Mạt-già-lê Câu-xa-lê* tử, *Xan-xà-dạ Tỳ-la-dê* tử, *A-kỳ-da Sí-xá-khâm-bà-la*, *Ca-la-cưu-đa Ca-chiên-diên*, *Ni-kiền-đa Nhã-dê* tử đẳng thị nhữ chi sư. Nhân kỳ xuất gia, bỉ sư sở đạo, nhữ diệc tùy đạo, nãi khả thủ thực.

‘Nhược *Tu-bồ-đề* nhập chư tà kiến, bất đáo bỉ ngạn, trụ ư bát nạn, bất đắc vô nạn, đồng ư phiến nảo, ly thanh tịnh pháp. Nhữ đắc vô tranh *Tam-muội*. Nhất thiết chúng sinh diệc đắc thị định. Kỳ thí nhữ giả, bất danh phước điền. Cúng dường nhữ giả, đạo tam ác đạo, vi dữ chúng ma cộng nhất thủ, tác chư lao lữ. Nhữ dữ chúng ma, cập chư trần lao, đẳng vô hữu dị. Ư nhất thiết chúng sinh, nhi hữu oán tâm. Báng chư Phật, hủy ư pháp, bất nhập chúng số, chung bất đắc diệt độ. Nhữ nhược như thị, nãi khả thủ thực.’

Thời ngã, Thế Tôn, văn thủ mang nhiên, bất thức thị hà ngôn, bất tri dĩ hà đáp. Tiệm trí bát, dục xuất kỳ xá.

Duy-ma-cật ngôn: ‘Duy, *Tu-bồ-đề*! Thủ bát vật cụ. Ư ý vân hà? Như Lai sở tác hóa nhân, nhược dĩ thị sự cật, ninh hữu cụ phủ?’

Ngã ngôn: ‘Phát dã.’

Duy-ma-cật ngôn: ‘Nhất thiết chư pháp, như ảo hóa tướng. Nhữ kim bất ưng hữu sở cụ giả. Sở dĩ giả hà? Nhất thiết ngôn thuyết bất ly thị tướng. Chí ư trí giả bất trước văn tự, cố vô sở cụ. Hà dĩ cố? Văn tự tánh ly. Vô hữu văn

故。文字性離。無有文字。是則解脫。解脫相者則諸法也。

維摩詰說是法時。二百天子得法眼淨。故我不任詣彼問疾。

佛告富樓那彌多羅尼子。汝行詣維摩詰問疾。

富樓那白佛言。世尊。我不堪任詣彼問疾。所以者何。憶念我昔於大林中在一樹下。為諸新學比丘說法。時維摩詰來謂我言。唯富樓那。先當入定觀此人心然後說法。無以穢食置於寶器。當知是比丘心之所念。無以瑠璃同彼水精。汝不能知衆生根源。無得發起以小乘法。彼自無瘡勿傷之也。欲行大道莫示小徑。無以大海內於牛跡。無以日光等彼螢火。

富樓那。此比丘久發大乘心。中忘此意。如何以小乘法而教導之。我觀小乘智慧微淺。猶如盲人不能分別一切衆生根之利鈍。

時維摩詰即入三昧。令此比丘自識宿命。曾於五百佛所植衆德本。迴向阿耨多

tự, thị tắc giải thoát. Giải thoát tướng giả, tắc chư pháp dã.’

Duy-ma-cật thuyết thị pháp thời, nhị bá thiên tử đắc pháp nhãn tịnh. Cố ngã bất nhiệm nghệ bỉ vấn tặc.

Phật cáo *Phú-lâu-na Di-đa-la-ni* tử: Nhữ hành nghệ *Duy-ma-cật* vấn tặc.

Phú-lâu-na bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã bất kham nhiệm nghệ bỉ vấn tặc. Sở dĩ giả hà? Ưc niệm ngã tích, ư đại lâm trung, tại nhất thọ hạ, vị chư tân học *tỳ-kheo* thuyết pháp. Thời, *Duy-ma-cật* lai, vị ngã ngôn: ‘Duy, *Phú-lâu-na*! Tiên đương nhập định, quán thử nhân tâm, nhiên hậu thuyết pháp. Vô dĩ uế thực, trí ư bảo khí. Đương tri thị *tỳ-kheo* tâm chi sở niệm. Vô dĩ lưu ly đồng bỉ thủy tinh. Nhữ bất năng tri chúng sinh căn nguyên, vô đắc phát khởi dĩ Tiểu thừa pháp. Bĩ tự vô sang, vật thương chi dã. Dục hành đại đạo, mạc thị tiểu kinh. Vô dĩ đại hải nập ư ngưu tích. Vô dĩ nhật quang đẳng bỉ huỳnh hỏa.

‘*Phú-lâu-na*! Thử *tỳ-kheo* cửu phát Đại thừa tâm, trung vong thử ý. Như hà dĩ Tiểu thừa pháp nhi giáo đạo chi? Ngã quan Tiểu thừa trí huệ vi thiểu: Du như manh nhân, bất năng phân biệt nhất thiết chúng sinh căn chi lợi độn.’

Thời, *Duy-ma-cật* tức nhập *Tam-muội*, linh thử *tỳ-kheo* tự thức túc mạng, tăng ư ngũ bá Phật sở thực chúng đức bốn, hồi hướng *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

羅三藐三菩提。即時豁然還得本心。於是諸比丘稽首禮維摩詰足。

時維摩詰因為說法。於阿耨多羅三藐三菩提不復退轉。我念聲聞不觀人根不應說法。是故不任詣彼問疾。

佛告摩訶迦旃延。汝行詣維摩詰問疾。

迦旃延白佛言。世尊。我不堪任詣彼問疾。所以者何。憶念昔者佛為諸比丘略說法要。我即於後敷演其義。謂無常義苦義空義無我義寂滅義。時維摩詰來謂我言。唯迦旃延。無以生滅心行說實相法。

迦旃延。諸法畢竟不生不滅。是無常義。五受陰洞達空無所起。是苦義。諸法究竟無所有。是空義。於我無我而不二。是無我義。法本不然今則無滅。是寂滅義。

說是法時彼諸比丘心得解脫。故我不任詣彼問疾。

佛告阿那律。汝行詣維摩詰問疾。

阿那律白佛言。世尊。我不堪任詣彼問疾。所以者何。憶念我昔於一處經行。時

Tức thời hoá nhiên, hoàn đắc bốn tâm. Ư thị, chư *tỳ-kheo* khể thủ lễ *Duy-ma-cật* túc.

Thời, *Duy-ma-cật* nhân vị thuyết pháp, ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, bất phục thối chuyển. Ngã niệm Thanh văn bất quán nhân căn, bất ưng thuyết pháp. Thị cố bất nhiệm nghệ bỉ vấn tật.

Phật cáo *Ma-ha Ca-chiên-diên*: Nhữ hành nghệ *Duy-ma-cật* vấn tật.

Ca-chiên-diên bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã bất kham nhiệm nghệ bỉ vấn tật. Sở dĩ giả hà? Ưc niệm tích giả, Phật vị chư *tỳ-kheo* lược thuyết pháp yếu. Ngã tức ư hậu, phu diễn kỳ nghĩa. Vị vô thường nghĩa, khổ nghĩa, không nghĩa, vô ngã nghĩa, tịch diệt nghĩa. Thời, *Duy-ma-cật* lai, vị ngã ngôn: ‘Duy, *Ca-chiên-diên*! Vô dĩ sinh diệt tâm hạnh, thuyết thật tướng pháp.

‘*Ca-chiên-diên*! Chư pháp tất cánh bất sinh, bất diệt, thị vô thường nghĩa. Ngũ thọ ẩm đồng đạt, không vô sở khởi: thị khổ nghĩa. Chư pháp cứu cánh vô sở hữu: thị không nghĩa. Ư ngã, vô ngã nhi bất nhị: thị vô ngã nghĩa. Pháp bốn bất nhiên, kim tắc vô diệt, thị tịch diệt nghĩa.’

Thuyết thị pháp thời, bỉ chư *tỳ-kheo* tâm đắc giải thoát. Cố ngã bất nhiệm nghệ bỉ vấn tật.

Phật cáo *A-na-luật*: Nhữ hành nghệ *Duy-ma-cật* vấn tật.

A-na-luật bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã bất kham nhiệm nghệ bỉ vấn tật. Sở dĩ giả hà? Ưc niệm ngã tích,

有梵王名曰嚴淨。與萬梵俱放淨光明來詣我所。稽首作禮問我言。幾何阿那律天眼所見。

我即答言。仁者。吾見此釋迦牟尼佛土三千大千世界如觀掌中菴摩勒菓。

時維摩詰來謂我言。唯阿那律。天眼所見為作相耶。無作相耶。假使作相則與外道五通等。若無作相即是無為不應有見。

世尊。我時默然。彼諸梵聞其言。得未曾有。即為作禮而問曰。世孰有真天眼者。

維摩詰言。有佛世尊得真天眼。常在三昧悉見諸佛國不以二相。

於是嚴淨梵王及其眷屬五百梵天皆發阿耨多羅三藐三菩提心。禮維摩詰足已忽然不現。故我不任詣彼問疾。

佛告優波離。汝行詣維摩詰問疾。

優波離白佛言。世尊。我不堪任詣彼問疾。所以者何。憶念昔者有二比丘。犯律行以為恥。不敢問佛。來問我言。唯優波

ư nhất xứ kinh hành. Thời hữu *Phạm* vương, danh viết *Nghiêm Tịnh*, dữ vạ *Phạm* câu phóng tịnh quang minh, lai nghệ ngã sở, khể thủ tác lễ, vấn ngã ngôn: ‘Kỷ hà *A-na-luật* thiên nhân sở kiến?’

Ngã tức đáp ngôn: ‘Nhân giả! Ngô kiến thử *Thích-ca Mâu-ni* Phật độ, tam thiên đại thiên thế giới, như quan chưởng trung *am-ma-lặc* quả.’

Thời, *Duy-ma-cật* lai, vị ngã ngôn: ‘Duy, *A-na-luật*! Thiên nhân sở kiến, vì tác tướng da? Vô tác tướng da? Giả sử tác tướng, tắc dữ ngoại đạo ngũ thông đẳng. Nhược vô tác tướng, tức thị vô vi, bất ưng hữu kiến.’

Thế Tôn! Ngã thời mặc nhiên. Bĩ chư *Phạm* văn kỳ ngôn, đắc vị tăng hữu. Tức vị tác lễ, nhi vấn viết: ‘Thế thực hữu chân thiên nhân giả?’

Duy-ma-cật ngôn: ‘Hữu Phật Thế Tôn đắc chân thiên nhân. Thường tại *Tam-muội*, tất kiến chư Phật quốc, bất dĩ nhị tướng.’

Ư thị, *Nghiêm Tịnh Phạm* vương cập kỳ quyền thuộc ngũ bá *Phạm* thiên giai phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Lễ *Duy-ma-cật* túc dĩ, hốt nhiên bất hiện. Cố ngã bất nhiệm nghệ bĩ vấn tât.

Phật cáo *Ưu-ba-ly*: Nhữ hành nghệ *Duy-ma-cật* vấn tât.

Ưu-ba-ly bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã bất kham nhiệm nghệ bĩ vấn tât. Sở dĩ giả hà? Ưc niệm tích giả, hữu nhị *tỳ-kheo* phạm luật hạnh. Dĩ vi sĩ, bất cảm vấn Phật,

離。我等犯律誠以為恥。不敢問佛。願解疑悔得免斯咎。我即為其如法解說。

時維摩詰來謂我言。唯優波離。無重增此二比丘罪。當直除滅勿擾其心。所以者何。彼罪性不在內不在外不在中間。如佛所說。心垢故衆生垢。心淨故衆生淨。心亦不在內不在外不在中間。如其心然。罪垢亦然。諸法亦然。不出於如。

如優波離。以心相得解脫時。寧有垢不。

我言。不也。

維摩詰言。一切衆生心相無垢亦復如是。

唯優波離。妄想是垢無妄想是淨。顛倒是垢。無顛倒是淨。取我是垢。不取我是淨。

優波離。一切法生滅不住。如幻如電諸法不相待。乃至一念不住。諸法皆妄見。如夢如燄如水中月如鏡中像以妄想生。其知此者是名奉律。其知此者是名善解。

lai vấn ngã ngôn: ‘Duy, *Ưu-ba-ly*! Ngã đẳng phạm luật, thành di vi sĩ, bất cảm vấn Phật. Nguyên giải nghi hối, đắc miễn tư cữu.’ Ngã tức vị kỳ như pháp giải thuyết.

Thời, *Duy-ma-cật* lai, vị ngã ngôn: ‘Duy, *Ưu-ba-ly*! Vô trọng tăng thử nhị *tỳ-kheo* tội, đương trực trừ diệt, vạt nhiều kỳ tâm. Sở dĩ giả hà? Bĩ tội tánh bất tại nội, bất tại ngoại, bất tại trung gian. Như Phật sở thuyết: tâm cấu, cố chúng sinh cấu, tâm tịnh, cố chúng sinh tịnh. Tâm diệc bất tại nội, bất tại ngoại, bất tại trung gian. Như kỳ tâm nhiên, tội cấu diệc nhiên, chư pháp diệc nhiên, bất xuất ư như.

‘Như *Ưu-ba-ly* dĩ tâm tướng đắc giải thoát thời, ninh hữu cấu phủ?’

Ngã ngôn: ‘Phất dã.’

Duy-ma-cật ngôn: ‘Nhất thiết chúng sinh tâm tướng vô cấu, diệc phục như thị.’

‘Duy, *Ưu-ba-ly*! Vọng tưởng thị cấu, vô vọng tưởng thị tịnh. Diên đảo thị cấu, vô diên đảo thị tịnh. Thử ngã thị cấu, bất thử ngã thị tịnh.

‘*Ưu-ba-ly*! Nhất thiết pháp sinh diệt bất trụ, như ảo, như điện. Chư pháp bất tương đãi, nãi chí nhất niệm bất trụ. Chư pháp giai vọng kiến, như mộng, như diệm, như thủy trung nguyệt, như kính trung tượng, dĩ vọng tưởng sinh. Kỳ tri thử giả, thị danh phụng luật. Kỳ tri thử giả, thị danh thiện giải.’

於是二比丘言。上智哉。是優波離所不能及。持律之上而不能說。

我答言。自捨如來未有聲聞及菩薩能制其樂說之辯。其智慧明達為若此也。

時二比丘疑悔即除。發阿耨多羅三藐三菩提心。作是願言。令一切衆生皆得是辯。

故我不任詣彼問疾。

佛告羅睺羅。汝行詣維摩詰問疾。

羅睺羅白佛言。世尊。我不堪任詣彼問疾。所以者何。憶念昔時毘耶離諸長者子。來詣我所稽首作禮問我言。唯羅睺羅。汝佛之子。捨轉輪王位出家為道。其出家者有何等利。

我即如法為說出家功德之利。

時維摩詰來謂我言。唯羅睺羅。不應說出家功德之利。所以者何。無利無功德是

Ư thị, nhị *tỳ-kheo* ngôn: ‘Thượng trí tai! Thị *Ưu-ba-ly* sở bất năng cập. Trì luật chi thượng nhị bất năng thuyết.’

Ngã đáp ngôn: ‘Tự xả Như Lai, vị hữu Thanh văn cập *Bồ Tát* năng chế kỳ lạc thuyết chi biện, kỳ trí huệ minh đạt vi nhược thử dã.’

Thời, nhị *tỳ-kheo* nghi hối tức trừ, phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Tác thị nguyện ngôn: ‘Linh nhất thiết chúng sinh giai đắc thị biện.’

Cố ngã bất nhiệm nghệ bỉ vấn tặc.

Phật cáo *La-hầu-la*: Nhữ hành nghệ *Duy-ma-cật* vấn tặc.

La-hầu-la bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã bất kham nhiệm nghệ bỉ vấn tặc. Sở dĩ giả hà? Ưc niệm tích thời, *Tỳ-da-ly* chư trưởng giả tử lai nghệ ngã sở, khổ thủ tác lễ, vấn ngã ngôn: ‘Duy, *La-hầu-la*! Nhữ Phật chi tử, xả Chuyển luân vương vị, xuất gia vi đạo. Kỳ xuất gia giả, hữu hà đẳng lợi?’

Ngã tức như pháp, vị thuyết xuất gia công đức chi lợi.

Thời *Duy-ma-cật* lai, vị ngã ngôn: ‘Duy, *La-hầu-la*! Bất ưng thuyết xuất gia công đức chi lợi. Sở dĩ giả hà? Vô lợi, vô công đức, thị vi xuất gia. Hữu vi pháp giả, khả

為出家。有為法者可說有利有功德。夫出家者為無為法。無為法中無利無功德。

羅睺羅。出家者無彼無此亦無中間。離六十二見處於涅槃。智者所受聖所行處。降伏衆魔度五道淨五眼得五力立五根。不惱於彼。離衆雜惡摧諸外道。超越假名出淤泥無繫著無我所無所受無擾亂內懷喜護彼意。隨禪定離衆過。若能如是是真出家。

於是維摩詰語諸長者子。汝等於正法中宜共出家。所以者何。佛世難值。

諸長者子言。居士。我聞佛言。父母不聽不得出家。

維摩詰言。然汝等便發阿耨多羅三藐三菩提心是即出家。是即具足。

爾時三十二長者子。皆發阿耨多羅三藐三菩提心。故我不任詣彼問疾。

佛告阿難。汝行詣維摩詰問疾。

thuyết hữu lợi, hữu công đức. Phù xuất gia giả, vi vô vi pháp. Vô vi pháp trung, vô lợi, vô công đức.

‘*La-hầu-la!* Phù xuất gia giả, vô bỉ, vô thử, diệt vô trung gian. Ly lục thập nhị kiến, xử ư *Niết-bàn*. Trí giả sở thọ, thánh sở hành xứ. Hàng phục chúng ma, độ ngũ đạo, tịnh ngũ nhãn, đắc ngũ lực, lập ngũ căn, bất nã u bỉ, ly chúng tạp ác, tồ chư ngoại đạo, siêu việt giả danh, xuất ứ nê, vô hệ trước, vô ngã sở, vô sở thọ, vô nhiễu loạn nội hoại, hỷ hộ bỉ ý, tùy thiên định, ly chúng quá. Nhược năng như thị, thị chân xuất gia.’

Ư thị, *Duy-ma-cật* ngữ chư trưởng giả tử: ‘Nhữ đẳng ư chánh pháp trung, nghi cộng xuất gia. Sở dĩ giả hà? Phật thế nan trị.’

Chư trưởng giả tử ngôn: ‘Cư sĩ! Ngã văn Phật ngôn: Phụ mẫu bất thính, bất đắc xuất gia.’

Duy-ma-cật ngôn: ‘Nhiên, nhữ đẳng tiện phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Thị tức xuất gia. Thị tức cụ túc.’

Nhĩ thời, tam thập nhị trưởng giả tử, giai phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Cố ngã bất nhiệm nghệ bỉ vấn tât.

Phật cáo *A-nan*: Nhữ hành nghệ *Duy-ma-cật* vấn tât.

阿難白佛言。世尊。我不堪任詣彼問疾。所以者何。憶念昔時世尊身小有疾當用牛乳。我即持鉢詣大婆羅門家門下立。時維摩詰來謂我言。唯阿難。何為晨朝持鉢住此。

我言。居士。世尊身小有疾當用牛乳。故來至此。

維摩詰言。止止阿難。莫作是語。如來身者金剛之體。諸惡已斷衆善普會。當有何疾。當有何惱。

默往阿難。勿謗如來。莫使異人聞此麤言。無令大威德諸天及他方淨土諸來菩薩得聞斯語。

阿難。轉輪聖王以少福故尚得無病。豈況如來無量福會普勝者哉。

行矣阿難。勿使我等受斯恥也。外道梵志若聞此語當作是念。何名為師。自疾不能救而能救諸疾人。可密速去勿使人聞。

當知阿難。諸如來身即是法身非思欲身。佛為世尊過於三界。佛身無漏諸漏已

A-nan bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã bất kham nhiệm nghệ bỉ vấn tật. Sở dĩ giả hà? Ưc niệm tích thời, Thế Tôn thân tiểu hữu tật, đương dụng nguу nhữ. Ngã tức trì bát, nghệ đại *bà-la-môn* gia môn hạ lập. Thời, *Duy-ma-cật* lai, vị ngã ngôn: ‘Duy, A-nan! Hà vi thần triêu trì bát trụ thử?’

Ngã ngôn: ‘Cư sĩ! Thế Tôn thân tiểu hữu tật, đương dụng nguу nhữ. Cố lai chí thử.’

Duy-ma-cật ngôn: ‘Chỉ chỉ! A-nan! Mạc tác thị ngữ. Như Lai thân giả, kim cang chi thể, chư ác dĩ đoạn, chúng thiện phổ hội. Đương hữu hà tật? Đương hữu hà nào?’

‘Mạc vãng A-nan! Vật báng Như Lai. Mạc sử dị nhân văn thử thô ngôn. Vô linh đại oai đức chư thiên cập tha phương tịnh độ chư lai Bồ Tát đắc văn tư ngữ.’

‘A-nan! Chuyển luân Thánh vương dĩ thiếu phước cố, thượng đắc vô bệnh. Khởi hướng Như Lai, vô lượng phước hội, phổ thắng giả tai!’

‘Hành hỹ, A-nan! Vật sử ngã đẳng thọ tư sĩ dã. Ngoại đạo Phạm chí, nhược văn thử ngữ, đương tác thị niệm: Hà danh vi sư? Tự tật bất năng cứu, nhi năng cứu chư tật nhân! Khả mật tốc khứ, vật sử nhân văn.’

‘Đương tri, A-nan! Chư Như Lai thân, tức thị Pháp thân, phi tư dục thân. Phật vi Thế Tôn, quá ư Tam giới.’

盡。佛身無為不墮諸數。如此之身當有何疾。

時我世尊實懷慚愧。得無近佛而謬聽耶。即聞空中聲曰。阿難。如居士言。但為佛出五濁惡世。現行斯法度脫衆生。

行矣阿難。取乳勿慚。

世尊。維摩詰智慧辯才為若此也。是故不任詣彼問疾。

如是五百大弟子。各各向佛說其本緣。稱述維摩詰所言。皆曰不任詣彼問疾。



Phật thân vô lậu, chư lậu dĩ tận. Phật thân vô vi, bất đoạ chư số. Như thử chi thân, đương hữu hà tật?’

Thời ngã, Thế Tôn, thật hoài tâm quý, đắc vô cận Phật nhi mậu thính da? Túc văn không trung thanh viết: ‘A-nan! Như cư sĩ ngôn, dẫn vi Phật xuất ngũ trước ác thế, hiện hành tư pháp, độ thoát chúng sinh.

‘Hành hỷ, A-nan! Thử nhữ vật tầm.’

Thế Tôn! *Duy-ma-cật* trí huệ biện tài vi nhược thử dã. Thị cố bất nhiệm nghệ bỉ vấn tật.

Như thị ngũ bá đại đệ tử, các các hướng Phật, thuyết kỳ bốn duyên, xưng thuật *Duy-ma-cật* sở ngôn. Giai viết: Bất nhiệm nghệ bỉ vấn tật.



Phẩm thứ ba

ĐỆ TỬ

Lúc ấy, trưởng giả *Duy-ma-cật* bệnh nằm trên giường, tự nghĩ rằng: “Đức Thế Tôn đại bi! Ngài há chẳng đoái thương con sao?”

Phật biết ý nghĩ ấy, liền bảo *Xá-ly-phất*:⁽¹⁾ “Ngươi hãy đến nhà *Duy-ma-cật* mà thăm hỏi bệnh người.”

Xá-ly-phất bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến đó thăm hỏi bệnh ông ấy. Nguyên do là thế này. Con còn nhớ lúc trước, khi con đang ở trong rừng, ngồi yên dưới một cội cây. Bấy giờ, *Duy-ma-cật* đến bảo con rằng: ‘Dạ, thưa ngài *Xá-ly-phất*! Chẳng

⁽¹⁾ *Xá-ly-phất* (Sanskrit: Śāriputra, Pāli: Sāriputta): dịch nghĩa là Thu tử, một vị đại đệ tử của Phật Thích-ca, được Phật nhận là Trí huệ đệ nhất trong các đệ tử của ngài. *Xá-ly-phất* xuất thân từ một gia đình Bà-la-môn. Sau khi đức Phật giác ngộ, *Xá-ly-phất* cùng bạn thân là ngài Mục-kiền-liên gia nhập Tăng-già. Tôn giả đã mất trước ngày Phật nhập diệt khoảng vài tháng.

Trước khi theo học với Phật, *Xá-ly-phất* là một người đầy nghi ngờ. Theo kinh sách, Tôn giả trở thành đệ tử của Phật sau khi gặp một tỳ-kheo là A-thuyết-thị (Sanskrit: Assaji). Thấy gương mặt sáng ngời trang nghiêm, phong độ nhàn nhã của A-thuyết-thị, Tôn giả liền hỏi ông ta đặt niềm tin nơi ai. A-thuyết-thị trả lời bằng bốn câu kệ, được gọi là Duyên khởi kệ:

若法因緣生
法亦因緣滅
是生滅因緣
佛大沙門說

cần ngồi như vậy mà gọi là ngồi yên. Nếu ngồi yên thì chẳng hiện thân và ý trong ba cõi, như vậy là ngồi yên. Chẳng khởi diệt định mà hiện các oai nghi, như vậy là ngồi yên. Chẳng bỏ đạo pháp mà hiện việc phàm phu, như vậy là ngồi yên. Đối với các kiến giải, tâm chẳng động, bèn tu hành ba mươi bảy phẩm trợ đạo, như vậy là ngồi yên. Chẳng cắt đứt phiền não mà vào *Niết-bàn*, như vậy là ngồi yên. Nếu ngồi được như vậy sẽ được Phật nhận cho là tốt.’

“Thế Tôn! Lúc đó nghe xong mấy lời ấy, con lặng thinh chẳng đáp lại được. Vậy nên con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến đó thăm bệnh ông ấy.”

Phật bảo Đại *Mục-kiền-liên*:⁽¹⁾ “Người hãy đến nhà *Duy-ma-cật* mà thăm hỏi bệnh người.”

Nhược pháp nhân duyên sinh

Pháp diệt nhân duyên diệt

Thị sinh diệt nhân duyên

Phật đại sa-môn thuyết.

Các pháp nhân duyên sinh

Cũng theo nhân duyên diệt

Nhân duyên sinh diệt này

Phật đại sa-môn thuyết.

Nghe xong, Xá-lý-phất liền trực nhận ngay về chân lý “Có sinh thì có diệt”, liền thuật lại cho bạn thân là Mục-kiền-liên rồi hai người đến xin Phật cho gia nhập Tăng-già, trở thành đệ tử Phật.

- (1) Đại Mục-kiền-liên (Sanskrit: Mahā Maudgalyāyana, Pāli: Mahā Moggallāna): Một vị đại đệ tử của Phật, được Phật nhận là Thần thông đệ nhất trong các đệ tử của ngài. Ngài là bạn thân với tôn giả Xá-lý-phất trước khi xuất gia. Chính Xá-lý-phất sau khi đặt niềm tin ở Phật đã rủ ngài cùng xuất gia theo Phật.

Mục-liên bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến đó thăm bệnh ông ấy. Nguyên do là thế này. Con còn nhớ lúc trước, khi con vào thành lớn *Tỳ-da-ly*, ở trong một ngõ xóm mà thuyết pháp với các cư sĩ. Bấy giờ, *Duy-ma-cật* đến bảo con rằng: ‘Dạ, thưa ngài *Đại Mục-liên*! Có thuyết pháp với cư sĩ áo trắng, chẳng nên thuyết như ngài vậy. Người thuyết pháp nên y như pháp mà thuyết. Pháp không có chúng sinh, nên lìa khỏi cấu trược của chúng sinh. Pháp không có ta, nên lìa khỏi cấu trược của ta. Pháp không có thọ mạng, nên lìa khỏi sinh tử. Pháp không có người, nên dứt hết khoản trước và khoản sau. Pháp thường yên lặng, nên dứt hết các tướng. Pháp lìa khỏi tướng, nên không có chỗ duyên leo. Pháp không có danh tự, nên dứt hết ngôn ngữ. Pháp không có thuyết diễn, nên lìa khỏi giác quan. Pháp không có hình tướng, nên giống như hư không. Pháp không có hí luận, nên tất cánh là không. Pháp không có vật của ta, nên lìa vật của ta. Pháp không có phân biệt, nên lìa khỏi các thức. Pháp không có chỗ so sánh, nên không có sự đối đãi. Pháp chẳng do nơi nhân, nên chẳng ở tại duyên. Pháp đồng tánh với nhau, nên thiệp nhập với các pháp. Pháp tùy theo lẽ như như, nên không tùy theo đâu cả. Pháp trụ ở thực tế, nên các bên đều chẳng khởi động. Pháp không có lay động, nên chẳng đeo theo sáu trần: hình sắc, âm thanh, mùi ngửi, vị nếm, xúc cảm, các pháp. Pháp không có đi, không có lại, nên thường chẳng trụ. Pháp thuận với không, tùy theo vô tướng, ứng với vô tác. Pháp lìa khỏi tốt và xấu. Pháp không có thêm và bớt.

Pháp không có sinh và diệt. Pháp không có chỗ về. Pháp vượt khỏi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm. Pháp không có cao và thấp. Pháp thường trụ chẳng động. Pháp là khởi tất cả mọi sự quán sát và hành đạo.

“Thưa ngài, tướng pháp là như vậy, há thuyết diễn được sao? Nay, người thuyết pháp thì không nói, không chỉ. Kể nhận pháp thì không nghe, không đắc. Như nhà ảo thuật thuyết pháp với người ảo hóa. Nên lập xong cái ý niệm ấy rồi mới thuyết pháp. Nên hiểu rõ căn tánh lành lợi hoặc chậm lụt của chúng sinh. Phải thấy biết cho rành rẽ, không chi trở ngại. Đem lòng đại bi xưng tán Đại thừa. Nhớ báo đáp ơn Phật, đừng dứt lìa Tam bảo. Được như vậy rồi, mới có thể thuyết pháp.”

“Duy-ma-cật thuyết thời pháp ấy rồi, tám trăm cư sĩ phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Con không có biện tài như thế. Vậy nên con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến đó thăm bệnh ông ấy.”

Phật bảo Đại *Ca-diếp*:⁽¹⁾ “Người hãy đến nhà *Duy-ma-cật* mà thăm hỏi bệnh ông ấy.”

Ca-diếp bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến đó thăm bệnh ông ấy. Nguyên do là thế này. Con còn nhớ lúc trước, khi con đi khát thực trong một xóm nhà nghèo. Bấy giờ *Duy-ma-cật* đến bảo con rằng: ‘Dạ, thưa ngài Đại *Ca-diếp*! Ngài có lòng từ bi,

⁽¹⁾ Đại *Ca-diếp* (Sanskrit: Mahā-Kāśyapa. Pāli: Mahā-Kassapa): Một vị đại đệ tử của Phật, được Phật nhận là Đâu đà đệ nhất (Bậc nhất về việc tu khổ hạnh) trong các đệ tử của ngài.

nhưng lại chẳng rộng khắp, ngài bỏ nhà giàu sang để đến nhà nghèo hèn mà khát thực.

“Thưa ngài, hãy trụ nơi pháp bình đẳng, theo thứ tự nhà cửa mà đi khát thực. Vì chẳng ăn, mới nên đi khát thực. Vì bỏ tướng hòa hiệp, mới nên bốc lấy thức ăn. Vì chẳng thọ nhận, mới nên thọ nhận đồ ăn ấy. Vì xem làng xóm như nơi không dân cư, nên mới đi vào xóm làng. Chỗ thấy hình sắc với chỗ không nhìn thấy của kẻ mù đều như nhau. Âm thanh nghe được với tiếng dội lại đều như nhau. Mùi ngửi với gió đều như nhau. Những món mà mình ăn, mình chẳng phân biệt mùi vị. Thọ cảm sự đụng cọ, dường như trí chứng. Hiểu biết các pháp như tướng ảo hóa: không có tánh của mình, không có tánh của vật khác; xưa vốn chẳng cháy, nay cũng không tắt.

“Thưa ngài, nếu có thể chẳng bỏ tám tà⁽¹⁾ vào tám giải thoát,⁽²⁾ dùng tướng tà mà vào pháp chánh, đem một

(1) Tám tà (Bát tà), tức là tám tà đạo, đối lại với tám chánh đạo (Bát chánh đạo). Tám tà ấy là: Tà kiến, Tà tư duy, Tà ngữ, Tà nghiệp, Tà mạng, Tà phương tiện, Tà niệm và Tà định.

(2) Tám giải thoát (Bát giải thoát, Sanskrit: aṣṭavimokṣa). Tám môn giải thoát, gồm có:

1. Nội hữu sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát: (內有色想觀外色解脫) Ở trong sắc giới, quán nội sắc và ngoại sắc, nhằm bỏ tâm ham thích sắc thể.
2. Nội vô sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát: (內無色想觀外色解脫) Không quán nội sắc, quán ngoại sắc, nhận ngoại sắc là ô nhiễm.
3. Tịnh thân tác chứng cụ túc tác giải thoát: (淨身作證具足作解脫) Quán tưởng về thanh tịnh nhưng không bám giữ.

bữa ăn mà thí cho tất cả, cúng dường chư Phật với Hiền Thánh Tăng, làm được như vậy rồi mới nên ăn. Người ăn như vậy, chẳng phải có phiền não, chẳng phải lìa phiền não, chẳng phải vào định ý, chẳng phải ra định ý, chẳng phải trụ thế gian, chẳng phải trụ *Niết-bàn*. Ai thí cho người ấy, không có phước lớn, không có phước nhỏ, chẳng làm lợi ích, chẳng làm tổn hại. Đó là vào Phật đạo một cách chánh trực, chẳng nương theo Thanh văn.

“Thưa ngài, nếu mình ăn được như vậy là chẳng ăn luống của người ta thí.”

“Thế Tôn! Lúc ấy, nghe thuyết như vậy, con được việc chưa từng có! Liền đó, đối với tất cả *Bồ Tát*, con khởi lòng kính trọng một cách sâu đậm. Con lại nghĩ rằng: ‘Ông ấy có gia thế danh tiếng, nên trí huệ biện tài mới được như vậy. Ai nghe mà chẳng phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*?’ Từ đó về sau, con chẳng còn khuyên người ta theo hạnh Thanh văn và hạnh Bích chi Phật. Vậy nên con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến đó thăm bệnh ông ấy.”

4. Không vô biên xứ giải thoát: (空無邊處解脫) Vượt qua sắc thể, quán tưởng rằng hư không là vô biên.
5. Thức vô biên xứ giải thoát: (識無邊處解脫) đạt đến ý niệm thức là vô biên.
6. Vô sở hữu xứ giải thoát: (無所有處解脫) đạt địa vị trong tâm không còn có vật gì.
7. Phi tưởng Phi phi tưởng xứ giải thoát: (非想非非想處解脫) đạt đến mức định Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
8. Diệt tận định giải thoát: (滅盡定解脫) đạt mức định Diệt thọ tưởng xứ.

Phật bảo *Tu-bồ-đề*:⁽¹⁾ “Ngươi hãy đến nhà *Duy-ma-cật* mà thăm hỏi bệnh ông ấy.”

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến thăm bệnh ông ấy. Nguyên do là thế này. Con còn nhớ lúc trước, con có vào nhà ông ấy mà khát thực. Bấy giờ, *Duy-ma-cật* rước lấy bát, đơm đầy cơm, rồi nói với con rằng: ‘Dạ, thưa ngài *Tu-bồ-đề*! Nếu mình có thể coi các món ăn như nhau, thời các pháp cũng bình đẳng như nhau. Các pháp bình đẳng như nhau, thời các món ăn cũng bình đẳng như nhau. Nếu ngài khát thực được như vậy, mới có thể nhận lãnh món ăn. Như *Tu-bồ-đề* chẳng cắt đứt dâm, nộ, si, cũng chẳng chung cùng với ba thứ ấy. Chẳng bỏ cái thân, nhưng tùy theo cái tướng duy nhất. Chẳng dứt si ái, khởi ra giải thoát. Dùng năm tướng nghịch mà được giải thoát. Cũng chẳng có cởi mở, chẳng có trói buộc. Chẳng thấy bốn đế,⁽²⁾ chẳng

(1) *Tu-bồ-đề* (Sanskrit, Pāli: Subhūti), dịch nghĩa là: Thiện hiện, Thiện cát, Thiện nghiệp. Một vị đại đệ tử của Phật, được Phật nhận là Giải Không đệ nhất trong các đệ tử của ngài.

(2) Bốn đế (Tứ diệu đế 四妙諦; Sanskrit: catvāri ārya-satyāni; Pāli: cattāri ariya-saccāni; cũng gọi là Tứ thánh đế (四聖諦): bốn chân lý cao cả, là một trong các giáo lý cơ bản của đạo Phật. Bốn chân lý đó là:

1. Khổ đế (苦諦; Sanskrit: duḥkhasatya), chân lý về sự khổ, chỉ ra mọi dạng tồn tại đều mang tính chất khổ não, không trọn vẹn. Sinh, lão bệnh, tử, xa lìa điều mình ưa thích, không đạt sở nguyện, đều là khổ. Sáu xa hơn, bản chất của năm nhóm thân tâm, Ngũ uẩn (五蘊; Sanskrit: pañcaskandha; Pāli: pañcakhandha), là các điều kiện tạo nên cái ta, đều là khổ.

2. Tập khổ đế (集苦諦; Sanskrit: samudayasatya), chân lý về sự phát sinh của khổ, chỉ ra rằng nguyên nhân của khổ là sự ham muốn, là ái (愛; Sanskrit: tṛṣṇā; Pāli: taṇhā) hay ái dục, tìm sự thỏa mãn dục

phải chẳng thấy bốn đế. Chẳng phải đắc quả, chẳng phải chẳng đắc quả. Chẳng phải phạm phu, chẳng phải là pháp phạm phu. Chẳng phải thánh nhân, chẳng phải khác thánh nhân. Tuy thành tựu tất cả pháp, nhưng là khởi tướng các pháp. Như vậy mới có thể nhận lãnh món ăn.’

‘Nếu *Tu-bồ-đề* chẳng gặp Phật, thời sáu thầy ngoại đạo⁽¹⁾ kia: *Phú-lan-na Ca-diếp*, *Mạt-già-lê Câu-xa-lê tử*, *Xan-xà-dạ Tỳ-la-đê tử*, *A-kỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la*, *Ca-la-*

vọng, thoả mãn được trở thành, thoả mãn được hoại diệt. Các loại ham muốn này là gốc của luân hồi (輪迴; Sanskrit, Pāli: saṃsāra).

3. Diệt khổ đế (滅苦諦; Sanskrit: duḥkhanirodhasatya), chân lí về diệt khổ, chỉ ra rằng một khi gốc của mọi tham ái được diệt bỏ thì sự khổ cũng chấm dứt.

4. Đạo đế (道諦; Sanskrit: mārgasatya), chân lí về con đường dẫn đến diệt khổ, chỉ ra phương pháp để diệt khổ là con đường chân chánh (Bát chánh đạo).

Người không thấu hiểu Tứ diệu đế tức là còn bị Vô minh (無明; Sanskrit: avidyā; Pāli: avijjā) che lấp. Thông qua sự khám phá ra Tứ diệu đế, đức Phật đạt đến sự giác ngộ (Sanskrit, Pāli: bodhi). Ngài bắt đầu giáo hoá chúng sinh bằng giáo pháp này tại Lộc uyển.

⁽¹⁾ Sáu thầy ngoại đạo (Lục sư ngoại đạo): Sáu vị luận sư lớn đồng thời với Phật, chủ trương những giáo lý trái với lời Phật dạy. Sáu vị ấy là:

1. Xan-xà-dạ Tỳ-la-đê tử (刪闍夜毘羅胝子, Pāli: Saṅjaya-velatṭhi-putta).

2. A-kỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la (阿耆多翅舍欽婆羅, Pāli: Ajita-kesa-kambarin).

3. Mạt-già-lê Câu-xa-lê tử (末伽梨拘睺隸子, Pāli: Makkhali-gosāla).

4. Phú-lan-na Ca-diếp (富蘭那迦葉, Pāli: Purāṇa-kassapa).

5. Ca-la-cưu-đa Ca-chiên-diên (迦羅鳩駄迦旃延, Pāli: Pakudha-kaccāyana).

6. Ni-kiền-dà Nhà-đê tử (尼健陀若提子, Pāli: Nigaṇṭha-nātaputta).

cư-đà Ca-chiên-diên, Ni-kiên-dà Nhã-đề tử sẽ là thầy của ngài. Nhân ngài xuất gia theo họ, các thầy dọa lạc, ngài cũng theo đó mà dọa lạc. Như vậy mới có thể nhận lãnh món ăn.'

'Nếu *Tu-bồ-đề* vào các ý kiến tà, chẳng tới bờ bên kia, ở nơi tám nạn, chẳngặng khỏi nạn, đồng với phiền não, lìa pháp thanh tịnh. Ngài được *Tam-muội* Vô tranh. Tất cả chúng sinh cũng được phép định ấy. Những người thí cho ngài, chẳng phải là phước điền. Những kẻ cúng dường cho ngài, dọa vào ba nẻo dữ. Ngài bắt tay với chúng ma, làm bạn với ma. Ngài chẳng khác chi chúng ma và các phiền não trần lao. Ngài có lòng oán hận đối với tất cả chúng sinh. Ngài chê Phật, khinh Pháp, chẳng gia nhập *Tăng-già*, rốt cuộc chẳng vào *Niết-bàn*. Nếu ngài được như vậy, mới có thể nhận lãnh món ăn.'

"Bạch Thế Tôn! Lúc ấy nghe như vậy, con lấy làm hoang mang. Chẳng hiểu ông ấy nói gì, chẳng biết trả lời làm sao! Con liền đặt bát xuống, định ra khỏi nhà ông ấy.

"*Duy-ma-cật* nói: 'Dạ, *Tu-bồ-đề*, xin ngài hãy cầm lấy bát, đừng sợ. Ý ngài nghĩ sao, như đức Như Lai có tạo ra những người ảo hóa, nếu tôi đem việc ấy mà hỏi ngài, ngài có sợ chẳng?' Con đáp lại: 'Không sợ.' *Duy-ma-cật* liền nói: 'Tất cả các pháp dường như tướng ảo hóa, nay ngài không nên sợ chi cả. Tại sao vậy? Tất cả lời nói cũng chẳng lìa khỏi tướng ảo hóa ấy. Cho đến bậc trí giả cũng chẳng chấp trước văn tự. Cho nên không có chi phải sợ.

Vì lẽ gì vậy? Tánh của văn tự là lia. Không có văn tự, đó là giải thoát. Tướng của giải thoát, đó là các pháp.’

“Duy-ma-cật thuyết thời pháp ấy rồi, hai trăm vị tiên trên trời liền đắc *Pháp nhân tịnh*. Vậy nên con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến thăm bệnh ông ấy.”

Phật bảo *Phú-lâu-na Di-da-la-ni tử*:⁽¹⁾ “Người hãy đến nhà *Duy-ma-cật* mà thăm hỏi bệnh ông ấy.”

Phú-lâu-na bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến đó thăm bệnh ông ấy. Nguyên do là thế này. Con còn nhớ lúc trước, khi con ở tại một khu rừng lớn, dưới một cội cây, thuyết pháp với những *tỳ-kheo* mới tu học. Bấy giờ, *Duy-ma-cật* đến bảo con rằng: ‘Dạ, thưa ngài *Phú-lâu-na*! Trước hết ngài nên nhập định, quán xét tâm tánh của những người này. Rồi đó, ông mới nên thuyết pháp. Đừng đặt món ăn dơ vào cái bát quý. Nên biết chỗ niệm tưởng trong tâm của những *tỳ-kheo* này. Đừng cho rằng ngọc lưu ly này đồng hàng với thủy tinh kia. Ông chẳng biết được căn cơ của chúng sinh, không được phát khởi bằng pháp Tiểu thừa. Tự người ta không có dấu vết, đừng gây thương tích cho họ. Người ta muốn đi đường lớn, đừng chỉ nẻo nhỏ cho họ. Đừng đem biển cả mà nhét vào dấu chân bò. Đừng đặt ánh sáng mặt trời ngang hàng với nháng lửa đom đóm.’

(1) *Phú-lâu-na Di-da-la-ni tử* (Sanskrit: *Purṇa-maitrāyaṇīputra*), dịch nghĩa: Mân tử tử. Một vị đại đệ tử của Phật, được Phật nhận là Thuyết pháp đệ nhất trong các đệ tử của ngài.

“Thưa ngài *Phú-lâu-na*! Những *tỳ-kheo* này đã phát tâm Đại thừa từ lâu. Giữa chừng, họ quên ý ấy. Sao nay ngài dẫn dắt họ bằng pháp Tiểu thừa? Tôi nhìn thấy trí huệ Tiểu thừa là hạn hẹp, giống như những kẻ mù, chẳng phân biệt được căn lành lợi với căn chậm lụt của tất cả chúng sinh.”

“Lúc ấy, *Duy-ma-cật* liền vào *Tam-muội*, khiến các *tỳ-kheo* ấy nhớ lại đời trước của mình. Các vị đã từng trồng căn lành đối trước năm trăm đức Phật, hồi hướng cầu thành quả Phật. Ngay khi ấy, các vị sáng bừng, lấy trở lại tấm lòng xưa của mình. Lúc đó, chư *tỳ-kheo* đánh lễ sát chân *Duy-ma-cật*.

“Liền đó, *Duy-ma-cật* thuyết pháp với các vị. Đối với quả Phật, các vị không còn thối chuyển. Từ đó con luôn nghĩ rằng, vị Thanh văn nào chẳng quán thấy căn tánh của người ta, chẳng nên thuyết pháp. Vậy nên con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến đó thăm bệnh ông ấy.”

Phật bảo *Ma-ha Ca-chiên-diên*:⁽¹⁾ “Người hãy đến nhà *Duy-ma-cật* mà thăm hỏi bệnh ông ấy.”

Ca-chiên-diên bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến đó thăm bệnh ông ấy. Nguyên do là thế này. Con còn nhớ lúc trước, Phật thuyết sơ lược những chỗ cốt yếu của pháp với chư *tỳ-kheo*. Sau đó, con diễn rộng nghĩa của những chỗ cốt yếu ấy, là

⁽¹⁾ *Ma-ha Ca-chiên-diên* (Sanskrit: *Mahā-kātyāyana*): Một vị đại đệ tử của Phật, được Phật nhận là Luân nghĩa đệ nhất trong các đệ tử của ngài.

nghĩa vô thường, nghĩa khổ, nghĩa không, nghĩa vô ngã, nghĩa tịch diệt. Bấy giờ, *Duy-ma-cát* đến bảo con rằng: ‘Dạ, thưa ngài *Ca-chiên-diên*! Đừng đem tâm hạnh sinh diệt mà nói Pháp thật tướng.

‘Thưa ngài *Ca-chiên-diên*! Các pháp tất cánh chẳng sinh, chẳng diệt: đó là nghĩa vô thường. Năm ấm mà người ta thọ lấy, đều trống rỗng, không không, chẳng có chỗ khởi: đó là nghĩa khổ. Các pháp rốt cuộc không có sở hữu: đó là nghĩa không. *Ngã* và *vô ngã* vốn chẳng hai: đó là nghĩa vô ngã. Pháp xưa chẳng cháy, nay cũng chẳng tắt: đó là nghĩa tịch diệt.’

“*Duy-ma-cát* thuyết thời pháp ấy xong, tâm ý của chư *tỳ-kheo* đều được giải thoát. Vậy nên con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến thăm bệnh ông ấy.”

Phật bảo *A-na-luật*:⁽¹⁾ “Người hãy đến nhà *Duy-ma-cát* mà thăm hỏi bệnh ông ấy.”

A-na-luật bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến thăm bệnh ông ấy. Nguyên do là thế này. Con còn nhớ lúc trước, khi con đang kinh hành tại một nơi kia. Bấy giờ có vị Phạm vương tên là Nghiêm Tịnh, có một một muôn vị Phạm thiên theo hầu. Phạm vương ấy phóng hào quang trong sạch, đi lại chỗ con, cúi đầu lễ lạy, hỏi con rằng: ‘Thưa ngài *A-na-luật*! Thiên nhân của ngài thấy được bao xa?’

⁽¹⁾ *A-na-luật*, cũng viết: *A-nậu-lâu-da* (Sanskrit: Aniruddha), dịch nghĩa: Như ý, Vô tham, Bất Diệt, Vô Diệt. Một vị đại đệ tử của Phật, được Phật nhận là Thiên nhân đệ nhất trong các đệ tử của ngài.

“Con liền đáp rằng: ‘Nhân giả! Ta thấy rõ cõi Phật này của đức *Thích-ca Mâu-ni*, trọn thế giới tam thiên đại thiên, cũng như người ta nhìn trái *am-ma-lặc* để trong lòng bàn tay.’

“Bấy giờ, *Duy-ma-cật* đi đến bảo con rằng: ‘Dạ, thưa ngài *A-na-luật*! Chỗ thấy của thiên nhân là tướng tạo tác hay tướng không tạo tác? Giả sử là tướng tạo tác, thời cũng như năm phép thần thông⁽¹⁾ của ngoại đạo. Nếu là tướng không tạo tác, tức là vô vi. Như vậy, chẳng nên thấy.’

“Thế Tôn! Lúc ấy con nín lặng. Những vị *Phạm* thiên nghe *Duy-ma-cật* nói, được sự chưa từng có. Liền dẫn lễ ông ấy, hỏi rằng: ‘Thưa ngài, vậy trong đời này ai có thiên nhân chân thật?’

“*Duy-ma-cật* đáp: ‘Chỉ có Phật Thế Tôn được thiên nhân chân thật mà thôi. Ngài thường trụ nơi *Tam-muội*,

⁽¹⁾ Năm phép thần thông (Ngũ thông): Là các phép thần thông đạt được do sự tu tập. Ngoại đạo cũng đạt những thần thông này nhưng còn bị trói buộc, giới hạn, không giống như của bậc giác ngộ chân chánh. Các phép đó là:

1. Thần túc thông: Có thể đi lại bất kì nơi nào tùy ý.
2. Thiên nhãn thông: Có thể thấy được suốt khắp.
3. Thiên nhĩ thông: Có thể nghe được mọi chuyện.
4. Tha tâm thông: Có thể thấu rõ ý nghĩ trong tâm người khác.
5. Túc mệnh thông: Có thể biết rõ những kiếp trước.

Các phép thần thông này khi đạt đến bằng sự giác ngộ hoàn toàn sẽ là:

1. Thần cảnh trí chứng thông (神境智證通), cũng gọi là Thần cảnh thông (神境通), Thần túc thông (神足通), Thân như ý thông (身如意通), Như ý thông (如意通).

thấy hết các nước Phật, chẳng dùng hai tướng tạo tác và không tạo tác.’

“Lúc ấy, Phạm vương Nghiêm Tịnh với quyến thuộc của mình là năm trăm Phạm thiên đều phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Các vị ấy đành lễ dưới chân *Duy-ma-cật* xong, bỗng nhiên biến mất. Vậy nên con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến thăm bệnh ông ấy.”

Phật bảo *Ưu-ba-ly*:⁽¹⁾ “Người hãy đến nhà *Duy-ma-cật* mà thăm hỏi bệnh ông ấy.”

Ưu-ba-ly bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến thăm bệnh ông ấy. Nguyên do là thế này. Con còn nhớ lúc trước, có hai *tỳ-kheo* phạm luật hạnh. Vì hổ thẹn, hai vị ấy chẳng dám hỏi Phật. Bèn đến hỏi con rằng: ‘Dạ, thưa ngài *Ưu-ba-ly*! Chúng tôi phạm luật, thật lầy làm hổ thẹn, nhưng chẳng dám hỏi Phật. Xin ngài cởi mở lòng nghi hối cho chúng tôi, để chúng tôi khỏi các tội lỗi.’ Con liền theo như pháp mà giải thuyết với hai vị ấy.

2. Thiên nhãn trí chứng thông (天眼智證通), cũng gọi là Thiên nhãn trí thông (天眼智通), Thiên nhãn thông (天眼通).

3. Thiên nhĩ trí chứng thông (天耳智證通), còn gọi Thiên nhĩ trí thông (天耳智通), Thiên nhĩ thông (天耳通).

4. Tha tâm trí chứng thông (他心智證通), hoặc Tha tâm trí thông (他心智通), Tri tha tâm thông (知他心通), Tha tâm thông (他心通).

5. Túc trú tùy niệm trí chứng thông (宿住隨念智證通), cũng gọi là Túc trú trí thông (宿住智通), Thức túc mệnh thông (識宿命通), Túc mệnh thông (宿命通).

⁽¹⁾ *Ưu-ba-ly* (Upālī), dịch nghĩa là Cận thủ, Cận chấp. Một vị đại đệ tử của Phật, được Phật nhận là Trì luật đệ nhất trong các đệ tử của ngài.

“Bấy giờ, *Duy-ma-cật* đến bảo con rằng: ‘Dạ, thưa ngài *Ưu-ba-ly*! Xin đừng kết thêm tội cho hai *tỳ-kheo* ấy, nên trừ dứt ngay đi. Đừng làm rối lòng họ. Tại sao vậy? Tội tánh kia chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở khoảng giữa. Như Phật có dạy: Tâm chẳng tịnh, cho nên chúng sinh chẳng tịnh. Tâm thanh tịnh, cho nên chúng sinh thanh tịnh. Tâm cũng chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở khoảng giữa. Như tâm mình cháy bùng, tội dơ cũng cháy bùng, các pháp cũng cháy bùng, chẳng ra khỏi cảnh như như.

‘Thưa ngài *Ưu-ba-ly*! Như khi ngài dùng tâm tướng mà được giải thoát, há còn có sự dơ nhớp nữa chăng?’

“Con đáp: ‘Không.’

“*Duy-ma-cật* nói: ‘Tâm tướng không dơ nhớp của tất cả chúng sinh lại cũng như vậy.’

‘Dạ, thưa ngài *Ưu-ba-ly*! Vọng tưởng là dơ, không vọng tưởng là sạch. Diên đảo là dơ, không diên đảo là sạch. Giữ lấy cái ta là dơ, chẳng giữ lấy cái ta là sạch.

‘Tất cả các pháp sinh diệt chẳng ngừng, chúng như ảo hóa, như làn chớp. Các pháp chẳng chờ nhau, cho đến trong một tư tưởng, cũng chẳng hề ngừng lại. Các pháp đều là vọng kiến, như chiêm bao, như nháng lửa, như mặt trăng dưới nước, như hình trong gương. Chúng nó do vọng tưởng mà sinh ra. Ai biết như vậy, gọi là người phụng trì giới luật. Ai biết như vậy, gọi là người hiểu rành.’

“Lúc ấy, hai vị *tỳ-kheo* nói rằng: ‘Trí cao thượng thay!

Ngài *Ưu-ba-ly* đây chẳng bị kíp. Người giữ luật bậc nhất⁽¹⁾ mà chẳng thuyết diễn được!

“Con liền đáp rằng: ‘Trừ ra đức Như Lai, chưa có vị Thanh văn, *Bồ Tát* nào chế phục được trang biện tài lạc thuyết ấy! Trí huệ của ông sáng suốt như vậy đó.’

“Lúc ấy, hai vị *tỳ-kheo* liền dứt được nghi hối, phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Hai vị ấy phát nguyện rằng: ‘Cầu cho tất cả chúng sinh đều được biện tài như thế.’

“Vậy nên con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến thăm bệnh ông ấy.”

Phật bảo *La-hầu-la*:⁽²⁾ “Người hãy đến nhà *Duy-ma-cật* mà thăm hỏi bệnh ông ấy.”

La-hầu-la bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến đó thăm bệnh ông ấy. Nguyên do là thế này. Con còn nhớ lúc trước, một số chàng con nhà trưởng giả ở *Tỳ-da-ly* có đi lại chỗ con ngụ, dành lễ con và hỏi rằng: ‘Dạ, thưa ngài *La-hầu-la*! Ngài là con của Phật, đã bỏ ngôi Chuyển luân vương xuất gia học đạo. Việc xuất gia của ngài có những lợi ích gì?’

“Con liền y theo pháp, nói với những người ấy về lợi ích, công đức của việc xuất gia.

(1) Người giữ luật bậc nhất (Trí luật chỉ thượng): tức là *Ưu-ba-ly*.

(2) *La-hầu-la* (Sanskrit: *Rāhula*), dịch nghĩa: Phú chướng (che ẩn, trời buộc), con trai của thái tử Tất-dạt-da và công chúa *Đa-du-đà-la*. Sau khi Phật thành đạo, *La-hầu-la* cũng xuất gia làm đệ tử Phật, đắc quả *A-la-hán*, được Phật nhận là Mật hạnh đệ nhất trong các đệ tử của ngài.

“Bấy giờ, *Duy-ma-cật* đến bảo con rằng: ‘Dạ, thưa ngài *La-hầu-la*! Ngài chẳng nên nói những lợi ích công đức của việc xuất gia. Người ta có thể nói pháp hữu vi có lợi ích, có công đức, nhưng xuất gia là pháp vô vi. Trong pháp vô vi, không có lợi ích, không có công đức.

“Thưa ngài *La-hầu-la*! Nếu xuất gia thì không có bên này, không có bên kia, cũng không có khoảng giữa. Là sáu mươi hai kiến giải,⁽¹⁾ trụ nơi *Niết-bàn*. Kẻ trí giả thọ pháp ấy, bậc thánh nhân hành pháp ấy. Hàng phục các ma, vượt qua năm nẻo,⁽²⁾ giữ sạch năm thứ mắt,⁽³⁾ được năm sức, dựng năm căn, chẳng nào loạn người khác, lìa các xấu xa lộn xộn, dẹp các ngoại đạo, vượt khỏi giả danh, ra khỏi bùn lầy, không tự buộc trói vướng mắc, không có cái gì của mình, không thọ lãnh vật gì, tâm mình chẳng rối

(1) Sáu mươi hai kiến giải (Lục thập nhị kiến, 六十二見), gồm có:

1. Kể rằng sắc là ta
2. Kể rằng sắc lìa ta
3. Kể rằng sắc lớn ta nhỏ, ta lớn sắc nhỏ
4. Kể rằng ta lớn sắc lớn, ta nhỏ sắc nhỏ

Đối với Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng có kiến giải như vậy. Tức là $5 \times 4 = 20$ kiến giải. Lại nhân cho ba đời: quá khứ, hiện tại, vị lai, thành: $20 \times 3 = 60$ kiến giải, thuộc về Ngã kiến. Lại hợp với Đoạn kiến và Thường kiến, thành 62 kiến giải. Đó là các kiến giải sai lầm của ngoại đạo.

(2) Năm nẻo (Ngũ đạo): Địa ngục (地獄), Nga quỷ (餓鬼), Súc sinh (畜生), Nhân gian (人間), và Thiên thượng (天上). Cũng viết là Ngũ thú (五趣; Sanskrit: gati-pañcaka).

(3) Năm thứ mắt (Ngũ nhãn 五眼 Sanskrit: pañcacakṣuṣī) Bao gồm:

1. Nhục nhãn (肉眼; Sanskrit: māṃśacakṣus): mắt thịt, mắt thường của người phàm phu.
2. Thiên nhãn (天眼; Sanskrit: divyacakṣus): mắt của chư thiên, có

loạn, vui theo ý người khác, tùy theo thiên định, lia các chỗ sai lầm. Nếu được như vậy là xuất gia chân thật.’

“Lúc ấy, *Duy-ma-cật* nói với những người con nhà trưởng giả rằng: ‘Các người nên cùng nhau xuất gia, ở trong Chánh pháp. Tại sao vậy? Vì rất khó gặp Phật ra đời.’

“Những người con nhà trưởng giả nói rằng: ‘Cư sĩ! Chúng tôi có nghe Phật dạy rằng: Cha mẹ chẳng cho phép, chẳng được xuất gia.’

“*Duy-ma-cật* nói: ‘Đúng vậy! Các người nên phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Như vậy tức là xuất gia, như vậy tức là đầy đủ.’

“Lúc ấy, ba mươi hai người con nhà trưởng giả đều phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vậy nên con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến thăm bệnh ông ấy.”

Phật bảo *A-nan*:⁽¹⁾ “Người hãy đến nhà *Duy-ma-cật* mà thăm hỏi bệnh ông ấy.”

thể nhìn thấy được những hiện tượng siêu nhiên, quá khứ, vị lai, địa ngục ...

3. Pháp nhãn (法眼; Sanskrit: dharmacakṣus): mắt pháp, thấy được sự đa dạng của các pháp hiện hữu.

4. Huệ nhãn (慧眼; Sanskrit: prajñācakṣus): mắt trí huệ, nhìn thấu suốt được tính không (Sanskrit: śūnyatā) của các pháp.

5. Phật nhãn (佛眼; Sanskrit: buddhacakṣus): mắt của bậc giác ngộ, nhìn thấu suốt thể tính của mọi sự vật.

⁽¹⁾ *A-nan* hay *A-nan-đà* (Ānanda), dịch nghĩa: Hoan hỷ, Khánh hỷ. Là vị đại đệ tử thường hầu bên Phật, được Phật nhận là Đa văn đệ nhất trong các đệ tử xuất gia của Phật.

A-nan bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến thăm bệnh ông ấy. Nguyên do là thế này. Con còn nhớ lúc trước, thân Thế Tôn có chút bệnh cần dùng sữa bò. Con liền ôm bát, đến đứng ở cửa nhà một người *bà-la-môn*. Bấy giờ, *Duy-ma-cật* đến hỏi con rằng: ‘Dạ, thưa ngài A-nan! Tại sao sáng sớm ngài đã ôm bát đứng đó?’

“Con đáp rằng: ‘Cư sĩ, thân Thế Tôn có chút bệnh, cần dùng sữa bò, cho nên tôi lại đây.’

“*Duy-ma-cật* nói: ‘Thôi, thôi, A-nan! Đừng thốt ra lời ấy! Thân Như Lai là thể kim cang, đã dứt hết mọi điều dữ, tụ hội mọi điều lành. Làm sao có bệnh? Làm sao có não?’

‘Hãy im lặng mà đi, A-nan! Đừng bêu xấu Như Lai. Đừng cho kẻ lạ nghe lời thô thiển ấy. Đừng để chư thiên đại oai đức cùng chư *Bồ Tát* các cõi Tịnh độ phương khác đến đây nghe được lời ấy.’

‘A-nan! Bậc Chuyển luân Thánh vương nhờ phước ít mà còn không có bệnh. Huống chi Như Lai, vô lượng phước hội, hơn khắp mọi người!’

‘Đi đi, A-nan! Đừng để chúng tôi mang điều sỉ nhục ấy. Các thầy ngoại đạo nếu nghe được lời ấy, họ sẽ nghĩ rằng: Như vậy sao đáng gọi là thầy? Bệnh mình chẳng cứu chữa được, há cứu chữa được bệnh người khác sao? Ông nên mau lui bước cho kín nhem, đừng để người ta nghe biết.’

‘*A-nan* nên biết, thân của các vị Như Lai là pháp thân, chẳng phải là thân do ái dục sinh. Phật được thế gian tôn trọng, hơn hết chúng sinh trong ba cõi. Thân Phật không có phiền não, các phiền não đã dứt hết. Thân Phật là vô vi, chẳng bị khép vào số mệnh. Cái thân như vậy, há có bệnh tật gì?’

“Thế Tôn! Lúc ấy, con thật mang lòng hồ thẹn, chẳng lẽ được gần Phật mà nghe lầm sao? Con liền nghe có tiếng phát ra từ không trung rằng: ‘*A-nan*! Đúng như lời cư sĩ, chẳng qua là Phật ra đời nơi thế giới xấu xa có năm điều ô trược, nên ngài thị hiện thi hành pháp ấy để độ thoát chúng sinh. *A-nan*, đi đi! Hãy nhận lãnh sữa, đừng thẹn.’

“Thế Tôn! Trí huệ biện tài của *Duy-ma-cật* là như vậy đó. Vậy nên con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến đó thăm bệnh ông ấy.”

Cứ như vậy, lần lượt năm trăm đại đệ tử,⁽¹⁾ mỗi vị đều nói ra duyên cớ trước đây của mình, xưng thuật lời lẽ của *Duy-ma-cật*. Thấy đều biết rằng mình chẳng đủ sức đảm nhận việc đến thăm bệnh.

(1) Năm trăm đại đệ tử: Ở đoạn đầu phẩm thứ nhất có nói: Phật ngự tại thành Tỳ-da-ly, trong vườn cây am-la, với đại chúng tỳ-kheo là tám ngàn người. Trong tám ngàn vị ấy, có năm trăm đại đệ tử cao trội hơn, thấy đều tự nhận mình thua kém cư sĩ *Duy-ma-cật*, chẳng dám đến thăm hỏi bệnh của ông. Ngay cả các vị Xá-lý-phất cho đến *A-nan* là mười đại đệ tử có tài đức và trí huệ sáng suốt nhất của Phật, mỗi vị có một sở trường bậc nhất, thế mà thấy đều tự nhận mình thua kém cư sĩ *Duy-ma-cật*.

菩薩品

第四

於是佛告彌勒菩薩。汝行詣維摩詰問疾。

彌勒白佛言。世尊。我不堪任詣彼問疾。所以者何。憶念我昔為兜率天王及其眷屬。說不退轉地之行。時維摩詰來謂我言。彌勒。世尊授仁者記一生當得阿耨多羅三藐三菩提。為用何生得受記者。過去耶未來耶現在耶。若過去生過去生已滅。若未來生未來生未至。若現在生現在生無住。如佛所說。比丘汝今即時亦生亦老亦滅。若以無生得受記者。無生即是正位。於正位中亦無受記。亦無得阿耨多羅三藐三菩提。

云何彌勒受一生記者。為從如生得受記者。為從如滅得受記者。若以如生得受記者如無有生。若以如滅得受記者如無有滅。一切衆生皆如也。一切法亦如也。衆

BỒ TÁT PHẨM

Đệ tứ

Ư thị, Phật cáo *Di-lặc Bồ Tát*: Nhữ hành nghệ *Duy-ma-cật* vấn tật.

Di-lặc bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã bất kham nhiệm nghệ bỉ vấn tật. Sở dĩ giả hà? Ưc niệm ngã tích, vị *Đâu-suất* Thiên vương, cập kỳ quyến thuộc thuyết Bất thối chuyển địa chi hạnh. Thời, *Duy-ma-cật* lai vị ngã ngôn: ‘*Di-lặc*! Thế Tôn thọ nhân giả ký: nhất sinh đương đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vi dụng hà sinh đắc thọ ký hồ? Quá khứ da? Vị lai da? Hiện tại da? Nhược quá khứ sinh, quá khứ sinh dĩ diệt. Nhược vị lai sinh, vị lai sinh vị chí. Nhược hiện tại sinh, hiện tại sinh vô trụ. Như Phật sở thuyết: *Tỳ-kheo*! Nhữ kim tức thời diệt sinh, diệt lão, diệt diệt. Nhược dĩ vô sinh đắc thọ ký giả, vô sinh tức thị chánh vị. Ư chánh vị trung, diệt vô thọ ký, diệt vô đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

‘Vấn hà *Di-lặc* thọ nhất sinh ký hồ? Vi tòng như sinh đắc thọ ký da? Vi tòng như diệt đắc thọ ký da? Nhược dĩ như sinh đắc thọ ký giả, như vô hữu sinh. Nhược dĩ như diệt đắc thọ ký giả, như vô hữu diệt. Nhất thiết chúng sinh giai như dã. Nhất thiết pháp diệt như dã. Chúng

聖賢亦如也。至於彌勒亦如也。若彌勒得受記者。一切衆生亦應受記。所以者何。夫如者不二不異。若彌勒得阿耨多羅三藐三菩提者。一切衆生皆亦應得。所以者何。一切衆生即菩提相。若彌勒得滅度者。一切衆生亦應滅度。所以者何。諸佛知一切衆生畢竟寂滅即涅槃相不復更滅。

是故彌勒。無以此法誘諸天子。實無發阿耨多羅三藐三菩提心者。亦無退者。

彌勒當令此諸天子捨於分別菩提之見。所以者何。菩提者。不可以身得。不可以心得。寂滅是菩提。滅諸相故。不觀是菩提離諸緣故。不行是菩提無憶念故。斷是菩提捨諸見故。離是菩提離諸妄想故。障是菩提障諸願故。不入是菩提無貪著故。順是菩提順於如故。住是菩提住法性故。至是菩提至實際故。不二是菩提離意法故。等是菩提等虛空故。無為是菩提無生住滅故。知是菩提了衆生心行故。不會是菩提諸入不會故。不合是菩提離煩惱習故。無處是菩提無形色故。假名是菩提名

thánh hiền diệc như dã. Chí ư *Di-lặc* diệc như dã. Nhược *Di-lặc* đắc thọ ký giả, nhất thiết chúng sinh diệc ưng thọ ký. Sở dĩ giả hà? Phù như giả, bất nhị, bất dị. Nhược *Di-lặc* đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* giả, nhất thiết chúng sinh giai diệc ưng đắc. Sở dĩ giả hà? Nhất thiết chúng sinh tức *Bồ-đề* tướng. Nhược *Di-lặc* đắc diệt độ giả, nhất thiết chúng sinh diệc ưng diệt độ. Sở dĩ giả hà? Chư Phật tri nhất thiết chúng sinh tất cánh tịch diệt, tức *Niết-bàn* tướng, bất phục cánh diệt.

‘Thị cố *Di-lặc*, vô dĩ thử pháp dụ chư thiên tử. Thật vô phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm giả, diệc vô thối giả.

‘*Di-lặc*! Đương linh thử chư thiên tử xả ư phân biệt *Bồ-đề* chi kiến. Sở dĩ giả hà? *Bồ-đề* giả, bất khả dĩ thân đắc, bất khả dĩ tâm đắc. Tịch diệt thị *Bồ-đề*, diệt chư tướng cố. Bất quán thị *Bồ-đề*, ly chư duyên cố. Bất hành thị *Bồ-đề*, vô ức niệm cố. Đoạn thị *Bồ-đề*, xả chư kiến cố. Ly thị *Bồ-đề*, ly chư vọng tưởng cố. Chướng thị *Bồ-đề*, chướng chư nguyện cố. Bất nhập thị *Bồ-đề*, vô tham trước cố. Thuận thị *Bồ-đề*, thuận ư như cố. Trụ thị *Bồ-đề*, trụ pháp tánh cố. Chí thị *Bồ-đề*, chí thật tế cố. Bất nhị thị *Bồ-đề*, ly ý pháp cố. Đẳng thị *Bồ-đề*, đẳng hư không cố. Vô vi thị *Bồ-đề*, vô sinh trụ diệt cố. Tri thị *Bồ-đề*, liễu chúng sinh tâm hạnh cố. Bất hội thị *Bồ-đề*, chư nhập bất hội cố. Bất hiệp thị *Bồ-đề*, ly phiền não tập cố. Vô xứ thị *Bồ-đề*, vô hình sắc cố. Giả danh thị *Bồ-đề*, danh tự không

字空故。如化是菩提無取捨故。無亂是菩提常自靜故。善寂是菩提性清淨故。無取是菩提離攀緣故。無異是菩提諸法等故。無比是菩提無可喻故。微妙是菩提諸法難知故。

世尊。維摩詰說是法時。二百天子得無生法忍。故我不任詣彼問疾。

佛告光嚴童子。汝行詣維摩詰問疾。

光嚴白佛言。世尊。我不堪任詣彼問疾。所以者何。憶念我昔出毘耶離大城。時維摩詰方入城。我即為作禮而問言。居士從何所來。

答我言。吾從道場來。

我問道場者何所是。

答曰。直心是道場無虛假故。發行是道場能辦事故。深心是道場增益功德故。菩提心是道場無錯謬故。布施是道場不望報故。持戒是道場得願具故。忍辱是道場於諸衆生心無礙故。精進是道場不懈退故。禪定是道場心調柔故。智慧是道場現見諸

cố. Như hóa thị *Bồ-đề*, vô thủ xả cố. Vô loạn thị *Bồ-đề*, thường tự tĩnh cố. Thiện tịch thị *Bồ-đề*, tánh thanh tịnh cố. Vô thủ thị *Bồ-đề*, ly phan duyên cố. Vô dị thị *Bồ-đề*, chư pháp đẳng cố. Vô tử thị *Bồ-đề*, vô khả dụ cố. Vi diệu thị *Bồ-đề*, chư pháp nan tri cố.’

Thế Tôn! *Duy-ma-cật* thuyết thị pháp thời, nhị bá thiên tử đắc vô sinh pháp nhãn. Cố ngã bất nhiệm nghệ bỉ vấn tạt.

Phật cáo Quang Nghiêm Đồng tử: Nhữ hành nghệ *Duy-ma-cật* vấn tạt.

Quang Nghiêm bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã bất kham nhiệm nghệ bỉ vấn tạt. Sở dĩ giả hà? Ưc niệm ngã tích, xuất *Tỳ-da-ly* đại thành. Thời, *Duy-ma-cật* phương nhập thành. Ngã tức vị tác lễ nhi vấn ngôn: ‘Cư sĩ tùng hà sở lai?’

Đáp ngã ngôn: ‘Ngô tùng đạo trường lai.’

Ngã vấn: ‘Đạo trường giả hà sở thị?’

Đáp viết: ‘Trực tâm thị đạo trường, vô hư giả cố. Phát hành thị đạo trường, năng biện sự cố. Thâm tâm thị đạo trường, tăng ích công đức cố. *Bồ-đề* tâm thị đạo trường, vô thác mâu cố. Bồ thí thị đạo trường, bất vọng báo cố. Trì giới thị đạo trường, đắc nguyện cụ cố. Nhẫn nhục thị đạo trường, ư chư chúng sinh, tâm vô ngại cố. Tinh tấn thị đạo trường, bất giải đãi cố. Thiền định thị đạo trường, tâm điều nhu cố. Trí huệ thị đạo trường, hiện kiến chư

法故。慈是道場等衆生故。悲是道場忍疲苦故。喜是道場悅樂法故。捨是道場憎愛斷故。神通是道場成就六通故。解脫是道場能背捨故。

方便是道場教化衆生故。四攝是道場攝衆生故。多聞是道場如聞行故。伏心是道場正觀諸法故。三十七品是道場捨有為法故。四諦是道場不誑世間故。緣起是道場無明乃至老死皆無盡故。諸煩惱是道場知如實故。衆生是道場知無我故。一切法是道場知諸法空故。降魔是道場不傾動故。三界是道場無所趣故。師子吼是道場無所畏故。力無畏不共法是道場無諸過故。三明是道場無餘礙故。一念知一切法是道場成就一切智故。

如是善男子。菩薩若應諸波羅密教化衆生。諸有所作舉足下足。當知皆從道場來住於佛法矣。

說是法時五百天人皆發阿耨多羅三藐三菩提心。故我不任詣彼問疾。

pháp cố. Từ thị đạo trường, đẳng chúng sinh cố. Bi thị đạo trường, nhân bì khổ cố. Hỷ thị đạo trường, duyệt lạc pháp cố. Xả thị đạo trường, tắng ái đoạn cố. Thần thông thị đạo trường, thành tựu lực thông cố. Giải thoát thị đạo trường, năng bội xả cố.

‘Phương tiện thị đạo trường, giáo hóa chúng sinh cố. Tứ nhiếp thị đạo trường, nhiếp chúng sinh cố. Đa văn thị đạo trường, như văn hành cố. Phục tâm thị đạo trường, chánh quán chư pháp cố. Tam thập thất phẩm thị đạo trường, xả hữu vi pháp cố. Tứ đế thị đạo trường, bất cưỡng thế gian cố. Duyên khởi thị đạo trường, vô minh nãi chí lão tử, giai vô tận cố. Chư phiền não thị đạo trường, tri như thật cố. Chúng sinh thị đạo trường, tri vô ngã cố. Nhất thiết pháp thị đạo trường, tri chư pháp không cố. Hàng ma thị đạo trường, bất khuynh động cố. Tam giới thị đạo trường, vô sở thú cố. Sư tử hống thị đạo trường, vô sở úy cố. Lực vô úy, bất cộng pháp thị đạo trường, vô chư quá cố. Tam minh thị đạo trường, vô dư ngại cố. Nhất niệm tri nhất thiết pháp thị đạo trường, thành tựu nhất thiết trí cố.

‘Như thị thiện nam tử! *Bồ Tát* nhược ưng chư *ba-la-mật* giáo hóa chúng sinh, chư hữu sở tác, cử túc hạ túc, đương tri giai từng đạo trường lai, trụ ư Phật Pháp hỷ.’

Thuyết thị pháp thời, ngũ bá thiên nhân, giai phát *A-nậu-da-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Cố ngã bất nhiệm nghệ bì văn tặc.

佛告持世菩薩。汝行詣維摩詰問疾。

持世白佛言。世尊。我不堪任詣彼問疾。所以者何。憶念我昔住於靜室。時魔波旬從萬二千天女。狀如帝釋鼓樂絃歌來詣我所。與其眷屬稽首我足。合掌恭敬於一面立。我意謂是帝釋。而語之言。善來憍尸迦。雖福應有不當自恣。當觀五欲無常以求善本。於身命財而修堅法。

即語我言。正士。受是萬二千天女可備掃灑。

我言。憍尸迦。無以此非法之物要我沙門釋子。此非我宜。

所言未訖。時維摩詰來謂我言。非帝釋也。是為魔來憍固汝耳。

即語魔言。是諸女等可以與我。如我應受。

魔即驚懼念。維摩詰將無惱我。欲隱形去而不能隱。盡其神力亦不得去。即聞空中聲曰。波旬。以女與之乃可得去。

魔以畏故俛仰而與。

Phật cáo Trì Thế Bồ Tát: Nhữ hành nghệ *Duy-ma-cật* vấn tât.

Trì Thế bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã bất kham nhiệm nghệ bĩ vấn tât. Sở dĩ giả hà? Ưc niệm ngã tích, trụ ư tinh thất. Thời, ma *Ba-tuần*, tùng vạn nhị thiên thiên nữ, trạng như *Đế-thích*, cổ nhạc huyền ca, lai nghệ ngã sở. Dĩ kỳ quyến thuộc, khể thủ ngã túc, hiệp chưởng cung kính, ư nhất diện lập. Ngã ý vị thị *Đế-thích*, nhi ngữ chi ngôn: ‘Thiện lai, *Kiều-thi-ca*! Tuy phước ưng hữu, bất đương tự tứ. Đương quán ngũ dục vô thường. Dĩ cầu thiện bổn, ư thân, mạng, tài, nhi tu kiên pháp.’

Tức ngữ ngã ngôn: ‘Chánh sĩ! Thọ thị vạn nhị thiên thiên nữ, khả bị tảo sái.’

Ngã ngôn: ‘*Kiều-thi-ca*! Vô dĩ thử phi pháp chi vật, yêu ngã *sa-môn Thích tử*. Thử phi ngã nghi.’

Sở ngôn vị ngật, thời *Duy-ma-cật* lai, vị ngã ngôn: ‘Phi *Đế-thích* dã. Thị vi ma lai, nhiều cố nhữ nhĩ.’

Tức ngữ ma ngôn: ‘Thị chư nữ đẳng, khả dĩ dữ ngã. Như ngã ưng thọ.’

Ma tức kinh cù, niệm: ‘*Duy-ma-cật* tương vô não ngã? Dục ẩn hình khứ, nhi bất năng ẩn. Tận kỳ thần lực, diệp bất đắc khứ. Tức văn không trung thanh viết: ‘*Ba-tuần*! Dĩ nữ dữ chi, nãi khả đắc khứ.’

Ma dĩ úy cố, miễn ngưỡng nhi dữ.

爾時維摩詰語諸女言。魔以汝等與我。今汝皆當發阿耨多羅三藐三菩提心。

即隨所應而為說法令發道意。

復言。汝等已發道意。有法樂可以自娛。不應復樂五欲樂也。

天女即問。何謂法樂。

答言。樂常信佛。樂欲聽法。樂供養衆。樂離五欲。樂觀五陰如怨賊。樂觀四大如毒蛇。樂觀內入如空聚。樂隨護道意。樂饒益衆生。樂敬養師。樂廣行施。樂堅持戒。樂忍辱柔和。樂勤集善根。樂禪定不亂。樂離垢明慧。樂廣菩提心。樂降伏衆魔。樂斷諸煩惱。樂淨佛國土。樂成就相好故修諸功德。樂莊嚴道場。樂聞深法不畏。樂三脫門不樂非時。樂近同學。樂於非同學中心無恚礙。樂將護惡知識。樂親近善知識。樂心喜清淨。樂修無量道品之法。是為菩薩法樂。

於是波旬告諸女言。我欲與汝俱還天宮。

Nhĩ thời, *Duy-ma-cật* ngữ chư nữ ngôn: ‘Ma dĩ nhữ đẳng dữ ngã. Kim nhữ giai đương phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm.’

Tức tùng sở ứng nhi vị thuyết pháp, linh phát đạo ý.

Phục ngôn: ‘Nhữ đẳng dĩ phát đạo ý. Hữu pháp lạc khả dĩ tự ngu. Bất ứng phục nhạo ngu dục lạc dã.’

Thiên nữ tức vấn: ‘Hà vị pháp lạc?’

Đáp ngôn: ‘Lạc thường tín Phật. Lạc dục thính Pháp. Lạc cúng dường chúng. Lạc ly ngũ dục. Lạc quán ngũ ấm như oán tặc. Lạc quán tứ đại như độc xà. Lạc quán nội nhập như không tự. Lạc tùy hộ đạo ý. Lạc nhiều ích chúng sinh. Lạc kính dưỡng sư. Lạc quảng hành thí. Lạc kiên trì giới. Lạc nhẫn nhục nhu hòa. Lạc cần tập thiện căn. Lạc thiền định bất loạn. Lạc ly cấu minh huệ. Lạc quảng *Bồ-đề* tâm. Lạc hàng phục chúng ma. Lạc đoạn chư phiền não. Lạc tịnh Phật quốc độ. Lạc thành tựu tướng hảo cố, tu chư công đức. Lạc trang nghiêm đạo trường. Lạc văn thâm pháp bất úy. Lạc tam thoát môn, bất lạc phi thời. Lạc cận đồng học. Lạc ư phi đồng học trung tâm vô quái ngại. Lạc tương hộ ác tri thức. Lạc thân cận thiện tri thức. Lạc tâm hỷ thanh tịnh. Lạc tu vô lượng đạo phẩm chi pháp. Thị vi *Bồ Tát* pháp lạc.’

Ư thị, *Ba-tuần* cáo chư nữ ngôn: ‘Ngã dục dữ nhữ câu hoàn thiên cung.’

諸女言。以我等與此居士。有法樂我等甚樂。不復樂五欲樂也。

魔言。居士可捨此女。一切所有施於彼者。是為菩薩。

維摩詰言。我已捨矣。汝便將去。令一切衆生得法願具足。

於是諸女問維摩詰。我等云何止於魔宮。

維摩詰言。諸姊有法門名無盡燈。汝等當學。無盡燈者。譬如一燈燃百千燈。冥者皆明。明終不盡。如是諸姊。夫一菩薩開導百千衆生。令發阿耨多羅三藐三菩提心。於其道意亦不減盡。隨所說法而自增益一切善法。是名無盡燈也。汝等雖住魔宮。以是無盡燈。令無數天子天女發阿耨多羅三藐三菩提心者。為報佛恩。亦大饒益一切衆生。

爾時天女。頭面禮維摩詰足。隨魔還宮。忽然不現。

世尊。維摩詰有如是自在神力智慧辯才。故我不任詣彼問疾。

Chư nữ ngôn: ‘Dĩ ngã đẳng dữ thử cư sĩ. Hữu pháp lạc, ngã đẳng thậm lạc. Bất phục nhạo ngũ dục lạc dã.’

Ma ngôn: ‘Cư sĩ! Khả xả thử nữ. Nhất thiết sở hữu thí ư bỉ giả, thí vi *Bồ Tát*.’

Duy-ma-cật ngôn: ‘Ngã dĩ xả hỷ. Nhữ tiện tương khứ. Linh nhất thiết chúng sinh đắc pháp nguyện cụ túc.’

Ư thị, chư nữ vấn Duy-ma-cật: ‘Ngã đẳng vân hà chỉ ư ma cung?’

Duy-ma-cật ngôn: ‘Chư tử! Hữu pháp môn danh Vô tận đẳng, nhữ đẳng đương học. Vô tận đẳng giả, thí như nhất đẳng, nhiên bá thiên đẳng. Minh giả giai minh, minh chung bất tận. Như thị chư tử: phù nhất *Bồ Tát* khai đạo bá thiên chúng sinh, linh phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Ư kỳ đạo ý, diệt bất diệt tận. Tùy sở thuyết pháp, nhi tự tăng ích nhất thiết thiện pháp. Thị danh Vô tận đẳng dã. Nhữ đẳng tuy trụ ma cung, dĩ thị Vô tận đẳng, linh vô số thiên tử, thiên nữ phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm giả. Vị báo Phật ân, diệt đại nhiều ích nhất thiết chúng sinh.’

Nhĩ thời, thiên nữ đầu diện lễ Duy-ma-cật túc, tùy ma hoàn cung. Hốt nhiên bất hiện.

Thế Tôn! Duy-ma-cật hữu như thị tự tại thần lực, trí huệ biện tài. Cố ngã bất nhiệm nghệ bỉ vấn tạt.

佛告長者子善德。汝行詣維摩詰問疾。

善德白佛言。世尊我不堪任詣彼問疾。所以者何。憶念我昔自於父舍設大施會。供養一切沙門婆羅門及諸外道貧窮下賤孤獨乞人。期滿七日。時維摩詰來入會中。謂我言。長者子。夫大施會不當如汝所設。當為法施之會。何用是財施會為。

我言。居士。何謂法施之會。

答曰。法施會者。無前無後。一時供養一切衆生。是名法施之會。

曰。何謂也。

謂以菩提起於慈心。以救衆生。起大悲心。以持正法起於喜心。以攝智慧行於捨心。以攝慳貪起檀波羅密。以化犯戒起尸羅波羅密。以無我法起羼提波羅密。以離身心相起毘梨耶波羅密。以菩提相起禪波羅密。以一切智起般若波羅密。教化衆生而起於空。不捨有為法而起無相。示現受生而起無作。護持正法起方便力。以度衆生起四攝法。以敬事一切起除慢法。於身

Phật cáo Trưởng giả tử Thiện Đức: Nhữ hành nghệ *Duy-ma-cật* vắn tắt.

Thiện Đức bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã bất kham nhiệm nghệ bĩ vắn tắt. Sở dĩ giả hà? Ưc niệm ngã tích, tự ư phụ xá, thiết đại thí hội, cúng dường nhất thiết *sa-môn*, *bà-la-môn* cập chư ngoại đạo, bản cùng, hạ tiện, cô độc, khát nhân. Kỳ mãn thất nhật. Thời, *Duy-ma-cật* lai, nhập hội trung, vị ngã ngôn: ‘Trưởng giả tử! Phù đại thí hội, bất đương như nhữ sở thiết. Đương vi pháp thí chi hội. Hà dụng thị tài thí hội vi?’

Ngã ngôn: “Cư sĩ, hà vi pháp thí chi hội?”

Đáp viết: ‘Pháp thí hội giả, vô tiền vô hậu. Nhất thời cúng dường nhất thiết chúng sinh. Thị danh pháp thí chi hội.’

Viết: ‘Hà vi dã?’

‘Vị dĩ *Bồ-đề*, khởi ư từ tâm. Dĩ cứu chúng sinh, khởi đại bi tâm. Dĩ trì Chánh pháp, khởi ư hỷ tâm. Dĩ nhiếp trí huệ, hành ư xả tâm. Dĩ nhiếp khan tham, khởi *Đàn ba-la-mật*. Dĩ hóa phạm giới, khởi *Thi-la ba-la-mật*. Dĩ vô ngã pháp, khởi *Sằn-đề ba-la-mật*. Dĩ ly thân tâm tướng, khởi *Tỳ-lê-da ba-la-mật*. Dĩ *Bồ-đề* tướng, khởi *Thiền ba-la-mật*. Dĩ nhất thiết trí, khởi *Bát-nhã ba-la-mật*. Giáo hóa chúng sinh, nhi khởi ư không. Bất xả hữu vi pháp, nhi khởi vô tướng. Thị hiện thọ sinh, nhi khởi vô tác. Hộ trì Chánh pháp, khởi phương tiện lực. Dĩ độ chúng sinh, khởi Tứ nhiếp pháp, Dĩ kính sự nhất thiết, khởi

命財起三堅法。於六念中。起思念法。於六和敬起質直心。正行善法起於淨命。心淨歡喜起近賢聖。不憎惡人起調伏心。

以出家法起於深心。以如說行起於多聞。以無諍法起空閑處。趣向佛慧起於宴坐。解衆生縛起修行地。以具相好及淨佛土起福德業。知一切衆生心念如應說法起於智業。知一切法不取不捨入一相門起於慧業。斷一切煩惱一切障礙一切不善法起一切善業。以得一切智慧一切善法起於一切助佛道法。如是善男子。是為法施之會。若菩薩住是法施會者。為大施主。亦為一切世間福田。

世尊。維摩詰說是法時。婆羅門衆中二百人皆發阿耨多羅三藐三菩提心。我時心得清淨歎未曾有。稽首禮維摩詰足。即解瓔珞價直百千。以上之。不肯取。我言居士。願必納受隨意所與。

維摩詰乃受瓔珞分作二分。持一分施此會中一最下乞人。持一分奉彼難勝如來。

trừ mạn pháp. Ư thân, mạng, tài, khởi Tam kiên pháp. Ư lực niệm trung, khởi tư niệm pháp. Ư lực hòa kính, khởi chất trực tâm. Chánh hành thiện pháp, khởi ư tịnh mạng. Tâm tịnh hoan hỷ, khởi cận hiền thánh. Bất tăng ác nhân, khởi điều phục tâm.

‘Dĩ xuất gia pháp, khởi ư thâm tâm. Dĩ như thuyết hành, khởi ư đa văn. Dĩ vô tranh pháp, khởi không nhàn xứ. Thú hưởng Phật huệ, khởi ư yển tọa. Giải chúng sinh phược, khởi tu hành địa. Dĩ cụ tướng hảo cập tịnh Phật độ, khởi phước đức nghiệp. Tri nhất thiết chúng sinh tâm niệm, như ứng thuyết pháp, khởi ư trí nghiệp. Tri nhất thiết pháp bất thủ bất xả, nhập nhất tướng môn, khởi ư huệ nghiệp. Đoạn nhất thiết phiền não, nhất thiết chướng ngại, nhất thiết bất thiện pháp, khởi nhất thiết thiện nghiệp. Dĩ đắc nhất thiết trí huệ, nhất thiết thiện pháp, khởi ư nhất thiết trợ Phật đạo pháp. Như thị, thiện nam tử! Thị vi pháp thí chi hội. Nhược *Bồ Tát* trụ thị pháp thí hội giả, vi đại thí chủ, diệc vi nhất thiết thế gian phước điền.’

Thế Tôn! *Duy-ma-cật* thuyết thị pháp thời, *bà-la-môn* chúng trung nhị bá nhân, giai phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Ngã thời, tâm đắc thanh tịnh, thán vị tăng hữu. Khể thủ lễ *Duy-ma-cật* túc. Túc giải anh lạc giá trị bá thiên dĩ thưởng chi. Bất kháng thủ. Ngã ngôn: ‘Cư sĩ, nguyện tất nạp thọ, tùy ý sở dữ.’

Duy-ma-cật nãi thọ anh lạc, phân tác nhị phần. Trì nhất phần, thí thử hội trung nhất tối hạ khát nhân. Trì

一切衆會皆見光明國土難勝如來。又見珠璣在彼佛上變成四柱寶臺四面嚴飾不相障蔽。

時維摩詰。現神變已作是言。若施主等心施一最下乞人。猶如如來福田之相無所分別。等於大悲不求果報。是則名曰具足法施。

城中一最下乞人。見是神力聞其所說。皆發阿耨多羅三藐三菩提心。故我不任詣彼問疾。

如是諸菩薩各各向佛說其本緣。稱述維摩詰所言。皆曰不任詣彼問疾。



nhất phần phụng bĩ Nan Thắng Như Lai. Nhất thiết chúng hội giai kiến quang minh quốc độ Nan Thắng Như Lai. Hựu kiến châu anh tại bĩ Phật thượng, biến thành tứ trụ bảo đài, tứ diện nghiêm sức, bất tương chướng tế.

Thời, *Duy-ma-cật* hiện thần biến dĩ, hựu tác thị ngôn: ‘Nhược thí chủ đẳng tâm, thí nhất tối hạ khát nhân, du như Như Lai phước điền chi tướng, vô sở phân biệt, đẳng ư đại bi, bất cầu quả báo. Thị tắc danh viết cụ túc pháp thí.’

Thành trung nhất tối hạ khát nhân, kiến thị thân lực, văn kỳ sở thuyết, giai phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Cố ngã bất nhiệm nghệ bĩ vấn tặc.

Như thị chư *Bồ Tát*, các các hướng Phật, thuyết kỳ bốn duyên, xưng thuật *Duy-ma-cật* sở ngôn, giai viết: Bất nhiệm nghệ bĩ vấn tặc.



Phẩm Thứ Tư

BỒ TÁT

Lúc ấy, Phật bảo *Bồ Tát Di-lặc*:⁽¹⁾ “Ông hãy đến nhà *Duy-ma-cật* mà thăm hỏi bệnh ông ấy.”

Bồ Tát *Di-lặc* bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến đó thăm bệnh ông ấy. Nguyên do là thế này. Con còn nhớ lúc trước, con vì vị Thiên vương ở cung trời *Đâu-suất* cùng quyến thuộc của người mà giảng thuyết công hạnh của địa vị *Bát thối chuyển*. Bấy giờ, *Duy-ma-cật* đến bảo con rằng: ‘Thưa Bồ Tát *Di-lặc*! Đức Thế Tôn có thọ ký cho nhân giả: Một đời nữa, ngài sẽ đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Do đời sống nào mà được sự thọ ký ấy? Đời quá khứ chăng? Đời vị lai chăng? Đời hiện tại chăng? Nếu là đời quá khứ, thì đời quá khứ đã dứt. Nếu là đời vị lai, thì đời vị lai chưa tới. Nếu là đời hiện tại, thì đời hiện tại không trụ. Như Phật có dạy: *Tỳ-kheo*! Ngay lúc này đây các người vừa sinh ra, vừa già đi, vừa diệt mất. Nếu do vô sinh mà được thọ ký, thì vô sinh tức là chánh vị. Đối với chánh vị, không có việc thọ ký, cũng không có việc đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Làm sao *Di-lặc* được thọ ký một đời sinh ra nữa? Là theo như sinh mà được thọ ký

⁽¹⁾ Bồ Tát *Di-lặc* (Sanskrit: Maitreya, Pāli : Metteyya) dịch nghĩa là Từ Thi (慈氏), cũng có tên khác là Vô Năng Thắng (無能勝, Sanskrit, Pāli: Ajita), hoặc theo âm Hán Việt là A-dật-da.

chăng? Là theo như diệt mà được thọ ký chăng? Nếu là theo như sinh mà được thọ ký thì như không có sinh. Nếu là theo như diệt mà được thọ ký thì như không có diệt. Tất cả chúng sinh đều là như. Tất cả các pháp cũng là như. Các vị thánh hiền cũng là như. Cho đến *Di-lặc* cũng là như. Nếu *Di-lặc* được thọ ký, tất cả chúng sinh lẽ ra cũng được thọ ký. Tại sao vậy? Nếu là như, thì chẳng hai, chẳng khác. Nếu *Di-lặc* đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*,⁽¹⁾ tất cả chúng sinh lẽ ra cũng đều đắc quả. Tại sao vậy? Tất cả chúng sinh tức là tướng *Bồ-đề*. Nếu *Di-lặc* được diệt độ, tất cả chúng sinh cũng sẽ được diệt độ. Tại sao vậy? Chư Phật biết rằng tất cả chúng sinh tất cánh tịch diệt, tức là tướng *Niết-bàn*, chẳng còn sự diệt độ nào nữa.

Vì vậy, ngài đừng đem pháp ấy mà khuyến dụ chư thiên tử.⁽²⁾ Thật không có việc phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, cũng không có việc thối chuyển.

‘*Di-lặc*! Ngài nên khiến chư thiên tử ấy lìa bỏ cái ý kiến phân biệt *Bồ-đề*. Tại sao vậy? *Bồ-đề* ấy, không thể dùng thân mà được, không thể dùng tâm mà được.

(1) Khi một vị Bồ Tát giác ngộ viên mãn, thành Phật, gọi là đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Đây là cách phiên âm từ tiếng Phạn *anuttarā-samyak-sambodhi*, Hán dịch nghĩa là *Vô thượng chánh đẳng chánh giác* (無上正等正覺), mô tả sự giác ngộ viên mãn của một vị Phật.

(2) Thiên tử (Sanskrit: *Devatā*), dịch âm là *Đề-bà*, chỉ những vị thuộc nam giới cư trú ở cõi trời, dưới quyền vị thiên vương hay thiên chủ. Còn những vị thuộc nữ giới gọi là thiên nữ.

‘Tịch diệt là *Bồ-đề*, vì dứt hết các tướng. Chẳng quán sát là *Bồ-đề*, vì lìa khỏi các duyên. Chẳng hành động là *Bồ-đề*, vì không nhớ tưởng chi cả. Đoạn tuyệt là *Bồ-đề*, vì bỏ hết các ý kiến. Lìa bỏ là *Bồ-đề*, vì lìa khỏi các vọng tưởng. Ngăn trở là *Bồ-đề*, vì ngăn trở các sở nguyện. Chẳng vào là *Bồ-đề*, vì không có tham trước. Thuận là *Bồ-đề*, vì thuận theo lẽ như. Trụ là *Bồ-đề*, vì trụ nơi tánh pháp. Đến là *Bồ-đề*, vì đến chỗ thực tế. Chẳng hai là *Bồ-đề*, vì lìa ý và pháp. Bình đẳng là *Bồ-đề*, vì bình đẳng như hư không. Vô vi là *Bồ-đề*, vì không có những sự: sinh, trụ, diệt. Biết là *Bồ-đề*, vì rõ được tâm hạnh của chúng sinh. Chẳng hội là *Bồ-đề*, vì các nhập chẳng hội nhau. Chẳng hiệp là *Bồ-đề*, vì lìa khỏi thói quen phiền não. Chẳng có xứ sở là *Bồ-đề*, vì không có hình sắc. Tiếng tạm gọi là *Bồ-đề*, vì danh tự vốn không. Như ảo hóa là *Bồ-đề*, vì không lấy, không bỏ. Không loạn là *Bồ-đề*, vì tự mình yên tĩnh. Thường tịch là *Bồ-đề*, vì tánh thanh tịnh. Không nắm giữ là *Bồ-đề*, vì lìa khỏi phan duyên. Không khác lạ là *Bồ-đề*, vì các pháp như nhau. Không thể so sánh là *Bồ-đề*, vì không thể ví dụ. Vi diệu là *Bồ-đề*, vì các pháp khó biết.’

“Thế Tôn! *Duy-ma-cật* thuyết thời pháp ấy xong, hai trăm vị thiên tử được pháp nhãn Vô sinh. Vậy nên con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến thăm bệnh ông ấy.”

Phật bảo Đồng tử Quang Nghiêm: “Ông hãy đến nhà *Duy-ma-cật* mà thăm hỏi bệnh ông ấy.

Quang Nghiêm bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến đó thăm bệnh ông ấy. Nguyên do là thế này. Con còn nhớ lúc trước, con đi ra ngoài thành lớn *Tỳ-da-ly*. Bấy giờ, *Duy-ma-cật* mới vừa đi vào thành. Con liền làm lễ ông ấy và hỏi rằng: ‘Cư sĩ từ đâu lại đây?’

“Cư sĩ đáp: ‘Tôi từ đạo trường lại đây.’

“Con hỏi: ‘Đạo trường ấy là ở đâu?’

“Cư sĩ đáp rằng: ‘Lòng ngay thẳng là đạo trường, vì không có sự hư dối. Khởi làm là đạo trường, vì có thể biện biệt được sự việc. Lòng sâu vững là đạo trường, vì được tăng thêm công đức. Tâm *Bồ-đê* là đạo trường, vì không có sự lẫn lộn. Bố thí là đạo trường, vì không mong báo đáp. Trì giới là đạo trường, vì được tròn nguyện. Nhẫn nhục là đạo trường, vì đối với chúng sinh, lòng mình được vô ngại. Tinh tấn là đạo trường, vì chẳng có biếng nhác. Thiền định là đạo trường, vì lòng dạ được điều nhu. Trí huệ là đạo trường, vì hiện rõ các pháp. Từ là đạo trường, vì thương các chúng sinh như nhau. Bi là đạo trường, vì nhẫn chịu các mọi mệt khổ đau. Hỷ là đạo trường, vì là pháp vui vẻ. Xả là đạo trường, vì dứt lòng thương ghét. Thân thông là đạo trường, vì thành tựu sáu thân thông. Giải thoát là đạo trường, vì buông bỏ được. Phương tiện là đạo trường, vì giáo hóa chúng sinh. Bốn pháp thâm nhiếp là đạo trường, vì nhiếp phục được chúng sinh. Đa văn là đạo trường, vì theo như điều đã nghe mà thực hành. Điều phục tâm là đạo trường, vì đó là chánh quán các pháp. Ba

mười bảy phẩm là đạo trường, vì buông bỏ pháp hữu vi. Bốn đế là đạo trường, vì chẳng dối gạt thế gian. Duyên khởi là đạo trường, vì vô minh cho tới già, chết⁽¹⁾ đều là không cùng tận. Các phiền não là đạo trường, vì biết hết thấy như thật. Chúng sinh là đạo trường, vì biết rằng đó là vô ngã. Tất cả các pháp là đạo trường, vì biết rằng các pháp đều là không. Hàng ma là đạo trường, vì chẳng khuynh động. Ba cõi là đạo trường, vì không có chỗ nào

(1) Vô minh cho đến già, chết (*Vô minh nãi chí lão tử*): Mười hai nhân duyên (Sanskrit: pratītya-samutpāda, Pāli: paṭicca-samuppāda) hay Thập nhị nhân duyên (十二因緣), nguyên nghĩa là Duyên khởi (緣起) hay Nhân duyên sinh (因緣生), nhưng vì luật nhân duyên này bao gồm mười hai yếu tố kết nối nhau, nên thường gọi là Mười hai nhân duyên. Đó là:

1. Vô minh (無明, Sanskrit: avidyā, Pāli: vijjā), sự không thấu hiểu Tứ diệu đế, không hiểu được khổ là tính chất căn bản của đời sống,
2. Vô minh sinh ra Hành (行, Sanskrit: saṃskāra, Pāli: saṅkhāra), hành động tạo nghiệp. Hành động này có thể tốt, xấu hay trung tính. Hành có thể ở trong ba dạng là thân, khẩu và ý.
3. Hành sinh ra Thức (識, Sanskrit: vijñāna, Pāli: viññāṇa), làm nền tảng cho một đời sống tới. Thức này đi vào bào thai mẹ. Thức lựa chọn cha mẹ do Hành tốt hay xấu qui định.
4. Thức sinh ra Danh sắc (名色, Sanskrit, Pāli: nāmarūpa), là toàn bộ phần tâm lý và hình thể của bào thai mới, do Ngũ uẩn (Sanskrit: pañcaskandha, Pāli: pañca-khandha) tạo thành.
5. Danh sắc sinh ra Lục căn (六根, Sanskrit: ṣaḍāyatana, Pāli: saḍāyatana), là các giác quan, sáu căn (năm giác quan và khả năng suy nghĩ là sáu).
6. Lục căn bắt đầu tiếp xúc với bên ngoài gọi là Xúc (觸, Sanskrit: sparśa, Pāli: phassa).
7. Xúc sinh ra Thọ (受, Sanskrit, Pāli: Vedanā), là cảm nhận của con người mới với thế giới bên ngoài.

để hướng theo. Sư tử hống là đạo trường, vì mình thuyết pháp chẳng khiếp sợ. *Sức vô úy* với các pháp *bất cộng*⁽¹⁾ là đạo trường, vì không có những lỗi lầm. Ba minh là đạo trường, vì không còn trở ngại. Trong một giây nghĩ, biết hết tất cả các pháp, đó là đạo trường, vì thành tựu được cái trí biết tất cả.

Như vậy đó, thiện nam tử! Nếu *Bồ Tát* dùng các *ba-la-mật*⁽²⁾ mà giáo hóa chúng sinh, nên biết rằng mọi

8. Thọ sinh ra Ái (愛, Sanskrit: tṛṣṇā, Pāli: taṇhā), luyến ái xuất phát từ ham muốn.

9. Ái sinh ra Thủ (取, Sanskrit, Pāli: upādāna) là điều người ta muốn chiếm hữu cho mình.

10. Thủ sinh ra ra Hữu (有, Sanskrit, Pāli: bhāva), là toàn bộ cái được gọi là tồn tại, sự sống, thế giới.

11. Hữu sinh ra Sinh (生, Sanskrit, Pāli: jāti), một thế giới và con người xuất hiện trong đó.

12. Sinh sinh ra Lão tử (老死, Sanskrit, Pāli: jarāmaraṇa), vì có Sinh nên có hoại diệt.

Cần chú ý rằng đây chỉ là trình tự liệt kê. Sự vận hành của mười hai nhân duyên thật ra là một vòng tròn khép kín, không có điểm khởi đầu hoặc điểm kết thúc. Đừng lầm tưởng rằng Vô minh là yếu tố đầu tiên rồi đến hành, thức... Các nhân duyên này theo nhau mà cũng có trong sinh tử, lại cũng theo nhau mà cùng diệt trong quá trình chứng ngộ. Khi sinh, tất cả đều sinh. Khi diệt, tất cả đều diệt.

(1) Các pháp bất cộng: Tức là *Thập bát bất cộng pháp*.

(2) Các ba-la-mật (Chư ba-la-mật): Tức là Sáu pháp Ba-la-mật (Sanskrit: pāramitā), viết đủ là Ba-la-mật-da, cũng gọi là *Lục độ* (六度), dịch nghĩa là *Cửu cánh đạo bồ ngạn*. Đó là các hạnh thanh tịnh của hàng Bồ Tát, gồm có:

1. Bố thí Ba-la-mật (布施, Sanskrit: dāna-pāramitā).

2. Trì giới Ba-la-mật (持戒, Sanskrit: śīla-pāramitā).

3. Nhẫn nhục Ba-la-mật (忍辱, Sanskrit: kṣānti-pāramitā).

4. Tinh tấn Ba-la-mật (精進, Sanskrit: vīrya-pāramitā).

5. Thiền định Ba-la-mật (靜定, Sanskrit: dhyāna-pāramitā).

6. Trí huệ Ba-la-mật (智慧, Sanskrit: prajñā-pāramitā).

việc làm của mình, cho đến những cử động nhỏ như nhấc chân, hạ chân, đều từ đạo trường mà lại, trụ nơi Phật Pháp.’

“*Duy-ma-cật* thuyết thời pháp ấy xong, năm trăm vị chư thiên và người ta đều phát tâm *A-nậu-da-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vậy nên con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến thăm bệnh ông ấy.”

Phật bảo *Bồ Tát Trì Thế*:⁽¹⁾ “Ông hãy đến nhà *Duy-ma-cật* mà thăm hỏi bệnh ông ấy.”

Bồ Tát Trì Thế bạch Phật rằng: “*Thế Tôn*! Con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến thăm bệnh ông ấy. Nguyên do là thế này. Con còn nhớ lúc trước, khi con trụ nơi tinh thất. Lúc ấy, ma *Ba-tuần* hóa hình hệt như *Đế-thích*, có một muôn hai ngàn thiên nữ theo hầu, có cả tiếng âm nhạc, đàn địch ca xướng, đi lại chỗ con. Ma vương ấy với quyến thuộc đánh lễ nơi chân con, chấp tay cung kính đứng về một bên. Con tưởng đó là *Đế-thích*, nên liền nói với vị ấy rằng: ‘Lành thay, *Kiều-thi-ca*!’⁽²⁾ Tuy ông đáng được hưởng phước, nhưng chẳng nên phóng túng. Nên quán năm dục⁽³⁾ là vô thường. Muốn được gốc lành, hãy tu kiên pháp⁽⁴⁾ về thân, mạng, tài.’

(1) *Bồ Tát Trì Thế* (持世菩薩, Sanskrit: Lokadhāra)

(2) *Kiều-thi-ca* (Kauśika: tên riêng của đức *Đế-thích*, vua cõi trời Tam thập Tam thiên hay Đạo-lý Thiên trong cõi Dục giới.

(3) Năm dục (Ngũ dục: Năm sự ham muốn, khoái lạc có được do thỏa mãn 5 giác quan, bao gồm: 1. Sắc dục, 2. Thanh dục, 3. Hương dục, 4. Vị dục, 5. Xúc dục.

(4) *Kiên pháp*: những pháp bền vững mãi mãi. Có ba *Kiên pháp* là: thân,

“Vị ấy liền nói với con rằng: ‘Chánh sĩ!⁽¹⁾ Xin ngài thâu nhận mười hai ngàn thiên nữ này, các nàng có thể lo việc quét tước giặt rửa.’

“Con đáp: ‘*Kiều-thi-ca!* Tôi là *sa-môn Thích tử*, ông đừng yêu cầu tôi nhận những thứ không đúng với pháp tu hành. Điều đó là trái với nghi luật của tôi.’

“Con chưa dứt lời thì *Duy-ma-cật* đến, bảo con rằng: ‘Chẳng phải *Dế-thích*, đó là ma⁽²⁾ đến quấy rối ngài đó.’

“*Duy-ma-cật* liền nói với ma rằng: ‘Các nàng này có thể tặng cho ta. Ta bằng lòng thâu nhận.’

“Ma hoảng sợ, nghĩ rằng: ‘*Duy-ma-cật* chẳng phải định hại ta đây sao?’ Liền muốn ẩn hình trốn đi, nhưng chẳng được. Bèn dùng hết thần lực, cũng chẳng đi được. Liền nghe có tiếng nơi không trung nói rằng: ‘*Ba-tuần!*⁽³⁾ Hãy trao tặng những nàng ấy cho *Duy-ma-cật*, rồi ông mới đi được.’

“Vì khiếp sợ, ma miễn cưỡng mà cho.

“Lúc ấy *Duy-ma-cật* nói với các nàng rằng: ‘Ma đã đem các cô tặng cho ta. Nay các cô nên phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.’

mạng, tài. Người tu hành được: Thân vô cực, mạng vô cùng, tài vô tận. Đó gọi là 3 kiên pháp.

(1) Chánh sĩ: Bạc đại sĩ cầu chánh đạo, chánh quả, tức là danh xưng một vị Bồ Tát.

(2) Ma, phiên âm tiếng Phạn là *Māra*, là vị vua ở cung trời Tha hóa tự tại, cảnh thứ sáu, cảnh cao nhất trong cõi dục giới, thường gọi là Ma vương.

(3) Ba-tuần (Sanskrit: *Pāpīyan*): tên gọi của Ma vương.

“Duy-ma-cật liền tùy theo chỗ thích hợp mà thuyết pháp với các nàng, khiến cho tất cả đều phát đạo ý.

“Lại nói rằng: ‘Các cô đã phát đạo ý rồi. Nay có những điều vui theo đúng pháp để cho tự vui lấy, chẳng nên vui với năm dục nữa.’

“Các thiên nữ liền hỏi: ‘Những gì là vui theo đúng pháp?’

“Đáp rằng: ‘Vui thường tin Phật, vui muốn nghe Pháp, vui cúng dường Tăng. Vui lìa năm dục, vui quán năm ấm⁽¹⁾ như bọt oán tặc, vui quán bốn đại⁽²⁾ như rắn độc, vui quán nội nhập⁽³⁾ như xóm không dân cư. Vui tùy hộ đạo ý. Vui làm lợi ích chúng sinh. Vui kính dưỡng thầy. Vui làm việc

(1) Năm ấm (Ngũ ấm) hay Ngũ uẩn (五蘊, Sanskrit: pañca-skandha; Pāli: pañca-khandha): Năm món tích tụ, hòa hiệp tạo thành thân tâm, cũng được gọi là năm sự ràng buộc. Chỉ có Phật hay các vị A-la-hán mới không bị chúng trói buộc. Đó là:

1. Sắc (色; Sanskrit, Pāli: rūpa), chỉ thân và sáu giác quan (Lục căn).
2. Thọ (受; Sanskrit, Pāli: vedanā), tức là cảm giác.
3. Tưởng (想; Sanskrit: saṃjñā; Pāli: saññā)
4. Hành (行; Sanskrit: saṃskāra; Pāli: saṅkhāra)
5. Thức (識; Sanskrit: vijñāna; Pāli: viññāṇa).

(2) Bốn đại (Tứ đại, Sanskrit, Pāli: mahābhūta) là các yếu tố: đất (địa 地, Sanskrit: pṛthvī), nước (thủy 水, Sanskrit: āp), lửa (hỏa 火, Sanskrit: tejah), gió (phong 風, Sanskrit: vāyu). Quan niệm xưa cho đây là bốn yếu tố hợp thành mọi vật thể, tượng trưng cho: độ cứng (đất), chất lỏng (nước), hơi nóng (lửa) và sự vận động (gió). Bốn yếu tố này hợp thành thân thể cũng như vạn vật.

(3) Nội nhập hay Nội lục nhập, Lục nhập (六入, Sanskrit: ṣaḍāyatana. Pāli: saḍāyatana), là sáu căn đối với sáu trần, kể ra như sau:

bố thí rộng lớn. Vui giữ bền giới hạnh. Vui nhẫn nhục nhu hòa. Vui siêng gom góp căn lành. Vui thiền định chẳng loạn. Vui lìa cấu nhiễm, tỏ sáng trí huệ. Vui mở rộng tâm *Bồ-đề*. Vui hàng phục chúng ma. Vui cắt đứt các phiền não. Vui tịnh quốc độ của Phật. Vui thành tựu tướng hảo, tu các công đức. Vui trang nghiêm đạo trường. Vui nghe pháp sâu xa mà chẳng sợ. Vui với ba môn giải thoát. Vui chẳng sai thời. Vui gần bạn đồng học. Vui giữa nhóm người chẳng đồng học, lòng không ngăn ngại. Vui hộ trì những kẻ quen biết xấu. Vui gần gũi những người quen biết tốt. Vui lòng ưa mến cảnh thanh tịnh. Vui tu các đạo phẩm⁽¹⁾ vô lượng. Đó là các niềm vui theo đúng pháp của *Bồ Tát*.’

“Lúc ấy, ma *Ba-tuần* bảo các nàng ấy rằng: ‘Ta muốn cùng các ngươi trở về cung.’

“Các nàng thưa rằng: ‘Ông đã đem chúng tôi mà tặng cho vị cư sĩ này. Có các điều vui theo như pháp, chúng tôi rất vui thích. Chúng tôi chẳng còn muốn trở lại vui thích năm món dục lạc nữa.’

1. Hình sắc, đối tượng của mắt.
2. Âm thanh, đối tượng của tai.
3. Mùi hương, đối tượng của mũi.
4. Vị nếm, đối tượng của lưỡi.
5. Cảm xúc, đối tượng của thân.
6. Pháp (các hiện tượng, cũng có thể là một ý nghĩ, một khái niệm...) đối tượng của ý.

⁽¹⁾ Các đạo phẩm, tức là *Tam thập thất đạo phẩm* (Ba mươi bảy phẩm đạo).

“Ma nói: ‘Cư sĩ! Ông nên buông thả các nàng này. *Bồ Tát* phải là người thí xả tất cả sở hữu của mình cho kẻ khác.’

“Duy-ma-cật nói: ‘Ta đã buông xả rồi, người có thể ra đi. Hãy khiến cho tất cả chúng sinh được phát nguyện đầy đủ.’

“Lúc ấy, các thiên nữ hỏi Duy-ma-cật: ‘Chúng tôi sẽ làm gì khi ở nơi chốn cung ma?’

“Duy-ma-cật nói: ‘Này các cô, có một phép tu gọi là *Đèn không dứt*. Các cô nên học phép tu ấy. Đèn không dứt có nghĩa là, như từ một ngọn đèn, mỗi sáng ra trăm ngàn ngọn đèn liên tiếp. Những chỗ tối đều trở nên sáng, mà ánh sáng không hề dứt. Cũng vậy, một vị *Bồ Tát* mở đạo cho trăm ngàn chúng sinh, khiến cho tất cả đều phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Mà cái đạo ý ấy cũng không bao giờ dứt. Tùy theo chỗ thuyết pháp, tự mình tăng trưởng tất cả pháp lành. Đó gọi là *Đèn không dứt*. Các cô tuy ở nơi cung ma, hãy dùng phép tu *Đèn không dứt* này mà làm cho vô số thiên tử và thiên nữ đều phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Đó là báo đáp ơn Phật, cũng là làm lợi ích lớn cho tất cả chúng sinh.’

“Lúc ấy, các Thiên nữ lấy đầu và mặt làm lễ sát chân Duy-ma-cật, rồi theo ma vương mà trở về cung. Bỗng nhiên, thấy đều biến mất.

“Thế Tôn! *Duy-ma-cật* có thần lực tự tại và trí huệ biện tài như vậy đó. Vậy nên con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến thăm bệnh ông ấy.”

Phật phán với Thiện Đức, con nhà trưởng giả: “Ông hãy đến nhà *Duy-ma-cật* mà thăm hỏi bệnh ông ấy.”

Thiện Đức bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến thăm bệnh ông ấy. Nguyên do là thế này. Con còn nhớ lúc trước, ở nhà cha con, con có tự mình tổ chức một hội bố thí, cúng dường tất cả *sa-môn*, *bà-la-môn*, các thầy ngoại đạo và những kẻ bần cùng, hạ tiện, cô độc, hành khất. Kỳ hạn bố thí đủ bảy ngày. Bấy giờ, *Duy-ma-cật* đi lại, vào trong hội, bảo con rằng: ‘Chàng con nhà trưởng giả! Nếu là hội bố thí, chẳng nên tổ chức theo như cậu đang làm đây. Nên mở hội thí pháp, cần gì mở hội thí tài như vậy?’

“Con hỏi cư sĩ ấy: ‘Sao gọi là Hội thí pháp?’

“Đáp rằng: ‘Hội thí pháp là không thí cho kẻ trước người sau. Trong một lúc, cúng dường tất cả chúng sinh. Đó gọi là hội thí pháp.’

“Con lại hỏi: ‘Như vậy là thế nào?’ Đáp rằng: ‘Đó là: Nhân vì *Bồ-đề*, phát khởi lòng từ. Nhân vì cứu độ chúng sinh, phát khởi tâm đại bi. Nhân vì giữ gìn Chánh pháp, phát khởi tâm hỷ. Nhân vì nhiếp thâu trí huệ, thi hành pháp xả. Nhân vì nhiếp phục khan tham, khởi nên pháp bố thí. Nhân vì cải hóa việc phạm giới, khởi nên pháp trì giới. Nhân vì pháp vô ngã, khởi nên pháp nhẫn nhục. Nhân vì lia tướng thân tâm, khởi nên pháp tinh tấn. Nhân

vì tướng *Bồ-đề*, khởi nên pháp thiền định. Nhân vì cái trí biết tất cả, khởi nên pháp trí huệ. Vì giáo hóa chúng sinh, mà khởi ra lẽ không. Vì chẳng bỏ pháp hữu vi, mà khởi lẽ vô tướng. Vì thị hiện thọ sinh, mà khởi lẽ vô tác. Do hộ trì Chánh pháp, bèn khởi sức phương tiện. Nhân vì độ chúng sinh mà khởi bốn pháp thâm nhiếp. Nhân vì kính trọng tất cả, khởi trừ pháp kiêu mạn. Đối với thân, mạng, tài, khởi ba kiên pháp. Đối với sáu niệm,⁽¹⁾ khởi pháp tưởng nhớ. Đối với sáu hòa kính,⁽²⁾ khởi lòng chơn chất ngay thẳng. Thi hành pháp lành một cách minh chánh, bèn khởi nên đời sống trong sạch. Lòng trong sạch

(1) Sáu niệm (Lục niệm 六念) hay Lục tùy niệm (六隨念; Sanskrit: ṣaḍanusmṛtaya), cũng gọi là Lục niệm xứ (六念處), là sáu đối tượng mà người tu luôn luôn tâm niệm, nghĩ nhớ đến. Đó là:

1. Phật (Sanskrit: buddha)
2. Pháp (Sanskrit: dharma)
3. Tăng (Sanskrit: saṅgha);
4. Giới (Sanskrit: śīla);
5. Bố thí (Sanskrit: dāna);
6. Thiên (Sanskrit: deva)

(2) Sáu hòa kính (Lục hòa kính) cũng gọi Lục hòa (Sanskrit: ṣaḍsāmyadharma) là sáu điều hoà đồng, kính ái mà người học Phật phải thực hiện trong cuộc sống chung, nhất là khi sống trong Tăng đoàn. Nhờ thực hiện Lục hòa mà có thể tạo ra nếp sống hòa đồng giữa tất cả các thành viên trong một cộng đồng. Lục hoà kính bao gồm:

1. Thân hòa đồng trú: cùng giữ sự hòa thuận sống chung nhau.
2. Khẩu hòa vô tranh: cùng nói những lời ôn hòa, không tranh chấp.
3. Ý hòa đồng duyệt: cùng chung ý chí tốt đẹp, vui vẻ.
4. Lợi hòa đồng quân: cùng chia sẻ vật chất với nhau.
5. Giới hòa đồng tu: cùng chuyên giữ giới luật, tu tập.
6. Kiến hòa đồng giải: cùng chia sẻ sự hiểu biết, kiến giải.

vui vẻ, khởi ra việc gần gũi những bậc hiền thánh. Chẳng ghét kẻ dữ, khởi nên sự điều phục lòng người. Nhân vì pháp xuất gia, khởi nên lòng sâu vững. Nhân vì thi hành theo như thuyết, khởi nên tài đa văn. Nhân vì pháp không tranh chấp, khởi ra cảnh vắng vẻ, tịch tịnh.⁽¹⁾ Hướng theo huệ Phật, khởi nên pháp ngồi yên. Mở trối cho chúng sinh, khởi ra trụ địa tu hành.⁽²⁾ Nhân vì tướng hảo và cõi Phật thanh tịnh, khởi nên nghiệp phước đức. Nhân biết được lòng nghĩ tưởng của tất cả chúng sinh, thuyết pháp ứng hợp, bèn khởi nên nghiệp trí. Biết rằng tất cả các pháp là chẳng giữ cũng chẳng bỏ, vào được chỗ một tướng duy nhất,⁽³⁾ bèn khởi nên nghiệp của trí huệ. Dứt tất cả phiền não, tất cả chướng ngại, tất cả pháp chẳng lành, bèn khởi nên tất cả nghiệp lành. Nhân vì được tất cả trí huệ, tất cả pháp lành, mà khởi nên tất cả các pháp trợ Phật đạo. Như vậy, Thiện nam tử! Đó là hội thí pháp. Nếu Bồ Tát trụ ở hội thí pháp ấy, đó là đại thí chủ, cũng là ruộng phước của tất cả thế gian.’

“Thế Tôn! *Duy-ma-cật* thuyết thời pháp ấy xong, hai trăm người trong chúng bà-la-môn đều phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Khi ấy, tâm ý con được trong

(1) Cảnh vắng vẻ, tịch tịnh, Hán văn gọi là Không nhàn xứ, tiếng Sanskrit là Aranya, dịch âm là A-lan-nhà, là nơi vắng không, nhàn tịnh, xa làng xóm, không có sự tranh cãi.

(2) Trụ địa tu hành (Tu hành địa): Tức Tu hành trụ trong Thập trụ của Bồ Tát, gồm: 1. Phát tâm trụ, 2. Tri địa trụ, 3. Tu hành trụ, 4. Sinh quý trụ, 5. Phương tiện cụ túc trụ, 6. Chánh tâm trụ, 7. Bất thối trụ, 8. Đồng chân trụ, 9. Pháp vương tử trụ, 10. Quán đỉnh trụ.

(3) Một tướng duy nhất (nhất tướng): chỉ Thật tướng của chân như.

sạch, con khen là chưa từng có, liền đánh lễ nơi chân *Duy-ma-cật*. Rồi con cỡi ra xâu chuỗi ngọc, giá trị trăm ngàn mà dâng hiến, nhưng ông ấy chẳng nhận. Con liền nói: ‘Cư sĩ! Xin ông nhận lãnh, rồi muốn cho ai tùy ý.’

“*Duy-ma-cật* bèn nhận chuỗi ngọc, chia làm hai phần. Ông đem một phần thí cho kẻ ăn xin nghèo hèn nhất trong hội ấy. Còn một phần, ông phụng hiến đức Như Lai Nan Thắng bên cõi nước kia. Tất cả chúng hội khi ấy đều nhìn thấy đức Như Lai Nan Thắng ở cõi nước Quang Minh. Chúng hội lại còn thấy được những hạt ngọc sang bên đức Phật kia, liền hóa thành một cảnh đài báu bốn cột, bốn mặt đều trang nghiêm, chẳng che khuất nhau.

“Lúc ấy, *Duy-ma-cật* hiện thân biến như vậy rồi, lại nói rằng: ‘Nếu thí chủ có lòng bình đẳng, thí cho kẻ ăn xin nghèo hèn nhất, cũng như tướng ruộng phước Như Lai, không có chỗ phân biệt, giữ lòng đại bi bình đẳng, chẳng cầu quả báo. Đó mới gọi là hạnh thí pháp đầy đủ.’

“Trong thành, kẻ ăn xin nghèo hèn nhất thấy sức thần ấy và nghe *Duy-ma-cật* thuyết pháp cũng phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Vậy nên con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến thăm bệnh ông ấy.”

Cứ như vậy, các vị *Bồ Tát* lần lượt đối trước Phật nói ra duyên cớ của mình, xưng thuật lời lẽ của *Duy-ma-cật*. Tất cả đều thưa rằng chẳng đủ sức đảm nhận việc đến thăm bệnh ông ấy.

維摩詰所說經

【亦名不可思議解脫】

卷中

姚秦三藏法師鳩摩羅什奉詔譯

DUY-MA-CẬT SỞ THUYẾT KINH

(Diệu danh: Bất Khả Tư Nghị Giải Thoát Kinh)

QUYỂN TRUNG

DAO TÂN TAM TẠNG PHÁP SƯ CỬU MA LA THẬP
PHỤNG CHIẾU DỊCH

文殊師利問疾品

第五

爾時佛告文殊師利。汝行詣維摩詰問疾。

文殊師利白佛言。世尊。彼上人者難為訓對。深達實相善說法要。辯才無滯智慧無礙。一切菩薩法式悉知。諸佛祕藏無不得入降伏衆魔遊戲神通。其慧方便皆已得度。雖然當承佛聖旨詣彼問疾。

於是衆中諸菩薩大弟子釋梵四天王等咸作是念。今二大士文殊師利維摩詰共談。必說妙法。

即時八千菩薩五百聲聞。百千天人皆欲隨從。

於是文殊師利與諸菩薩大弟子衆及諸天人恭敬圍繞入毘耶離大城。

爾時長者維摩詰心念。今文殊師利與大衆俱來。即以神力空其室內。除去所有及諸侍者。唯置一牀以疾而臥。

VĂN-THÙ SỬ-LÝ VẤN TẬT PHẨM

Đệ ngũ

Nhĩ thời, Phật cáo *Văn-thù Sư-lý*: Nhữ hành nghệ *Duy-ma-cật* vấn tật.

Văn-thù Sư-lý bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Bĩ thượng nhân giả, nan vi thù đối. Thâm đạt thật tướng, thiện thuyết pháp yếu, biện tài vô trệ, trí huệ vô ngại. Nhất thiết *Bồ Tát* pháp thức tất tri. Chư Phật bí tạng, vô bất đắc nhập. Hàng phục chúng ma, du hý thần thông. Kỳ huệ phương tiện giai dĩ đắc độ. Tuy nhiên, đương thừa Phật thánh chỉ, nghệ bĩ vấn tật.

Ư thị chúng trung, chư *Bồ Tát*, đại đệ tử, *Thích, Phạm*, Tứ thiên vương đẳng, hàm tác thị niệm: Kim nhị đại sĩ: *Văn-thù Sư-lý*, *Duy-ma-cật* cộng đàm, tất thuyết diệu pháp.

Tức thời, bát thiên *Bồ Tát*, ngũ bá Thanh văn, bá thiên thiên nhân, giai dục tùy tùng.

Ư thị, *Văn-thù Sư-lý* dữ chư *Bồ Tát*, đại đệ tử chúng, cập chư thiên nhân cung kính vi nhiễu, nhập *Tỳ-da-lý* đại thành.

Nhĩ thời, Trưởng giả *Duy-ma-cật* tâm niệm: Kim *Văn-thù Sư-lý* dữ đại chúng câu lai. Tức dĩ thần lực, không kỳ thất nội, trừ khứ sở hữu cập chư thị giả. Duy trí nhất sàng, dĩ tật nhĩ ngộ.

文殊師利既入其舍。見其室空無諸所有。獨寢一牀。

時維摩詰言。善來文殊師利。不來相而來。不見相而見。

文殊師利言。如是居士。若來已更不來。若去已更不去。所以者何。來者無所從來。去者無所至。所可見者更不可見。

且置是事。居士是疾寧可忍不。療治有損不至增乎。世尊慇懃致問無量。

居士。是疾何所因起。其生久如。當云何滅。

維摩詰言。從癡有愛則我病生。以一切衆生病是故我病。若一切衆生得不病者則我病滅。所以者何。菩薩為衆生故入生死。有生死則有病。若衆生得離病者。則菩薩無復病。譬如長者唯有一子其子得病父母亦病。若子病愈父母亦愈。菩薩如是。於諸衆生愛之若子。衆生病則菩薩病。衆生病愈菩薩亦愈。

又言。是疾何所因起。菩薩疾者以大悲起。

Văn-thù Sư-ly ký nhập kỳ xá, kiến kỳ thất không, vô chư sở hữu, độc tâm nhất sàng.

Thời, *Duy-ma-cật* ngôn: Thiện lai, *Văn-thù Sư-ly*! Bất lai tướng nhi lai, bất kiến tướng nhi kiến.

Văn-thù Sư-ly ngôn: Như thị, cư sĩ. Nhược lai dĩ, cánh bất lai. Nhược khứ dĩ, cánh bất khứ. Sở dĩ giả hà? Lai giả, vô sở tùng lai. Khứ giả, vô sở chí. Sở khả kiến giả, cánh bất khả kiến.

Thả trí thị sự, cư sĩ thị tạt ninh khả nhãn phủ? Liệu trị hữu tổn, bất chí tăng hồ? Thế Tôn ân cần, trí vấn vô lượng.

Cư sĩ, thị tạt hà sở nhân khởi? Kỳ sinh cữu như, đương vân hà diệt?

Duy-ma-cật ngôn: Tòng si hữu ái, tắc ngã bệnh sinh. Dĩ nhất thiết chúng sinh bệnh, thị cố ngã bệnh. Nhược nhất thiết chúng sinh đắc bất bệnh giả, tắc ngã bệnh diệt. Sở dĩ giả hà? *Bồ Tát* vị chúng sinh cố nhập sinh tử. Hữu sinh tử, tắc hữu bệnh. Nhược chúng sinh đắc ly bệnh giả, tắc *Bồ Tát* vô phục bệnh. Thí như trưởng giả, duy hữu nhất tử. Kỳ tử đắc bệnh, phụ mẫu diệc bệnh. Nhược tử bệnh dũ, phụ mẫu diệc dũ. *Bồ Tát* như thị. Ư chư chúng sinh, ái chi nhược tử. Chúng sinh bệnh, tắc *Bồ Tát* bệnh. Chúng sinh bệnh dũ, *Bồ Tát* diệc dũ.

Hựu ngôn: Thị tạt hà sở nhân khởi? *Bồ Tát* tạt giả, dĩ đại bị khởi.

文殊師利言。居士。此室何以空無侍者。

維摩詰言。諸佛國土亦復皆空。

又問。以何為空。

答曰。以空空。

又問。空何用空。

答曰。以無分別空故空。

又問。空可分別耶。

答曰。分別亦空。

又問。空當於何求。

答曰。當於六十二見中求。

又問。六十二見當於何求。

答曰。當於諸佛解脫中求。

又問。諸佛解脫當於何求。

答曰。當於一切衆生心行中求。

又仁所問何無侍者。一切衆魔及諸外道皆吾侍者。所以者何。衆魔者樂生死。菩薩於生死而不捨。外道者樂諸見。菩薩於諸見而不動。

Văn-thù Sư-lý ngôn: Cư sĩ, thử thất hà dĩ không, vô thị giả?

Duy-ma-cật ngôn: Chư Phật quốc độ diệc phục giai không.

Hựu vấn: Dĩ hà vi không?

Đáp viết: Dĩ không không.

Hựu vấn: Không hà dụng không?

Đáp viết: Dĩ vô phân biệt không, cố không.

Hựu vấn: Không, khả phân biệt da?

Đáp viết: Phân biệt diệc không.

Hựu vấn: Không, đương ư hà cầu?

Đáp viết: Đương ư lục thập nhị kiến trung cầu.

Hựu vấn: Lục thập nhị kiến đương ư hà cầu?

Đáp viết: Đương ư chư Phật giải thoát trung cầu.

Hựu vấn: Chư Phật giải thoát đương ư hà cầu?

Đáp viết: Đương ư nhất thiết chúng sinh tâm hạnh trung cầu.

Hựu nhân sở vấn: ‘Hà vô thị giả?’ Nhất thiết chúng ma cập chư ngoại đạo giai ngô thị giả. Sở dĩ giả hà? Chúng ma giả nhạo sinh tử. *Bồ Tát* ư sinh tử nhi bất xả. Ngoại đạo giả nhạo chư kiến. *Bồ Tát* ư chư kiến nhi bất động.

文殊師利言。居士所疾。為何等相。

維摩詰言。我病無形不可見。

又問。此病身合耶心合耶。

答曰。非身合。身相離故。亦非心合。心如幻故。

又問。地大水大火大風大。於此四大何大之病。

答曰。是病非地大亦不離地大。水火風大亦復如是。而衆生病從四大起。以其有病是故我病。

爾時文殊師利問維摩詰言。菩薩應云何慰喻有疾菩薩。

維摩詰言。說身無常不說厭離於身。說身有苦不說樂於涅槃。說身無我而說教導衆生。說身空寂不說畢竟寂滅。說悔先罪而不說入於過去。以己之疾愍於彼疾。當識宿世無數劫苦。當念饒益一切衆生憶所修福。念於淨命。勿生憂惱常起精進。當作醫王療治衆病。菩薩應如是慰喻有疾菩薩令其歡喜。

Văn-thù Sư-ly ngôn: Cư sĩ sở tật, vi hà đẳng tướng?

Duy-ma-cật ngôn: Ngã bệnh vô hình, bất khả kiến.

Hựu vấn: Thử bệnh thân hiệp da? Tâm hiệp da?

Đáp viết: Phi thân hiệp, thân tướng ly cố. Diệc phi tâm hiệp, tâm như ảo cố.

Hựu vấn: Địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, ư thử tứ đại, hà đại chi bệnh?

Đáp viết: Thị bệnh phi địa đại, diệc bất ly địa đại. Thủy, hỏa, phong đại, diệc phục như thị. Nhi chúng sinh bệnh tùng tứ đại khởi. Dĩ kỳ hữu bệnh, thị cố ngã bệnh.

Nhĩ thời, *Văn-thù Sư-ly* vấn *Duy-ma-cật* ngôn: Bồ Tát ưng vân hà ỷ dụ hữu tật *Bồ Tát*?

Duy-ma-cật ngôn: Thuyết thân vô thường, bất thuyết yếm ly ư thân. Thuyết thân hữu khổ, bất thuyết nhạo ư *Niết-bàn*. Thuyết thân vô ngã, nhi thuyết giáo đạo chúng sinh. Thuyết thân không tịch, bất thuyết tất cánh tịch diệt. Thuyết hồi tiên tội, nhi bất thuyết nhập ư quá khứ. Dĩ kỷ chi tật, mẫn ư bỉ tật. Đương chí túc thế vô số kiếp khổ. Đương niệm nhiều ích nhất thiết chúng sinh, ức sở tu phước. Niệm ư tịnh mạng. Vật sinh ưu não, thường khởi tinh tấn. Đương tác Y vương, liệu trị chúng bệnh. *Bồ Tát* ưng như thị ỷ dụ hữu tật *Bồ Tát*, linh kỳ hoan hỷ.

文殊師利言。居士。有疾菩薩云何調伏其心。

維摩詰言。有疾菩薩應作是念。今我此病皆從前世妄想顛倒諸煩惱生。無有實法誰受病者。所以者何。四大合故假名為身。四大無主身亦無我。

又此病起皆由著我。是故於我不應生著。既知病本即除我想及衆生想。當起法想。應作是念。但以衆法合成此身。起唯法起滅唯法滅。

又此法者各不相知。起時不言我起。滅時不言我滅。彼有疾菩薩為滅法想當作是念。此法想者亦是顛倒。顛倒者是即大患。我應離之。

云何為離。離我我所。云何離我我所。謂離二法。云何離二法。謂不念內外諸法行於平等。云何平等。為我等涅槃等。所以者何。我及涅槃此二皆空。以何為空。但以名字故空。如此二法無決定性。得是平等無有餘病。唯有空病。空病亦空。是有疾菩薩以無所受而受諸受。未具佛法亦不滅受而取證也。

Văn-thù Sư-ly ngôn: Cư sĩ, hữu tặc *Bồ Tát* vân hà điều phục kỳ tâm?

Duy-ma-cật ngôn: Hữu tặc *Bồ Tát* ưng tác thị niệm: Kim ngã thử bệnh, giai từng tiền thế vọng tưởng điên đảo chư phiền não sinh. Vô hữu thật pháp, tùy thọ bệnh giả. Sở dĩ giả hà? Tứ đại hiệp cố, giả danh vi thân. Tứ đại vô chủ, thân diệc vô ngã.

Hựu thử bệnh khởi, giai do trước ngã. Thị cố ư ngã, bất ưng sinh trước. Ký tri bệnh bốn, tức trừ ngã tưởng cập chúng sinh tưởng. Đương khởi pháp tướng. Ưng tác thị niệm: Dẫn dĩ chúng pháp hiệp thành thử thân. Khởi duy pháp khởi, diệt duy pháp diệt.

Hựu thử pháp giả, các bất tương tri. Khởi thời, bất ngôn ngã khởi. Diệt thời, bất ngôn ngã diệt. Bĩ hữu tặc *Bồ Tát*, vi diệt pháp tướng, đương tác thị niệm: Thử pháp tướng giả, diệc thị điên đảo. Điện đảo giả, tức thị đại hoạn. Ngã ưng ly chi.

Vân hà vi ly? Ly ngã, ngã sở. Vân hà ly ngã, ngã sở? Vị ly nhị pháp. Vân hà ly nhị pháp? Vị bất niệm nội ngoại chư pháp, hành ư bình đẳng. Vân hà bình đẳng? Vị ngã đẳng. *Niết-bàn* đẳng. Sở dĩ giả hà? Ngã cập *Niết-bàn*, thử nhị giai không. Dĩ hà vi không? Dẫn dĩ danh tự cố không. Như thử nhị pháp, vô quyết định tánh. Đắc thị bình đẳng, vô hữu dư bệnh. Duy hữu không bệnh. Không bệnh diệc không. Thị hữu tặc *Bồ Tát*, dĩ vô sở thọ, nhi thọ chư thọ. Vị cụ Phật pháp, diệc bất diệt thọ nhi thủ chúng dã.

設身有苦念惡趣衆生起大悲心。我既調伏亦當調伏一切衆生。但除其病而不除法。為斷病本而教導之。

何謂病本。謂有攀緣。從有攀緣則為病本。何所攀緣謂之三界。云何斷攀緣以無所得。若無所得則無攀緣。何謂無所得。謂離二見。何謂二見。謂內見外見。是無所得。

文殊師利。是為有疾菩薩調伏其心。為斷老病死苦是菩薩菩提。若不如是已所修治為無慧利。譬如勝怨乃可為勇。如是兼除老病死者菩薩之謂也。

彼有疾菩薩應復作是念。如我此病非真非有。衆生病亦非真非有。作是觀時。於諸衆生若起愛見大悲即應捨離。所以者何。菩薩斷除客塵煩惱而起大悲。愛見悲者則於生死有疲厭心。若能離此無有疲厭。在在所生不為愛見之所覆也。所生無縛能為衆生說法解縛。如佛所說。若自有縛能解彼縛無有是處。若自無縛。能解彼縛斯有是處。是故菩薩不應起縛。

Thiết thân hữu khổ, niệm ác thú chúng sinh, khởi đại bi tâm. Ngã ký điều phục, diệc đương điều phục nhất thiết chúng sinh. Đản trừ kỳ bệnh, nhi bất trừ pháp. Vị đoạn bệnh bốn, nhi giáo đạo chi.

Hà vị bệnh bốn? Vị hữu phan duyên. Tòng hữu phan duyên tác vi bệnh bốn. Hà sở phan duyên? Vị chi Tam giới. Vân hà đoạn phan duyên? Dĩ vô sở đắc. Nhược vô sở đắc, tác vô phan duyên. Hà vị vô sở đắc? Vị ly nhị kiến. Hà vị nhị kiến? Vị nội kiến, ngoại kiến. Thị vô sở đắc.

Văn-thù *Su-ly*! Thị vi hữu tặc *Bồ Tát* điều phục kỳ tâm. Vị đoạn lão bệnh tử khổ, thị *Bồ Tát Bồ-đề*. Nhược bất như thị, kỷ sở tu trị, vi vô huệ lợi. Thí như thắng oán, nãi khả vi dùng. Như thị kiêm trừ lão bệnh tử giả, *Bồ Tát* chi vi dã.

Bỉ hữu tặc *Bồ Tát*, ưng phục tác thị niệm: ‘Như ngã thử bệnh, phi chân phi hữu. Chúng sinh bệnh diệc phi chân phi hữu.’ Tác thị quán thời, ư chư chúng sinh, nhược khởi ái kiến đại bi, tức ưng xả ly. Sở dĩ giả hà? *Bồ Tát* đoạn trừ khách trần phiền não, nhi khởi đại bi. Ái kiến bi giả, tác ư sinh tử, hữu bì yếm tâm. Nhược năng ly thử, vô hữu bì yếm. Tại tại sở sinh, bất vi ái kiến chi sở phú dã. Sở sinh vô phục, năng vị chúng sinh thuyết pháp giải phục. Như Phật sở thuyết: Nhược tự hữu phục, năng giải bỉ phục, vô hữu thị xứ. Nhược tự vô phục, năng giải bỉ phục, tư hữu thị xứ. Thị cố *Bồ Tát* bất ưng khởi phục.

何謂縛。何謂解。貪著禪味是菩薩縛。以方便生是菩薩解。

又無方便慧縛。有方便慧解。無慧方便縛。有慧方便解。

何謂無方便慧縛。謂菩薩以愛見心。莊嚴佛土成就衆生。於空無相無作法中而自調伏。是名無方便慧縛。何謂有方便慧解。謂不以愛見心莊嚴佛土成就衆生。於空無相無作法中。以自調伏而不疲厭。是名有方便慧解。

何謂無慧方便縛。謂菩薩住貪欲瞋恚邪見等諸煩惱。而植衆德本。是名無慧方便縛。何謂有慧方便解。謂離諸貪欲瞋恚邪見等諸煩惱。而植衆德本。迴向阿耨多羅三藐三菩提。是名有慧方便解。

文殊師利。彼有疾菩薩應如是觀諸法。

又復觀身無常苦空非我。是名為慧。雖身有疾常在生死。饒益一切而不厭倦。是名方便。

Hà vị phước? Hà vị giải? Tham trước thiên vị, thị *Bồ Tát* phước. Di phương tiện sinh, thị *Bồ Tát* giải.

Hữu vô phương tiện huệ phước, hữu phương tiện huệ giải, vô huệ phương tiện phước, hữu huệ phương tiện giải.

Hà vị vô phương tiện huệ phước? Vị *Bồ Tát* dĩ ái kiến tâm, trang nghiêm Phật độ, thành tựu chúng sinh. Ư không, vô tướng, vô tác pháp trung, nhi tự điều phục. Thị danh vô phương tiện huệ phước. Hà vị hữu phương tiện huệ giải? Vị bất dĩ ái kiến tâm, trang nghiêm Phật độ, thành tựu chúng sinh. Ư không, vô tướng, vô tác pháp trung, dĩ tự điều phục, nhi bất bì yếm. Thị danh hữu phương tiện huệ giải.

Hà vị vô huệ phương tiện phước? Vị *Bồ Tát* trụ tham dục, sân nhuế, tà kiến đẳng chư phiền não, nhi thực chúng đức bốn. Thị danh vô huệ phương tiện phước. Hà vị hữu huệ phương tiện giải? Vị ly chư tham dục, sân nhuế, tà kiến đẳng chư phiền não, nhi thực chúng đức bốn, hồi hướng *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Thị danh hữu huệ phương tiện giải.

Văn-thù *Sư-ly*! Bĩ hữu tất *Bồ Tát*, ưng như thị quán chư pháp.

Hựu phục quán thân vô thường, khổ, không, phi ngã. Thị danh vi huệ. Tuy thân hữu tất, thường tại sinh tử, nhiều ích nhất thiết, nhi bất yếm quỵen. Thị danh phương tiện.

又復觀身。身不離病病不離身。是病是身非新非故。是名為慧。設身有疾而不永滅。是名方便。

文殊師利。有疾菩薩應如是調伏其心不住其中。亦復不住不調伏心。所以者何。若住不調伏心是愚人法。若住調伏心是聲聞法。是故菩薩不當住於調伏不調伏心。離此二法是菩薩行。

在於生死不為污行。住於涅槃不永滅度。是菩薩行。

非凡夫行非賢聖行。是菩薩行。

非垢行非淨行。是菩薩行。雖過魔行。而現降伏衆魔。是菩薩行。

求一切智無非時求。是菩薩行。

雖觀諸法不生而不入正位。是菩薩行。

雖觀十二緣起而入諸邪見。是菩薩行。

雖攝一切衆生而不愛著。是菩薩行。

Hữu phục quán thân: thân bất ly bệnh, bệnh bất ly thân. Thị bệnh thị thân, phi thân phi cố. Thị danh vi huệ. Thiết thân hữu tậ, nhi bất vĩnh diệt. Thị danh phương tiện.

Văn-thù *Sư-ly*! Hữu tậ *Bồ Tát*, ưng như thị điều phục kỳ tâm, bất trụ kỳ trung. Diệc phục bất trụ bất điều phục tâm. Sở dĩ giả hà? Nhược trụ bất điều phục tâm, thị ngu nhân pháp. Nhược trụ điều phục tâm, thị Thanh văn pháp. Thị cố *Bồ Tát* bất đương trụ ư điều phục, bất điều phục tâm. Ly thử nhị pháp, thị *Bồ Tát* hạnh.

Tại ư sinh tử, bất vi ô hạnh, trụ ư *Niết-bàn*, bất vĩnh diệt độ. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Phi phàm phu hạnh, phi hiền thánh hạnh. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Phi cấu hạnh, phi tịnh hạnh. Thị *Bồ Tát* hạnh. Tuy quá ma hạnh, nhi hiện hàng phục chúng ma. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Cầu nhất thiết trí, vô phi thời cầu. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Tuy quán chư pháp bất sinh, nhi bất nhập chánh vị. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Tuy quán thập nhị duyên khởi, nhi nhập chư tà kiến. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Tuy nhiếp nhất thiết chúng sinh, nhi bất ái trước. Thị *Bồ Tát* hạnh.

雖樂遠離而不依身心盡。是菩薩行。

雖行三界而不壞法性。是菩薩行。

雖行於空而植衆德本。是菩薩行。

雖行無相而度衆生。是菩薩行。

雖行無作而現受身。是菩薩行。

雖行無起而起一切善行。是菩薩行。

雖行六波羅密而遍知衆生心心數法。是菩薩行。

雖行六通而不盡漏。是菩薩行。

雖行四無量心而不貪著生於梵世。是菩薩行。

雖行禪定解脫三昧而不隨禪生。是菩薩行。

雖行四念處不畢竟永離身受心法。是菩薩行。

雖行四正勤而不捨身心精進。是菩薩行。

雖行四如意足而得自在神通。是菩薩行。

Tuy nhạo viễn ly, nhi bất y thân tâm tận. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Tuy hành tam giới, nhi bất hoại pháp tánh. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Tuy hành ư không, nhi thực chúng đức bốn. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Tuy hành vô tướng, nhi độ chúng sinh. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Tuy hành vô tác, nhi hiện thọ thân. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Tuy hành vô khởi, nhi khởi nhất thiết thiện hạnh. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Tuy hành Lục *ba-la-mật*, nhi biến tri chúng sinh tâm, tâm số pháp. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Tuy hành lục thông, nhi bất tận lậu. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Tuy hành tứ vô lượng tâm, nhi bất tham trước sinh ư *Phạm thế*. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Tuy hành thiền định giải thoát *Tam-muội*, nhi bất tùy thiền sinh. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Tuy hành tứ niệm xứ, bất tất cánh vĩnh ly thân, thọ, tâm, pháp. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Tuy hành tứ chánh cần, nhi bất xả thân, tâm tình tấn. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Tuy hành tứ như ý túc, nhi đắc tự tại thân thông. Thị *Bồ Tát* hạnh.

雖行五根而分別衆生諸根利鈍。是菩薩行。

雖行五力而樂求佛十力。是菩薩行。

雖行七覺分而分別佛之智慧。是菩薩行。

雖行八正道而樂行無量佛道。是菩薩行。

雖行止觀助道之法而不畢竟墮於寂滅。是菩薩行。

雖行諸法不生不滅而以相好莊嚴其身。是菩薩行。

雖現聲聞辟支佛威儀而不捨佛法。是菩薩行。

雖隨諸法究竟淨相而隨所應為現其身。是菩薩行。

雖觀諸佛國土永寂如空而現種種清淨佛土。是菩薩行。

雖得佛道轉於法輪入於涅槃而不捨於菩薩之道。是菩薩行。

說是語時文殊師利所將大衆。其中八千天子皆發阿耨多羅三藐三菩提心。

Tuy hành ngũ căn, nhi phân biệt chúng sinh chư căn lợi độn. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Tuy hành ngũ lực, nhi lạc cầu Phật Thập lực. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Tuy hành thất giác phần, nhi phân biệt Phật chi trí huệ. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Tuy hành bát chánh đạo, nhi lạc hành vô lượng Phật đạo. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Tuy hành chỉ quán trợ đạo chi pháp, nhi bất tất cánh đoạ ư tịch diệt. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Tuy hành chư Pháp bất sinh bất diệt, nhi dĩ tướng hảo trang nghiêm kỳ thân. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Tuy hiện Thanh văn, Bích chi Phật oai nghi, nhi bất xả Phật Pháp. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Tuy tùy chư pháp cứu cánh tịnh tướng, nhi tùy sở ưng vi hiện kỳ thân. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Tuy quán chư Phật quốc độ vĩnh tịch như không, nhi hiện chủng chủng thanh tịnh Phật độ. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Tuy đắc Phật đạo, chuyển ư Pháp luân, nhập ư *Niết-bàn*, nhi bất xả ư *Bồ Tát* chi đạo. Thị *Bồ Tát* hạnh.

Thuyết thị ngữ thời, *Văn-thù Sư-lý* sở tương Đại chúng, kỳ trung bát thiên thiên tử, giai phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm.

Phẩm Thứ Năm

VĂN-THÙ THĂM BỆNH

Lúc ấy, Phật bảo Văn-thù Sư-lý: “Ông hãy đến nhà Duy-ma-cật mà thăm hỏi bệnh ông ấy.”

Văn-thù Sư-lý bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Thật khó mà đối đáp với vị thượng nhân đó. Ông ấy thấu suốt sâu xa thật tướng, thuyết diễn rành mạch yếu lý của pháp, biện tài, trí huệ không ngăn ngại. Ông ấy biết hết pháp thức của tất cả chư Bồ Tát. Ông ấy đặc nhập tạng bí mật của chư Phật. Ông ấy hàng phục chúng ma, du hý thần thông. Huệ và phương tiện của ông ấy đều đến mức vẹn toàn. Tuy nhiên, vâng lãnh thánh chỉ của Phật, con sẽ đến thăm hỏi bệnh của ông ấy.”

Lúc bấy giờ trong đại chúng, chư Bồ Tát, đại đệ tử, Thích, Phạm, Bốn thiên vương đều có ý nghĩ rằng: “Nay hai vị đại sĩ Văn-thù Sư-lý và Duy-ma-cật cùng nhau đàm luận, ắt thuyết diệu pháp.”

Tức thời, tám ngàn Bồ Tát, năm trăm Thanh văn, trăm ngàn chư thiên và người ta, đều muốn đi theo. Thế là, chư Bồ Tát và đại đệ tử cùng chư thiên, người ta cung

kính vây quanh Bồ Tát Văn-thù Sư-ly, cùng đi vào thành lớn Tỳ-da-ly.

Khi ấy, trưởng giả Duy-ma-cật tự nghĩ rằng: “Văn-thù Sư-ly cùng với đại chúng sắp đến đây.” Liền đó, ông dùng thần lực làm cho cảnh thất của ông trở nên trống trải, dẹp bỏ hết các đồ đạc cùng những kẻ hầu hạ, chỉ còn để một chiếc giường mà thôi. Lấy cố bệnh, ông nằm trên đó.

Văn-thù Sư-ly vào nhà, thấy cảnh trống trải, duy chỉ có một chiếc giường nằm, ngoài ra không có món chi nữa cả.

Lúc ấy, Duy-ma-cật nói: “Lành thay, Văn-thù Sư-ly mới đến! Đó là tướng chẳng đến mà đến. Tướng chẳng thấy mà thấy.”

Văn-thù Sư-ly nói: “Như vậy đó, cư sĩ. Nếu đã đến rồi, chẳng còn đến nữa. Nếu đã đi rồi, chẳng còn đi nữa. Tại sao vậy? Đến, chẳng từ đâu đến. Đi, chẳng có chỗ nào tới. Chỗ mà mình có thể thấy, cũng chẳng còn thấy được nữa.

“Nhưng thôi, hãy tạm gác lại việc đó. Bệnh của cư sĩ đây, có chịu nổi chăng? Việc điều trị có bề nhẹ bớt hay nặng thêm? Đức Thế Tôn ân cần chuyển lời hết sức tận tình thăm hỏi.

“Bệnh này của cư sĩ, do nhân nào mà phát khởi? Bệnh sinh ra lâu chưa? Nên dứt trừ bằng cách nào?”

Duy-ma-cật đáp: “Do si mê và ái luyến mà bệnh tôi sinh ra. Nhân vì tất cả chúng sinh bệnh, cho nên tôi bệnh. Nếu tất cả chúng sinh được khỏi bệnh, bệnh tôi sẽ dứt. Tại sao vậy? *Bồ Tát* vì chúng sinh, nên vào chốn sinh tử.⁽¹⁾ Có sinh tử, ắt có bệnh. Nếu chúng sinh được lìa khỏi bệnh, ắt *Bồ Tát* sẽ không còn bệnh. Thí như một người trưởng giả kia, chỉ có một đứa con trai mà thôi. Đứa con ấy mắc bệnh, cha mẹ cũng mang bệnh. Nếu đứa con lành bệnh, cha mẹ cũng lành bệnh. *Bồ Tát* cũng như vậy. Người yêu các chúng sinh như con một của mình. Nếu chúng sinh bệnh, *Bồ Tát* cũng bệnh. Nếu chúng sinh lành bệnh, *Bồ Tát* cũng lành bệnh.

“Nhân giả lại có hỏi: ‘Bệnh này do nhân nào mà phát khởi?’ Bệnh của *Bồ Tát* do lòng đại bi mà phát khởi vậy.”

Văn-thù Sư-ly hỏi: “Thất này của cư sĩ tại sao lại trống trải, không có kẻ hầu hạ?”

Duy-ma-cật đáp: “Các cõi nước của chư Phật cũng đều trống không vậy thôi.”

Lại hỏi: “Lấy gì mà cho là trống không?”

Đáp rằng: “Lấy không làm không.”

Lại hỏi: “Không, sao lại dùng không?”

⁽¹⁾ Sinh tử: Sống và chết, tức là vòng luân hồi. Bởi vì cứ sinh ra rồi chết đi rồi lại sinh ra nữa... Cứ như vậy mãi gọi là sinh tử.

Đáp rằng: “Là vì không phân biệt cái không, cho nên không.”

Lại hỏi: “Cái không, có thể phân biệt sao?”

Đáp rằng: “Phân biệt cũng là không.”

Lại hỏi: “Làm sao tìm cái không?”

Đáp rằng: “Nên ở trong sáu mươi hai tà kiến mà tìm.”

Lại hỏi: “Làm sao tìm sáu mươi hai tà kiến?”

Đáp rằng: “Nên ở trong các phép giải thoát của Phật⁽¹⁾ mà tìm.”

Lại hỏi: “Làm sao tìm các phép giải thoát của Phật?”

Đáp rằng: “Nên ở trong tám hạnh của tất cả chúng sinh mà tìm. Nhân giả lại có hỏi: ‘Tại sao không có kẻ hầu hạ?’ Tất cả chúng ma và những thầy ngoại đạo đều là kẻ hầu hạ tôi. Tại sao vậy? Chúng ma ưa thích sinh tử, *Bồ Tát* chẳng bỏ sinh tử. Các thầy ngoại đạo ưa thích kiến giải, *Bồ Tát* chẳng lay động đối với những kiến giải.”

Văn-thù Sư-lý hỏi: “Bệnh của cư sĩ, đó là những tướng gì?”

⁽¹⁾ Các phép giải thoát của Phật (chư Phật giải thoát): Các môn thiện định của Phật. Thiện định có thể đưa đến giải thoát, nên gọi là phép giải thoát.

Duy-ma-cật đáp: “Bệnh của tôi không có hình tướng, không thể thấy.”

Lại hỏi: “Bệnh ấy hiệp với thân hay hiệp với tâm?”

Đáp rằng: “Chẳng phải thân hiệp, vì tướng của thân là lia. Chẳng phải tâm hiệp, vì tâm như ảo hóa.”

Lại hỏi: “Trong bốn đại: đất, nước, lửa, gió, cái nào là bệnh?”

Đáp rằng: “Bệnh này chẳng phải đất, cũng chẳng lia đất. Đối với các đại như: nước, lửa, gió, lại cũng như vậy. Nhưng bệnh của chúng sinh là nương theo bốn đại mà khởi. Bởi họ có bệnh, cho nên tôi bệnh.”

Lúc ấy, *Văn-thù Sư-lý* hỏi *Duy-ma-cật* rằng: “Bồ Tát nên an ủi *Bồ Tát* có bệnh như thế nào?”

Duy-ma-cật đáp: “Nên nói thân là vô thường, chẳng nói chán lia cái thân. Nói thân có khổ, chẳng nói ưa thích *Niết-bàn*. Nói thân là vô ngã, nhưng khuyên dạy dìu dắt chúng sinh. Nói thân là không tịch, chẳng nói tất cánh tịch diệt. Nói ăn năn tội trước, mà chẳng nói trở vào quá khứ. Nhân bệnh mình, thương xót bệnh người. Nên nhớ các khổ não từ vô số kiếp của mình. Nên tưởng việc làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Nhớ chỗ tu phước của mình. Tưởng tới đời sống trong sạch. Đừng sinh lo buồn. Thường khởi tinh tấn. Nên làm vị vua thầy thuốc, liệu trị các bệnh. *Bồ Tát* nên an ủi *Bồ Tát* có bệnh như những cách ấy, khiến người bệnh được vui vẻ.”

Văn-thù Sư-ly hỏi: “Cư sĩ! *Bồ Tát* có bệnh làm cách nào để điều phục tâm mình?”

Duy-ma-cát đáp: “*Bồ Tát* có bệnh nên nghĩ như thế này: Bệnh này của ta hôm nay là do các phiền não vọng tưởng điên đảo đời trước mà sinh ra. Không có pháp thật thì ai là người thọ bệnh. Tại sao vậy? Do bốn đại hiệp lại, tạm gọi là thân. Bốn đại không có chủ, thân cũng không có ta.

“Lại nữa, bệnh này phát khởi là do sự chấp trước cái ta. Vậy nên đối với cái ta, chẳng nên sinh ra chấp trước. Đã biết gốc bệnh, liền trừ bỏ cái tư tưởng có ta và tư tưởng có chúng sinh. Nên phát khởi tư tưởng có các pháp, nên nghĩ như thế này: Chẳng qua do nhiều pháp hiệp lại nên thành cái thân này thôi. Chỉ vì các pháp khởi, nên thân khởi, chỉ vì các pháp diệt, nên thân diệt.

“Lại nữa, các pháp ấy đều chẳng biết nhau. Khi khởi, chẳng nói rằng ta khởi. Khi diệt, chẳng nói rằng ta diệt. Vì *Bồ Tát* nào bệnh, muốn diệt cái tư tưởng có các pháp, nên nghĩ như thế này: Cái tư tưởng có các pháp này cũng là tư tưởng điên đảo. Nếu điên đảo, tức là hại lớn, ta nên lià nó.

“Thế nào là lià? Ấy là lià cái ta và vật của ta. Thế nào là lià cái ta và vật của ta? Ấy là lià hai pháp. Thế nào là lià hai pháp? Ấy là chẳng nghĩ nhớ những pháp trong và những pháp ngoài, thi hành lẽ bình đẳng. Thế nào là bình đẳng? Ấy là cái ta với *Niết-bàn* là bình đẳng. Tại

sao vậy? Ta với *Niết-bàn*, hai thứ ấy đều là không. Tại sao vậy? Vì chỉ là danh tự cho nên không. Như hai pháp ấy không có tánh nhất định. Khi mình được lẽ bình đẳng này rồi, chẳng còn bệnh nào khác nữa. Chỉ còn cái bệnh chấp lẽ không mà thôi. Bệnh chấp ấy cũng là không. *Bồ Tát* ấy có bệnh, vì lẽ không có sở thọ, bèn thọ lãnh các món. Khi mình chưa có đủ Phật pháp, cũng chẳng dứt bỏ các cảm thọ mà giữ lấy chỗ chứng đắc.

“Vị như cái thân có khổ, nên nghĩ đến những cảnh ác lụy⁽¹⁾ của chúng sinh, khởi lòng đại bi. Đã điều phục cái ta rồi, cũng nên điều phục tất cả chúng sinh. Chẳng qua là trừ bệnh của mình mà thôi, chứ chẳng trừ pháp. Vì lẽ dứt tuyệt gốc bệnh, nên dạy dỗ dắt dẫn về lẽ ấy vậy.

“Sao gọi là gốc bệnh? Ấy là phan duyên.⁽²⁾ Do theo việc có phan duyên, ắt nảy ra gốc bệnh. Phan duyên với những cảnh nào? Ấy là ba cõi: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Làm sao dứt trừ phan duyên? Nên dùng lẽ không có chỗ chứng đắc, không thấy mình được quả vị nào cả. Nếu là không có chỗ chứng đắc, ắt không có phan duyên. Sao gọi là không có chỗ chứng đắc? Ấy là lìa hai kiến.

(1) Những cảnh ác lụy (ác thú): Những chốn thú hướng xấu, quy tụ các chúng sinh nhiều ác nghiệp. Đó là: 1. Địa ngục, 2. Ngạ quỷ, 3. Súc sinh.

(2) Phan duyên: leo vịn theo duyên là cảnh vật ngoài. Tỷ như các loài dây leo nương theo những cây trụ mà lớn lên, vọng tâm của chúng sinh cũng nương theo các duyên cảnh bên ngoài mà chuyển đổi không dừng nghỉ.

Hai kiến là gì? Ấy là *nội kiến*, kiến chấp có thân tâm nơi mình và *ngoại kiến*, kiến chấp có chúng sinh và cảnh vật ngoài mình. Như vậy đó gọi là không có chỗ chứng đắc.

“Văn-thù Sư-ly! Như vậy là *Bồ Tát* có bệnh điều phục tâm mình. Dứt được những nỗi khổ của già, bệnh, chết, đó là *Bồ-đề* của *Bồ Tát*. Nếu chẳng được như vậy, sự tu tập của mình không có lợi ích về trí huệ. Tỷ như mình thắng được kẻ oán thù, mới đáng gọi là dũng. Cũng như thế, nếu mình trừ được cả già, bệnh, chết, mới xứng đáng là *Bồ Tát*.”

“Vị *Bồ Tát* kia có bệnh, lại nên xét nghĩ thế này: ‘Như bệnh của ta đây, chẳng phải thật, chẳng phải có. Bệnh của chúng sinh cũng chẳng phải thật, chẳng phải có.’ Khi xét nghĩ như vậy, nếu người khởi đại bi ái kiến đối với chúng sinh, tức thời nên lìa bỏ chỗ khởi niệm ấy đi. Tại sao vậy? *Bồ Tát* đoạn trừ xong phiền não khách trần,⁽¹⁾ bèn khởi lòng đại bi. Còn lòng bi của ái kiến thì đối với cuộc sinh tử ắt có tâm mỗi một chán ngán. Nếu lìa được lòng bi ái kiến ấy, ắt không còn mỗi một chán ngán. Dầu sinh ra ở chốn nào, người cũng không bị cái ái kiến che ngán. Mình sinh sống không bị trói buộc, mới có thể thuyết pháp với chúng sinh lẽ cỡi mở dây buộc trói. Như

(1) Phiền não khách trần: Phiền não chẳng qua là ngoại cảnh, tỷ như người khách đến ở tạm, tỷ như bụi trần dính vào mình. Nên gọi phiền não là khách trần. Dùng theo nghĩa đối lại với chân tâm là chủ, vốn thường trụ, trong sạch, không ô nhiễm.

Phật có dạy: ‘Nếu tự mình bị buộc trói, mà cởi mở được sự trói buộc cho người khác, không có lẽ như vậy. Nếu tự mình không bị buộc trói, mà cởi được trói buộc cho người khác, mới là điều có lý.’ Vậy nên *Bồ Tát* không nên khởi ra việc tự trói buộc.

“Sao gọi là trói buộc? Sao gọi là cởi mở? Tham trước mùi vị thiên định, đó là sự trói buộc của *Bồ Tát*. Dùng phương tiện mà sinh ra, đó là sự cởi mở của *Bồ Tát*.

“Lại nữa, có bốn lẽ: *Vô phương tiện huệ phước*, là sự trói buộc không có trí huệ phương tiện; *Hữu phương tiện huệ giải*, là sự cởi mở có trí huệ phương tiện; *Vô huệ phương tiện phước*, là sự trói buộc không có phương tiện trí huệ; *Hữu huệ phương tiện giải*, là sự cởi mở có phương tiện trí huệ.

“Sao gọi là *sự trói buộc không có trí huệ phương tiện*? Ấy là *Bồ Tát* dùng lòng ái kiến mà trang nghiêm cõi Phật, thành tựu cho chúng sinh. Đối với ba pháp: không, vô tướng, vô tác, tự mình điều phục. Đó gọi là *sự trói buộc không có trí huệ phương tiện*.

“Sao gọi là *sự cởi mở có trí huệ phương tiện*? *Bồ Tát* chẳng dùng lòng ái kiến mà trang nghiêm cõi Phật, thành tựu cho chúng sinh. Đối với ba pháp: không, vô tướng, vô tác, tự mình đã điều phục, mà chẳng mỗi một chán ngán. Đó gọi là *sự cởi mở có trí huệ phương tiện*.

“Sao gọi là *sự trói buộc không có phương tiện trí huệ*? Ấy là *Bồ Tát* trụ nơi các phiền não: tham dục, sân nhuế, tà kiến, mà trông những cội lành. Đó gọi là *sự trói buộc không có phương tiện trí huệ*.

“Sao gọi là *sự cởi mở có phương tiện trí huệ*? *Bồ Tát* đã lìa khỏi các phiền não: tham dục, sân nhuế, tà kiến, mà trông những cội lành, hồi hướng quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Đó gọi là *sự cởi mở có phương tiện trí huệ*.

“*Văn-thù Sư-lý*! *Vị Bồ Tát* kia có bệnh, nên quán các pháp như vậy.

“Lại nữa, nên quán cái thân là: *vô thường, khổ, không, vô ngã*. Đó gọi là trí huệ. Tuy cái thân có bệnh, nhưng nó thường ở chốn sinh tử, làm lợi ích tất cả chúng sinh, mà chẳng mỗi một chán ngán. Đó gọi là phương tiện.

“Lại nữa, nên quán cái thân: thân chẳng lìa bệnh, bệnh chẳng lìa thân. Bệnh này, thân này chẳng phải mới, chẳng phải cũ. Đó gọi là trí huệ. Ví dầu cái thân có bệnh, nhưng nó chẳng diệt độ mãi mãi. Đó gọi là phương tiện.

“*Văn-thù Sư-lý*! *Bồ Tát* có bệnh, nên điều phục tâm mình như thế này: chẳng trụ nơi chỗ điều phục tâm, cũng chẳng trụ nơi chỗ không điều phục tâm. Tại sao vậy? Nếu mình trụ nơi chỗ không điều phục tâm, đó là pháp của kẻ ngu. Nếu mình trụ chỗ điều phục tâm, đó là pháp của

Thanh văn. Vì vậy, *Bồ Tát* chẳng nên trụ ở chỗ điều phục tâm, cũng chẳng nên trụ ở chỗ không điều phục tâm. Là khỏi hai pháp ấy, đó là hạnh *Bồ Tát*.

“Ở tại sinh tử, chẳng làm việc ô trước, trụ nơi *Niết-bàn*, chẳng diệt độ mãi mãi. Đó là hạnh *Bồ Tát*.

“Chẳng phải hạnh phàm phu, chẳng phải hạnh hiền thánh. Đó là hạnh *Bồ Tát*.

“Chẳng phải hạnh cấu uế, chẳng phải thanh tịnh. Đó là hạnh *Bồ Tát*.

“Tuy vượt khỏi hạnh của ma, nhưng thị hiện hàng phục chúng ma. Đó là hạnh *Bồ Tát*.

“Cầu cái trí biết tất cả, mà chẳng cầu không đúng lúc. Đó là hạnh *Bồ Tát*.

“Tuy quán các pháp chẳng sinh, nhưng chẳng vào chánh vị, *Niết-bàn* của Tiểu thừa. Đó là hạnh *Bồ Tát*.

“Tuy quán mười hai duyên khởi, nhưng cũng vào các tà kiến. Đó là hạnh *Bồ Tát*.

“Tuy nhiếp phục tất cả chúng sinh, nhưng chẳng luyến ái chấp trước. Đó là hạnh *Bồ Tát*.

“Tuy ưa mến cuộc xa lìa, nhưng chẳng nương theo lẽ thân tâm dứt hết, Đó là hạnh *Bồ Tát*.

“Tuy hành lễ ba cõi, nhưng chẳng bỏ tánh pháp. Đó là hạnh *Bồ Tát*.

“Tuy hành lễ không, nhưng trồng các cội lành. Đó là hạnh *Bồ Tát*.

“Tuy hành lễ vô thường, nhưng độ các chúng sinh. Đó là hạnh *Bồ Tát*.

“Tuy hành lễ vô tác, nhưng thị hiện thọ lấy thân sống. Đó là hạnh *Bồ Tát*.

“Tuy hành lễ vô khởi, nhưng khởi tất cả nết lành. Đó là hạnh *Bồ Tát*.

“Tuy hành sáu *ba-la-mật*, nhưng mở rộng ra các pháp về tâm, tâm số của chúng sinh. Đó là hạnh *Bồ Tát*.

“Tuy hành sáu thần thông, nhưng chẳng dứt hết phiền não. Đó là hạnh *Bồ Tát*.

“Tuy hành bốn tâm vô lượng: đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, nhưng chẳng ham muốn sinh nơi cõi *Phạm thiên*. Đó là hạnh *Bồ Tát*.

“Tuy hành Thiền định giải thoát *Tam-muội* nhưng chẳng nương theo thiền định mà sinh nơi cõi trời. Đó là hạnh *Bồ Tát*.

“Tuy hành bốn niệm xứ, nhưng chẳng rời ráo lìa khỏi bốn chỗ: *thân, thọ, tâm, pháp*. Đó là hạnh *Bồ Tát*.

“Tuy hành bốn chánh cần, nhưng không bỏ sức tinh tấn của thân tâm. Đó là hạnh *Bồ Tát*.

“Tuy hành bốn như ý túc, nhưng tự mình được các phép thần thông tự tại. Đó là hạnh *Bồ Tát*.

“Tuy hành năm pháp căn bản,⁽¹⁾ nhưng phân biệt được các căn tánh chậm lụt hoặc lanh lợi của chúng sinh. Đó là hạnh *Bồ Tát*.”

“Tuy hành năm sức, nhưng vui cầu mười lực của Phật. Đó là hạnh *Bồ Tát*.”

“Tuy hành bảy phần giác,⁽²⁾ nhưng phân biệt được trí huệ của Phật. Đó là hạnh *Bồ Tát*.”

“Tuy hành tám chánh đạo, nhưng ưa hành Phật đạo vô lượng. Đó là hạnh *Bồ Tát*.”

“Tuy hành pháp chỉ quán trợ đạo, nhưng cuối cùng chẳng rơi vào nơi tịch diệt. Đó là hạnh *Bồ Tát*.”

“Tuy hành lễ các pháp chẳng sinh chẳng diệt, nhưng dùng những tướng chánh và những tướng phụ mà trang nghiêm thân mình. Đó là hạnh *Bồ Tát*.”



(1) Năm pháp căn bản: tức là Ngũ căn.

(2) Bảy phần giác: tức là Thất giác chi.

“Tuy hiện oai nghi của Thanh văn, Bích chi Phật, nhưng chẳng bỏ Phật Pháp. Đó là hạnh *Bồ Tát*.”

“Tuy nương theo tướng cứu cánh thanh tịnh của các pháp, nhưng cũng nương theo chỗ ứng hợp mà thị hiện thân mình. Đó là hạnh *Bồ Tát*.”

“Tuy quán các cõi Phật yên lặng vĩnh viễn như cõi không, nhưng cũng hiện ra các cõi thanh tịnh của Phật. Đó là hạnh *Bồ Tát*.”

“Tuy đắc Phật đạo, quay bánh xe pháp vào *Niết-bàn*, nhưng chẳng bỏ đạo của *Bồ Tát*. Đó là hạnh *Bồ Tát*.”

Duy-ma-cật nói những lời ấy rồi, trong đại chúng đi theo *Văn-thù Sư-ly* có tám ngàn vị thiên tử, thấy đều phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.



不思議品

第六

爾時舍利弗。見此室中無有牀座。作是念。斯諸菩薩大弟子衆當於何坐。

長者維摩詰知其意。語舍利弗言。云何仁者為法來耶為牀座耶。

舍利弗言。我為法來非為牀座。

維摩詰言。唯舍利弗。夫求法者不貪軀命。何況牀座。

夫求法者。非有色受想行識之求。非有入界之求。非有欲色無色之求。

唯舍利弗。夫求法者。不著佛求不著法求不著衆求。

夫求法者。無見苦求。無斷集求。無造盡證修道之求。所以者何。法無戲論。若言我當見苦斷集證滅修道。是則戲論非求法也。

BẤT TỬ NGHỊ PHẨM

Đệ lục

Nhì thời, *Xá-ly-phát* kiến thử thất trung, vô hữu sàng tọa, tác thị niệm: Tư chư *Bồ Tát*, đại đệ tử chúng đương ư hà tọa?

Trường giả *Duy-ma-cật*, tri kỳ ý, ngữ *Xá-ly-phát* ngôn: Vân hà nhân giả vị pháp lai da? Vị sàng tọa da?

Xá-ly-phát ngôn: Ngã vị pháp lai, phi vị sàng tọa.

Duy-ma-cật ngôn: Duy, *Xá-ly-phát*! Phù cầu pháp giả, bất tham xu mạng, hà hướng sàng tọa?

Phù cầu pháp giả, phi hữu sắc, thọ, tưởng, hành, thức chi cầu. Phi hữu nhập, giới chi cầu. Phi hữu dục, sắc, vô sắc chi cầu.

Duy, *Xá-ly-phát*! Phù cầu pháp giả, bất trước Phật cầu. Bất trước Pháp cầu. Bất trước Chúng cầu.

Phù cầu pháp giả, vô kiến khổ cầu. Vô đoạn tập cầu. Vô tạo tận chứng, tu đạo chi cầu. Sở dĩ giả hà? Pháp vô hý luận. Nhược ngôn: ‘Ngã đương kiến khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo.’ Thị tắc hý luận, phi cầu pháp dã.

唯舍利弗。法名寂滅。若行生滅是求生滅非求法也。

法名無染。若染於法乃至涅槃。是則染著非求法也。

法無行處。若行於法是則行處非求法也。

法無取捨。若取捨法是則取捨非求法也。

法無處所。若著處所。是則著處非求法也。

法名無相。若隨相識是則求相非求法也。

法不可住。若住於法是則住法非求法也。

法不可見聞覺知。若行見聞覺知是則見聞覺知非求法也。

法名無為。若行有為是求有為非求法也。

是故舍利弗。若求法者。於一切法應無所求。

Duy, *Xá-ly-phát!* Pháp danh tịch diệt. Nhược hành sinh diệt, thị cầu sinh diệt, phi cầu pháp dã.

Pháp danh vô nhiễm. Nhược nhiễm ư pháp, nãi chí *Niết-bàn*, thị tắc nhiễm trước, phi cầu pháp dã.

Pháp vô hành xứ. Nhược hành ư pháp, thị tắc hành xứ, phi cầu pháp dã.

Pháp vô thủ xả. Nhược thủ xả pháp, thị tắc thủ xả, phi cầu pháp dã.

Pháp vô xứ sở. Nhược trước xứ sở, thị tắc trước xứ, phi cầu pháp dã.

Pháp danh vô tướng. Nhược tùy tướng thức, thị tắc cầu tướng, phi cầu pháp dã.

Pháp bất khả trụ. Nhược trụ ư pháp, thị tắc trụ pháp, phi cầu pháp dã.

Pháp bất khả kiến văn giác tri. Nhược hành kiến văn giác tri, thị tắc kiến văn giác tri, phi cầu pháp dã.

Pháp danh vô vi. Nhược hành hữu vi, thị cầu hữu vi, phi cầu pháp dã.

Thị cố *Xá-ly-phát!* Nhược cầu pháp giả, ư nhất thiết pháp, ứng vô sở cầu.

說是語時。五百天子於諸法中得法眼淨。

爾時長者維摩詰問文殊師利。仁者遊於無量千萬億阿僧祇國。何等佛土有好上妙功德成就師子之座。

文殊師利言。居士。東方度三十六恒河沙國有世界。名須彌相。其佛號須彌燈王。今現在。彼佛身長八萬四千由旬。其師子座高八萬四千由旬嚴飾第一。

於是長者維摩詰。現神通力。即時彼佛遣三萬二千師子之座高廣嚴淨來入維摩詰室。諸菩薩大弟子釋梵四天王等昔所未見。其室廣博悉皆包容三萬二千師子座。無所妨礙。於毘耶離城及閻浮提四天下亦不迫迮。悉見如故。

爾時維摩詰語文殊師利。就師子座。與諸菩薩上人俱坐。當自立身如彼座像。其得神通菩薩即自變形。為四萬二千由旬坐師子座。諸新發意菩薩及大弟子皆不能昇。

爾時維摩詰語舍利弗。就師子座。

Thuyết thị ngữ thời, ngữ bá thiên tử, ư chư pháp trung đặc pháp nhân tịnh.

Nhĩ thời, Trưởng giả *Duy-ma-cật* vấn *Văn-thù Sư-ly*: Nhân giả du ư vô lượng thiên vạn ức *a-tăng-kỳ* quốc. Hà đẳng Phật độ hữu hảo thượng diệu công đức thành tựu sư tử chi tòa?

Văn-thù Sư-ly ngôn: Cư sĩ, Đông phương độ tam thập lục *Hàng* hà sa quốc, hữu thế giới danh *Tu-di* Tướng. Kỳ Phật hiệu *Tu-di* Đẳng Vương kim hiện tại. Bỉ Phật thân trường bát vạn tứ thiên *do-tuần*. Kỳ Sư tử tòa cao bát vạn tứ thiên *do-tuần*, nghiêm sức đệ nhất.

Ư thị, Trưởng giả *Duy-ma-cật* hiện thân thông lực. Tức thời, bỉ Phật khiển tam vạn nhị thiên sư tử chi tòa, cao quảng nghiêm tịnh, lai nhập *Duy-ma-cật* thất. Chư *Bồ Tát*, đại đệ tử, *Thích*, *Phạm*, Tứ thiên vương đẳng, tích sở vị kiến. Kỳ thất quảng bác, tất giai bao dung tam vạn nhị thiên sư tử tòa, vô sở phùng ngại. Ư *Tỳ-da-ly* thành cập *Diêm-phù-đề*, Tứ thiên hạ, diệc bát bách trách, tất kiến như cố.

Nhĩ thời, *Duy-ma-cật* ngữ *Văn-thù Sư-ly*: Tựu sư tử tòa, dữ chư *Bồ Tát* thượng nhân câu tọa. Đương tự lập thân như bỉ tòa tượng. Kỳ đặc thân thông *Bồ Tát* tức tự biến hình vi tứ vạn nhị thiên *do-tuần*, tọa Sư tử tòa. Chư tân phát ý *Bồ Tát* cập đại đệ tử giai bất năng thăng.

Nhĩ thời, *Duy-ma-cật* ngữ *Xá-ly-phát*: Tựu Sư tử tòa.

舍利弗言。居士。此座高廣吾不能昇。

維摩詰言。唯舍利弗。為須彌燈王如來作禮乃可得坐。

於是新發意菩薩及大弟子即為須彌燈王如來作禮。便得坐師子座。

舍利弗言。居士未曾有也。如是小室乃容受此高廣之座。於毘耶離城無所妨礙。又於閻浮提聚落城邑及四天下諸天龍王鬼神宮殿。亦不迫迮。

維摩詰言。唯舍利弗。諸佛菩薩有解脫名不可思議。若菩薩住是解脫者。以須彌之高廣內芥子中無所增減。須彌山王本相如故。而四天王忉利諸天。不覺不知己之所入。唯應度者乃見須彌入芥子中。是名不可思議解脫法門。

又以四大海水入一毛孔。不燒魚鱉黿鼉水性之屬。而彼大海本相如故。諸龍鬼神阿修羅等不覺不知己之所入。於此衆生亦無所燒。

Xá-ly-phát ngôn: Cư sĩ, thử tòa cao quảng, ngô bất năng thăng.

Duy-ma-cật ngôn: Duy, *Xá-ly-phát*! Vị *Tu-di* Đấng Vương Như Lai tác lễ, nãi khả đắc tọa.

Ư thị, tân phát ý *Bồ Tát* cập đại đệ tử tức vị *Tu-di* Đấng Vương Như Lai tác lễ, tiên đắc tọa sư tử tòa.

Xá-ly-phát ngôn: Cư sĩ, vị tăng hữu dã! Như thị tiểu thất nãi dung thọ thử cao quảng chi tòa! Ư *Tỳ-da-ly* thành, vô sở phùng ngại. Hựu ư *Diêm-phù-đề* tụ lạc thành ấp, cập Tứ thiên hạ chư thiên, long vương, quỷ thần cung điện, diệc bất bách trách.

Duy-ma-cật ngôn: Duy, *Xá-ly-phát*! Chư Phật, *Bồ Tát* hữu giải thoát, danh Bất khả tư nghị. Nhược *Bồ Tát* trụ thị giải thoát giả, dĩ *Tu-di* chi cao quảng nạp giới tử trung, vô sở tăng giảm. *Tu-di* sơn vương bốn tướng như cố. Nhi Tứ thiên vương, *Đao-lý* chư thiên bất giác bất tri kỷ chi sở nhập. Duy ứng độ giả nãi kiến *Tu-di* nhập giới tử trung. Thị danh Bất khả tư nghị giải thoát pháp môn.

Hựu dĩ tứ đại hải thủy nhập nhất mao không, bất nhiều ngư, biết, nguyên, đà thủy tánh chi thuộc. Nhi dĩ đại hải bốn tánh như cố. Chư long, quỷ, thần, *a-tu-la* đẳng bất giác bất tri kỷ chi sở nhập. Ư thử chúng sinh, diệc vô sở nhiều.

又舍利弗。住不可思議解脫菩薩。斷取三千大千世界如陶家輪著右掌中。擲過恒河沙世界之外。其中衆生不覺不知已之所往。又復還置本處。都不使人有往來想。而此世界本相如故。

又舍利弗。或有衆生樂久住世而可度者。菩薩即演七日以為一劫。令彼衆生謂之一劫。或有衆生不樂久住而可度者。菩薩即促一劫以為七日。令彼衆生謂之七日。

又舍利弗。住不可思議解脫菩薩。以一切佛土嚴飾之事。集在一國示於衆生。又菩薩以一切佛土衆生置之右掌。飛到十方遍示一切。而不動本處。

又舍利弗十方衆生供養諸佛之具。菩薩於一毛孔皆令得見。又十方國土所有日月星宿。於一毛孔普使見之。

又舍利弗。十方世界所有諸風。菩薩悉能吸著口中而身無損。外諸樹木亦不摧折。

Hựu, *Xá-ly-phát!* Trụ Bất khả tư nghị giải thoát *Bồ Tát*, đoạn thủ tam thiên đại thiên thế giới như đào gia luân, trước hữu chương trung, trịch quá *Hằng* sa thế giới chi ngoại. Kỳ trung chúng sinh bất giác bất tri kỷ chi sở vãng. Hựu phục hoàn trí bốn xứ, đô bất sử nhân hữu vãng lai tướng. Nhi thủ thế giới bốn tướng như cố.

Hựu, *Xá-ly-phát!* Hoặc hữu chúng sinh nhạo cửu trụ thế nhi khả độ giả, *Bồ Tát* tức diễn thất nhật dĩ vi nhất kiếp, linh bỉ chúng sinh vị chi nhất kiếp. Hoặc hữu chúng sinh bất nhạo cửu trụ nhi khả độ giả, *Bồ Tát* tức xúc nhất kiếp dĩ vi thất nhật, linh bỉ chúng sinh vị chi thất nhật.

Hựu, *Xá-ly-phát!* Trụ Bất khả tư nghị giải thoát *Bồ Tát*, dĩ nhất thiết Phật độ nghiêm sức chi sự, tập tại nhất quốc, thị ư chúng sinh. Hựu, *Bồ Tát* dĩ nhất thiết Phật độ chúng sinh, trí chi hữu chương, phi đáo Thập phương, biến thị nhất thiết, nhi bất động bốn xứ.

Hựu, *Xá-ly-phát!* Thập phương chúng sinh cúng dường chư Phật chi cụ, *Bồ Tát* ư nhất mao không, giai linh đắc kiến. Hựu, thập phương quốc độ sở hữu nhật nguyệt tinh tú, ư nhất mao không, phổ sử kiến chi.

Hựu, *Xá-ly-phát!* Thập phương thế giới sở hữu chư phong, *Bồ Tát* tất năng hấp trước khẩu trung, nhi thân vô tổn. Ngoại chư thọ mộc diệp bất tổn chiết.

又十方世界劫盡燒時。以一切火內於腹中。火事如故而不為害。又於下方過恒河沙等諸佛世界。取一佛土舉著上方。過恒河沙無數世界。如持鍼鋒舉一棗葉而無所燒。

又舍利弗。住不可思議解脫菩薩。能以神通現作佛身。或現辟支佛身。或現聲聞身。或現帝釋身。或現梵王身。或現世主身。或現轉輪王身。又十方世界所有衆聲。上中下音皆能變之令作佛聲。演出無常苦空無我之音。及十方諸佛所說種種之法。皆於其中。普令得聞。

舍利弗。我今略說菩薩不可思議解脫之力。若廣說者窮劫不盡。

是時大迦葉。聞說菩薩不可思議解脫法門。歎未曾有。謂舍利弗。譬如有人於盲者前現衆色像非彼所見。一切聲聞聞是不可思議解脫法門不能解了為若此也。智者聞是。其誰不發阿耨多羅三藐三菩提心。我等何為永絕其根。於此大乘已如敗種。

Hựu, thập phương thế giới kiếp tận thiêu thời, dĩ nhất thiết hỏa nạp ư phúc trung, hỏa sự như cố, nhi bất vi hại. Hựu, ư hạ phương, quá *Hằng* hà sa đẳng chư Phật thế giới, thủ nhất Phật độ, cử trước thượng phương, quá *Hằng* hà vô số thế giới, như trì châm phong cử nhất tảo diệp, nhi vô sở nhiễu.

Hựu, *Xá-ly-phát!* Trụ Bất khả tư nghị giải thoát *Bồ Tát*, năng dĩ thần thông hiện tác Phật thân, hoặc hiện Bích chi Phật thân, hoặc hiện Thanh văn thân, hoặc hiện *Đế-thích* thân, hoặc hiện *Phạm* vương thân, hoặc hiện Thế chủ thân, hoặc hiện Chuyển luân Thánh vương thân. Hựu, thập phương thế giới sở hữu chúng thanh, thượng, trung, hạ âm, giai năng biến chi, linh tác Phật thanh, diễn xuất vô thường, khổ, không, vô ngã chi âm. Cập thập phương chư Phật sở thuyết chủng chủng chi pháp, giai ư kỳ trung, phổ linh đắc văn.

Xá-ly-phát! Ngã kim lược thuyết *Bồ Tát* Bất khả tư nghị giải thoát chi lực. Nhược quảng thuyết giả, cùng kiếp bất tận.

Thị thời, Đại *Ca-diếp*, văn thuyết *Bồ Tát* Bất khả tư nghị giải thoát pháp môn, thán vị tăng hữu, vị *Xá-ly-phát*: Thí như hữu nhân, ư manh giả tiền, hiện chúng sắc tượng, phi bỉ sở kiến. Nhất thiết Thanh văn, văn thị Bất khả tư nghị giải thoát pháp môn, bất năng giải liễu, vi nhược thử dã. Trí giả văn thị, kỳ thù bất phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm? Ngã đẳng hà vi vĩnh tuyệt kỳ căn, ư thử Đại thừa, kỷ như bại chủng? Nhất

一切聲聞聞是不可思議解脫法門。皆應號泣聲震三千大千世界。一切菩薩應大欣慶頂受此法。若有菩薩信解不可思議解脫法門者。一切魔衆無如之何。

大迦葉說此語時。三萬二千天子皆發阿耨多羅三藐三菩提心。

爾時維摩詰語大迦葉。仁者。十方無量阿僧祇世界中作魔王者。多是住不可思議解脫菩薩。以方便力故教化衆生現作魔王。

又迦葉。十方無量菩薩。或有人從乞手足耳鼻頭目髓腦血肉皮骨聚落城邑妻子奴婢象馬車乘金銀瑠璃車磑瑪瑙珊瑚琥珀真珠珂貝衣服飲食。如此乞者多是住不可思議解脫菩薩。以方便力而往試之令其堅固。所以者何。住不可思議解脫菩薩。有威德力故行逼迫。示諸衆生如是難事。凡夫下劣無有力勢。不能如是逼迫菩薩。譬如龍象蹴踏非驢所堪。是名住不可思議解脫菩薩智慧方便之門。

thiết Thanh văn, văn thị Bất khả tư nghị giải thoát pháp môn, giai ứng hào khắp, thanh chấn tam thiên đại thiên thế giới! Nhất thiết *Bồ Tát* ứng đại hân khánh, đánh thọ thử pháp! Nhược hữu *Bồ Tát* tín giải Bất khả tư nghị giải thoát pháp môn giả, nhất thiết ma chúng vô như chi hà!

Đại *Ca-diếp* thuyết thử ngữ thời, tam vạn nhị thiên thiên tử giai phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm.

Nhĩ thời, *Duy-ma-cật* ngữ Đại *Ca-diếp*: Nhân giả! Thập phương vô lượng *a-tăng-kỳ* thế giới trung, tác ma vương giả, đa thị trụ Bất khả tư nghị giải thoát *Bồ Tát*. Di phương tiện lực cố giáo hóa chúng sinh, hiện tác ma vương.

Hựu, *Ca-diếp*, thập phương vô lượng *Bồ Tát*, hoặc hữu nhân từng khát: thủ túc nhĩ tỷ, đầu mục tủy não, huyết nhục bì cốt, tụ lạc thành ấp, thê tử nô tỳ, tượng mã xa thặng, kim ngân lưu ly, xa cừ mã não, san hô hổ phách, chân châu khoa bối, y phục ẩm thực. Như thử khát giả, đa thị trụ Bất khả tư nghị giải thoát *Bồ Tát*. Di phương tiện lực nhi vãng thí chi, linh kỳ kiên cố. Sở dĩ giả hà? Trụ Bất khả tư nghị giải thoát *Bồ Tát*, hữu oai đức lực, cố hành bức bách, thị chư chúng sinh như thị nan sự. Phạm phu hạ liệt, vô hữu lực thế, bất năng như thị bức bách *Bồ Tát*. Thí như long, tượng xúc đạp, phi lư sở kham. Thị danh trụ Bất khả tư nghị giải thoát *Bồ Tát* trí huệ phương tiện chi môn.

Phẩm thứ sáu

KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN

Úc bấy giờ, ngài *Xá-ly-phát* thấy trong thất ấy không có giường ghế chi cả, liền nghĩ rằng: “Chư vị *Bồ Tát* và các đại đệ tử này rồi sẽ ngồi đâu?”

Trưởng giả *Duy-ma-cật* biết được ý nghĩ ấy, bảo *Xá-ly-phát* rằng: “Thế nào, nhân giả vì pháp mà đến hay vì chỗ ngồi mà đến?”

Xá-ly-phát nói: “Tôi vì pháp mà đến, chẳng phải vì chỗ ngồi.”

Duy-ma-cật nói: “Thưa ngài *Xá-ly-phát*! Người cầu pháp thì chẳng tham tiếc cả thân mạng, huống chi là chỗ ngồi.

“Người cầu pháp thì chẳng cầu năm ấm: *sắc, thọ, tưởng, hành, thức*, cũng chẳng cầu *nhập* và *giới*, cũng chẳng cầu ba cõi: *Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới*.

“Thưa ngài *Xá-ly-phát*! Người cầu pháp chẳng chấp trước cầu *Phật*, chẳng chấp trước cầu *Pháp*, cũng chẳng chấp trước cầu *Tăng*.

“Người cầu pháp không cầu thấy lẽ khổ, không cầu đoạn lẽ tập, cũng không cầu sự chứng ngộ lẽ diệt, cũng không cầu tu tập lẽ đạo. Tại sao vậy? Pháp không có hí luận. Nếu nói: ‘Đối với bốn chân lý, ta nên thấy *khổ*, đoạn *tập*, chứng *diệt*, tu *đạo*’, thì đó chỉ là hí luận chứ chẳng phải cầu pháp.

“Thưa ngài *Xá-ly-phát*! Pháp gọi là tịch diệt. Nếu hành lẽ sinh diệt, đó là cầu sinh diệt chứ chẳng phải cầu pháp.

“Pháp gọi là không nhiễm. Nếu mình nhiễm pháp, cho đến nhiễm *Niết-bàn*, đó là nhiễm trước chứ chẳng phải cầu pháp.

“Pháp không có chỗ hành. Nếu mình thực hành pháp, đó là chỗ hành chứ chẳng phải cầu pháp.

“Pháp không có việc lấy bỏ. Nếu mình lấy pháp hoặc bỏ pháp, đó là việc lấy bỏ chứ chẳng phải cầu pháp.

“Pháp không có xứ sở. Nếu mình chấp trước xứ sở, đó là trước xứ chứ chẳng phải cầu pháp.

“Pháp, gọi là không có tướng. Nếu mình tùy theo tướng mà biết, đó là cầu tướng chứ chẳng phải cầu pháp.

“Pháp là bất khả trụ, mình không y trụ nơi đó được. Nếu mình trụ nơi pháp, đó là trụ pháp, chớ chẳng phải cầu pháp.

“Pháp không thể thấy, không thể nghe, không thể nhận biết. Nếu mình thi hành những cách: thấy, nghe, nhận biết, đó là thấy, nghe, nhận biết chứ chẳng phải cầu pháp.

“Pháp gọi là vô vi. Nếu mình hành hữu vi, đó là cầu hữu vi chứ chẳng phải cầu pháp.

“*Xá-ly-phát!* Bởi vậy, nếu mình cầu pháp thì đối với tất cả các pháp, nên không có chỗ cầu.”

Duy-ma-cật nói những lời ấy rồi, có năm trăm vị thiên tử đối với các pháp được Pháp nhãn tịnh.⁽¹⁾

Lúc ấy, Trưởng giả *Duy-ma-cật* hỏi *Văn-thù Sư-lý*: “Nhân giả đã từng dạo chơi vô số nước, có biết cõi Phật nào có những tòa sư tử đủ các công đức, đẹp đẽ cao trọng, mầu nhiệm hơn hết?”

Văn-thù Sư-lý đáp: “Cư sĩ, từ đây đi về phương đông, vượt qua số cõi nước nhiều như số cát ba mươi sáu sông *Hằng*, có một thế giới tên là *Tu-di* Tướng. Đức Phật cõi ấy hiện nay hiệu là *Tu-di* Đăng Vương, thân cao đến tám mươi bốn ngàn *do-tuần*. Tòa sư tử của ngài cũng cao đến tám mươi bốn ngàn *do-tuần*, nghiêm sức bậc nhất.”

(1) Pháp nhãn tịnh: địa vị ban sơ của cả hai thừa: Thanh văn thừa và Đại thừa.

Lúc ấy, trưởng giả *Duy-ma-cật* hiện sức thần thông. Tức thời đức Phật Tu-di Đăng Vương liền khiến cho ba mươi hai ngàn tòa sư tử cao rộng nghiêm tịnh hiện đến thất của ngài *Duy-ma-cật*. Chư *Bồ Tát*, chư Phật, chư đại đệ tử, *Đế-thích*, *Phạm* vương, bốn vị thiên vương từ trước tới nay chưa từng thấy việc ấy. Cảnh thất này trở nên rộng lớn, chứa đựng được ba mươi hai ngàn tòa sư tử, không có chướng ngại chi cả. Ở thành *Tỳ-da-ly*, ở cõi *Diêm-phù-đề* và ở bốn cõi thiên hạ cũng không có sự dồn ép chật chội, vẫn y nguyên như cũ.

Lúc ấy, *Duy-ma-cật* nói với *Văn-thù Sư-ly*: “Thỉnh nhân giả và chư *Bồ Tát* thượng nhân cùng lên tòa sư tử ngồi. Quý ngài nên tự biến thân thể mình cao lớn như các tòa sư tử ấy.”

Trong đại chúng, những vị *Bồ Tát* đắc thần thông liền tự biến thân hình cao bốn mươi hai ngàn *do-tuần* và ngồi lên tòa sư tử. Còn những vị *Bồ Tát* mới phát ý cùng các đại đệ tử đều không thể lên ngồi.

Lúc ấy, *Duy-ma-cật* bảo *Xá-ly-phát*: “Thỉnh ngài lên ngồi tòa sư tử.”

Xá-ly-phát đáp: “Cư sĩ! Tòa ấy cao rộng quá, tôi không thể lên ngồi.”

Duy-ma-cật nói: “Dạ, thưa ngài *Xá-ly-phát*! Ngài hãy lễ bái đức Như Lai Tu-di Đăng Vương, rồi sẽ được ngồi.”

Lúc ấy, những vị *Bồ Tát* mới phát ý cùng các đại đệ tử liền lễ bái đức Như Lai *Tu-di* Đấng Vương. Các vị liền được ngồi lên các tòa sư tử.

Xá-ly-phát nói: “Cư sĩ, thật là việc chưa từng có! Như cái thắt nhỏ này mà có thể chứa đựng các tòa sư tử cao rộng! Ở thành *Tỳ-da-ly* lại không có chi trở ngại. Lại các thôn xóm thành ấp trong cõi *Diêm-phù-đề* cùng các cung điện của chư thiên, long vương, quỷ thần trong bốn cõi thiên hạ cũng không bị sự dồn ép chật chội.”

Duy-ma-cật nói: “Dạ, thưa ngài *Xá-ly-phát*! Chư Phật và chư *Bồ Tát* có một pháp môn giải thoát gọi là *Không thể nghĩ bàn*. Nếu một vị *Bồ Tát* trụ ở pháp môn giải thoát ấy, người có thể đem núi *Tu-di* cao lớn mà đặt vào trong một hạt cải, nhưng không có bên nào thêm hoặc bên nào bớt. Tướng trạng núi chúa *Tu-di* vẫn y nguyên như cũ. Nhưng bốn vị thiên vương, chư thiên ở cảnh trời *Đao-ly* chẳng có cảm giác, chẳng hay biết rằng mình được đặt vào đó. Chỉ có người ứng hợp độ thể mới thấy núi *Tu-di* được đặt vào trong hạt cải mà thôi. Đó gọi là pháp môn giải thoát *Không thể nghĩ bàn*.

“*Bồ Tát* ấy lại đem hết nước bốn biển cả mà đổ vào trong một lỗ chân lông, nhưng chẳng làm rối loạn những vật sống ở dưới nước, như cá, rùa, nguyên, đà... Tuy nhiên, tánh chất trạng thái của biển cả vẫn y nguyên như cũ.

Các loài rồng, quỷ, thần, *a-tu-la*⁽¹⁾ sống dưới biển cũng chẳng có cảm giác, chẳng hay biết rằng mình bị nhét vào lỗ chân lông. Các chúng sinh ấy cũng không bị một sự rối loạn nào do việc ấy.

“Lại nữa, *Xá-ly-phát!* Vị *Bồ Tát* trụ ở pháp môn giải thoát *Không thể nghĩ bàn*, nắm lấy cội thế giới tam thiên đại thiên như người thợ lò gốm cầm cái bàn xoay, đặt cội ấy trong lòng bàn tay phải, rồi ném ra khỏi các cội thế giới nhiều như số cát sông *Hằng*. Nhưng chúng sinh trong cội ấy chẳng cảm giác, chẳng hay biết rằng họ đi tới đâu. Rồi *Bồ Tát* đem cội thế giới ấy mà đặt lại chỗ cũ, tất cả chúng sinh trong cội ấy cũng chẳng có cái ý tưởng rằng đã đi và trở lại, và tướng trạng của thế giới ấy vẫn y nguyên như cũ.

“Lại nữa, *Xá-ly-phát!* Hoặc có những chúng sinh muốn sống lâu ở thế gian mới độ thoát được, *Bồ Tát* liền kéo bảy ngày ra làm một kiếp, khiến những chúng sinh ấy bảo rằng đó là một kiếp. Hoặc có những chúng sinh chẳng muốn sống lâu mới độ thoát được, *Bồ Tát* liền thâu ngắn một kiếp làm bảy ngày, khiến những chúng sinh ấy bảo rằng đó là bảy ngày.

(1) A-tu-la, từ phiên âm chữ Phan (Āsura), cũng gọi tắt là Tu-la, dịch nghĩa là Phi thiên, là hạng chúng sinh tuy có thần lực, có cung điện, song hình thể không được đoan chánh như chư thiên.

“Lại nữa, *Xá-ly-phát!* Vị *Bồ Tát* trụ ở phép giải thoát *Không thể nghĩ bàn*, dùng việc nghiêm sức tất cả các cõi Phật mà tập trung lại một chỗ, rồi chỉ cho chúng sinh xem. Lại nữa, *Bồ Tát* đặt chúng sinh trong tất cả các cõi Phật vào lòng bàn tay phải của mình, bay đến mười phương, chỉ khắp nơi cho tất cả xem, nhưng chẳng làm lay động xứ sở của họ.

“Lại nữa, *Xá-ly-phát!* Những đồ vật mà chúng sinh mười phương cúng dường chư Phật, *Bồ Tát* khiến họ nhìn thấy đủ hết trong một lỗ chân lông. Lại nữa, bao nhiêu những mặt trời, mặt trăng và tinh tú trong các cõi nước mười phương, *Bồ Tát* khiến cho người ta nhìn thấy cả trong một lỗ chân lông.

“Lại nữa, *Xá-ly-phát!* Bao nhiêu những luồng gió trong các thế giới mười phương. *Bồ Tát* có thể hút cả vào miệng mình, nhưng thân mình không bị tổn hại. Còn ở ngoài thời các cây cối cũng không bị hư gãy chi cả.

“Lại nữa, vào thuở kiếp tận, các thế giới mười phương bị nạn cháy thiêu, *Bồ Tát* nuốt tất cả các đám lửa vào bụng mình, lửa vẫn cháy như cũ, nhưng mình chẳng bị hại gì.

“Lại nữa, *Bồ Tát* đi xuống phương dưới, trải qua các cõi Phật nhiều như số cát sông *Hằng*, nắm lấy một cõi Phật, rồi trải qua vô số thế giới nhiều như số cát sông

Hàng mà đem côi Phật ấy lên hướng trên, cũng như người ta ghim một lá táo nơi mũi cây kim mà đỡ lên vậy. Thế mà chẳng có chi rối loạn cả.

“Lại nữa, *Xá-ly-phát!* Vị *Bồ Tát* trụ ở phép giải thoát *Bất Không thể nghĩ bàn* này có thể dùng sức thần thông mà hiện làm thân Phật, hoặc hiện thân Bích chi Phật, hoặc hiện thân Thanh văn *La-hán*, hoặc hiện thân *Đế-thích*, hoặc hiện thân *Phạm* vương, hoặc hiện thân Thế chủ, hoặc hiện thân Chuyển luân Thánh vương.

“Lại nữa, bao nhiêu âm thanh trong các thế giới mười phương, tiếng lớn, tiếng vừa hoặc tiếng nhỏ, *Bồ Tát* có thể biến tất cả thành tiếng của Phật, diễn ra những tiếng: *vô thường, khổ, không, vô ngã*. Và bao nhiêu pháp mà chư Phật mười phương giảng thuyết, *Bồ Tát* khiến cho tất cả chúng sinh đều được nghe.

“*Xá-ly-phát!* Nay tôi nói sơ qua những sức thần của phép giải thoát *Không thể nghĩ bàn* của *Bồ Tát*. Nếu tôi thuyết rộng thì dù trọn kiếp cũng không thể hết.”

Lúc ấy, nghe thuyết pháp môn giải thoát *Không thể nghĩ bàn* của *Bồ Tát*, Đại *Ca-diếp* khen là chưa từng có, và bảo *Xá-ly-phát* rằng: “Tỷ như một người kia hiện ra nhiều hình sắc trước mắt một kẻ mù. nhưng kẻ mù ấy nào có thấy được gì! Cũng vậy đó, tất cả các Thanh văn, nghe được pháp môn giải thoát *Không thể nghĩ bàn* này,

đều không thể hiểu rõ. Hàng trí giả nghe được pháp môn này, ai mà chẳng phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*? Tại sao chúng ta lại đoạn tuyệt căn cội của mình đối với Đại thừa, khiến tự mình như hạt giống hư hỏng? Tất cả các Thanh văn, khi nghe pháp môn giải thoát *Không thể nghĩ bàn* này rồi, đều nên kêu khóc, tiếng chấn động cõi thế giới tam thiên đại thiên! Tất cả chư *Bồ Tát* nên vui mừng lớn, đội đầu thọ lãnh pháp này! Nếu vị nào tin và hiểu pháp môn giải thoát *Bất khả tư nghị* này, thì tất cả chúng ma không làm gì được mình!”

Đại *Ca-diếp* nói lời ấy rồi, ba mươi hai ngàn vị thiên tử đều phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Lúc ấy, *Duy-ma-cật* nói với *Ca-diếp* rằng: “Nhân giả, trong vô lượng vô số thế giới mười phương, những người làm ma vương, đa số là những *Bồ Tát* trụ ở phép giải thoát *Không thể nghĩ bàn*. Vì dùng sức phương tiện để giáo hóa chúng sinh, nên các ngài hiện làm Ma vương.



“Lại nữa, *Ca-diếp*! Trong vô lượng chư *Bồ Tát* mười phương, hoặc có những người theo xin những món như tay chân, lỗ tai, lỗ mũi, đầu, mắt, tủy não, máu thịt, da xương, xóm làng, thành ấp, vợ con, tôi tớ, voi ngựa, xe cộ, vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu, ngọc ngà, áo quần, thức ăn vật uống. Những người xin ấy, đa số là những *Bồ Tát* trụ ở phép giải thoát *Không thể nghĩ bàn*, dùng sức phương tiện đến thử thách, khiến cho người tu thêm kiên cố. Tại sao vậy? Vì *Bồ Tát* trụ ở phép giải thoát *Không thể nghĩ bàn*, nhờ có sức oai thần nên mới thi hành được những sự bức bách, chỉ cho chúng sinh việc khó khăn như vậy. Kể phàm phụ yếu ớt, không có thể lực, không thể bức bách *Bồ Tát* như vậy. Tỷ như sự giẫm đạp của con rồng, con voi, chẳng phải sức con lừa chịu nổi. Đó gọi là cánh cửa phương tiện trí huệ của *Bồ Tát* trụ ở phép giải thoát *Không thể nghĩ bàn*.



觀衆生品

第七

爾時文殊師利問維摩詰言。菩薩云何觀於衆生。

維摩詰言。譬如幻師見所幻人。菩薩觀衆生為若此。

如智者見水中月。如鏡中見其面像。如熱時燄。如呼聲響。如空中雲。如水聚沫。如水上泡。如芭蕉堅。如電久住。如第五大。如第六陰。如第七情。如十三入。如十九界。菩薩觀衆生為若此。

如無色界色。如焦穀牙。如須陀洹身見。如阿那含入胎。如阿羅漢三毒。如得忍菩薩貪恚毀禁。如佛煩惱習。如盲者見色。如入滅盡定出入息。如空中鳥跡。如石女兒。如化人煩惱。如夢所見已寤。如滅度者受身。如無煙之火。菩薩觀衆生為若此。

QUÁN CHÚNG SINH PHẨM

Đệ thất

Nhĩ thời, *Văn-thù Sư-lý* vấn *Duy-ma-cật* ngôn: Bồ Tát vân hà quán ư chúng sinh?

Duy-ma-cật ngôn: Thí như ảo sư kiến sở ảo nhân. *Bồ Tát* quán chúng sinh vi nhược thử.

Như trí giả kiến thủy trung nguyệt. Như kính trung kiến kỳ diện tượng. Như nhiệt thời diệm. Như hô thỉnh hưởng. Như không trung vân. Như thủy tu mật. Như thủy thượng bào. Như ba tiêu kiên. Như điện cửu trụ. Như đệ ngũ đại. Như đệ lục ẩm. Như đệ thất tình. Như thập tam nhập. Như thập cửu giới. *Bồ Tát* quán chúng sinh vi nhược thử.

Như vô sắc giới sắc. Như tiểu cốc nha. Như *Tu-dà-hoàn* thân kiến. Như *A-na-hàm* nhập thai. Như *A-la-hán* tam độc. Như đắc nhãn *Bồ Tát* tham nhuế hỷ cảm. Như Phật phiền não tập. Như manh giả kiến sắc. Như nhập diệt tận định xuất nhập tức. Như không trung điều tích. Như thạch nữ nhi. Như hóa nhân phiền não. Như mộng sở kiến di ngộ. Như diệt độ giả thọ thân. Như vô yên chi hóa. *Bồ Tát* quán chúng sinh vi nhược thử.

文殊師利言。若菩薩作是觀者。云何行慈。

維摩詰言。菩薩作是觀已自念。我當為衆生說如斯法。是即真實慈也。行寂滅慈無所生故。行不熱慈無煩惱故。行等之慈等三世故。行無諍慈無所起故。行不二慈內外不合故。行不壞慈畢竟盡故。行堅固慈心無毀故。行清淨慈諸法性淨故。行無邊慈如虛空故。行阿羅漢慈破結賊故。行菩薩慈安衆生故。行如來慈得如相故。行佛之慈覺衆生故。行自然慈無因得故。

行菩提慈等一味故。行無等慈斷諸愛故。行大悲慈導以大乘故。行無厭慈觀空無我故。行法施慈無遺惜故。行持戒慈化毀禁故。行忍辱慈護彼我故。行精進慈荷負衆生故。行禪定慈不受味故。行智慧慈無不知時故。行方便慈一切示現故。行無隱慈直心清淨故。行深心慈無雜行故。行無誑慈不虛假故。行安樂慈令得佛樂故。菩薩之慈為若此也。

文殊師利又問。何謂為悲。

Văn-thù Sư-ly ngôn: Nhược *Bồ Tát* tác thị quán giả, vân hà hành từ?

Duy-ma-cật ngôn: *Bồ Tát* tác thị quán dĩ, tự niệm: Ngã đương vị chúng sinh, thuyết như tư pháp, thị tức chân thật từ dã. Hành tịch diệt từ, vô sở sinh cố. Hành bất nhiệt từ, vô phiền não cố. Hành đẳng chi từ, đẳng tam thế cố. Hành vô tranh từ, vô sở khởi cố. Hành bất nhị từ, nội ngoại bất hiệp cố. Hành bất hoại từ, tất cánh tận cố. Hành kiên cố từ, tâm vô hủy cố. Hành thanh tịnh từ, chư pháp tánh tịnh cố. Hành vô biên từ, như hư không cố. Hành *A-la-hán* từ, phá kết tặc cố. Hành *Bồ Tát* từ, an chúng sinh cố. Hành Như Lai từ, đặc như tướng cố. Hành Phật chi từ, giác chúng sinh cố. Hành tự nhiên từ, vô nhân đặc cố.

Hành *Bồ-đề* từ, đẳng nhất vị cố. Hành vô đẳng từ, đoạn chư ái cố. Hành đại bi từ, đạo dĩ Đại thừa cố. Hành vô yếm từ, quán không, vô ngã cố. Hành pháp thí từ, vô di tích cố. Hành trì giới từ, hóa hủy cấm cố. Hành nhẫn nhục từ, hộ bỉ ngã cố. Hành tinh tấn từ, hà phụ chúng sinh cố. Hành thiện định từ, bất thọ vị cố. Hành trí huệ từ, vô bất tri thời cố. Hành phương tiện từ, nhất thiết thị hiện cố. Hành vô ẩn từ, trực tâm thanh tịnh cố. Hành thâm tâm từ, vô tạp hạnh cố. Hành vô cưỡng từ, bất hư giả cố. Hành an lạc từ, linh đặc Phật lạc cố. *Bồ Tát* chi từ vi nhược thử dã.

Văn-thù Sư-ly hựu vấn: Hà vị vi bi?

答曰。菩薩所作功德皆與一切衆生共之。

何謂為喜。

答曰。有所饒益歡喜無悔。

何謂為捨。

答曰。所作福祐無所希望。

文殊師利又問。生死有畏。菩薩當何所依。

維摩詰言。菩薩於生死畏中。當依如來功德之力。

文殊師利又問。菩薩欲依如來功德之力。當於何住。

答曰。菩薩欲依如來功德力者。當住度脫一切衆生。

又問。欲度衆生。當何所除。

答曰。欲度衆生除其煩惱。

又問。欲除煩惱。當何所行。

答曰。當行正念。

又問。云何行於正念。

Đáp viết: Bồ Tát sở tác công đức, giai dữ nhất thiết chúng sinh cộng chi.

Hà vị vi hỷ?

Đáp viết: Hữu sở nhiều ích, hoan hỷ vô hối.

Hà vị vi xả?

Đáp viết: Sở tác phước hữu, vô sở hy vọng.

Văn-thù Sư-lý hựu vấn: Sinh tử hữu úy, *Bồ Tát* đương hà sở y?

Duy-ma-cật ngôn: Bồ Tát ư sinh tử úy trung, đương y Như Lai công đức chi lực.

Văn-thù Sư-lý hựu vấn: Bồ Tát dục y Như Lai công đức chi lực, đương ư hà trụ?

Đáp viết: Bồ Tát dục y Như Lai công đức lực giả, đương trụ độ thoát nhất thiết chúng sinh.

Hựu vấn: Dục độ chúng sinh, đương hà sở trừ?

Đáp viết: Dục độ chúng sinh, trừ kỳ phiền não.

Hựu vấn: Dục trừ phiền não, đương hà sở hành?

Đáp viết: Đương hành chánh niệm.

Hựu vấn: Văn hà hành ư Chánh niệm?

答曰。當行不生不滅。

又問。何法不生。何法不滅。

答曰。不善不生。善法不滅。

又問。善不善孰為本。

答曰。身為本。

又問。身孰為本。

答曰。欲貪為本。

又問。欲貪孰為本。

答曰。虛妄分別為本。

又問。虛妄分別孰為本。

答曰。顛倒想為本。

又問。顛倒想孰為本。

答曰。無住為本。

又問。無住孰為本。

答曰。無住則無本。

文殊師利。從無住本立一切法。

時維摩詰室有一天女。見諸天人聞所說法便現其身。即以天華散諸菩薩大弟子

Đáp viết: Đương hành bất sinh bất diệt.

Hựu vấn: Hà pháp bất sinh? Hà pháp bất diệt?

Đáp viết: Bất thiện bất sinh. Thiện pháp bất diệt.

Hựu vấn: Thiện bất thiện, thực vi bốn?

Đáp viết: Thân vi bốn.

Hựu vấn: Thân, thực vi bốn?

Đáp viết: Dục tham vi bốn.

Hựu vấn: Dục tham, thực vi bốn?

Đáp viết: Hư vọng phân biệt vi bốn.

Hựu vấn: Hư vọng phân biệt, thực vi bốn?

Đáp viết: Điên đảo tưởng vi bốn.

Hựu vấn: Điên đảo tưởng, thực vi bốn?

Đáp viết: Vô trụ vi bốn.

Hựu vấn: Vô trụ, thực vi bốn?

Đáp viết: Vô trụ tắc vô bốn.

Văn-thù *Sư-lý*! Tòng vô trụ bốn lập nhất thiết pháp.

Thời, *Duy-ma-cật* thất, hữu nhất thiên nữ, kiến chư thiên nhân, văn sở thuyết pháp, tiện hiện kỳ thân. Tức dĩ thiên hoa, tán chư *Bồ Tát*, đại đệ tử thượng. Hoa chí

上。華至諸菩薩即皆墮落。至大弟子便著不墮。一切弟子神力去華不能令去。

爾時天女問舍利弗。何故去華。

答曰。此華不如法。是以去之。

天曰。勿謂此華為不如法。所以者何。是華無所分別。仁者自生分別想耳。若於佛法出家有所分別為不如法。若無所分別是則如法。觀諸菩薩華不著者已斷一切分別想故。譬如人畏時非人得其便。如是弟子畏生死故。色聲香味觸得其便也。已離畏者一切五欲無能為也。結習未盡華著身耳。結習盡者華不著也。

舍利弗言。天止此室其已久如。

答曰。我止此室如耆年解脫。

舍利弗言。止此久耶。

天曰。耆年解脫亦何如久。

舍利弗默然不答。

天曰。如何耆舊大智而默。

答曰。解脫者無所言說。故吾於是不知所云。

chư *Bồ Tát*, tức giai đoạn lạc, chí đại đệ tử, tiền trước bất đoạn. Nhất thiết đệ tử thần lực khử hoa, bất năng linh khử.

Nhĩ thời, thiên nữ vấn *Xá-ly-phát*: Hà cố khử hoa?

Đáp viết: Thử hoa bất như pháp, thị dĩ khử chi.

Thiên viết: Vật vị thử hoa vi bất như pháp. Sở dĩ giả hà? Thị hoa vô sở phân biệt. Nhân giả tự sinh phân biệt tưởng nhĩ. Nhược ư Phật pháp xuất gia sở hữu phân biệt vi bất như pháp. Nhược vô sở phân biệt, thị tắc như pháp. Quán chư *Bồ Tát*, hoa bất trước giả, dĩ đoạn nhất thiết phân biệt tưởng cố. Thí như nhân úy thời, phi nhân đặc kỳ tiện. Như thị đệ tử úy sinh tử cố, sắc, thanh, hương, vị, xúc đặc kỳ tiện dã. Dĩ lý úy giả, nhất thiết ngũ dục vô năng vi dã. Kết tập vị tận, hoa trước thân nhĩ. Kết tập tận giả, hoa bất trước dã.

Xá-ly-phát ngôn: Thiên chỉ thử thất, kỳ dĩ cứu như?

Đáp viết: Ngã chỉ thử thất, như kỳ niên giải thoát.

Xá-ly-phát ngôn: Chỉ thử cứu da?

Thiên viết: Kỳ niên giải thoát, diệc hà như cứu?

Xá-ly-phát mặc nhiên bất đáp.

Thiên viết: Như hà kỳ cự đại trí nhi mặc?

Đáp viết: Giải thoát giả, vô sở ngôn thuyết. Cố ngô ư thị bất tri sở vân.

天曰。言說文字皆解脫相。所以者何。解脫者不內不外不在兩間。文字亦不內不外不在兩間。

是故舍利弗。無離文字說解脫也。所以者何。一切諸法是解脫相。

舍利弗言。不復以離婬怒癡為解脫乎。

天曰。佛為增上慢人說離婬怒癡為解脫耳。若無增上慢者。佛說婬怒癡性即是解脫。

舍利弗言。善哉善哉。天女。汝何所得。以何為證。辯乃如是。

天曰。我無得無證故辯如是。所以者何。若有得有證者即於佛法為增上慢。

舍利弗問天。汝於三乘為何志求。

天曰。以聲聞法化衆生故我為聲聞。以因緣法化衆生故我為辟支佛。以大悲法化衆生故我為大乘。

舍利弗。如人入瞻蔔林唯嗅瞻蔔不嗅餘香。如是若入此室。但聞佛功德之香。不樂聞聲聞辟支佛功德香也。

Thiên viết: Ngôn thuyết, văn tự giai giải thoát tướng. Sở dĩ giả hà? Giải thoát giả, bất nội, bất ngoại, bất tại lưỡng gian. Văn tự diệt bất nội, bất ngoại, bất tại lưỡng gian.

Thị cố, *Xá-ly-phát*! Vô ly văn tự thuyết giải thoát dã. Sở dĩ giả hà? Nhất thiết chư pháp thị giải thoát tướng.

Xá-ly-phát ngôn: Bất phục dĩ ly dâm, nộ, si vi giải thoát hồ?

Thiên viết: Phật vị tăng thượng mạn nhân, thuyết: ly dâm nộ si vi giải thoát nhĩ. Nhược vô tăng thượng mạn giả, Phật thuyết: dâm nộ si tánh, tức thị giải thoát.

Xá-ly-phát ngôn: Thiện tai, thiện tai! Thiên nữ, như hà sở đắc, dĩ hà vi chứng, biện nãi như thị?

Thiên viết: Ngã vô đắc, vô chứng, cố biện như thị. Sở dĩ giả hà? Nhược hữu đắc, hữu chứng giả, tắc ư Phật pháp vi tăng thượng mạn.

Xá-ly-phát vấn thiên: Như ư tam thừa, vi hà chí câu?

Thiên viết: Dĩ Thanh văn pháp hóa chúng sinh cố, ngã vi Thanh văn. Dĩ nhân duyên pháp hóa chúng sinh cố, ngã vi Bích chi Phật. Dĩ đại bi pháp hóa chúng sinh cố, ngã vi Đại thừa.

Xá-ly-phát! Như nhân nhập *chiêm-bạc* lâm, duy khứu *chiêm-bạc*, bất khứu dư hương. Như thị nhược nhập thử thất, dẫn văn Phật công đức chi hương, bất nhạo văn Thanh văn, Bích chi Phật công đức hương dã.

舍利弗。其有釋梵四天王諸天龍鬼神等入此室者。聞斯上人講說正法。皆樂佛功德之香發心而出。

舍利弗。吾止此室十有二年。初不聞說聲聞辟支佛法。但聞菩薩大慈大悲不可思議諸佛之法。

舍利弗。此室常現八未曾有難得之法。

何等為八。此室常以金色光照晝夜無異。不以日月所照為明。是為一未曾有難得之法。

此室入者不為諸垢之所惱也。是為二未曾有難得之法。

此室常有釋梵四天王他方菩薩來會不絕。是為三未曾有難得之法。

此室常說六波羅密不退轉法。是為四未曾有難得之法。

此室常作天人第一之樂。絃出無量法化之聲。是為五未曾有難得之法。

此室有四大藏衆寶積滿。賙窮濟乏求得無盡。是為六未曾有難得之法。

Xá-ly-phát! Kỳ hữu Thích, Phạm, Tứ thiên vương, chư thiên, long, quỷ thần đẳng, nhập thủ thất giả, văn tư thượng nhân giảng thuyết chánh pháp, giai nhạo Phật công đức chi hương, phát tâm nhi xuất.

Xá-ly-phát! Ngộ chỉ thủ thất thập hữu nhị niên, sơ bát văn thuyết Thanh văn, Bích chi Phật pháp. Dẫn văn Bồ Tát đại từ đại bi, bất khả tư nghị chư Phật chi pháp.

Xá-ly-phát! Thứ thất thường hiện bát vị tăng hữu nan đắc chi pháp.

Hà đẳng vi bát? Thủ thất thường dĩ kim sắc quang chiếu, trú dạ vô dị. Bất dĩ nhật nguyệt sở chiếu vi minh. Thị vi nhất vị tăng hữu nan đắc chi pháp.

Thủ thất nhập giả, bát vi chư cấu chi sở náo già. Thị vi nhị vị tăng hữu nan đắc chi pháp.

Thủ thất thường hữu Thích, Phạm, Tứ thiên vương, tha phương Bồ Tát lai hội bất tuyệt. Thị vi tam vị tăng hữu nan đắc chi pháp.

Thủ thất thường thuyết lục ba-la-mật, bất thối chuyển pháp. Thị vi tứ vị tăng hữu nan đắc chi pháp.

Thủ thất thường tác thiên nhân đệ nhất chi nhạc, huyền xuất vô lượng pháp hóa chi thanh. Thị vi ngũ vị tăng hữu nan đắc chi pháp.

Thủ thất hữu tứ đại tạng, chúng bảo tích mãn, chu cùng tế pháp, cầu đắc vô tận. Thị vi lục vị tăng hữu nan đắc chi pháp.

此室釋迦牟尼佛。阿彌陀佛。阿閼佛。寶德。寶燄。寶月。寶嚴。難勝。師子響。一切利成。如是等十方無量諸佛。是上人念時。即皆為來廣說諸佛秘要法藏。說已還去。是為七未曾有難得之法。

此室一切諸天嚴飾宮殿諸佛淨土皆於中現。是為八未曾有難得之法。

舍利弗。此室常現八未曾有難得之法。誰有見斯不思議事而復樂於聲聞法乎。

舍利弗言。汝何以不轉女身。

天曰。我從十二年來。求女人相了不可得。當何所轉。譬如幻師化作幻女。若有人問。何以不轉女身。是人為正問不。

舍利弗言。不也。幻無定相當何所轉。

天曰。一切諸法亦復如是。無有定相。云何乃問不轉女身。

即時天女以神通力變舍利弗令如天女。天自化身如舍利弗。而問言。何以不轉女身。

Thử thất *Thích-ca Mâu-ni* Phật, *A-di-đà* Phật, *A-súc* Phật, *Bảo Đức*, *Bảo Viêm*, *Bảo Nguyệt*, *Bảo Nghiêm*, *Nan Thắng*, *Sư Tử Hưởng*, *Nhất Thiết Lợi Thành*, như thị đẳng thập phương vô lượng chư Phật, thị thượng nhân niệm thời, tức giai vị lai, quảng thuyết chư Phật bí yếu pháp tạng. Thuyết dĩ hoàn khứ. Thị vi thất vị tăng hữu nan đặc chi pháp.

Thử thất, nhất thiết chư thiên nghiêm sức cung điện, chư Phật tịnh độ, giai ư trung hiện. Thị vi bát vị tăng hữu nan đặc chi pháp.

Xá-ly-phát! Thử thất thường hiện bát vị tăng hữu nan đặc chi pháp. Thùy hữu kiến tư bất tư nghị sự, nhi phục nhạo ư Thanh văn pháp hồ?

Xá-ly-phát ngôn: Nhữ hà dĩ bất chuyển nữ thân?

Thiên viết: Ngã tùng thập nhị niên lai, cầu nữ nhân tướng, liễu bất khả đắc. Đương hà sở chuyển? Thí như ảo sư hóa tác ảo nữ. Nhược hữu nhân vấn: ‘Hà dĩ bất chuyển nữ thân?’ Thị nhân vi chánh vấn phủ?

Xá-ly-phát ngôn: Phát dã. Ảo vô định tướng, đương hà sở chuyển?

Thiên viết: Nhất thiết chư pháp diệc phục như thị, vô hữu định tướng. Vân hà nãi vấn: bất chuyển nữ thân?

Tức thời, thiên nữ dĩ thần thông lực, biến *Xá-ly-phát* linh như thiên nữ. Thiên tự hóa thân như *Xá-ly-phát*, nhi vấn ngôn: Hà dĩ bất chuyển nữ thân?

舍利弗以天女像而答言。我今不知何轉而變為女身。

天曰。舍利弗。若能轉此女身。則一切女人亦當能轉。如舍利弗非女而現女身。一切女人亦復如是。雖現女身而非女也。是故佛說。一切諸法非男非女。

即時天女還攝神力。舍利弗身還復如故。

天問舍利弗。女身色相今何所在。

舍利弗言。女身色相無在無不在。

天曰。一切諸法亦復如是。無在無不在。夫無在無不在者。佛所說也。

舍利弗問天。汝於此沒當生何所。

天曰。佛化所生吾如彼生。

曰。佛化所生非沒生也。

天曰。衆生猶然無沒生也。

舍利弗問天。汝久如當得阿耨多羅三藐三菩提。

天曰。如舍利弗還為凡夫。我乃當成阿耨多羅三藐三菩提。

Xá-ly-phát dĩ thiên nữ tượng nhi đáp ngôn: Ngã kim bất tri hà chuyển nhi biến vi nữ thân.

Thiên viết: *Xá-ly-phát*! Nhược năng chuyển thử nữ thân, tắc nhất thiết nữ nhân diệc đương năng chuyển. Như *Xá-ly-phát*, phi nữ nhi hiện nữ thân. Nhất thiết nữ nhân diệc phục như thị, tuy hiện nữ thân, nhi phi nữ dã. Thị cố Phật thuyết: Nhất thiết chư pháp phi nam phi nữ.

Tức thời, thiên nữ hoàn nhiếp thân lực. *Xá-ly-phát* thân hoàn phục như cố.

Thiên vấn *Xá-ly-phát*: Nữ thân sắc tướng, kim hà sở tại?

Xá-ly-phát ngôn: Nữ thân sắc tướng vô tại, vô bất tại.

Thiên viết: Nhất thiết chư pháp diệc phục như thị, vô tại, vô bất tại. Phù vô tại, vô bất tại giả, Phật sở thuyết dã.

Xá-ly-phát vấn Thiên: Nhữ ư thử một, đương sinh hà sở?

Thiên viết: Phật hóa sở sinh, ngô như bỉ sinh.

Viết: Phật hóa sở sinh, phi một sinh dã.

Thiên viết: Chúng sinh do nhiên, vô một sinh dã.

Xá-ly-phát vấn thiên: Nhữ cửu như đương đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*?

Thiên viết: Như *Xá-ly-phát* hoàn vi phạm phu, ngã nãi đương thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

舍利弗言。我作凡夫無有是處。

天曰。我得阿耨多羅三藐三菩提亦無是處。所以者何。菩提無住處。是故無有得者。

舍利弗言。今諸佛得阿耨多羅三藐三菩提。已得當得。如恒河沙。皆謂何乎。

天曰。皆以世俗文字數故說有三世。非謂菩提有去來今。

天曰。舍利弗。汝得阿羅漢道耶。

曰。無所得故而得。

天曰。諸佛菩薩亦復如是。無所得故而得。

爾時維摩詰。語舍利弗。是天女已曾供養九十二億諸佛。已能遊戲菩薩神通。所願具足得無生忍住不退轉。以本願故隨意能現教化衆生。



Xá-ly-phát ngôn: Ngã tác phàm phu, vô hữu thị xứ.

Thiên viết: Ngã đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, diệc vô thị xứ. Sở dĩ giả hà? *Bồ-đề* vô trụ xứ. Thị cố vô hữu đắc giả.

Xá-ly-phát ngôn: Kim chư Phật đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, dĩ đắc, đương đắc như *Hằng* hà sa. Giai vị hà hồ?

Thiên viết: Giai dĩ thế tục văn tự sở cố, thuyết hữu tam thế. Phi vị *Bồ-đề* hữu khứ lai, kim.

Thiên viết: *Xá-ly-phát*! Nhữ đắc *A-la-hán* đạo da?

Viết: Vô sở đắc cố nhi đắc.

Thiên viết: Chư Phật, *Bồ Tát* diệc phục như thị: vô sở đắc cố nhi đắc.

Nhĩ thời, *Duy-ma-cật* ngứ *Xá-ly-phát*: Thị thiên nữ dĩ tăng cúng dường cửu thập nhị ức chư Phật, dĩ năng du hý *Bồ Tát* thần thông, sở nguyện cụ túc, đắc vô sinh nhẫn, trụ bất thối chuyển. Dĩ bốn nguyện cố, tùy ý năng hiện, giáo hóa chúng sinh.



QUÁN CHÚNG SINH

Đức ấy, Văn-thù Sư-lý hỏi Duy-ma-cật rằng: “Bồ Tát quán chúng sinh như thế nào?”

Duy-ma-cật đáp: “Tỷ như một nhà ảo thuật nhìn thấy người ảo hóa của mình. Bồ Tát quán chúng sinh cũng như vậy đó.

“Như bậc trí giả nhìn thấy mặt trăng dưới nước, như người soi thấy mặt mình trong gương, như những đợt sóng tuôn ra khi trời nắng nóng, như tiếng vang dội khi mình hô lên, như đám mây trên trời, như bọt trên mặt nước, như bong bóng nổi, như sự bền chắc của cây chuối, như sự lâu dài của lần chớp, như đại thứ năm, như ấm thứ sáu, như tình thức thứ bảy, như nhập thức mười ba, như giới thứ mười chín.⁽¹⁾ Bồ Tát quán chúng sinh như vậy đó.

⁽¹⁾ Những ví dụ nêu trong đoạn này đều là chỉ những khái niệm không có. Như không có đại thứ năm, chỉ có bốn đại (tứ đại): địa, thủy, hỏa, phong. Không có ấm thứ sáu, chỉ có năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Không có tình thức thứ bảy, chỉ có sáu thức: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Không có nhập thức mười ba, chỉ có mười hai nhập: sáu căn nhập với sáu trần, sáu trần nhập với sáu căn. Không có giới thứ mười chín, chỉ có mười tám giới: sáu căn nội giới, sáu trần ngoại giới, sáu thức trung giới.

“Như hình sắc của côi *Vô sắc*, như hạt giống bị hỏng, như người rắc quả *Tu-dà-hoàn* chấp có cái thân, như người rắc quả *A-na-hàm* vào thai, như người rắc quả *A-la-hán* vướng ba độc: tham lam, sân hận, ngu si, như *Bồ Tát* đắc nhãn mà tham lam, giận hờn, phạm giới. Như tập khí phiền não của Phật, như kẻ đui nhìn thấy hình sắc, như người vào phép *Diệt tận định* có hơi thở ra vô, như dấu chân chim trên không, như đứa con của người đàn bà vô sinh,⁽¹⁾ như người ảo hóa vướng phiền não, như những vật thấy trong mộng sau khi thức dậy, như vị thánh diệt độ lại thọ sinh, như lửa không có khói.⁽²⁾ *Bồ Tát* quán chúng sinh như vậy đó.”

Văn-thù Sư-ly lại hỏi: “Nếu *Bồ Tát* làm phép quán như vậy thì người thực hành đức từ như thế nào?”

Duy-ma-cật đáp: “*Bồ Tát* quán như vậy rồi, tự nghĩ rằng: ‘Ta nên thuyết với chúng sinh pháp như thế này, tức là đức từ chân thật: Nhờ hành từ *tịch diệt*, nên không có chỗ sinh. Nhờ hành từ chẳng nóng nảy, nên không có phiền não. Nhờ hành từ bình đẳng, nên ba đời: quá khứ, hiện tại, vị lai đều bình đẳng. Nhờ hành từ không tranh chấp, nên không khởi ra việc cãi cọ. Nhờ hành từ duy nhất chẳng hai, nên căn trong và trần ngoài chẳng

(1) Nguyên tác dùng *thạch nữ* (石女), chỉ người đàn bà mắc bệnh vô sinh, không thể có con.

(2) Những ví dụ nêu trong đoạn này đều muốn chỉ đến những chuyện vô lý, không thể có được trong thực tế.

hiệp. Nhờ hành từ chẳng hoại, nên tất cánh tận diệt. Nhờ hành từ kiên cố, nên lòng không chê bỏ. Nhờ hành từ thanh tịnh, nên tính chất của pháp được trong sạch. Nhờ hành từ không bờ cõi, nên được như hư không. Nhờ hành từ *A-la-hán*, nên phá tan giấc phiền não trời buộc. Nhờ hành từ *Bồ Tát*, nên an ủi được chúng sinh. Nhờ hành từ Như Lai, nên được tướng chân như. Nhờ hành từ Phật, nên giác ngộ chúng sinh. Nhờ hành từ tự nhiên, nên không nhân đâu mà đắc. Nhờ hành từ *Bồ-đề*, nên được cái vị bình đẳng duy nhất. Nhờ hành từ không đẳng cấp, nên đoạn tuyệt các ái luyến. Nhờ hành từ đại bi, nên dắt dẫn chúng sinh bằng Đại thừa. Nhờ hành từ không chán ngán, nên quán lẽ không, lẽ vô ngã. Nhờ hành từ thí pháp, nên không tiếc mà để dành. Nhờ hành từ giữ giới, nên cải hóa kẻ hủy cấm. Nhờ hành từ nhẫn nhục, nên kiềm giữ kẻ khác và mình. Nhờ hành từ tinh tấn, nên gánh vác chúng sinh. Nhờ hành từ thiền định, nên chẳng thọ nhận mùi vị. Nhờ hành từ trí huệ, nên biết được thời cơ. Nhờ hành từ phương tiện, nên thị hiện tất cả. Nhờ hành từ không ẩn khuất, nên lòng dạ được ngay thẳng trong sạch. Nhờ hành từ tâm trí sâu vững, nên không có những hành động hỗn tạp. Nhờ hành từ không dối trá, nên không có việc hư giả. Nhờ hành từ an lạc, nên khiến được cái vui của Phật. Đức từ của *Bồ Tát* là như vậy đó.”

Văn-thù *Sư-lý* lại hỏi: “Sao gọi là bi?”

Đáp rằng: “*Bồ Tát* tạo được bao nhiêu công đức đều chia sẻ hết thảy với tất cả chúng sinh.”

“Sao gọi là hỷ?”

Đáp rằng: “*Bồ Tát* làm lợi ích chúng sinh thì vui vẻ không hối tiếc.”

“Sao gọi là xả?”

Đáp rằng: “*Bồ Tát* làm những việc lợi ích phước đức mà không hề hy vọng nhận được phước báo.”

Văn-thù Sư-lý lại hỏi: “Ở chốn sinh tử có những điều ghê sợ, *Bồ Tát* nên nương vào đâu?”

Duy-ma-cật đáp: “Đối với những điều đáng sợ ở chốn sinh tử, *Bồ Tát* nên nương vào sức công đức của Như Lai.”

Văn-thù Sư-lý lại hỏi: “*Bồ Tát* muốn nương vào sức công đức của Như Lai, nên trụ vào đâu?”

Đáp rằng: “*Bồ Tát* muốn nương vào sức công đức của Như Lai, nên trụ ở việc độ thoát tất cả chúng sinh.”

Lại hỏi: “Muốn độ thoát chúng sinh, nên trừ bỏ những gì?”

Đáp rằng: “Muốn độ thoát chúng sinh, nên trừ bỏ những phiền não của mình.”

Lại hỏi: “Muốn trừ bỏ phiền não, nên làm việc gì?”

Đáp rằng: “Nên thực hành chánh niệm.”

Lại hỏi: “Thực hành chánh niệm như thế nào?”

Đáp rằng: “Nên thực hành lẽ chẳng sinh chẳng diệt.”

Lại hỏi: “Pháp nào chẳng sinh? Pháp nào chẳng diệt?”

Đáp rằng: “Pháp bất thiện chẳng sinh. Pháp thiện chẳng diệt.”

Lại hỏi: “Pháp thiện và pháp bất thiện lấy chi làm gốc?”

Đáp rằng: “Cái thân là gốc.”

Lại hỏi: “Thân lấy chi làm gốc?”

Đáp rằng: “Tham dục là gốc.”

Lại hỏi: “Tham dục lấy chi làm gốc?”

Đáp rằng: “Phân biệt hư vọng là gốc.”

Lại hỏi: “Phân biệt hư vọng lấy chi làm gốc?”

Đáp rằng: “Tư tưởng điên đảo là gốc.”

Lại hỏi: “Tư tưởng điên đảo lấy chi làm gốc?”

Đáp rằng: “Không có chỗ trụ là gốc.”

Lại hỏi: “Không có chỗ trụ lấy chi làm gốc?”

Đáp rằng: “Không có chỗ trụ thì không có gốc.

“*Văn-thù Sư-ly*, do nơi gốc là không có chỗ trụ mà tạo ra tất cả các pháp.”

Lúc ấy, nơi thất của *Duy-ma-cật* có một vị thiên nữ, thấy chư thiên và mọi người nghe thuyết pháp, bèn hiện hình ra, dùng hoa trời rải lên cúng dường chư *Bồ Tát* và các đại đệ tử. Những đóa hoa chạm đến chư *Bồ Tát* rồi đều rơi xuống hết, nhưng chạm đến các vị đại đệ tử thì dính chắc vào người chẳng rơi. Tất cả các vị đại đệ tử đều dùng sức thần mà gỡ hoa ra, nhưng chẳng thể gỡ được.

Lúc ấy, thiên nữ hỏi *Xá-ly-phát*: “Tại sao ông gỡ hoa?”

Đáp rằng: “Cài hoa này chẳng đúng theo pháp, nên tôi gỡ bỏ.”

Thiên nữ nói: “Đừng bảo rằng hoa này chẳng đúng theo pháp. Hoa này vốn không có chỗ phân biệt, tự ngài khởi lên tư tưởng phân biệt. Người xuất gia theo Phật mà có tư tưởng phân biệt là không đúng như pháp. Nếu không có chỗ phân biệt, đó là đúng với pháp. Hãy nhìn các vị *Bồ Tát* kia, hoa chẳng dính vào thân, là vì các ngài

đã đoạn tuyệt tất cả những tư tưởng phân biệt. Tỷ như người ta đương cơn sợ sệt, thời loài phi nhân dễ bề làm hại. Cũng như vậy, vị đệ tử nào sợ sệt cuộc sinh tử, thời hình sắc, âm thanh, hương vị, cảm xúc, sẽ dễ bề làm hại. Tự mình lìa khỏi sợ sệt, tất cả năm dục⁽¹⁾ chẳng làm gì mình được. Phiền não trối buộc chưa hết thì hoa kia còn dính mắc vào thân. Như phiền não trối buộc đã hết, hoa ấy chẳng dính được vào.”

Xá-ly-phất hỏi: “Thiên nữ ở thất này đã bao lâu rồi?”

Đáp rằng: “Tôi ở trong thất này cũng lâu như thời gian ông được giải thoát.”

Xá-ly-phất nói: “Ở đây lâu vậy sao?”

Thiên nữ hỏi lại: “Ông được giải thoát cũng lâu lắm rồi sao?”

Xá-ly-phất lặng thinh chẳng đáp.

Thiên nữ hỏi: “Bậc kỳ cựu đại trí,⁽²⁾ sao lại lặng thinh?”

Đáp rằng: “Giải thoát đó, không thể dùng lời nói mà giải bày. Cho nên đối với việc ấy, tôi chẳng biết phải nói thế nào.”

(1) Năm dục là: sắc dục, thanh dục, hương dục, vị dục, xúc dục

(2) Bậc kỳ cựu đại trí: Chỉ ngài Xá-ly-phất. Trong các đệ tử thanh văn của Phật, Xá-ly-phất được Phật nhận là Trí huệ đệ nhất. Nhân đó, người ta dùng danh hiệu Đại trí để chỉ ngài Xá-ly-phất. Đối với hàng Bồ-tát thì danh xưng này thường dùng để chỉ ngài Văn-thù Sư-lý.

Thiên nữ nói: “Ngôn ngữ, văn tự đều là tướng của giải thoát. Tại sao vậy? Giải thoát ấy là: chẳng ở bên trong, chẳng ở bên ngoài, chẳng ở khoảng giữa của hai bên. Văn tự cũng chẳng ở bên trong, chẳng ở bên ngoài, chẳng ở khoảng giữa của hai bên.

“*Xá-ly-phát!* Chớ nên lìa văn tự mà nói giải thoát. Tại sao vậy? Tất cả các pháp đều là tướng của giải thoát.”

Xá-ly-phát hỏi: “Chẳng phải là nhờ lìa dâm, nộ, si mà được giải thoát sao?”

Thiên nữ nói: “Với những kẻ có lòng kiêu mạn, Phật dạy rằng: lìa dâm, nộ, si là giải thoát. Những ai không có lòng kiêu mạn, Phật dạy rằng: tánh của dâm, nộ, si là giải thoát.”

Xá-ly-phát nói: “Lành thay, lành thay! Thiên nữ, cô đắc quả chi, nhờ chứng bậc gì mà biện luận như thế?”

Thiên nữ nói: “Tôi không có chỗ đắc, không có chỗ chứng, nên biện luận như thế. Tại sao vậy? Nếu có chỗ đắc, có chỗ chứng, thời đối với Phật pháp là kẻ tăng thượng mạn.”⁽¹⁾

Xá-ly-phát hỏi thiên nữ: “Đối với ba thừa, chí cô cầu thừa nào?”

(1) Tăng thượng mạn: người tu hành mà kiêu mạn, không tự biết mình, thường là không chứng quả mà tự xưng là đã chứng quả.

Thiên nữ nói: “Nếu cần đem pháp Thanh văn mà giáo hóa chúng sinh, thì tôi làm Thanh văn. Nếu cần đem pháp nhân duyên mà giáo hóa chúng sinh, thì tôi làm Bích chi Phật.⁽¹⁾ Nếu cần đem pháp đại bi mà giáo hóa chúng sinh, thì tôi thực hành Đại thừa.

“*Xá-ly-phát!* Như người vào rừng *chiêm-bạc*,⁽²⁾ chỉ ngửi thấy mùi hoa *chiêm-bạc* mà thôi chứ chẳng ngửi thấy mùi thơm nào khác. Cũng vậy, người vào thất này chỉ nghe hương thơm công đức Phật mà thôi, chứ chẳng thích nghe hương thơm công đức của Thanh văn và Bích chi Phật.

“*Xá-ly-phát!* Những vị như *Đế-thích*, *Phaïm* vương, *Bốn* thiên vương, *chư* thiên, rồng, quỷ thần, khi vào thất này nghe vị thượng nhân⁽³⁾ giảng thuyết chánh pháp, thấy đều ưa thích hương thơm công đức Phật, đều phát tâm cầu quả Phật và lui ra.

“*Xá-ly-phát!* Tôi ở tại thất này đã được mười hai năm, chẳng hề nghe thuyết diễn pháp Thanh văn và pháp Bích

(1) Bích Chi Phật (辟支佛; Sanskrit: pratyekabuddha; Pāli: paccekabuddha), phiên âm đầy đủ là *Bích-chi-ca Phật-dà*, là quả vị tu chứng nhờ quán xét lý Mười hai nhân duyên. Quả vị này được xem là thuộc Duyên giác thừa, một trong ba thừa: Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Phật thừa. Vì tự mình quán xét lý nhân duyên mà đạt đến giác ngộ, ngay cả trong những thế giới không có Phật ra đời, nên quả vị này còn được gọi là Độc giác Phật (獨覺佛), cũng được gọi là Duyên Giác Phật.

(2) Chiêm-bạc (Sanskrit: campaka): một thứ cây bên Ấn Độ, có hoa rất thơm, còn gọi là hoàng hoa, vì có màu vàng. Hoa này được dùng cúng Phật và làm dầu thắp đèn thờ.

(3) Thượng nhân: thiên nữ dùng từ này để chỉ ngài Duy-ma-cật.

chi Phật, chỉ nghe thuyết Đại thừa đại bi của *Bồ Tát* và pháp chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật.

“*Xá-ly-phát!* Trong thất này thường hiện ra tám pháp chưa từng có và khó được. Tám pháp đó là gì?

“Thất này thường dùng hào quang vàng ròng mà soi sáng, ban ngày cũng như ban đêm, chẳng dùng ánh sáng của mặt trời và mặt trăng. Đó là pháp thứ nhất chưa từng có và khó được.

“Thất này, khi người ta vào chẳng bị các cấu nhơ làm rối loạn. Đó là pháp thứ hai chưa từng có và khó được.

“Thất này thường có *Đế-thích*, *Phẩm* vương, bốn Thiên vương, chư *Bồ Tát* các phương khác hội đến chẳng dứt. Đó là pháp thứ ba chưa từng có và khó được.

“Thất này là nơi thường thuyết diễn sáu *ba-la-mật*,⁽¹⁾ là những pháp chẳng thối chuyển. Đó là pháp thứ tư chưa từng có và khó được.

“Thất này là nơi thường trỗi âm nhạc bậc nhất của chư thiên và nhân loại, từ nơi dây đàn phổ ra tiếng ca ngâm, diễn vô lượng pháp hóa. Đó là pháp thứ năm chưa từng có và khó được.

“Thất này có bốn kho tàng lớn, chứa đầy các cửa quý, chu cấp những kẻ bần cùng, cứu tế những người thiếu hụt,

(1) Sáu ba-la-mật: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ.

ai cầu thì được, dùng không hết. Đó là pháp thứ sáu chưa từng có và khó được.

“Tại thất này, Phật *Thích-ca Mâu-ni*, Phật *A-di-đà*, Phật *A-súc*, Phật Bảo Đức, Phật Bảo Viêm, Phật Bảo Nguyệt, Phật Bảo Nghiêm, Phật Nan Thắng, Phật Sư Tử Hưởng, Phật Nhất Thiết Lợi Thành... vô lượng chư Phật mười phương như vậy đều hiện đến khi vị thượng nhân đây niệm tưởng các ngài. Các ngài thuyết rộng pháp tạng bí yếu của chư Phật. Thuyết xong, bèn trở về. Đó là pháp thứ bảy chưa từng có và khó được.

“Trong thất này, cung điện nghiêm sức của tất cả chư thiên, các cõi tịnh độ của chư Phật đều hiện vào. Đó là pháp thứ tám chưa từng có và khó được.

Xá-ly-phất! Trong thất này, thường hiện ra tám pháp chưa từng có ấy. Ai là người đã thấy việc chẳng thể nghĩ bàn như vậy mà lại còn ưa thích pháp Thanh văn?”

Xá-ly-phất hỏi: “Sao cô chẳng chuyển thân nữ làm thân nam?”

Thiên nữ nói: “Từ mười hai năm nay, tôi vẫn cầu cái tướng người nữ mà chẳng được. Tại sao nên chuyển? Tỷ như một nhà ảo thuật hóa ra một ảo nữ. Nếu có người hỏi nhà ảo thuật ấy rằng: ‘Sao ông chẳng chuyển cái thân nữ này đi?’ Người ấy có đặt câu hỏi một cách chánh đáng không?”

Xá-ly-phát nói: “Không. Việc ảo hóa không có tướng nhất định, lấy gì để chuyển?”

Thiên nữ nói: “Tất cả các pháp lại cũng như vậy, không có tướng nhất định. Sao ngài lại hỏi việc chẳng chuyển thân nữ?”

Tức thời, thiên nữ dùng sức thần thông biến *Xá-ly-phát* ra hình thiên nữ, còn thiên nữ lại hóa thân giống như *Xá-ly-phát*, rồi hỏi rằng: “Tại sao ngài chẳng chuyển thân nữ?”

Xá-ly-phát khi ấy mang hình dáng thiên nữ, đáp rằng: “Nay tôi chẳng biết chuyển biến thế nào mà lại thành thân nữ?”

Thiên nữ nói: “*Xá-ly-phát*! Nếu ngài có thể chuyển thân nữ ấy, thì tất cả người nữ cũng sẽ chuyển được thân của họ. Như *Xá-ly-phát* chẳng phải người nữ mà hiện ra thân nữ, tất cả người nữ lại cũng như vậy. Tuy hiện làm thân nữ, nhưng chẳng phải là nữ. Vậy nên Phật có dạy: Tất cả các pháp chẳng phải nam, chẳng phải nữ.”

Tức thời, thiên nữ thu lại sức thần, *Xá-ly-phát* trở lại hình dáng cũ.

Thiên nữ hỏi *Xá-ly-phát*: “Sắc tướng thân nữ hiện giờ tại đâu?”

Xá-ly-phát đáp: “Sắc tướng thân nữ chẳng phải tại, chẳng phải chẳng tại.”

Thiên nữ nói: “Tất cả các pháp cũng như vậy, đều chẳng phải tại, chẳng phải chẳng tại. Chẳng phải tại, chẳng phải chẳng tại, đó là thuyết của Phật vậy.”

Xá-ly-phát hỏi thiên nữ: “Khi thác ở chốn này, cô sẽ sinh về đâu?”

Thiên nữ đáp: “Phật hóa sinh như thế nào, tôi cũng sinh ra như thế ấy.”

Xá-ly-phát nói: “Phật hóa sinh, chẳng phải thác rồi sinh.”

Thiên nữ nói: “Chúng sinh cũng vậy, đều chẳng phải thác rồi sinh.”

Xá-ly-phát hỏi thiên nữ: “Bao lâu nữa cô sẽ đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*?”

Thiên nữ đáp: “Như ngài *Xá-ly-phát* trở lại làm kẻ phàm phu, khi ấy tôi sẽ thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.”

Xá-ly-phát nói: “Tôi làm kẻ phàm phu, không thể có việc ấy.”

Thiên nữ nói: “Tôi đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, cũng không thể có. Tại sao vậy? *Bồ-đề* không có chỗ trụ, nên không có người chứng đắc.”

Xá-ly-phát nói: “Hiện nay, chư Phật đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, chư Phật đã đắc quả và chư

Phật sẽ rắc quả nhiều như số cát sông Hằng. Những việc như vậy thì bảo sao?”

Thiên nữ đáp: “Thấy đều do văn tự thế tục ghi chép, nên nói có ba đời, chứ chẳng phải *Bồ-đề* lại có quá khứ, vị lai, hiện tại.”

Thiên nữ hỏi: “*Xá-ly-phát*! Ông có rắc quả *A-la-hán* chăng?”

Đáp: “Vì không có chỗ rắc cho nên rắc.”

Thiên nữ nói: “Chư Phật, *Bồ Tát* lại cũng như vậy. Vì các ngài không có chỗ rắc cho nên rắc.”

Lúc ấy, *Duy-ma-cật* bảo *Xá-ly-phát*: “Vị thiên nữ này đã từng cúng dường chín mươi hai ức chư Phật, đã thực hiện được những cuộc dạo chơi thần thông của *Bồ Tát*, sở nguyện đầy đủ, được đức nhân vô sinh, trụ ở địa vị chẳng thoái chuyển. Vì bốn nguyện nên tùy ý mà hiện thân nữ để giáo hóa chúng sinh.”



佛 道 品

第 八

爾時文殊師利問維摩詰言。菩薩云何通達佛道。

維摩詰言。若菩薩行於非道。是為通達佛道。

又問。云何菩薩行於非道。

答曰。若菩薩行五無間而無惱恚。至於地獄無諸罪垢。至於畜生無有無明憍慢等過。至於餓鬼而具足功德。

行色無色界道不以為勝。示行貪欲離諸染著。示行瞋恚於諸衆生無有恚闕。示行愚癡而以智慧調伏其心。示行慳貪而捨內外所有不惜身命。示行毀禁而安住淨戒。乃至小罪猶懷大懼。示行瞋恚而常慈忍。示行懈怠而勤修功德。示行亂意而常念定。示行愚癡而通達世間出世間慧。示行諂偽而善方便隨諸經義。示行憍慢而於衆

PHẬT ĐẠO PHẨM

Đệ bát

Nhĩ thời, Văn-thù Sư-ly vấn Duy-ma-cật ngôn: Bồ Tát vân hà thông đạt Phật đạo?

Duy-ma-cật ngôn: Nhược Bồ Tát hành ư phi đạo, thị vi thông đạt Phật đạo.

Hựu vấn: Vân hà Bồ Tát hành ư phi đạo?

Đáp viết: Nhược Bồ Tát hành ngũ vô gián, nhi vô não nhuế. Chí ư địa ngục, vô chư tội cấu. Chí ư súc sinh, vô hữu vô minh kiêu mạn đẳng quá. Chí ư ngạ quỷ, nhi cụ túc công đức.

Hành sắc, vô sắc giới đạo, bất dĩ vi thắng. Thị hành tham dục, ly chư nhiễm trước. Thị hành sân nhuế, ư chư chúng sinh, vô hữu nhuế ngại. Thị hành ngu si, nhi dĩ trí huệ điều phục kỳ tâm. Thị hành khan tham, nhi xả nội ngoại sở hữu, bất tích thân mạng. Thị hành hủy cấm, nhi an trụ tịnh giới, nãi chí tiểu tội, du hoài đại cụ. Thị hành sân nhuế, nhi thường từ, nhẫn. Thị hành giải đãi, nhi cần tu công đức. Thị hành loạn ý, nhi thường niệm định. Thị hành ngu si, nhi thông đạt thế gian, xuất thế gian huệ. Thị hành siểm ngụy, nhi thiện phương tiện, tùy chư kinh nghia. Thị hành kiêu mạn, nhi ư chúng sinh, du

生猶如橋梁。示行諸煩惱而心常清淨。示入於魔而順佛智慧不隨他教。示入聲聞而為衆生說未聞法。示入辟支佛而成就大悲教化衆生。

示入貧窮而有寶手功德無盡。示入刑殘而具諸相好以自莊嚴。示入下賤而生佛種姓中具諸功德。示入羸劣醜陋而得那羅延身。一切衆生之所樂見。示入老病而永斷病根超越死畏。示有資生而恒觀無常實無所貪。示有妻妾娼女而常遠離五欲淤泥。現於訥鈍而成就辯才總持無失。示入邪濟而以正濟度諸衆生。現遍入諸道而斷其因緣。現於涅槃而不斷生死。

文殊師利。菩薩能如是行於非道。是為通達佛道。

於是維摩詰問文殊師利。何等為如來種。

文殊師利言。有身為種。無明有愛為種。貪恚癡為種。四顛倒為種。五蓋為種。六入為種。七識處為種。八邪法為

như kiều lương. Thị hành chư phiến não, nhi tâm thường thanh tịnh. Thị nhập ư ma, nhi thuận Phật Trí huệ, bất tùy tha giáo. Thị nhập Thanh văn, nhi vị chúng sinh thuyết vị văn pháp. Thị nhập Bích chi Phật, nhi thành tựu đại bi, giáo hóa chúng sinh.

Thị nhập bản cùng, nhi hữu bảo thủ, công đức vô tận. Thị nhập hình tàn, nhi cụ chư tướng hảo dĩ tự trang nghiêm. Thị nhập hạ tiện, nhi sinh Phật chủng tánh trung, cụ chư công đức. Thị nhập luy liệt xú lậu, nhi đắc *Na-la-diên* thân, nhất thiết chúng sinh chi sở nhạo kiến. Thị nhập lão bệnh, nhi vĩnh đoạn bệnh căn, siêu việt tử úy. Thị hữu tư sinh, nhi hằng quán vô thường, thật vô sở tham. Thị hữu thê thiếp thể nữ, nhi thường viễn ly ngũ dục ứ nê. Hiện ư nột độn, nhi thành tựu biện tài, tổng trì vô thất. Thị nhập tà tế, nhi dĩ chánh tế độ chư chúng sinh. Hiện biến nhập chư đạo, nhi đoạn kỳ nhân duyên. Hiện ư *Niết-bàn*, nhi bất đoạn sinh tử.

Văn-thù Sư-ly! Bồ Tát năng như thị hành ư phi đạo, thị vi thông đạt Phật đạo.

Ư thị, *Duy-ma-cật* vấn *Văn-thù Sư-ly*: Là đẳng vị Như Lai chăng?

Văn-thù Sư-ly ngôn: Hữu thân vi chúng. Vô minh hữu ái vi chúng. Tham, nhuế, si vi chúng. Tứ diên đảo vi chúng. Ngũ cái vi chúng. Lục nhập vi chúng. Thất thức xứ vi chúng. Bát tà pháp vi chúng. Cửu não xứ vi chúng.

種。九惱處為種。十不善道為種。以要言之。六十二見及一切煩惱皆是佛種。

曰。何謂也。

答曰。若見無為入正位者。不能復發阿耨多羅三藐三菩提心。譬如高原陸地不生蓮華。卑濕淤泥乃生此華。如是見無為法入正位者。終不復能生於佛法。煩惱泥中乃有衆生起佛法耳。

又如殖種於空終不得生。糞壤之地乃能滋茂。如是入無為正位者不生佛法。起於我見如須彌山。猶能發於阿耨多羅三藐三菩提心生佛法矣。是故當知一切煩惱為如來種。譬如不下巨海不能得無價寶珠。如是不入煩惱大海。則不能得一切智寶。

爾時大迦葉歎言。善哉善哉文殊師利。快說此語誠如所言。塵勞之疇為如來種。我等今者不復堪任發阿耨多羅三藐三菩提心。乃至五無間罪。猶能發意生於佛法。而今我等永不能發。譬如根敗之士其於五欲不能復利。如是聲聞諸結斷者。於佛法中無所復益永不志願。

Thập bất thiện đạo vi chúng. Dĩ yếu ngôn chi, lục thập nhị kiến cập nhất thiết phiền não giai thị Phật chủng.

Viết: Hà vị dã?

Đáp viết: Nhược kiến vô vi nhập chánh vị giả, bất năng phục phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Thí như cao nguyên lục địa, bất sinh liên hoa. Ty thấp ư nê, nãi sinh thử hoa. Như thị kiến vô vi pháp nhập chánh vị giả, chung bất phục năng sinh ư Phật pháp. Phiền não nê trung, nãi hữu chúng sinh khởi Phật pháp nhĩ.

Hựu như thực chủng ư không, chung bất đắc sinh. Phấn nhuông chi địa, nãi năng tư mậu. Như thị nhập vô vi chánh vị giả, bất sinh Phật pháp. Khởi ư ngã kiến như *Tu-di* sơn, du năng phát ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, sinh Phật pháp hỷ. Thị cố đương tri nhất thiết phiền não vi Như Lai chủng. Thí như bất há cự hải, bất năng đắc vô giá bảo châu. Như thị, bất nhập phiền não đại hải, tắc bất năng đắc nhất thiết trí bảo.

Nhĩ thời, Đại *Ca-diếp* thán ngôn: Thiện tai, thiện tai! *Văn-thù Sư-ly!* Khoái thuyết thử ngữ! Thành như sở ngôn. Trần lao chi trù vi Như Lai chủng. Ngã đẳng kim giả bất phục kham nhiệm phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Nãi chí ngũ vô gián tội du năng phát ý sinh ư Phật pháp. Nhi kim ngã đẳng vĩnh bất năng phát! Thí như căn bại chi sĩ, kỳ ư ngũ dục, bất năng phục lợi! Như thị, Thanh văn chư kết đoạn giả, ư Phật pháp trung, vô sở phục ích, vĩnh bất chí nguyện!

是故文殊師利。凡夫於佛法有返復。而聲聞無也。所以者何。凡夫聞佛法能起無上道心不斷三寶。正使聲聞終身聞佛法力無畏等。永不能發無上道意。

爾時會中有菩薩名普現色身。問維摩詰言。居士。父母妻子親戚眷屬吏民知識悉為是誰。奴婢僮僕象馬車乘皆何所在。

於是維摩詰以偈答曰。

智度菩薩母
方便以為父
一切衆導師
無不由是生。
法喜以為妻
慈悲心為女
善心誠實男
畢竟空寂舍。
弟子衆塵勞
隨意之所轉
道品善知識
由是成正覺。
諸度法等侶

Thị cố, *Văn-thù Sư-ly*! Phàm phu ư Phật pháp, hữu phản phục. Nhi Thanh văn vô dã. Sở dĩ giả hà? Phàm phu văn Phật pháp, năng khởi vô thượng đạo tâm, bất đoạn Tam bảo. Chánh sử Thanh văn chung thân văn Phật pháp, lực, vô úy đẳng, vĩnh bất năng phát vô thượng đạo ý.

Nhĩ thời, Hội trung, hữu *Bồ Tát*, danh Phổ Hiện Sắc Thân, vấn *Duy-ma-cật* ngôn: Cư sĩ! Phụ mẫu thê tử, thân thích quyến thuộc, lại dân tri thức, tất vi thị thù? Nô tỳ đồng tộc, tượng mã xa thặng, giai hà sở tại?

Ư thị, *Duy-ma-cật* dĩ kệ đáp viết:

Trí độ: *Bồ Tát* mẫu,
Phương tiện dĩ vi phụ,
Nhất thiết chúng: đạo sư,
Vô bất do thị sinh.
Pháp hỷ dĩ vi thê,
Từ bi tâm vi nữ,
Thiện tâm thành thật nam,
Tất cánh không tịch xá.
Đệ tử chúng trần lao,
Tùy ý chi sở chuyển.
Đạo phẩm thiện tri thức,
Do thị thành chánh giác.
Chư độ pháp đẳng lữ,

四攝為伎女
歌詠誦法言
以此為音樂。
總持之園苑
無漏法林樹
覺意淨妙華
解脫智慧菜。
八解之浴池
定水湛然滿
布以七淨華
浴此無垢人。
象馬五通馳
大乘以為車
調御以一心
遊於八正路。
相具以嚴容
衆好飾其姿
慚愧之上服
深心為華鬘。
富有七財寶
教授以滋息

Tứ nhiếp vi kỹ nữ,
Ca vịnh tụng pháp ngôn,
Dĩ thử vi âm nhạc.
Tổng trì chi viên uyển,
Vô lậu pháp lâm thọ,
Giác ý tịnh diệu hoa,
Giải thoát trí huệ quả.
Bát giải chi dục trì,
Định thủy trạm nhiên mãn,
Bố dĩ thất tịnh hoa,
Dục thử vô cấu nhân.
Tượng mã ngũ thông trì,
Đại thừa dĩ vi xa,
Điều ngự dĩ nhất tâm,
Du ư bát chánh lộ.
Tướng cụ dĩ nghiêm dung,
Chúng hảo sức kỳ tư,
Tâm quý chi thượng phục,
Thâm tâm vi hoa man.
Phú hữu thất tài bảo,
Giáo thọ dĩ tư tức,

如所說修行
迴向為大利。
四禪為林座
從於淨命生
多聞增智慧
以為自覺音。
甘露法之食
解脫味為漿
淨心以澡浴
戒品為塗香。
摧滅煩惱賊
勇健無能踰
降伏四種魔
勝幡建道場。
雖知無起滅
示彼故有生
悉現諸國土
如日無不見。
供養於十方
無量億如來
諸佛及己身

Như sở thuyết tu hành,
Hồi hướng vi đại lợi.
Tứ thiên vi lâm tòa,
Tùng ư tịnh mạng sinh,
Đa văn tăng trí huệ,
Dĩ vi tự giác âm.
Cam-lộ pháp chi thực,
Giải thoát vị vi tương,
Tịnh tâm dĩ tẩy dục,
Giới phẩm vi đồ hương.
Tồi diệt phiền não tặc,
Dùng kiện vô năng du,
Hàng phục tứ chủng ma,
Thắng phan kiến đạo tràng.
Tuy tri vô khởi diệt,
Thị bỉ cố hữu sinh,
Tất hiện chư quốc độ,
Như nhật vô bất kiến.
Cúng dường ư thập phương,
Vô lượng ức Như Lai.
Chư Phật cập kỳ thân,

無有分別想。
雖知諸佛國
及與衆生空
而常修淨土
教化於群生。
諸有衆生類
形聲及威儀
無畏力菩薩
一時能盡現。
覺知衆魔事
而示隨其行
以善方便智
隨意能皆現。
或示老病死
成就諸群生
了知如幻化
通達無有礙。
或現劫盡燒
天地皆洞然
衆人有常想
照令知無常。

Vô hữu phân biệt tướng.
Tuy tri chư Phật quốc,
Cập dữ chúng sinh không,
Nhi thường tu tịnh độ,
Giáo hóa ư quần sinh.
Chư hữu chúng sinh loại,
Hình, thanh cập oai nghi,
Vô úy lực *Bồ Tát*,
Nhất thời năng tận hiện.
Giác tri chúng ma sự,
Nhi thị tùy kỳ hạnh.
Dĩ thiện phương tiện trí,
Tùy ý năng giai hiện.
Hoặc thị lão, bệnh, tử,
Thành tựu chư quần sinh,
Liễu tri như ảo hóa,
Thông đạt vô hữu ngại.
Hoặc hiện kiếp tận thiêu,
Thiên địa giai đồng nhiên,
Chúng nhân hữu thường tướng,
Chiếu linh tri vô thường.

無數億衆生
俱來請菩薩
一時到其舍
化令向佛道。
經書禁咒術
工巧諸伎藝
盡現行此事
饒益諸群生。
世間衆道法
悉於中出家
因以解人惑
而不墮邪見。
或作日月天
梵王世界主
或時作地水
或復作風火。
劫中有疾疫
現作諸藥草
若有服之者
除病消衆毒。
劫中有饑饉

Vô số ức chúng sinh,
Câu lai thỉnh Bồ Tát,
Nhất thời đáo kỳ xá,
Hóa linh hướng Phật đạo.
Kinh thơ, cấm, chú thuật,
Công xảo chư kỹ nghệ,
Tận hiện hành thử sự,
Nhiều ích chư quần sinh.
Thế gian chúng đạo pháp,
Tất ư trung xuất gia,
Nhân dĩ giải nhân hoặc,
Nhi bất dọa tà kiến.
Hoặc tác nhật nguyệt thiên,
Phạm vương thế giới chủ,
Hoặc thời tác địa, thủy,
Hoặc phục tác phong, hỏa.
Kiếp trung hữu tật dịch,
Hiện tác chư dược thảo,
Nhược hữu phục chi giả,
Trừ bệnh tiêu chúng độc.
Kiếp trung hữu cơ cấn,

現身作飲食
先救彼饑渴
卻以法語人。
劫中有刀兵
為之起慈心
化彼諸衆生
令住無諍地。
若有大戰陣
立之以等力
菩薩現威勢
降伏使和安。
一切國土中
諸有地獄處
輒往到於彼
勉濟其苦惱。
一切國土中
畜生相食噉
皆現生於彼
為之作利益。
示受於五欲
亦復現行禪

Hiện thân tác âm thực,
Tiên cứu bỉ cơ khát,
Khước di pháp ngữ nhân.
Kiếp trung hữu đao binh,
Vị chi khởi từ bi,
Hóa bỉ chư chúng sinh,
Linh trụ vô tranh địa.
Nhược hữu đại chiến trận,
Lập chi dĩ đẳng lực,
Bồ Tát hiện oai thế,
Hàng phục sử hòa an.
Nhất thiết quốc độ trung,
Chư hữu địa ngục xứ,
Triếp vãng đáo ư bỉ,
Miễn tế kỳ khổ nào.
Nhất thiết quốc độ trung,
Súc sinh tương thực hám,
Giai hiện sinh ư bỉ,
Vị chi tác lợi ích.
Thị thọ ư ngũ dục,
Diệc phục hiện hành thiên.

令魔心憤亂
不能得其便。
火中生蓮華
是可謂希有
在欲而行禪
希有亦如是。
或現作婬女
引諸好色者
先以欲鉤牽
後令入佛智。
或為邑中主
或作商人導
國師及大臣
以祐利衆生。
諸有貧窮者
現作無盡藏
因以勸導之
令發菩提心。
我心憍慢者
為現大力士
消伏諸貢高

Linh ma tâm hội loạn,
Bất năng đắc kỳ tiện.
Hỏa trung sinh liên hoa,
Thị khả vị hy hữu,
Tại dục nhi hành thiên,
Hy hữu diệc như thị.
Hoặc hiện tác dâm nữ,
Dẫn chư háo sắc giả,
Tiên dĩ dục câu khiên,
Hậu linh nhập Phật trí.
Hoặc vi ấp trung chủ,
Hoặc tác thương nhân đạo,
Quốc sư cập đại thần,
Dĩ hữu lợi chúng sinh.
Chư hữu bản cùng giả,
Hiện tác vô tận tạng,
Nhân dĩ khuyến đạo chi,
Linh phát *Bồ-đề* tâm.
Ngã tâm kiêu mạn giả,
Vị hiện đại lực sĩ,
Tiêu phục chư cống cao,

令住無上道。
其有恐懼衆
居前而慰安
先施以無畏
後令發道心。
或現離婬欲
為五通仙人
開導諸群生
令住戒忍慈。
見須供事者
現為作僮僕
既悅可其意
乃發以道心。
隨彼之所須
得入於佛道
以善方便力
皆能給足之。
如是道無量
所行無有涯
智慧無邊際
度脫無數衆。

Linh trụ vô thượng đạo.
Kỳ hữu khủng cụ chúng,
Cư tiền nhi ỷ an,
Tiên thí dĩ vô úy,
Hậu linh phát đạo tâm.
Hoặc hiện ly dâm dục,
Vi ngũ thông tiên nhân,
Khai đạo chư quần sinh,
Linh trụ giới, nhẫn, từ.
Kiến tu cung sự giả,
Hiện vị tác đồng bộc,
Ký duyệt khả kỳ ý,
Nãi phát dĩ đạo tâm.
Tùy bỉ chi sở tu,
Đắc nhập ư Phật đạo,
Dĩ thiện phương tiện lực,
Giai năng cấp túc chi.
Như thị đạo vô lượng,
Sở hành vô hữu ngại,
Trí huệ vô biên tế,
Độ thoát vô số chúng.

假令一切佛
於無數億劫
讚歎其功德
猶尚不能盡。
誰聞如是法
不發菩提心
除彼不肖人
癡冥無智者。



Giả linh nhất thiết Phật,
Ư vô số ức kiếp,
Tán thán kỳ công đức,
Du thượng bất năng tận.
Thùy văn như thị pháp,
Bất phát Bồ-đề tâm?
Trừ bỉ bất tiểu nhân,
Si minh vô trí giả.



Phẩm thứ tám

ĐẠO PHẬT

Úc ấy, Văn-thù Sư-ly hỏi Duy-ma-cật rằng: “Bồ Tát làm sao thông đạt đạo Phật?”

Duy-ma-cật nói: “Nếu Bồ Tát thi hành những việc trái đạo, đó là thông đạt đạo Phật.”

Lại hỏi: “Thế nào là Bồ Tát thi hành những việc trái đạo?”

Duy-ma-cật đáp: “Nếu Bồ Tát thi hành năm tội vô gián⁽¹⁾ nhưng không có giận hờn; đến cảnh địa ngục nhưng không có cấu uế; đến cảnh súc sinh nhưng không có những tội lỗi như vô minh, kiêu mạn; đến cảnh ngạ quỷ nhưng

⁽¹⁾ Năm tội vô gián (Ngũ vô gián tội) hay còn gọi là Ngũ nghịch (五逆), Ngũ vô gián nghiệp (五無間業, Sanskrit: pañcanantaryakarmāṇi), là năm trọng tội phải bị đọa vào địa ngục Vô gián (Sanskrit: naraka), chịu sự hành hạ không gián đoạn. Năm tội ấy là:

1. Giết cha (sát phụ 殺父; Sanskrit: pitṛghāta).
2. Giết mẹ (sát mẫu 殺母; Sanskrit: mātṛghāta).
3. Giết A-la-hán (sát A-la-hán 殺阿羅漢; Sanskrit: arhadvadha).
4. Làm chảy máu thân Phật (xuất Phật thân huyết 出佛身血; Sanskrit: tathāgatasyāntike duṣṭacittarudhirotpadana).
5. Chia rẽ Tăng-già (Phá hoà hợp tăng 破和合僧; Sanskrit: saṅghabheda).

đầy đủ công đức; đi lên các cõi trời Sắc giới và Vô sắc giới nhưng chẳng cho đó là hơn; thị hiện hành động tham dục nhưng lia mọi nhiễm trước; thị hiện hành động sân nhuế, nhưng không có giận hờn ngăn trở đối với chúng sinh; thị hiện hành động ngu si nhưng dùng trí huệ mà điều phục tâm mình; thị hiện hành động keo lận nhưng thí xả hết những vật sở hữu bên trong, bên ngoài của mình, chẳng tiếc cả thân mạng; thị hiện hành động hủy cấm, nhưng trụ yên nơi giới hạnh thanh tịnh, cho đến đối với tội nhỏ cũng rất sợ sệt; thị hiện như nóng giận, nhưng trong lòng thường từ hòa, nhẫn nhục; thị hiện ra bề giải đãi nhưng thật siêng tu công đức; thị hiện ra vẻ loạn động tâm ý, nhưng thường trụ nơi niệm và định; thị hiện hành động ngu si, nhưng thông đạt cả trí huệ thế gian và xuất thế gian; thị hiện hành động đua nịnh đối trá nhưng giỏi về phương tiện, tùy theo nghĩa lý các kinh; thị hiện hành động kiêu mạn nhưng đối với chúng sinh cũng như chiếc cầu chịu cho người người giẫm đạp; thị hiện các phiền não nhưng lòng thường trong sạch; thị hiện vào chốn của ma nhưng thuận theo trí huệ Phật, chẳng theo thuyết khác; thị hiện vào hàng Thanh văn nhưng giảng thuyết với chúng sinh những pháp mà họ chưa từng nghe; thị hiện vào hàng Bích chi Phật, nhưng thành tựu đức đại bi, giáo hóa chúng sinh; thị hiện vào chốn nghèo hèn cùng khổ nhưng có đôi tay quý, công đức vô tận; thị hiện vào bọn hình hài tàn tật nhưng có đủ các tướng chánh và tướng phụ trang nghiêm thân mình; thị hiện vào chốn hạ tiện nhưng vốn sinh trong dòng giống Phật, đầy đủ các

công đức; thị hiện vào nhóm người gầy yếu xấu xí nhưng được cái thân lực sĩ cõi trời mà tất cả chúng sinh đều ưa nhìn; thị hiện vào hàng già, bệnh nhưng đã đoạn tuyệt gốc bệnh, vượt khỏi sự lo sợ về cái chết; thị hiện có vốn liếng sẵn nghiệp, nhưng thường quán tưởng lẽ vô thường, thật không có chỗ tham; thị hiện có vợ chánh, vợ thứ và các nàng hầu, nhưng thường lìa xa cảnh bùn lầy năm dục; thị hiện ra kẻ chậm lụt ngu độn, nhưng thành tựu biện tài, tổng trì đầy đủ; thị hiện vào nơi bọn gian tà, nhưng dùng lẽ chánh mà độ chúng sinh; thị hiện vào khắp các nẻo, nhưng chặt đứt các nhân duyên với mình; thị hiện vào *Niết-bàn*, nhưng chẳng đoạn tuyệt sinh tử.

“*Văn-thù Sư-ly!* Nếu *Bồ Tát* có thể thi hành những việc trái đạo như vậy, đó là *Bồ Tát* thông đạt đạo Phật.”

Lúc ấy, *Duy-ma-cật* hỏi *Văn-thù Sư-ly*: “Những gì là hạt giống Như Lai?”

Văn-thù Sư-ly đáp: “Có thân này là hạt giống Như Lai. Vô minh với ái là hạt giống Như Lai. Tham, sân, si là hạt giống Như Lai. Bốn điên đảo,⁽¹⁾ năm triền cái,⁽²⁾ sáu

⁽¹⁾ Bốn điên đảo (Tứ điên đảo): Bốn tư tưởng trái ngược của phàm phu:

1. Sự vật vô thường mà cho là thường
2. Sự vật khổ mà cho là vui
3. Sự vật vô ngã mà chấp là ngã
4. Sự vật bất tịnh mà cho là tịnh

⁽²⁾ Năm triền cái (Ngũ triền cái 五縛蓋 Sanskrit, Pāli: nīvaraṇa) Cũng gọi là Ngũ chướng, tức là năm trạng thái làm cho tâm thức trì trệ, không đạt được định lực. Người tu cần phải trừ được hết năm uế nhiễm này mới đạt được Tứ thiền đầu tiên trong tám giai đoạn thiền định. Năm triền cái là:

1. Tham lam, mong cầu (tham dục 貪欲 Sanskrit: kāmachanda),

nhập là hạt giống Như Lai. Bảy thức xứ,⁽¹⁾ Tám tà pháp,⁽²⁾ Chín não xứ là hạt giống Như Lai. Mười bất thiện⁽³⁾ là hạt giống Như Lai. Nói tóm lại, sáu mươi hai kiến với tất cả phiền não đều là hạt giống Như Lai.”

Duy-ma-cật hỏi: “Tại sao vậy?”

Văn-thù Sư-ly đáp: “Người hiểu lẽ vô vi và vào chánh vị,⁽⁴⁾ không còn có thể phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Tỷ như ở nơi cao ráo đất liền, hoa sen chẳng sinh. Ở chỗ thấp ướt bùn lầy, hoa sen mới sinh. Cũng vậy đó, người thấy thấy pháp vô vi và vào chánh vị không còn có thể phát sinh Phật pháp. Ở nơi bùn lầy phiền não, mới có chúng sinh khởi lên Phật pháp.

“Lại như gieo giống ở không trung, chẳng thể nảy mầm. Gieo giống trên đất phân, cây cối sinh trưởng tươi

2. Nóng giận (sân khuê 瞋恚 Sanskrit: vyāpāda, dveṣa, doṣa),

3. Dễ buồn ngủ, mệt mỏi (thụy miên 睡眠, hôn trầm 昏沈 Sanskrit: middha, styāna),

4. Hối tiếc khó chịu (trạo hối 掉悔 Sanskrit: audhātya, kaukrītya),

5. Nghi ngờ (nghi 疑 Sanskrit: vicikitsā).

(1) Bảy thức xứ (Thất thức xứ): Bảy chỗ tri giác: 1. Nhân thức xứ, 2. Nhị thức xứ, 3. Tỷ thức xứ, 4. Thiệt thức xứ, 5. Thân thức xứ, 6. Ý thức xứ, 7. Mạt-na thức xứ.

Mạt-na thức là cội rễ của hai kiến chấp: ngã chấp và pháp chấp.

(2) Tám tà pháp (Bát tà pháp, trái với Bát chánh đạo): 1. Tà kiến, 2. Tà tư duy, 3. Tà ngữ, 4. Tà nghiệp, 5. Tà mạng, 6. Tà tinh tấn, 7. Tà niệm, 8. Tà định.

(3) Mười bất thiện (Thập bất thiện đạo): Mười điều chẳng lành, cũng gọi là Thập ác, bao gồm: 1. Sát sinh, 2. Trộm cắp, 3. Tà dâm, 4. Vọng ngữ, 5. Ý ngữ, 6. Lường thiệt, 7. Ác khẩu, 8. Tham dục, 9. Sân nhuế, 10. Tà kiến.

(4) Chỉ các thánh quả Tiểu thừa.

tốt. Cũng vậy, người vào vô vi và chánh vị chẳng thể phát sinh Phật pháp. Còn kẻ khởi ra ý kiến chấp có ta, đầu ý kiến sai lầm ấy có cao lớn như núi *Tu-di*, kẻ ấy vẫn còn có thể phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, nảy sinh Phật pháp.

“Vậy nên biết rằng: tất cả các phiền não đều là hạt giống Như Lai. Cũng như không lặn xuống biển sâu thì không thểặng châu báu vô giá. Cũng vậy, nếu không vào trong biển cả phiền não, tất không thể được của báu là cái Trí biết tất cả.”

Lúc ấy, Đại *Ca-diếp* khen rằng: “Lành thay, lành thay! *Văn-thù Sư-lý*, khoái thay những lời ấy! Đúng thật như lẽ mà ông đã nói. Đám trần lao là những hạt giống Như Lai. Nay chúng tôi chẳng còn đủ sức đảm nhận thi hành việc phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Cho đến những kẻ phạm năm tội vô gián còn có thể phát ý sinh nơi Phật pháp, nhưng nay chúng tôi đây⁽¹⁾ lại chẳng có thể phát khởi tâm ý ấy! Tỷ như người căn cơ bại hoại, thì dù ở trong năm dục cũng chẳng còn thụ hưởng được gì. Cũng vậy, các vị Thanh văn đã dứt phiền não trói buộc, thì dù ở trong Phật pháp cũng không còn được lợi ích gì, chẳng còn chí nguyện gì nữa!

“*Văn-thù Sư-lý*! Vậy nên kẻ phàm phu đối với Phật pháp có chỗ trở lại, còn hàng Thanh văn thì không. Tại

⁽¹⁾ Chỉ hàng Thanh văn, Duyên giác, những người đã chứng quả Tiểu thừa.

sao vậy? Kẻ phàm phu được nghe pháp Phật có thể phát tâm cầu đạo vô thượng, chẳng đoạn Tam bảo. Còn hàng Thanh văn dù có trọn đời nghe pháp Phật, oai lực, sức vô úy của Phật... thời cũng chẳng bao giờ có thể phát tâm cầu vô thượng đạo.”

Lúc ấy, trong pháp hội, có một vị *Bồ Tát* tên là Phổ Hiện Sắc Thân, hỏi *Duy-ma-cật* rằng: “Cha mẹ, vợ con, thân thích quyến thuộc, với những kẻ cộng tác cùng những người quen biết của ông là những ai? Tôi trai tở gái, voi ngựa xe cộ của ông, những thứ ấy ở đâu?”

Duy-ma-cật dùng kệ đáp rằng:

Trí độ là mẹ *Bồ Tát*,
Tùy nghi phương tiện là cha,
Chúng tăng là thầy hướng dẫn,
Bồ Tát do đó mà sinh.

Pháp hỷ dùng làm vợ nhà,
Lòng từ bi là con gái,
Tâm thiện thật là con trai,
Không tịch rốt ráo là nhà.

Trần lao là các đệ tử,
Tùy ý mình mà chuyển biến.

Đạo phẩm là bạn hiền lành,
Nhờ đó được thành chánh giác.
Các pháp độ là bạn bè,
Bốn nhiếp là những ả đào,
Pháp ngôn là ca vịnh ngâm,
Lấy đó mà làm âm nhạc.

Tổng trì là cảnh vườn tược,
Pháp vô lậu là cây rừng,
Giác ý là hoa đẹp thơm,
Trí huệ giải thoát là quả.

Tám giải thoát là ao tắm,
Tâm định là nước đầy trong,
Hoa bảy báu tịnh là vải,
Người vô cấu là: tắm gội.

Năm thông chạy là voi ngựa,
Đại thừa dùng làm xe cộ,
Nhất tâm là người điều ngự,
Tám chánh đạo đường dạo chơi.

Tướng chánh đủ, dùng nghiêm thân,
Tướng phụ đẹp, trang sức hình,
Hổ thẹn là áo lớn ngoài,
Lòng sâu vững: hoa kết đơm.

Bảy tài bảo⁽¹⁾ là giàu có,
Dạy truyền là việc gia tăng,
Theo như thuyết mà tu hành,
Hồi hướng là lợi to lớn.

⁽¹⁾ Bảy tài bảo (Thất tài bảo), thường gọi là Thất tài (七財, Sanskrit: saptadhanāṇi), là bảy điều quý giá của người tu học. Đó là:

1. Tín tài (信財; Sanskrit: śraddhādhana): lòng tin vững chắc là của báu.
2. Giới tài (戒財; Sanskrit: śīladhana): lấy giới luật thanh tịnh làm của báu.
3. Tàm tài (慚財; Sanskrit: hrīdhana): biết cung kính, tùy thuận người có đức hạnh, tự thấy hổ thẹn về việc xấu đã làm, đó là của báu.
4. Quí tài (愧財; Sanskrit: apatrāpya, apatrapādhana): biết sợ quả báo của tội lỗi, biết xấu hổ với người khác khi làm việc xấu, đó là của báu.
5. Văn tài (聞財; Sanskrit: śrutadhana): lấy việc được nghe thuyết pháp, hiểu biết rộng là của báu.
6. Xả tài (捨財) hoặc Thí tài (施財; Sanskrit: tyāgadhana): xem bố thí là của báu.
7. Huệ tài (慧財; Sanskrit: prajñādhana): Trí huệ là của báu.

Bốn thiền⁽¹⁾ là ghé trong rừng,
Do nơi đó tịnh mạng sinh,
Đa văn tăng thêm trí huệ,
Lấy đó làm tiếng tự giác.
Pháp *cam-lộ* là thức ăn,
Vị giải thoát là nước tương,
Tâm tịnh là việc tẩy rửa,
Giới phẩm là món hương phết.
Đánh tan lũ giặc phiền não,
Dùng kiện chẳng ai hơn nổi,
Hàng phục được bốn thứ ma,⁽²⁾
Cờ chiến thắng cắm đạo trường.

⁽¹⁾ Bốn thiền (Tứ thiền), bốn cấp độ thiền định, người đạt đến thì thần thức vượt khỏi cõi Dục giới, lên tới cõi Sắc giới, nhưng chưa vào cõi Vô sắc giới. Tứ thiền là:

1. Sơ thiền: tâm tập trung vào một cảnh, các tâm tầm (Sanskrit, Pāli: *vitarka*), tứ (Sanskrit, Pāli: *vicāra*), hoàn toàn ly dục và không còn các bất thiện pháp. Người đạt sơ thiền cảm nhận các trạng thái hỷ (Sanskrit: *prīti*), lạc (Sanskrit: *sukha*) và Xả (Sanskrit: *upekṣā*).
2. Nhị thiền: tâm không còn tầm, tứ. Nội tĩnh, nhất tâm. Trạng thái này là hỷ, lạc, xả.
3. Tam thiền: lìa trạng thái hỷ, chỉ còn trạng thái lạc và xả.
4. Tứ thiền: lìa trạng thái lạc, chỉ còn riêng cảm giác xả và chính niệm.

⁽²⁾ Bốn thứ ma (Tứ chủng ma) Bốn thứ nghịch hại, gây rối loạn nơi tâm thân: 1. Phiền não ma. 2. Ấm ma (sắc, thọ, tưởng, hành, thức là ma), 3. Tử ma (Ma chết hại căn mạng), 4. Tha hóa tự tại thiên tử ma (Những ma trời dưới quyền Ma vương).

Tuy biết rằng không khởi diệt,
Nhưng thị hiện có sinh sống,
Hiện thân nơi các quốc độ,
Như mặt nhật ai cũng thấy.

Trải mười phương cúng dường khắp,
Vô lượng ức đấng Như Lai.
Chư Phật với thân mình đây,
Không khác chi dùng phân biệt.

Tuy biết rằng các nước Phật,
Với chúng sinh đều là không,
Nhưng thường tu môn tịnh độ,
Siêng giáo hóa khắp quần sinh.

Tất cả các loại chúng sinh,
Thân hình, tiếng nói, oai nghi,
Bồ Tát với sức không sợ,
Một lúc hiện ra hết thấy.

Biết rõ các việc của ma,
Nhưng thị hiện theo hạnh ấy.

Dùng trí huệ phương tiện khéo,
Tùy ý hiện chi cũng được:

Hoặc thị hiện già, bệnh, chết,
Giúp chúng sinh được thành tựu.
Hiếu rành như trò ảo hóa,
Thông đạt không chi ngăn ngại.

Hoặc hiện kiếp tận lửa cháy,
Trời đất thấy đều trống rỗng,
Những kẻ có tư tưởng thường,
Soi khiến họ biết vô thường.

Vô số ức các chúng sinh,
Cùng nhau đến thỉnh *Bồ Tát*,
Một khi người đến nhà họ,
Khiến họ hồi hướng Phật đạo.

Kinh sách, giới cấm, chú thuật,
Công nghệ, kỹ thuật khéo léo,
Người hiện làm các việc ấy,
Giúp lợi ích cho quần sinh.

Các đạo pháp ở thế gian,
Đều ở đó mà xuất gia,
Người nhân đó ngăn chỗ lắm,
Nhưng chẳng rơi vào tà kiến.

Hoặc làm nhật thiên, nguyệt thiên,
Hoặc Phạm vương chủ thế giới,
Có khi làm đất, làm nước,
Lại cũng làm gió, làm lửa.

Trong kiếp nếu có bệnh dịch,
Người hiện làm các dược thảo,
Như kẻ bệnh uống thuốc ấy,
Bệnh liền dứt, tiêu các độc.

Nếu trong kiếp có đói kém,
Hiện thân làm món ăn uống,
Trước cứu những kẻ đói khát,
Kế đem pháp dạy chúng nhân.

Trong kiếp có những đao binh,
Vì đó người khởi từ bi,

Hóa độ những chúng sinh ấy,
Khiến họ trụ cảnh không tranh.

Nếu xảy ra trận đại chiến,
Đứng lên dùng sức bình đẳng,
Bồ Tát hiện ra oai thế,
Hàng phục chúng, khiến yên hòa.

Hết thầy ở trong cõi nước,
Những nơi nào có địa ngục,
Người liền đến các chốn ấy,
Cứu giúp khỏi mọi khổ não.

Hết thầy khắp trong cõi nước,
Súc sinh ăn thịt lẫn nhau,
Người thị hiện sinh nơi đó,
Làm lợi ích cho hạng ấy.

Người thị hiện thọ năm dục,
Lại cũng thị hiện hành thiền,
Làm cho lòng ma rối loạn,
Chúng chẳng được bề tiện lợi.

Trong lửa sinh ra hoa sen,
Đó gọi là việc ít có.
Tại năm dục mà hành thiên,
Lại cũng là việc ít có.

Hoặc thị hiện làm dân nữ,
Dẫn dụ những kẻ háo sắc,
Trước đem dục mà dẫn dắt,
Sau khiến họ vào Phật trí.

Hoặc hiện làm chúa thành ấp,
Hoặc hiện làm chủ đoàn buôn,
Làm quốc sư, làm đại thần,
Để làm lợi ích chúng sinh.

Đối với những kẻ bần cùng,
Thị hiện làm kho vô tận,
Nhân đó bèn khuyên dắt họ,
Khiến họ phát tâm Bồ-đề.

Với kẻ ngã mạn kiêu căng,
Thị hiện làm đại lực sĩ,

Khuất phục những kẻ cống cao,
Khiến trụ vào vô thượng đạo.

Nếu có những kẻ sợ sệt,
Đối diện họ, người an ủi,
Trước thí cho sự an ổn,
Sau khiến họ phát đạo tâm.

Hoặc thị hiện lìa dâm dục,
Làm vị tiên nhân năm thông,
Mở mang dắt dẫn quần sinh,
Khiến họ trụ giới, nhân, từ.

Nếu ai cần kẻ cung phụng,
Người thị hiện làm tôi tớ.
Khi đã làm vừa ý chủ,
Bèn khiến phát khởi đạo tâm.

Như ai muốn đủ đồ dùng,
Mới chịu đắc nhập Phật đạo.
Người dùng sức phương tiện khéo,
Cấp cho đầy đủ món cần.

Đạo vô lượng là như vậy,
Sở hành bao la không bến,
Trí huệ rộng rãi không bờ,
Độ thoát vô số chúng sinh.

Ví như tất cả chư Phật,
Trải qua vô số ức kiếp,
Ngợi khen công đức của người,
Cũng không thể bày tỏ hết.

Ai nghe được pháp như vậy,
Mà chẳng phát tâm Bồ-đề?
Trừ ra những kẻ xuẩn ngốc,
Si mê không có trí huệ.



入不二法門品

第九

爾時維摩詰。謂衆菩薩言。諸仁者。云何菩薩入不二法門。各隨所樂說之。

會中有菩薩名法自在。說言。諸仁者。生滅為二。法本不生今則無滅。得此無生法忍。是為入不二法門。

德守菩薩曰。我我所為二。因有我故便有我所。若無有我則無我所。是為入不二法門。

不眴菩薩曰。受不受為二。若法不受則不可得。以不可得故無取無捨無作無行。是為入不二法門。

德頂菩薩曰。垢淨為二。見垢實性則無淨相順於滅相。是為入不二法門。

善宿菩薩曰。是動是念為二。不動則無念。無念即無分別。通達此者。是為入不二法門。

NHẬP BẤT NHỊ PHÁP MÔN PHẨM

Đệ cửu

Nhĩ thời, *Duy-ma-cật* vị chúng *Bồ Tát* ngôn: Chư nhân giả! Vân hà *Bồ Tát* nhập Bất nhị pháp môn? Các tùy sở nhạo thuyết chi.

Hội trung hữu *Bồ Tát*, danh Pháp Tự Tại, thuyết ngôn: Chư nhân giả! Sinh, diệt vi nhị. Pháp bốn bất sinh, kim tắc vô diệt. Đắc thủ Vô sinh pháp nhẫn, thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Đức Thủ *Bồ Tát* viết: Ngã, ngã sở vi nhị. Nhân hữu ngã cố, tiện hữu ngã sở. Nhược vô hữu ngã, tắc vô ngã sở. Thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Bất Huyền *Bồ Tát* viết: Thọ, bất thọ vi nhị. Nhược pháp bất thọ, tắc bất khả đắc. Dĩ bất khả đắc, cố vô thủ, vô xả, vô tác, vô hành. Thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Đức Đỉnh *Bồ Tát* viết: Cấu, tịnh vi nhị. Kiến cấu thật tánh, tắc vô tịnh tướng, thuận ư diệt tướng. Thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Thiện Tú *Bồ Tát* viết: Thị động, thị niệm vi nhị. Bất động tắc vô niệm. Vô niệm tức vô phân biệt. Thông đạt thủ giả, thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

善眼菩薩曰。一相無相為二。若知一相即是無相。亦不取無相入於平等。是為入不二法門。

妙臂菩薩曰。菩薩心聲聞心為二。觀心相空如幻化者。無菩薩心無聲聞心。是為入不二法門。

弗沙菩薩曰。善不善為二。若不起善不善。入無相際而通達者。是為入不二法門。

師子菩薩曰。罪福為二。若達罪性則與福無異。以金剛慧決了此相無縛無解者。是為入不二法門。

師子意菩薩曰。有漏無漏為二。若得諸法等則不起漏不漏想。不著於相亦不住無相。是為入不二法門。

淨解菩薩曰。有為無為為二。若離一切數則心如虛空。以清淨慧無所礙者。是為入不二法門。

那羅延菩薩曰。世間出世間為二。世間性空即是出世間。於其中不入不出不溢不散。是為入不二法門。

Thiện Nhân *Bồ Tát* viết: Nhất tướng, vô tướng vi nhị. Nhược tri nhất tướng tức thị vô tướng, diệc bất thủ vô tướng, nhập ư bình đẳng. Thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Diệu Tý *Bồ Tát* viết: Bồ Tát tâm, Thanh văn tâm vi nhị. Quán tâm tướng không, như ảo hóa giả, vô *Bồ Tát* tâm, vô Thanh văn tâm. Thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Phát Sa *Bồ Tát* viết: Thiện, bất thiện vi nhị. Nhược bất khởi thiện, bất thiện, nhập vô tướng tế nhi thông đạt giả, thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Sư Tử *Bồ Tát* viết: Tội, phước vi nhị. Nhược đạt tội tánh, tắc dữ phước vô dị. Dĩ kim cang huệ, quyết liễu thủ tướng, vô phước, vô giải giả, thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Sư Tử Ý *Bồ Tát* viết: Hữu lậu, vô lậu vi nhị. Nhược đắc chư pháp đẳng, tắc bất khởi lậu, bất lậu tướng, bất trước ư tướng, diệc bất trụ vô tướng. Thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Tịnh Giải *Bồ Tát* viết: Hữu vi, vô vi vi nhị. Nhược ly nhất thiết sở, tắc tâm như hư không. Dĩ thanh tịnh huệ, vô sở ngại giả. Thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Na-la-diên Bồ Tát viết: Thế gian, xuất thế gian vi nhị. Thế gian tánh không, tức thị xuất thế gian. Ư kỳ trung, bất nhập, bất xuất, bất dật, bất tán. Thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

善意菩薩曰。生死涅槃為二。若見生死性則無生死。無縛無解。不生不滅。如是解者。是為入不二法門。

現見菩薩曰。盡不盡為二。法若究竟盡若不盡皆是無盡相。無盡相即是空。空則無有盡不盡相。如是入者。是為入不二法門。

普守菩薩曰。我無我為二。我尚不可得。非我何可得。見我實性者不復起二。是為入不二法門。

電天菩薩曰。明無明為二。無明實性即是明。明亦不可取。離一切數。於其中平等無二者。是為入不二法門。

喜見菩薩曰。色空為二。色即是空。非色滅空。色性自空。如是受想行識。

識空為二。識即是空。非識滅空。識性自空。於其中而通達者。是為入不二法門。

明相菩薩曰。四種異空種異為二。四種性即是空種性。如前際後際空故中際亦

Thiện Ý *Bồ Tát* viết: Sinh tử, *Niết-bàn* vi nhị. Nhược kiến sinh tử tánh, tắc vô sinh tử. Vô phược, vô giải, bất sinh, bất diệt. Như thị giải giả, thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Hiện Kiến *Bồ Tát* viết: Tận, bất tận vi nhị. Pháp nhược cứu cánh, tận nhược bất tận, giai thị vô tận tướng. Vô tận tướng tức thị không. Không tắc vô hữu tận, bất tận tướng. Như thị nhập giả, thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Phổ Thủ *Bồ Tát* viết: Ngã, vô ngã vi nhị. Ngã thượng bất khả đắc, phi ngã hà khả đắc? Kiến ngã thật tánh giả, bất phục khởi nhị. Thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Điện Thiên *Bồ Tát* viết: Minh, vô minh vi nhị. Vô minh thật tánh tức thị minh. Minh diệt bất khả thủ, ly nhất thiết sở, ư kỳ trung bình đẳng vô nhị giả. Thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Hỷ Kiến *Bồ Tát* viết: Sắc, không vi nhị. Sắc tức thị không. Phi sắc diệt không. Sắc tánh tự không. Như thị thọ, tưởng, hành, thức.

Thức, không vi nhị. Thức tức thị không. Phi thức diệt không. Thức tánh tự không. Ứ kỳ trung nhi thông đạt giả, thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Minh Tướng *Bồ Tát* viết: Tứ chủng dị, không chủng dị, vi nhị. Tứ chủng tánh tức thị không chủng tánh. Như tiền tế hậu tế không, cố trung tế diệt không. Nhược năng

空。若能如是知諸種性者。是為入不二法門。

妙意菩薩曰。眼色為二。若知眼性於色。不貪不恚不癡。是名寂滅。

如是耳聲鼻香舌味身觸意法為二。若知意性於法不貪不恚不癡。是名寂滅。安住其中。是為入不二法門。

無盡意菩薩曰。布施迴向一切智為二。布施性即是迴向一切智性。

如是持戒忍辱精進禪定智慧迴向一切智為二。智慧性即是迴向一切智性。於其中入一相者。是為入不二法門。

深慧菩薩曰。是空是無相是無作為二。空即無相。無相即無作。若空無相無作則無心意識。於一解脫門即是三解脫門者。是為入不二法門。

寂根菩薩曰。佛法衆為二。佛即是法。法即是衆。是三寶皆無為相與虛空等。一切法亦爾。能隨此行者。是為入不二法門。

như thị tri chư chủng tánh giả, thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Diệu Ý *Bồ Tát* viết: Nhân, sắc vi nhị. Nhược tri nhân tánh ư sắc, bất tham, bất nhuế, bất si, thị danh tịch diệt.

Như thị nhĩ, thanh; tỷ, hương; thiết, vị; thân, xúc; ý, pháp; vi nhị. Nhược tri ý tánh ư pháp, bất tham, bất nhuế, bất si, thị danh tịch diệt. An trụ kỳ trung, thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Vô Tận Ý *Bồ Tát* viết: Bồ thí, hồi hướng nhất thiết trí vi nhị. Bồ thí tánh tức thị hồi hướng nhất thiết trí tánh.

Như thị trì giới, nhân nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, hồi hướng nhất thiết trí vi nhị. Trí huệ tánh, tức thị hồi hướng nhất thiết trí tánh. Ư kỳ trung nhập nhất tướng giả, thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Thâm Huệ *Bồ Tát* viết: Thị không, thị vô tướng, thị vô tác vi nhị. Không tức vô tướng. Vô tướng tức vô tác. Nhược không vô tướng, vô tác, tắc vô tâm, ý, thức. Ư nhất giải thoát môn tức thị tam giải thoát môn giả. Thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Tịch Căn *Bồ Tát* viết: Phật, Pháp, Chúng vi nhị. Phật tức thị Pháp. Pháp tức thị Chúng. Thị Tam bảo giai vô vi tướng, dữ hư không đẳng. Nhất thiết pháp diệc nhĩ. Năng tùy thủ hành giả, thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

心無礙菩薩曰。身身滅為二。身即是身滅。所以者何。見身實相者不起見身及見滅身。身與滅身無二無分別。於其中不驚不懼者。是為入不二法門。

上善菩薩曰。身口意善為二。是三業皆無作相。身無作相即口無作相。口無作相即意無作相。是三業無作相。即一切法無作相。能如是隨無作慧者。是為入不二法門。

福田菩薩曰。福行罪行不動行為二。三行實性即是空。空則無福行無罪行無不動行。於此三行而不起者。是為入不二法門。

華嚴菩薩曰。從我起二為二。見我實相者不起二法。若不住二法則無有識。無所識者。是為入不二法門。

德藏菩薩曰。有所得相為二。若無所得則無取捨。無取捨者。是為入不二法門。

月上菩薩曰。闇與明為二。無闇無明則無有二。所以者何。如入滅受想定無闇

Tâm Vô Ngại *Bồ Tát* viết: Thân, thân diệt vi nhị. Thân tức thị thân diệt. Sở dĩ giả hà? Kiến thân thật tướng giả, bất khởi kiến thân cập kiến diệt thân. Thân dữ diệt thân, vô nhị, vô phân biệt. Ứ kỳ trung, bất kinh, bất cụ giả, thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Thượng Thiện *Bồ Tát* viết: Thân, khẩu, ý, thiện vi nhị, thị tam nghiệp giai vô tác tướng. Thân vô tác tướng, tức khẩu vô tác tướng. Khẩu vô tác tướng, tức ý vô tác tướng. thị tam nghiệp vô tác tướng, tức nhất thiết pháp vô tác tướng. Năng như thị tùy vô tác huệ giả, thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Phước Điền *Bồ Tát* viết: Phước hạnh, tội hạnh, bất động hạnh vi nhị. Tam hạnh thật tánh tức thị không. Không tắc vô phước hạnh, vô tội hạnh, vô bất động hạnh. Ứ thử tam hạnh nhi bất khởi giả, thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Hoa Nghiêm *Bồ Tát* viết: Tùng ngã khởi nhị vi nhị. Kiến ngã thật tướng giả, bất khởi nhị pháp. Nhược bất trụ nhị pháp, tắc vô hữu thức. Vô sở thức giả, thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Đức Tạng *Bồ Tát* viết: Hữu sở đắc tướng vi nhị. Nhược vô sở đắc, tắc vô thủ xả. Vô thủ xả giả, thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Nguyệt Thượng *Bồ Tát* viết: Âm dữ minh vi nhị. Vô âm, vô minh, tắc vô hữu nhị. Sở dĩ giả hà? Như nhập diệt thọ tưởng định, vô âm, vô minh, nhất thiết pháp tướng,

無明。一切法相亦復如是。於其中平等入者。是為入不二法門。

寶印手菩薩曰。樂涅槃不樂世間為二。若不樂涅槃不厭世間則無有二。所以者何。若有縛則有解。若本無縛其誰求解。無縛無解則無樂厭。是為入不二法門。

珠頂王菩薩曰。正道邪道為二。住正道者則不分別是邪是正。離此二者。是為入不二法門。

樂實菩薩曰。實不實為二。實見者尚不見實何況非實。所以者何。非肉眼所見。慧眼乃能見。而此慧眼無見無不見。是為入不二法門。

如是諸菩薩各各說已。問文殊師利。何等是菩薩入不二法門。

文殊師利曰。如我意者。於一切法無言無說無示無識。離諸問答。是為入不二法門。

於是文殊師利。問維摩詰。我等各自說已。仁者當說。何等是菩薩入不二法門。

diệc phục như thị. Ư kỳ trung bình đẳng nhập giả, thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Bảo Ấn Thủ *Bồ Tát* viết: Nhạo *Niết-bàn*, bất nhạo thế gian vi nhị. Nhược bất nhạo *Niết-bàn*, bất yếm thế gian, tắc vô hữu nhị. Sở dĩ giả hà? Nhược hữu phược, tắc hữu giải. Nhược bốn vô phược, kỳ thùy cầu giải? Vô phược, vô giải, tắc vô nhạo, yếm. Thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Châu Đỉnh Vương *Bồ Tát* viết: Chánh đạo, tà đạo vi nhị. Trụ chánh đạo giả, tắc bất phân biệt thị tà, thị chánh. Ly thử nhị giả, thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Lạc Thật *Bồ Tát* viết: Thật, bất thật vi nhị. Thật kiến giả, thượng bất kiến thật, hà hướng phi thật? Sở dĩ giả hà? Phi nhục nhãn sở kiến. Huệ nhãn nãi năng kiến. Nhi thử huệ nhãn vô kiến, vô bất kiến. Thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Như thị chư *Bồ Tát*, các các thuyết dĩ, vấn *Văn-thù Sư-lý*: Hà đẳng thị *Bồ Tát* nhập Bất nhị pháp môn?

Văn-thù Sư-lý viết: Như ngã ý giả, ư nhất thiết pháp, vô ngôn, vô thuyết, vô thị, vô chí, ly chư vấn đáp. Thị vi nhập Bất nhị pháp môn.

Ư thị, *Văn-thù Sư-lý* vấn *Duy-ma-cật*: Ngã đẳng các tự thuyết dĩ, nhân giả đương thuyết. Hà đẳng thị *Bồ Tát* nhập Bất nhị pháp môn?

時維摩詰默然無言。

文殊師利歎曰。善哉善哉。乃至無有文字語言。是真入不二法門。

說是入不二法門品時。於此衆中五千菩薩皆入不二法門。得無生法忍。



Thời, *Duy-ma-cật* mặc nhiên vô ngôn.

Văn-thù Sư-ly thân viết: Thiện tai, thiện tai! Nãi chí vô hữu văn tự ngữ ngôn, thị chân nhập Bất nhị pháp môn.

Thuyết thị Nhập bất nhị pháp môn phẩm thời, ư thử chúng trung ngữ thiên *Bồ Tát* giai nhập Bất nhị pháp môn, đắc vô sinh pháp nhẫn.



Phẩm thứ chín

VÀO PHÁP MÔN CHẴNG PHÂN HAI⁽¹⁾

Úc ấy, *Duy-ma-cật* nói với các vị *Bồ Tát* rằng: “Các vị nhân giả! Thế nào là *Bồ Tát* vào pháp môn *Chẳng phân hai*? Xin các ngài tùy ý nói ra.

Trong Pháp hội có một vị *Bồ Tát* tên là Pháp Tự Tại, nói rằng: “Các nhân giả! Sinh với diệt là hai. Các pháp xưa vốn chẳng sinh, nay tất nhiên chẳng diệt. Được pháp nhãn vô sinh ấy là vào pháp môn *Chẳng phân hai*.”

Bồ Tát Đức Thủ nói: “Ta với vật của ta là hai. Nhân có cái ta nên có vật của ta. Nếu không có cái ta, ắt chẳng có cái gọi là vật của ta. Đó là vào pháp môn *Chẳng phân hai*.”

Bồ Tát Bát Huyền nói: “Thọ với chẳng thọ là hai. Nếu chẳng thọ pháp, ắt chẳng đắc pháp. Vì không có đắc nên cũng không có giữ, không có bỏ, không có tạo tác, không có hành động. Đó là vào pháp môn *Chẳng phân hai*.”

⁽¹⁾ Pháp môn *Chẳng phân hai* (Bất nhị pháp môn): Dịch sát nghĩa là “chẳng hai”, hoặc “không hai”, nhưng hàm ý ở đây nói đến sự phân biệt, chia chẻ trong nhận thức. Kinh văn tiếp sau có nhiều đoạn cho thấy “bất nhị” không ngụ ý nói đến số lượng tính đếm, mà nhấn mạnh vào sự phân biệt đối với các pháp. Vì thế, chúng tôi dịch là “chẳng phân hai” để diễn ý không phân biệt.

Pháp môn Chưởng phân hai

Bồ Tát Đức Định nói: “Dơ nhớp với trong sạch là hai. Khi thấy được tánh thật của dơ nhớp, ắt không có tướng trong sạch, bền thuận theo tướng diệt. Đó là vào pháp môn *Chưởng phân hai*.”

Bồ Tát Thiện Tú nói: “Hành động với ý niệm là hai. Nếu chẳng có động, ắt không có niệm. Không niệm, tức là không phân biệt. Thông đạt lẽ ấy tức là vào pháp môn *Chưởng phân hai*.”

Bồ Tát Thiện Nhân nói: “Một tướng với không tướng là hai. Nếu ai biết rằng một tướng tức là không tướng, cũng chẳng chấp lấy không tướng, thì vào nơi bình đẳng. Đó là vào pháp môn *Chưởng phân hai*.”

Bồ Tát Diệu Tý nói: “Tâm *Bồ Tát* với tâm Thanh văn là hai. Khi quán tướng của tâm vốn không, chỉ như ảo hóa, thì không có tâm *Bồ Tát*, không có tâm Thanh văn. Đó là vào pháp môn *Chưởng phân hai*.”

Bồ Tát Phát Sa nói: “Thiện với bất thiện là hai. Nếu chẳng khởi các điều thiện, bất thiện, vào được chỗ không tướng và thông đạt, đó là vào pháp môn *Chưởng phân hai*.”

Bồ Tát Sư Tử nói: “Tội với phước là hai. Nếu thấu đạt tánh của tội, thời tội với phước không khác. Dùng trí huệ kim cang⁽¹⁾ soi rõ tướng ấy, không có buộc trói, không có cởi mở, đó là vào pháp môn *Chưởng phân hai*.”

(1) Trí huệ kim cang (Kim cang huệ): Kim cang là thứ cứng rắn nhất, sắc bén nhất, có thể cắt đứt mọi vật. Trí huệ của người tu hành chân chánh cũng như thế, nên gọi là cái Trí huệ kim cang.

Bồ Tát Sư Tử Ý nói: “Phiền não với không phiền não là hai. Nếu đạt đến chỗ các pháp đều bình đẳng, ắt chẳng sinh khởi những tư tưởng có phiền não hay không có phiền não. Chẳng chấp trước tướng, cũng chẳng trụ nơi không tướng. Đó là vào pháp môn *Chẳng phân hai*.”

Bồ Tát Tịnh Giải nói: “Hữu vi với vô vi là hai. Nếu lìa khỏi tất cả tính đếm thì tâm như hư không. Nhờ trí huệ thanh tịnh, nên không có chi trở ngại. Đó là vào pháp môn *Chẳng phân hai*.”

Bồ Tát Na-la-diên nói: “Thế gian với xuất thế gian là hai. Tánh của thế gian là không, như vậy là xuất thế gian. Trong đó chẳng có vào, chẳng có ra, chẳng có sự đầy tràn, chẳng có sự lìa tan. Đó là vào pháp môn *Chẳng phân hai*.”

Bồ Tát Thiện Ý nói: “Sinh tử với *Niết-bàn* là hai. Nếu thấy tánh sinh tử, ắt không có sinh tử, không có buộc, không có mở, chẳng có sinh khởi, chẳng có diệt mất. Hiểu được như vậy là vào pháp môn *Chẳng phân hai*.”

Bồ Tát Hiện Kiến nói: “Dứt với không dứt là hai. Nhưng xét cho đến cùng các pháp thì dứt cũng như không dứt đều là tướng không dứt. Tướng không dứt tức là không. Đã là không, tất không có các tướng dứt hay không dứt. Thấu nhập như vậy là vào pháp môn *Chẳng phân hai*.”

Bồ Tát Phổ Thủ nói: “Ngã với vô ngã là hai. Cái ngã còn không thể nắm bắt, làm sao có thể nắm bắt cái vô

ngũ? Nếu thấy được tánh thật của ngũ thì chẳng còn phát khởi cái tư tưởng phân hai. Đó là vào pháp môn *Chắng phân hai*.”

Bồ Tát Điện Thiên nói: “Sáng suốt với mê lầm là hai. Tánh thật của mê lầm chính là sáng suốt. Cái sáng suốt cũng không thể nắm giữ, lìa khỏi sự tính đếm. Đối với lẽ ấy, lòng bình đẳng chẳng phân hai. Đó là vào pháp môn *Chắng phân hai*.”

Bồ Tát Hỷ Kiến nói: “Sắc với không là hai.⁽¹⁾ Sắc tức là không, chẳng phải sắc diệt mới là không, mà tánh của sắc tự nó là không. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Thức với không là hai. Thức tức là không, chẳng phải thức diệt mới là không, mà tánh của thức tự nó là không. Trong chỗ này có thể thông đạt là vào pháp môn *Chắng phân hai*.”

(1) Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, là năm ấm (năm uẩn) hợp thành thân tâm người ta. Trừ ra sắc ấm, còn bốn ấm sau (thọ, tưởng, hành, thức) là thuộc về tâm, chẳng phải sắc (phí sắc).

1. Sắc ấm: Năm căn trong thân, năm trần ở ngoài và những vật hữu hình.
2. Thọ ấm: Đối cảnh, bèn thọ cái cảm vui sướng hoặc buồn khổ, hoặc không vui không khổ.
3. Tưởng ấm: Đối cảnh, nhận ra sự đen, trắng, nhỏ, to, dài, vắn, đàn ông, đàn bà...
4. Hành ấm: Đối cảnh, đem lòng ham muốn hoặc ghét giận.
5. Thức ấm: Đối cảnh, bèn hiểu biết, phân biệt sự vật.

Bồ Tát Minh Tướng nói: “Bốn đại khác nhau⁽¹⁾ với không⁽²⁾ là hai. Tánh của bốn đại tức là tánh của không. Như khoảng trước và khoảng sau là không, cố nhiên khoảng giữa cũng là không. Có thể hiểu được tánh của các đại là như vậy, đó là vào pháp môn *Chẳng phân hai*.”

Bồ Tát Diệu Ý nói: “Mắt với hình sắc là hai. Nếu hiểu được tánh thật của mắt, đối với hình sắc chẳng khởi tham trước, chẳng khởi giận hờn, chẳng khởi si mê, đó gọi là tịch diệt.

“Cũng vậy, tai với âm thanh, mũi với mùi hương, lưỡi với vị nếm, thân với cảm xúc, ý với các pháp đều là hai.⁽³⁾ Nếu hiểu được tánh thật của ý, đối với các pháp chẳng khởi tham trước, chẳng khởi giận hờn, chẳng khởi si mê, đó gọi là tịch diệt. Trụ yên ở lẽ này là vào pháp môn *Chẳng phân hai*.”

(1) Nguyên văn dùng Tứ chủng, tức là Bốn đại chủng hay Tứ đại (四大 Sanskrit: mahā-bhūta), bốn yếu tố cấu thành con người và vạn vật: đất, nước, lửa, gió (địa, thủy, hỏa, phong).

(2) Có thuyết cho rằng “không” cũng là một đại chủng, là yếu tố thứ năm cấu thành con người và vạn vật.

(3) Sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) của phàm nhân thường lấy Sáu trần: hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, xúc chạm, các hiện tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) làm đối tượng tiếp nhận và phân biệt. Đối với bậc giác ngộ, khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần không sinh khởi sự phân biệt, tham trước, vì thế cũng chẳng khởi nên các trạng thái tham, sân, si.

Bồ Tát Vô Tận Ý nói: “Bố thí với hồi hướng quả Phật⁽¹⁾ là hai. Tánh của bố thí tức là tánh của việc hồi hướng quả Phật.

“Cũng vậy, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ và hồi hướng quả Phật là hai. Tánh của trí huệ tức là tánh của hồi hướng quả Phật. Trong chỗ này thể nhập được một tướng duy nhất tức là vào pháp môn *Chặng phân hai*.”

Bồ Tát Thâm Huệ nói: “Phân biệt các môn giải thoát: không, vô tướng, vô tác là hai. Không tức là vô tướng. Vô tướng tức là vô tác. Nếu thật là không, vô tướng, vô tác thì không có tâm, ý, thức. Vào một môn giải thoát tức là vào ba môn giải thoát. Đó là vào pháp môn *Chặng phân hai*.”

Bồ Tát Tịch Căn nói: “Phân biệt Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng là hai. Phật tức là Pháp. Pháp tức là Tăng. Tam bảo đều là tướng vô vi, bình đẳng như hư không. Tất cả các pháp lại cũng như vậy. Nếu có thể làm theo như thế tức là vào pháp môn *Chặng phân hai*.”

Bồ Tát Tâm Vô Ngại nói: “Thân với sự diệt mất của thân là hai. Thân tức là sự diệt mất của thân. Tại sao vậy? Người thấy tướng thật của thân, chẳng thấy có thân,

⁽¹⁾ Nguyên văn dùng “Hồi hướng nhất thiết trí”, nghĩa là hướng về cái trí huệ biết tất cả, chính là trí huệ của Phật. Vì vậy, cũng có nghĩa là hồi hướng quả Phật, cầu thành Chánh giác.

cũng chẳng thấy có sự diệt mất của thân. Thân và sự diệt mất của thân không phải là hai, không có phân biệt. Đối với lẽ ấy mà chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt, đó là vào pháp môn *Chẳng phân hai*.”

Bồ Tát Thượng Thiện nói: “Phân biệt nghiệp lành của thân, miệng, ý là hai. Ba nghiệp đều là tướng không tạo tác. Tướng không tạo tác của thân tức là tướng không tạo tác của miệng. Tướng không tạo tác của miệng tức là tướng không tạo tác của ý. Đây là tướng không tạo tác của ba nghiệp, tức là tướng không tạo tác của tất cả các pháp. Nếu có thể tùy theo cái trí huệ không tạo tác như thế, đó là vào pháp môn *Chẳng phân hai*.”

Bồ Tát Phước Điền nói: “Phân biệt *phước hành*, *tội hành* với *bất động hành* là hai.⁽¹⁾ Tánh thật của ba hành ấy là *không*. Đã là không thì không có phước hành, không có tội hành, không có bất động hành. Chẳng khởi lên ba hành ấy tức là vào pháp môn *Chẳng phân hai*.”

Bồ Tát Hoa Nghiêm nói: “Do theo cái ta mà khởi ra hai pháp, đó là hai. Thấy được tướng thật của cái ta, chẳng khởi ra hai pháp. Nếu chẳng trụ nơi hai pháp, thì không có cái thức, sự nhận biết. Không có chỗ nhận biết, đó là vào pháp môn *Chẳng phân hai*.”

⁽¹⁾ Nguyên văn dùng *tội hành* (罪行), *phước hành* (福行) và *bất động hành* (不動行). *Tội hành* là những việc làm tạo ra nghiệp ác, *phước hành* là những việc làm tạo ra nghiệp thiện, và *bất động hành* là những việc làm tạo ra nghiệp thuộc Sắc giới và Vô sắc giới.

cũng chẳng thấy có sự diệt mất của thân. Thân và sự diệt mất của thân không phải là hai, không có phân biệt. Đối với lẽ ấy mà chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt, đó là vào pháp môn *Chẳng phân hai*.”

Bồ Tát Thượng Thiện nói: “Phân biệt nghiệp lành của thân, miệng, ý là hai. Ba nghiệp đều là tướng không tạo tác. Tướng không tạo tác của thân tức là tướng không tạo tác của miệng. Tướng không tạo tác của miệng tức là tướng không tạo tác của ý. Đây là tướng không tạo tác của ba nghiệp, tức là tướng không tạo tác của tất cả các pháp. Nếu có thể tùy theo cái trí huệ không tạo tác như thế, đó là vào pháp môn *Chẳng phân hai*.”

Bồ Tát Phước Điền nói: “Phân biệt *phước hành*, *tội hành* với *bất động hành* là hai.⁽¹⁾ Tánh thật của ba hành ấy là *không*. Đã là không thì không có *phước hành*, không có *tội hành*, không có *bất động hành*. Chẳng khởi lên ba hành ấy tức là vào pháp môn *Chẳng phân hai*.”

Bồ Tát Hoa Nghiêm nói: “Do theo cái ta mà khởi ra hai pháp, đó là hai. Thấy được tướng thật của cái ta, chẳng khởi ra hai pháp. Nếu chẳng trụ nơi hai pháp, thì không có cái thức, sự nhận biết. Không có chỗ nhận biết, đó là vào pháp môn *Chẳng phân hai*.”

(1) Nguyên văn dùng *tội hành* (罪行), *phước hành* (福行) và *bất động hành* (不動行). *Tội hành* là những việc làm tạo ra nghiệp ác, *phước hành* là những việc làm tạo ra nghiệp thiện, và *bất động hành* là những việc làm tạo ra nghiệp thuộc Sắc giới và Vô sắc giới.

Bồ Tát Đức Tạng nói: “Tướng có chỗ được là hai. Nếu không có chỗ được thì không có giữ lấy hoặc bỏ đi. Không giữ, không bỏ, đó là vào pháp môn *Chưởng phân hai*.”

Bồ Tát Nguyệt Thượng nói: “Tối với sáng là hai. Không tối, không sáng thì chẳng khởi ra hai pháp. Tại sao vậy? Như khi nhập định *Diệt thọ tưởng*⁽¹⁾ thì không có tối, không có sáng. Tướng của tất cả các pháp lại cũng như vậy. Đắc nhập lẽ ấy một cách bình đẳng là vào pháp môn *Chưởng phân hai*.”

Bồ Tát Bảo Ấn Thủ nói: “Ưa thích *Niết-bàn*, chẳng thích thế gian là hai. Nếu mình chẳng ưa thích *Niết-bàn*, chẳng chán bỏ thế gian thì chẳng phân hai. Tại sao vậy? Nếu có buộc thì có mở. Nếu vốn không trói buộc, ai cần cởi mở? Không buộc, không mở, tất không thích, không chán. Đó là vào pháp môn *Chưởng phân hai*.”

Bồ Tát Châu Đỉnh Vương nói: “Chánh đạo với tà đạo là hai. Người trụ ở chánh đạo tất không có sự phân biệt đây là tà, đây là chánh. Lìa khỏi hai lẽ ấy là vào pháp môn *Chưởng phân hai*.”

⁽¹⁾ Phép định Diệt thọ tưởng (Sanskrit, Pāli: nirodha-samāpatti), tức là Diệt thọ tưởng định, một phép định mà trong đó tất cả mọi suy nghĩ đều ngưng bật. Đó là giai đoạn người tu đã vượt qua Tứ thiên bát định. Trạng thái giải thoát này có thể kéo dài nhiều ngày (nhiều nhất là bảy ngày).

Bồ Tát Lạc Thập nói: “Thật với không thật là hai. Người thấy biết chân thật thì cái thật còn chẳng thấy, huống chi cái không thật? Tại sao vậy? Đó chẳng phải là chỗ thấy của nhục nhãn, chỉ huệ nhãn mới thấy được. Mà huệ nhãn ấy thì không thấy, cũng chẳng phải không thấy. Đó là vào pháp môn *Chẳng phân hai*.”

Cứ như vậy, tất cả các vị *Bồ Tát* đều tuân tợ mỗi người nói ra, rồi mới hỏi ngài *Văn-thù Sư-lý*: “Thế nào là *Bồ Tát* vào pháp môn *Chẳng phân hai*?”

Văn-thù Sư-lý đáp: “Theo ý tôi, đối với tất cả các pháp, mình không nói, không thuyết, không chỉ, không nhớ, lìa khỏi sự vấn đáp. Đó là vào pháp môn *Chẳng phân hai*.”

Lúc ấy, *Văn-thù Sư-lý* hỏi *Duy-ma-cật*: “Chúng tôi mỗi người đều đã nói ra, vậy nhân giả cũng nên nói ra, thế nào là *Bồ Tát* vào pháp môn *Chẳng phân hai*?”

Bấy giờ, *Duy-ma-cật* lặng thinh không nói.

Văn-thù Sư-lý khen rằng: “Lành thay, lành thay! Cho đến không có cả ngữ ngôn, văn tự, đó mới thật là vào pháp môn *Chẳng phân hai*.”

Khi phẩm “Vào pháp môn *Chẳng phân hai*” này được thuyết, trong chúng hội có năm ngàn vị *Bồ Tát* đều vào pháp môn *Chẳng phân hai*, đắc *Vô sinh pháp nhẫn*.



維摩詰所說經

【亦名不可思議解脫】

卷下

姚秦三藏法師鳩摩羅什奉詔譯

DUY-MA-CẬT SỞ THUYẾT KINH

(Diệc danh: Bất Khả Tư Nghị Giải Thoát Kinh)

QUYỂN HẠ

DAO TÂN TAM TẠNG PHÁP SƯ CƯU MA LA THẬP
PHỤNG CHIẾU DỊCH

香積佛品

第十

於是舍利弗心念。日時欲至。此諸菩薩當於何食。

時維摩詰知其意而語言。佛說八解脫。仁者受行。豈雜欲食而聞法乎。若欲食者且待須臾。當令汝得未曾有食。

時維摩詰即入三昧。以神通力示諸大衆。上方界分過四十二恒河沙佛土。有國名衆香。佛號香積。今現在。其國香氣比於十方諸佛世界人天之香最為第一。彼土無有聲聞辟支佛名。唯有清淨大菩薩衆。佛為說法。其界一切皆以香作樓閣。經行香地苑園皆香。其食香氣周流十方無量世界。

HƯƠNG TÍCH PHẬT PHẨM

Đệ thập

Ư thị, *Xá-ly-phát* tâm niệm: Nhật thời dục chí. Thử chư *Bồ Tát* đương ư hà thực?

Thời *Duy-ma-cật* tri kỳ ý, nhi ngữ ngôn: Phật thuyết bát giải thoát, nhân giả thọ hành. Khởi tạp dục thực nhi văn pháp hồ? Nhược dục thực giả, thả đãi tu du. Đương linh nhữ đắc vị tăng hữu thực.

Thời, *Duy-ma-cật* tức nhập *Tam-muội*. Dĩ thần thông lực thị chư đại chúng, thượng phương giới phần quá tứ thập nhị *Hàng* hà sa Phật độ, hữu quốc danh Chúng Hương, Phật hiệu Hương Tích kim hiện tại. Kỳ quốc hương khí, tỷ ư thập phương chư Phật thế giới nhân thiên chi hương, tối vi đệ nhất. Bỉ độ vô hữu Thanh văn, Bích chi Phật danh. Duy hữu thanh tịnh đại *Bồ Tát* chúng. Phật vị thuyết pháp. Kỳ giới nhất thiết giai dĩ hương tác lâu các, kinh hành hương địa, uyển viên giai hương. Kỳ tự hương khí châu lưu thập phương vô lượng thế giới.

時彼佛與諸菩薩方共坐食。有諸天子皆號香嚴。悉發阿耨多羅三藐三菩提心。供養彼佛及諸菩薩。

此諸大衆莫不目見。

時維摩詰問衆菩薩。諸仁者。誰能致彼佛飯。

以文殊師利威神力故咸皆默然。

維摩詰言。仁此大衆無乃可恥。

文殊師利曰。如佛所言勿輕未學。

於是維摩詰不起於座。居衆會前化作菩薩。相好光明威德殊勝蔽於衆會。而告之曰。汝往上方界分度如四十二恒河沙佛土。有國名衆香。佛號香積。與諸菩薩方共坐食。汝往到彼如我詞曰。維摩詰稽首世尊足下。致敬無量問訊起居少病少惱氣力安不。願得世尊所食之餘。當於娑婆世界施作佛事。令此樂小法者得弘大道。亦使如來名聲普聞。

時化菩薩即於會前昇於上方。舉衆皆見其去。到衆香界禮彼佛足。又聞其言。維

Thời, bỉ Phật dữ chư *Bồ Tát* phương cộng tọa thực hữu chư thiên tử giai hiệu Hương Nghiêm, tất phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, cúng dường bỉ Phật cập chư *Bồ Tát*.

Thử chư đại chúng, mặc bất mục kiến.

Thời, *Duy-ma-cật* vấn chúng *Bồ Tát*: Chư nhân giả! Thùy năng trí bỉ Phật phạn?

Di Văn-thù Sư-ly oai thần lực cố, hàm giai mặc nhiên.

Duy-ma-cật ngôn: Nhân thử đại chúng! Vô nãi khả sĩ.

Văn-thù Sư-ly viết: Như Phật sở ngôn, vật khinh vị học.

Ư thị, *Duy-ma-cật* bất khởi ư tòa, cư chúng hội tiền, hóa tác *Bồ Tát*, tướng hảo quang minh, oai thần thù thắng, tế ư chúng hội. Nhi cáo chi viết: Nhữ vãng thượng phương giới phần, độ như tứ thập nhị *Hàng* hà sa Phật độ, hữu quốc danh Chúng Hương, Phật hiệu Hương Tích, dữ chư *Bồ Tát*, phương cộng tọa thực. Nhữ vãng đáo bỉ, như ngã từ viết: *Duy-ma-cật* khổ thủ Thế Tôn túc hạ, trí kính vô lượng, vấn tấn khởi cư thiếu bệnh thiếu nảo, khí lực an phủ? Nguyên đắc Thế Tôn sở thực chi dư, đương ư *Ta-bà* thế giới thi tác Phật sự, linh thử nhạo tiếu pháp giả đắc hoàng đại đạo, diệc sử Như Lai danh thanh phổ văn.

Thời, hóa *Bồ Tát* túc ư hội tiền, thăng ư thượng phương, cử chúng giai kiến kỳ khứ. Đáo Chúng Hương

摩詰稽首世尊足下。致敬無量問訊起居少病少惱氣力安不。願得世尊所食之餘。欲於娑婆世界施作佛事。使此樂小法者得弘大道。亦使如來名聲普聞。

彼諸大士見化菩薩歎未曾有。今此上人從何所來。娑婆世界為在何許。云何名為樂小法者。即以問佛。

佛告之曰。下方度如四十二恒河沙佛土。有世界名娑婆。佛號釋迦牟尼。今現在於五濁惡世。為樂小法衆生敷演道教。彼有菩薩名維摩詰。住不可思議解脫。為諸菩薩說法。故遣化來稱揚我名并讚此土。令彼菩薩增益功德。

彼菩薩言。其人何如乃作是化。德力無畏神足若斯。

佛言。甚大。一切十方皆遣化往。施作佛事饒益衆生。

於是香積如來。以衆香鉢盛滿香飯與化菩薩。

giới, lễ bĩ Phật túc. Hựu văn kỳ ngôn: Duy-ma-cật khê thủ Thế Tôn túc hạ, trí kính vô lượng, vấn tấn khởi cư thiếu bệnh thiếu não, khí lực an phủ? Nguyên đắc Thế Tôn sở thực chi dư. Dục ư *Ta-bà* thế giới thi tác Phật sự, sử thử nhạo Tiểu pháp giả đắc hoàng đại đạo, diệc sử Như Lai danh thanh phổ văn.

Bĩ chư đại sĩ kiến hóa *Bồ Tát*, thán vị tăng hữu: Kim thử thượng nhân tòng hà sở lai? *Ta-bà* thế giới vi tại hà hứa? Văn hà danh vi nhạo tiểu pháp giả? Túc dĩ vấn Phật.

Phật cáo chi viết: Hạ phương độ như tứ thập nhị *Hàng* hà sa Phật độ, hữu thế giới danh *Ta-bà*, Phật hiệu *Thích-ca Mâu-ni*. Kim hiện tại ư ngũ trước ác thế, vị nhạo tiểu pháp chúng sinh, phu diễn đạo giáo. Bĩ hữu *Bồ Tát*, danh *Duy-ma-cật*, trụ Bất khả tư nghị giải thoát, vị chư *Bồ Tát* thuyết pháp. Cố khiến hóa lai, xưng dương ngã danh, tinh tấn thử độ, linh bĩ *Bồ Tát* tăng ích công đức.

Bĩ *Bồ Tát* ngôn: Kỳ nhân hà như nãi tác thị hóa, đức lực vô úy, thần túc nhược tư?

Phật ngôn: Thậm đại. Nhất thiết thập phương, giai khiến hóa vãng, thi tác Phật sự, nhiều ích chúng sinh.

Ư thị, Hương Tích Như Lai, dĩ Chúng Hương bát, thành mãn hương phạn, dĩ hóa *Bồ Tát*.

時彼九百萬菩薩俱發聲言。我欲詣娑婆世界供養釋迦牟尼佛。并欲見維摩詰等諸菩薩衆。

佛言。可往。攝汝身香。無令彼諸衆生起惑著心。又當捨汝本形。勿使彼國求菩薩者而自鄙恥。又汝於彼莫懷輕賤而作礙想。所以者何。十方國土皆如虛空。又諸佛為欲化諸樂小法者。不盡現其清淨土耳。

時化菩薩既受鉢飯。與彼九百萬菩薩俱。承佛威神及維摩詰力。於彼世界忽然不現。須臾之間至維摩詰舍。

時維摩詰。即化作九百萬師子之座嚴好如前。諸菩薩皆坐其上。

時化菩薩以滿鉢香飯與維摩詰。飯香普熏毘耶離城及三千大千世界。

時毘耶離婆羅門居士等。聞是香氣身意快然歎未曾有。

於是長者主月蓋。從八萬四千人來入維摩詰舍。見其室中菩薩甚多。諸師子座高

Thời, bỉ cửu bá vạn *Bồ Tát* câu phát thính ngôn: Ngã dục nghệ *Ta-bà* thế giới, cúng dường *Thích-ca Mâu-ni* Phật. Tinh dục kiến *Duy-ma-cật* đẳng chư *Bồ Tát* chúng

Phật ngôn: Khả vãng. Nhiếp nhữ thân hương, vô linh bỉ chư chúng sinh khởi hoặc trước tâm. Hựu, đương xả nhữ bốn hình, vật sử bỉ quốc cầu *Bồ Tát* giả nhi tự bỉ sĩ. Hựu, nhữ ư bỉ mạc hoài khinh tiện, nhi tác ngại tướng. Sở dĩ giả hà? Thập phương quốc độ, giai như hư không. Hựu, chư Phật vị dục hóa chư nhạo tiểu pháp giả, bất tận hiện kỳ thanh tịnh độ nhĩ.

Thời, hóa *Bồ Tát*, ký thọ bát phạn, dĩ bỉ cửu bá vạn *Bồ Tát* câu, thừa Phật oai thần cập *Duy-ma-cật* lực, ư bỉ thế giới, hốt nhiên bất hiện. Tu du chi gian, chí *Duy-ma-cật* xá.

Thời, *Duy-ma-cật* tức hóa tác cửu bát vạn sư tử chi tòa, nghiêm hảo như tiền. Chư *Bồ Tát* giai tọa kỳ thượng.

Thời hóa *Bồ Tát* dĩ mãn bát hương phạn, dĩ *Duy-ma-cật*. Phạn hương phổ huân *Tỳ-da-ly* thành cập tam thiên đại thiên thế giới.

Thời, *Tỳ-da-ly bà-la-môn*, cư sĩ đẳng, văn thị hương khí, thân ý khoái nhiên, thán vị tăng hữu.

Ư thị, Trưởng giả chủ Nguyệt Cái, tùng bát vạn tứ thiên nhân, lai nhập *Duy-ma-cật* xá. Kiến kỳ thất trung *Bồ Tát* thậm đa, chư sư tử tòa cao quảng nghiêm hảo, giai

廣嚴好。皆大歡喜禮衆菩薩及大弟子。卻住一面。

諸地神虛空神及欲色界諸天。聞此香氣亦皆來入維摩詰舍。

時維摩詰語舍利弗等諸大聲聞。仁者可食如來甘露味飯大悲所熏無以限意食之使不消也。有異聲聞念是飯少而此大衆人人當食。

化菩薩曰。勿以聲聞小德小智稱量如來無量福慧。四海有竭此飯無盡。使一切人食揣若須彌乃至一劫猶不能盡。所以者何。無盡戒定智慧解脫解脫知見功德具足者。所食之餘。終不可盡。

於是鉢飯悉飽衆會猶故不餓。

其諸菩薩聲聞天人食此飯者。身安快樂。譬如一切樂莊嚴國諸菩薩也。又諸毛孔皆出妙香。亦如衆香國土諸樹之香。

爾時維摩詰問衆香菩薩。香積如來以何說法。

đại hoan hỷ, lễ chúng *Bồ Tát* cập đại đệ tử, khước trụ nhất diện.

Chư địa thần, hư không thần cập dục, sắc giới chư thiên, văn thử hương khí, diệc giai lai nhập *Duy-ma-cật* xá.

Thời, *Duy-ma-cật* ngữ *Xá-lý-phất* đẳng chư đại Thanh văn: Nhân giả khả thực Như Lai *cam-lộ* vị phạn, đại bi sở huân vô dĩ hạn ý thực chi, sử bất tiêu dã. Hữu dị Thanh văn niệm thị phạn thiểu nhi thử đại chúng, nhân nhân đương thực.

Hóa *Bồ Tát* viết: Vật dĩ Thanh văn tiểu đức, tiểu trí, xứng lượng Như Lai vô lượng phước huệ. Tứ hải hữu kiệt, thử phạn vô tận. Sử nhất thiết nhân thực, đoàn nhược *Tu-di*, nãi chí nhất kiếp, du bất năng tận! Sở dĩ giả hà? Vô tận giới, định, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, công đức cụ túc giả, sở thực chi dư, chung bất khả tận.

Ư thị bát phạn tất bảo chúng hội, du cố bất tứ.

Kỳ chư *Bồ Tát*, Thanh văn, thiên, nhân thực thử phạn giả, thân an, khoái lạc, thí như nhất thiết lạc trang nghiêm quốc chư *Bồ Tát* dã. Hựu, chư mao khổng giai xuất diệu hương, diệc như Chúng Hương quốc độ chư thọ chi hương.

Nhĩ thời, *Duy-ma-cật* vấn Chúng Hương *Bồ Tát*: Hương Tích Như Lai dĩ hà thuyết pháp?

彼菩薩曰。我土如來無文字說。但以衆香令諸天人得入律行。菩薩各各坐香樹下聞斯妙香。即獲一切德藏三昧。得是三昧者。菩薩所有功德皆悉具足。

彼諸菩薩問維摩詰。今世尊釋迦牟尼以何說法。

維摩詰言。此土衆生剛彊難化。故佛為說剛強之語以調伏之。言是地獄是畜生是餓鬼。是諸難處。是愚人生處。是身邪行是身邪行報。是口邪行是口邪行報。是意邪行是意邪行報。是殺生是殺生報。是不與取是不與取報。是邪淫是邪淫報。是妄語是妄語報。是兩舌是兩舌報。是惡口是惡口報。是無義語是無義語報。是貪嫉是貪嫉報。是瞋惱是瞋惱報。是邪見是邪見報。是慳慳是慳慳報。

是毀戒是毀戒報。是瞋恚是瞋恚報。是懈怠是懈怠報。是亂意是亂意報。是愚癡是愚癡報。是結戒是持戒是犯戒。是應作是不應作。是障礙是不障礙。是得罪是離

Bỉ *Bồ Tát* viết: Ngã độ Như Lai vô văn tự thuyết. Đản dĩ chúng hương, linh chư thiên nhân đắc nhập luật hạnh. *Bồ Tát* các các tọa hương thọ hạ, văn tư diệu hương, tức hoạch nhất thiết đức tạng *Tam-muội*. Đắc thị *Tam-muội* giả, *Bồ Tát* sở hữu công đức, giai tất cụ túc.

Bỉ chư *Bồ Tát* vấn *Duy-ma-cật*: Kim Thế Tôn *Thích-ca Mâu-ni* dĩ hà thuyết pháp?

Duy-ma-cật ngôn: Thử độ chúng sinh cang cường nan hóa. Cố Phật vị thuyết cang cường chi ngữ dĩ điều phục chi. Ngôn: Thị địa ngục, thị súc sinh, thị ngã quỷ, thị chư nạn xứ, thị ngu nhân sinh xứ. Thị thân tà hạnh, thị thân tà hạnh báo. Thị khẩu tà hạnh, thị khẩu tà hạnh báo. Thị ý tà hạnh, thị ý tà hạnh báo. Thị sát sinh, thị sát sinh báo. Thị bất dữ thủ, thị bất dữ thủ báo. Thị tà dâm, thị tà dâm báo. Thị vọng ngữ, thị vọng ngữ báo. Thị lưỡng thiệt, thị lưỡng thiệt báo. Thị ác khẩu, thị ác khẩu báo. Thị vô nghĩa ngữ, thị vô nghĩa ngữ báo. Thị tham tât, thị tham tât báo. Thị sân nã, thị sân nã báo. Thị tà kiến, thị tà kiến báo. Thị khan lận, thị khan lận báo.

Thị hủy giới, thị hủy giới báo. Thị sân nhuế, thị sân nhuế báo. Thị giải đãi, thị giải đãi báo. Thị loạn ý, thị loạn ý báo. Thị ngu si, thị ngu si báo. Thị kết giới, thị trì giới, thị phạm giới. Thị ưng tác, thị bất ưng tác. Thị chương ngại, thị bất chương ngại. Thị dắc tội, thị ly tội. Thị tịnh, thị cấu. Thị hữu lậu, thị vô lậu. Thị tà đạo, thị

罪。是淨是垢。是有漏是無漏。是邪道是正道。是有為是無為。是世間是涅槃。

以難化之人心如猿猴。故以若干種法制御其心乃可調伏。譬如象馬鬱悞不調。加諸楚毒乃至徹骨然後調伏。如是剛彊難化衆生。故以一切苦切之言乃可入律。

彼諸菩薩聞說是已皆曰。未曾有也。如世尊釋迦牟尼佛。隱其無量自在之力。乃以貧所樂法度脫衆生。斯諸菩薩亦能勞謙。以無量大悲生是佛土。

維摩詰言。此土菩薩於諸衆生大悲堅固。誠如所言。然其一世饒益衆生。多於彼國百千劫行。所以者何。此娑婆世界有十事善法。諸餘淨土之所無有。

何等為十。以布施攝貧窮。以淨戒攝毀禁。以忍辱攝瞋恚。以精進攝懈怠。以禪定攝亂意。以智慧攝愚癡。說除難法度八難者。以大乘法度樂小乘者。以諸善根濟無德者。常以四攝成就衆生。是為十。

彼菩薩曰。菩薩成就幾法。於此世界行無瘡疣生於淨土。

chánh đạo. Thị hữu vi, thị vô vi. Thị thế gian, thị Niết-bàn.

Dĩ nan hóa chi nhân, tâm như viên hâu, cố dĩ nhược can chủng pháp, chế ngự kỳ tâm, nãi khả điều phục. Thí như tượng mã lỏng lẹ bất điều. Gia chư sở độ, nãi chí triệt cốt, nhiên hậu điều phục. Như thị cang cường nan hóa chúng sinh. Cố dĩ nhất thiết khổ thiết chi ngôn, nãi khả nhập luật.

Bỉ chư *Bồ Tát*, văn thuyết thị dĩ, giai viết: Vị tăng hữu giả! Như Thế Tôn *Thích-ca Mâu-ni* Phật, ẩn kỳ vô lượng tự tại chi lực, nãi dĩ bản sở nhạo pháp, độ thoát chúng sinh. Tư chư *Bồ Tát* diệc năng lao khiêm, dĩ vô lượng đại bi, sinh thị Phật độ.

Duy-ma-cật ngôn: Thử độ *Bồ Tát*, ư chư chúng sinh, đại bi kiên cố. Thành như sở ngôn. Nhiên kỳ nhất thế nhiều ích chúng sinh, đa ư bỉ quốc bá niên kiếp hành. Sở dĩ giả hà? Thử *Ta-bà* thế giới hữu thập sự thiện pháp. Chư dư Tịnh độ chi sở vô hữu.

Hà đẳng vi thập? Dĩ bố thí nhiếp bản cùng. Dĩ tịnh giới nhiếp hủy cấm. Dĩ nhẫn nhục nhiếp sân nhuế. Dĩ tinh tấn nhiếp giải đãi. Dĩ thiền định nhiếp loạn ý. Dĩ trí huệ nhiếp ngu si. Thuyết trừ nạn pháp độ bát nạn giả. Dĩ Đại thừa pháp độ nhạo Tiểu thừa giả. Dĩ chư thiện căn tế vô đức giả. Thường dĩ tứ nhiếp thành tựu chúng sinh. Thị vi thập.

Bỉ *Bồ Tát* viết: *Bồ Tát* thành tựu kỳ pháp, ư thử thế giới hạnh vô sang vu, sinh ư tịnh độ?

維摩詰言。菩薩成就八法。於此世界行無瘡疣生於淨土。

何等為八。饒益衆生而不望報。代一切衆生受諸苦惱。所作功德盡以施之。等心衆生謙下無礙。於諸菩薩視之如佛。所未聞經聞之不疑。不與聲聞而相違背。不嫉彼供。不高己利。而於其中調伏其心。常省己過不訟彼短。恒以一心求諸功德。是為八法。

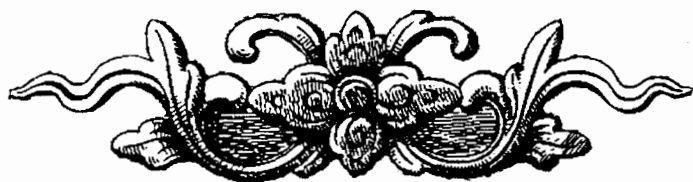
維摩詰文殊師利。於大衆中說是法時。百千天人皆發阿耨多羅三藐三菩提心。十千菩薩得無生法忍。



Duy-ma-cật ngôn: Bồ Tát thành tựu bát pháp, ư thủ thế giới, hạnh vô sang vuơ, sinh ư Tịnh độ.

Hà đẳng vi bát? Nhiều ích chúng sinh nhi bất vọng báo. Đại nhất thiết chúng sinh thọ chư khổ não, sở tác công đức, tận dĩ thí chi. Đẳng tâm chúng sinh, khiêm hạ vô ngại. Ư chư *Bồ Tát*, thị chi chư Phật. Sở vị văn kinh, văn chi bất nghi. Bất dữ Thanh văn, nhi tương vi bội. Bất tạt bỉ cúng. Bất cao kỳ lợi, nhi ư kỳ trung, điều phục kỳ tâm. Thường tỉnh kỷ quá, bất tụng bỉ đoản. Hằng dĩ nhất tâm cầu chư công đức. Thị vi bát pháp.

Duy-ma-cật, Văn-thù Sư-ly, ư Đại chúng trung, thuyết thị pháp thời, bá thiên thiên nhân giai phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Thập thiên *Bồ Tát* đắc vô sinh pháp nhãn.



Phẩm thứ mười

PHẬT HƯƠNG TÍCH

Úc ấy, *Xá-lý-phát* tự nghĩ rằng: “Sắp đến giờ ăn trong ngày, các vị *Bồ Tát* sẽ ăn gì đây?”

Bấy giờ, *Duy-ma-cật* biết ý nghĩ ấy, liền bảo rằng: “Phật có dạy tám môn giải thoát, nhân giả đã vâng làm theo. Lẽ nào lại đem cái tâm muốn ăn mà nghe pháp sao? Như ngài muốn ăn, xin đợi cho giây lát, tôi sẽ khiến ngài được món ăn chưa từng có.”

Liền đó, *Duy-ma-cật* nhập vào *Tam-muội*, dùng sức thần thông khiến cho đại chúng nhìn thấy về hướng trên, cách đây nhiều cõi Phật liên tiếp nhau như số cát của bốn mươi hai con sông Hằng, có một cõi nước tên là Chúng Hương, hiện có đức Phật hiệu là Hương Tích ngự tại đó. Nước ấy có mùi thơm bậc nhất đối với các mùi thơm của người ta và chư thiên ở các thế giới chư Phật mười phương. Ở cõi ấy, không có tiếng Thanh văn và Bích chi Phật. Chỉ có chúng đại *Bồ Tát* thanh tịnh mà thôi. Phật thuyết pháp với các vị Đại *Bồ Tát* ấy. Khắp cõi ấy, mùi

thơm tạo ra lầu gác. Người ta đi trên đất bằng mùi thơm. Các cảnh hoa viên và vườn tược đều bằng mùi thơm. Từ nơi thức ăn, mùi thơm bay tỏa ra khắp vô lượng thế giới mười phương. Lúc ấy, Phật Hương Tích với chư *Bồ Tát* vừa ngồi lại với nhau sắp thọ thực. Có những vị thiên tử, đồng một danh hiệu là Hương Nghiêm, thấy đều phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, cúng dường đức Phật ấy và chư *Bồ Tát*. Đại chúng⁽¹⁾ đều nhìn thấy như vậy.

Lúc ấy, *Duy-ma-cật* hỏi các vị *Bồ Tát* rằng: “Các nhân giả! Vị nào có thể đến chỗ đang dùng cơm của đức Phật ấy?”

Do sức oai thần của ngài *Văn-thù Sư-lý*, ai nấy đều lặng thinh.

Duy-ma-cật nói: “Đại chúng các vị ở đây, không có chi phải thẹn.”

Văn-thù Sư-lý nói: “Như Phật có dạy: Đừng khinh người chưa học.”

Lúc ấy, *Duy-ma-cật* chẳng rời khỏi chỗ ngồi, ngay ở trước đại chúng hóa hiện ra một vị *Bồ Tát*, có đủ tướng chánh và tướng phụ sáng chói, oai thần trời thắng, che trùm chúng hội. *Duy-ma-cật* nói với vị hóa *Bồ Tát* rằng:

(1) Đại chúng: Chỉ cho đại chúng đang ở tại nhà *Duy-ma-cật*, nơi thế giới Ta-bà của Phật Thích-ca.

“Ông hãy đến phía cội trên kia, cách đây những cội Phật liên tiếp nhau nhiều như số cát bốn mươi hai sông *Hằng*. Có một nước tên là *Chúng Hương*. Đức Phật hiệu là *Hương Tích*, với chư *Bồ Tát*, vừa ngồi lại với nhau sắp thọ thực. Khi ông đến đó rồi, nên nói theo như lời ta dặn đây: ‘*Duy-ma-cật* đánh lễ sát chân *Thế Tôn*, cung kính vô lượng, hỏi thăm việc ăn uống thức ngủ của ngài. Ngài ít bệnh ít nã chẳng? Khí lực được an ổn chẳng? *Duy-ma-cật* muốn được chút thức ăn thừa của *Thế Tôn* để làm Phật sự tại thế giới *Ta-bà*, khiến những kẻ ưa pháp nhỏ ở cội ấy được đạo lớn rộng sâu. Người cũng làm cho danh tiếng của *Như Lai* được lan tràn khắp nơi.’”

Lúc ấy, ở trước đại chúng, vị hóa *Bồ Tát* liền vượt lên hướng trên. Ai nấy đều nhìn thấy vị ấy ra đi. Khi đến cội *Chúng Hương*, vị ấy đảnh lễ sát chân Phật. Kế đó, nghe tiếng vị ấy thưa rằng: “*Duy-ma-cật* đảnh lễ sát chân *Thế Tôn*, cung kính vô lượng, hỏi thăm việc ăn uống thức ngủ của ngài. Ngài ít bệnh ít nã chẳng? Khí lực được an ổn chẳng? *Duy-ma-cật* muốn được chút thức ăn thừa của *Thế Tôn* để làm Phật sự tại thế giới *Ta-bà*, khiến những kẻ ưa pháp nhỏ ở cội ấy được đạo lớn rộng sâu. Người cũng làm cho danh tiếng của *Như Lai* được lan tràn khắp nơi.”

Những vị *Bồ Tát* ở cội *Chúng Hương* thấy vị hóa *Bồ Tát* ấy đều khen rằng là chưa từng có. Các vị ấy liền hỏi Phật *Hương Tích* rằng: “Vị thượng nhân này từ đâu đến

đây? Thế giới *Ta-bà* ở tại nơi nào? Sao gọi là những kẻ ưa pháp nhỏ?”

Phật bảo các vị ấy rằng: “Về phía bên dưới, cách đây những cõi Phật liên tiếp nhau nhiều như số cát bốn mươi hai sông *Hằng*, có một thế giới tên là *Ta-bà*. Đức Phật ở đó hiệu là *Thích-ca Mâu-ni*. Hiện nay, ngài trụ tại cõi thế xấu xa có năm sự ô trược,⁽¹⁾ diễn bày đạo giáo độ những chúng sinh ưa pháp nhỏ. Ở thế giới ấy, có một vị *Bồ Tát* tên là *Duy-ma-cật*, trụ ở phép giải thoát *Không thể nghĩ bàn*, đang thuyết pháp với các vị *Bồ Tát* khác. Vậy nên người sai vị hóa *Bồ Tát* này đến đây, xưng dương danh hiệu ta, xưng tán cõi này, khiến cho chư *Bồ Tát* ở cõi kia được tăng thêm công đức.”

Các vị *Bồ Tát* ở cõi Chúng Hương thưa hỏi Phật Hương Tích rằng: “Vị ấy như thế nào mà có thể tạo nên vị hóa *Bồ Tát* này, có đức lực chẳng sợ và thần túc như vậy?”

⁽¹⁾ Năm sự ô trược (Ngũ trược), cũng đọc là Ngũ trọc (五濁, Sanskrit: pañcakaṣāya). Những thế giới có năm sự ô trược này thì gọi là *uế độ*, khác với các cõi *tịnh độ* trong sạch. Ngũ trược bao gồm:

1. Kiếp trược (劫濁; Sanskrit: kalpakaṣāya): nhiều căn bệnh dấy lên, nạn đói hoành hành, chiến tranh mọi nơi.
2. Kiến trược (見濁; Sanskrit: dṛṣṭikaṣāya): tà kiến thịnh hành.
3. Phiền não trược (煩惱濁; Sanskrit: kleśakaṣāya): chúng sinh có nhiều tham dục, tâm thần phiền loạn.
4. Chúng sinh trược (眾生濁; Sanskrit: sattvakaṣāya): chúng sinh không tuân theo luân lý, không sợ quả báo.
5. Mạng trược (命濁; Sanskrit: āyuskaṣāya): thọ mạng của con người ngắn dần.

Phật đáp: “Rất lớn. Vị ấy sai những vị hóa *Bồ Tát* đi khắp cả mười phương, làm những Phật sự có lợi ích cho chúng sinh.”

Liên đó, Đức Như Lai Hương Tích lấy cái bát ở cõi Chúng Hương, đơm đầy cơm thơm, trao cho vị hóa *Bồ Tát*. Lúc ấy, chín triệu vị *Bồ Tát* ở cõi kia đồng nói rằng: “Chúng con muốn đi đến thế giới *Ta-bà*, cúng dường đức Phật *Thích-ca Mâu-ni*. Chúng con cũng muốn viếng thăm *Duy-ma-cật* và đại chúng *Bồ Tát*.”

Phật Hương Tích nói: “Có thể đi được, nhưng các người nên kiềm giữ mùi thơm nơi thân, đừng để cho chúng sinh cõi kia khởi tâm lầm lạc tham trước. Lại nữa, các người nên xả bỏ hình thể đang có của mình, đừng để những người cầu đạo *Bồ Tát* ở cõi *Ta-bà* kia sinh lòng xấu hổ. Lại nữa, đối với họ các người đừng có lòng khinh chê mà tạo ra tư tưởng trở ngại. Tại sao vậy? Các cõi nước mười phương đều như hư không. Chư Phật vì muốn giáo hóa những kẻ ưa pháp nhỏ, cho nên chẳng hiện cõi tịnh độ của mình một cách trọn vẹn.”

Lúc ấy, vị hóa *Bồ Tát* nhận lấy bát cơm, cùng với chín triệu vị *Bồ Tát* cùng nương oai thần của Phật và sức của *Duy-ma-cật*, bỗng nhiên biến mất khỏi thế giới kia. Trong phút chốc, các vị đến chỗ *Duy-ma-cật*.

Lúc ấy, *Duy-ma-cật* liền hóa ra chín triệu tòa sư tử, nghiêm trang đẹp đẽ như các tòa trước đó. Các vị *Bồ Tát* đều ngồi lên những tòa sư tử ấy.

Bấy giờ, vị hóa Bồ Tát trao cho *Duy-ma-cật* cái bát đựng đầy cơm thơm. Mùi thơm của cơm bay khắp thành *Tỳ-da-ly* và cõi thế giới tam thiên đại thiên.

Lúc ấy, những người trong hạng *bà-la-môn* cho tới những người trong hạng cư sĩ ở thành *Tỳ-da-ly*, nghe mùi thơm ấy, lấy làm khoái lạc thân thể và tâm ý, thấy đều khen là việc chưa từng có.

Lúc ấy, có vị trưởng giả chủ tên là Nguyệt Cái, dẫn theo tám mươi bốn ngàn người cùng đến, vào nhà *Duy-ma-cật*. Thấy trong thất có rất nhiều vị Bồ Tát với nhiều tòa sư tử cao, rộng nghiêm trang tốt đẹp, họ rất vui vẻ, lễ kính đại chúng Bồ Tát và các vị đại đệ tử, rồi lui lại đứng sang một bên.

Các vị thần đất đai, thần hư không cùng các vị thiên tiên cõi Dục giới và Sắc giới, nghe mùi thơm ấy, cũng đều hiện đến, vào nhà *Duy-ma-cật*.

Lúc ấy, *Duy-ma-cật* nói với *Xá-ly-phất* và các vị đại Thanh văn: “Các nhân giả hãy dùng món cơm *cam-lộ* của Như Lai, do lòng đại bi hun đúc mà thành. Đừng đem tâm ý hạn hẹp mà ăn cơm này, e chẳng tiêu được.”

Có vị Thanh văn lấy làm lạ, nghĩ rằng cơm ấy ít thế, làm sao đủ cho đại chúng mỗi người đều có ăn.

Vị Hóa Bồ Tát nói: “Đừng lấy cái đức nhỏ, trí nhỏ của hàng Thanh văn mà cân lường phước huệ vô lượng

của Như Lai. Bốn biển còn có thể cạn, nhưng cơm này không thể hết. Giả như tất cả người ta đều ăn cơm này, vò thành từng viên lớn như núi *Tu-di*, mãi đến trọn một kiếp, còn chẳng hết cơm thay! Tại sao vậy? Là vì thức ăn thừa của bậc có đầy đủ công đức, vô tận giới, định, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến⁽¹⁾ chẳng bao giờ có thể hết được.”

Lúc ấy, cơm từ trong bát lấy ra làm no bụng tất cả đại chúng mà vẫn không hết. Những vị *Bồ Tát*, Thanh văn, trời, người đã ăn món cơm ấy, thân thể đều trở nên an ổn, khoái lạc, cũng như tất cả các vị *Bồ Tát* hết thấy các cõi nước Lạc Trang Nghiêm vậy. Lại nữa, từ những lỗ chân lông của các vị đều phát ra mùi thơm vi diệu, cũng như mùi thơm cây cối ở cõi nước Chúng Hương.

Lúc ấy, *Duy-ma-cật* hỏi chư *Bồ Tát* nước Chúng Hương rằng: “Đức Như Lai Hương Tích thuyết pháp bằng cách nào?”

Chư *Bồ Tát* ấy đáp: “Đức Như Lai ở cõi chúng tôi chẳng thuyết pháp bằng văn tự. Ngài chỉ dùng các mùi thơm, làm cho chư thiên và người ta đắc nhập luật hạnh. *Bồ Tát* mỗi vị đều ngồi nơi cõi cây thơm, nghe mùi thơm

⁽¹⁾ Giới (戒), Định (定), Huệ (慧), Giải thoát (解脫), Giải thoát tri kiến (解脫知見), gọi chung là Ngũ phần pháp thân (五分法身), là năm phần vô tận vô biên hợp thành pháp thân, thân Như Lai vô cùng vô tận như hư không.

vi diệu kia, liền thành tựu hết thấy các phép *Tam-muội* Đức tạng. Được các phép *Tam-muội* ấy rồi thì hết thấy những công đức của hàng *Bồ Tát* đều tự nhiên đầy đủ.”

Chư *Bồ Tát* lại hỏi *Duy-ma-cật*: “Hiện nay, đức Thế Tôn *Thích-ca Mâu-ni* thuyết pháp bằng cách nào?”

Duy-ma-cật đáp: “Ở cõi này, chúng sinh cang cường khó dạy. Cho nên Phật nói với họ những lời cang cường đặng điều phục họ. Như nói: Như thế này là địa ngục, như thế này là súc sinh, như thế này là ngạ quỷ. Như thế này là chỗ khó tu,⁽¹⁾ như thế này là chỗ mà kẻ ngu sinh ra. Như thế này là hạnh tà ác của thân, như thế này là quả báo hạnh tà ác của thân. Như thế này là hạnh tà ác của miệng, như thế này là quả báo hạnh tà ác của miệng. Như thế này là hạnh tà ác của ý, như thế này là quả báo hạnh tà ác của ý. Như thế này là sát sinh, như thế này là quả báo của sát sinh. Như thế này là chẳng cho mà lấy, như thế này là quả báo của việc chẳng cho mà lấy.

(1) Nguyên văn dùng *nạn xứ* (難處), chỉ 8 nạn xứ, tức là những trường hợp khó khăn, rất khó tu tập chánh pháp. Tám nạn xứ bao gồm: 1. Sinh vào địa ngục, 2. Sinh vào loài ngạ quỷ, 3. Sinh vào loài súc sinh, 4. Sinh vào cõi Bắc Uất-dan-việt, cuộc sống sung sướng nên không nghĩ đến việc tu tập, 5. Sinh vào cõi trời Trường thọ, đời sống kéo dài, không có tâm tưởng nên không tu tập được, 6. Không đủ các giác quan, chẳng hạn như mù, câm, điếc, ngong... 7. Thế trí biện thông: thông đạt các học thuyết, lý lẽ của thế gian, tâm sinh ra kiêu mạn, chạy theo thế tục mà không ham thích việc tu tập, 8. Sinh ra không gặp Phật, không gặp Chánh pháp, không biết đến giáo pháp để tu tập. So sánh thêm với Tám nạn trong Ba ác, Tám nạn.

Như thế này là tà dâm, như thế này là quả báo của việc tà dâm. Như thế này là nói dối, như thế này là quả báo của việc nói dối. Như thế này là nói hai lưỡi, như thế này là quả báo của việc nói hai lưỡi. Như thế này là nói lời độc ác, như thế này là quả báo của việc nói lời độc ác. Như thế này là nói lời vô nghĩa, như thế này là quả báo của việc nói lời vô nghĩa. Như thế này là tham lam, như thế này là quả báo của sự tham lam. Như thế này là sân hận, như thế này là quả báo của sự sân hận. Như thế này là tà kiến, như thế này là quả báo của tà kiến. Như thế này là keo lận, như thế này là quả báo của keo lận. Như thế này là phá giới, như thế này là quả báo của việc phá giới. Như thế này là sân nhuế, như thế này là quả báo của sân nhuế. Như thế này là giải đãi, như thế này là quả báo của giải đãi. Như thế này là loạn ý, như thế này là quả báo của loạn ý. Như thế này là ngu si, như thế này là quả báo ngu si. Như thế này là kết giới, như thế này là giữ giới, như thế này là phạm giới. Như thế này là nên làm, như thế này là không nên làm. Như thế này là chướng ngại, như thế này là không chướng ngại. Như thế này là phạm tội, như thế này là lìa tội. Như thế này là trong sạch, như thế này là dơ nhớp. Như thế này là phiền não, như thế này là không có phiền não. Như thế này là tà đạo, như thế này là chánh đạo. Như thế này là hữu vi, như thế này là vô vi. Như thế này là thế gian, như thế này là *Niết-bàn*.

“Bởi họ là những kẻ khó dạy, tâm họ như loài khỉ vượn, cho nên Phật phải dùng biết bao phương cách mà chế ngự tâm họ, rồi mới điều phục được họ! Tỷ như con voi, con ngựa ác nghịch chẳng chịu điều phục, người ta phải gia tăng những sự trừng trị đau đớn độc hại, cho đến buốt thấu tận xương, sau đó chúng nó mới chịu điều phục. Những chúng sinh cang cường khó dạy lại cũng như vậy. Cho nên Phật phải dùng tất cả những lời khổ thiết mới có thể khiến họ vào luật.”

Chư *Bồ Tát* ấy nghe như vậy rồi đều khen rằng: “Chưa từng có vậy! Như đức Thế Tôn *Thích-ca Mâu-ni* Phật, ngài che khuất cái sức tự tại vô lượng của mình, cho đến chỉ dùng pháp nhỏ đối với kẻ thích nghe, mà độ thoát chúng sinh. Còn chư *Bồ Tát* đây cũng lao nhọc khiên nhường lắm, các ngài đem lòng đại bi vô lượng mà sinh nơi cõi Phật này.”

Duy-ma-cật nói: “Chư *Bồ Tát* ở cõi này có lòng đại bi bền vững đối với các chúng sinh, đúng như lời quý vị vừa nói. Tuy nhiên, những ai ở cõi này một đời mà làm việc nhiều ích cho chúng sinh, còn hơn ở cõi khác trong trăm ngàn kiếp mà làm điều thiện. Tại sao vậy? Ở thế giới *Ta-bà* này có mười việc thiện mà ở những cõi tịnh độ không có.

“Những gì là mười? Dùng bố thí mà nhiếp phục kẻ bần cùng. Dùng tịnh giới mà nhiếp phục kẻ hủy cấm.

Dùng nhẫn nhục mà nhiếp phục kẻ giận hờn. Dùng tinh tấn mà nhiếp phục kẻ biếng nhác. Dùng thiền định mà nhiếp phục kẻ loạn ý. Dùng trí huệ mà nhiếp phục kẻ ngu si. Nói lẽ trừ nạn mà độ khỏi tám nạn. Dùng pháp Đại thừa mà độ kẻ ưa thích Tiểu thừa. Dùng các thiện căn cứu tế những kẻ không có đức. Thường dùng bốn pháp thâm nhiếp mà giúp cho chúng sinh được thành tựu. Đó là mười việc.”

Chư *Bồ Tát* ấy hỏi: “Ở thế giới này, *Bồ Tát* thành tựu bao nhiêu pháp, đức hạnh mới được không tỳ vết, sinh về tịnh độ?”

Duy-ma-cật nói: “Ở thế giới này, *Bồ Tát* thành tựu tám pháp, đức hạnh mới được không tỳ vết, sinh về tịnh độ.

“Những gì là tám? Làm lợi ích cho chúng sinh mà chẳng mong báo đáp. Chịu các khổ não thay cho tất cả



chúng sinh, đem những công đức do mình tạo ra mà thí hết cho chúng sinh. Đem lòng bình đẳng mà thương yêu các chúng sinh, khiêm cung hạ mình một cách vô ngại, xem các vị *Bồ Tát* cũng như Phật, những kinh mà mình chưa nghe, thời muốn nghe mà chẳng sanh nghi. Chẳng chung cùng với hàng Thanh văn mà làm việc trái ngược. Chẳng ganh ghét những kẻ khác khi họ được cúng dường. Không lấy phần lợi nhiều về mình, trong việc ấy nên điều phục tâm. Thường xét lỗi mình, chẳng nói lỗi người. Hằng quyết một lòng cầu các công đức. Đó là tám pháp.

Ở trong đại chúng, khi *Duy-ma-cật* và *Văn-thù Sư-ly* thuyết xong các pháp ấy, trăm ngàn chư thiên và người ta đều phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, mười ngàn vị *Bồ Tát* đắc Vô sinh pháp nhẫn.



菩薩行品

第十一

是時佛說法於菴羅樹園。其地忽然廣博嚴事。一切衆會皆作金色。

阿難白佛言。世尊。以何因緣有此瑞應。是處忽然廣博嚴事。一切衆會皆作金色。

佛告阿難。是維摩詰文殊師利。與諸大衆恭敬圍繞。發意欲來故先為此瑞應。

於是維摩詰語文殊師利。可共見佛與諸菩薩禮事供養。

文殊師利言。善哉行矣。今正是時。

維摩詰即以神力。持諸大衆并師子座置於右掌。往詣佛所。到已著地稽首佛足右遶七匝。一心合掌在一面立。其諸菩薩即皆避座稽首佛足。亦繞七匝於一面立。諸大弟子釋梵四天王等。亦皆避座稽首佛足在一面立。

BỒ TÁT HẠNH PHẨM

Đệ thập nhất

Thị thời, Phật thuyết pháp ư *Am-la* thọ viên. Kỳ địa hốt nhiên quang bác nghiêm sự. Nhất thiết chúng hội giai tác kim sắc.

A-nan bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Di hà nhân duyên, hữu thử thụy ứng? Thị xứ hốt nhiên quang bác nghiêm sự. Nhất thiết chúng hội giai tác kim sắc.

Phật cáo *A-nan*: Thị *Duy-ma-cật*, *Văn-thù Sư-ly*, dữ chư Đại chúng cung kính vi nhiều phát ý dục lai. Cố tiên vi thử thụy ứng.

Ư thị, *Duy-ma-cật* ngữ *Văn-thù Sư-ly*: Khả cộng kiến Phật, dữ chư *Bồ Tát* lễ sự cúng dường.

Văn-thù Sư-ly ngôn: Thiện tai! Hành hỷ! Kim chánh thị thời.

Duy-ma-cật tức dĩ thần lực, trì chư Đại chúng tinh sư tử tòa, trí ư hữu chưởng, vãng nghệ Phật sở. Đáo dĩ trước địa, khể thủ Phật túc, hữu nhiều thất táp, nhất tâm hiệp chưởng, tại nhất diện lập. Kỳ chư *Bồ Tát* tức giai tịch tòa, khể thủ Phật túc, diệc nhiều thất táp, ư nhất diện lập. Chư đại đệ tử, Thích, *Phạm* tứ Thiên vương đẳng, diệc giai tịch tòa, khể thủ Phật túc, tại nhất diện lập.

於是世尊如法慰問諸菩薩已各令復坐。
即皆受教衆坐已定。

佛語舍利弗。汝見菩薩大士自在神力之所為乎。

唯然已見。

汝意云何。

世尊。我睹其為不可思議。非意所圖非度所測。

爾時阿難白佛言。世尊。今所聞香自昔未有。是為何香。

佛告阿難。是彼菩薩毛孔之香。

於是舍利弗語阿難言。我等毛孔亦出是香。

阿難言。此所從來。

曰。是長者維摩詰從衆香國取佛餘飯。於舍食者一切毛孔皆香若此。

阿難問維摩詰。是香氣住當久如。

維摩詰言。至此飯消。

曰。此飯久如當消。

Ư thị, Thế Tôn như pháp ủy vấn chư *Bồ Tát* dĩ các linh phục tọa. Tức giai thọ giáo, chúng tọa dĩ định.

Phật ngữ *Xá-ly-phát*: Nhữ kiến *Bồ Tát* đại sĩ tự tại thần lực chi sở vị hồ?

Duy nhiên, dĩ kiến.

Nhữ ý vân hà?

Thế Tôn! Ngã đồ kỳ vi bất khả tư nghị. Phi ý sở đồ, phi đặc sở trắc.

Nhĩ thời, *A-nan* bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Kim sở văn hương, tự tích vị hữu. Thị vi hà hương?

Phật cáo *A-nan*: Thị bỉ *Bồ Tát* mao khổng chi hương.

Ư thị, *Xá-ly-phát* ngữ *A-nan* ngôn: Ngã đẳng mao khổng diệc xuất thị hương.

A-nan ngôn: Thử sở tùng lai?

Viết: Thị Trưởng giả *Duy-ma-cật* tùng Chúng Hương quốc, thủ Phật dư phạm. Ư xá thực giả, nhất thiết mao khổng giai hương nhược thử.

A-nan vấn *Duy-ma-cật*: Thị hương khí trụ đương cửu như?

Duy-ma-cật ngôn: Chí thử phạm tiêu.

Viết: Thử phạm cửu như đương tiêu?

曰。此飯勢力至於七日然後乃消。

又阿難。若聲聞人未入正位食此飯者。得入正位然後乃消。已入正位食此飯者。得心解脫然後乃消。若未發大乘意食此飯者。至發意乃消。已發意食此飯者。得無生忍然後乃消。已得無生忍食此飯者。至一生補處然後乃消。譬如有藥名曰上味。其有服者身諸毒滅然後乃消。此飯如是滅除一切諸煩惱毒然後乃消。

阿難白佛言。未曾有也。世尊。如此香飯能作佛事。

佛言。如是如是。

阿難。或有佛土以佛光明而作佛事。有以諸菩薩而作佛事。有以佛所化人而作佛事。有以菩提樹而作佛事。有以佛衣服臥具而作佛事。有以飯食而作佛事。有以園林臺觀而作佛事。有以三十二相八十隨形好而作佛事。有以佛身而作佛事。有以虛空而作佛事。衆生應以此緣得入律行。有以夢幻影響鏡中像水中月熱時燄。如是等喻而作佛事。有以音聲語言文字而作佛

Viết: Thử phạn thế lực chí ư thất nhật, nhiên hậu nãi tiêu.

Hữu, A-nan! Nhược Thanh văn nhân, vị nhập chánh vị, thực thử phạn giả, đắc nhập chánh vị, nhiên hậu nãi tiêu. Dĩ nhập chánh vị, thực thử phạn giả, đắc tâm giải thoát, nhiên hậu nãi tiêu. Nhược vị phát Đại thừa ý, thực thử phạn giả, chí phát ý nãi tiêu. Dĩ phát ý, thực thử phạn giả, đắc Vô sinh nhẫn, nhiên hậu nãi tiêu. Dĩ đắc vô sinh nhẫn, thực thử phạn giả, chí nhất sinh bổ xứ, nhiên hậu nãi tiêu. Thí như hữu dục, danh viết thượng vị. Kỳ hữu phục giả, thân chư độc diệt, nhiên hậu nãi tiêu. Thử phạn như thị, diệt trừ nhất thiết chư phiền não độc, nhiên hậu nãi tiêu.

A-nan bạch Phật ngôn: Vị tăng hữu dã! Thế Tôn, như thử hương phạn, năng tác Phật sự?

Phật ngôn: Như thị. Như thị.

A-nan! Hoặc hữu Phật độ dĩ Phật quang minh nhi tác Phật sự. Hữu dĩ chư Bồ Tát nhi tác Phật sự. Hữu dĩ Phật sở hóa nhân nhi tác Phật sự. Hữu dĩ Bồ-đề thọ nhi tác Phật sự. Hữu dĩ Phật y phục ngọa cụ nhi tác Phật sự. Hữu dĩ phạn thực nhi tác Phật sự. Hữu dĩ viên lâm, đài quán nhi tác Phật sự. Hữu tam thập nhị tướng, bát thập tùy hình hảo nhi tác Phật sự. Hữu dĩ Phật thân nhi tác Phật sự. Hữu dĩ hư không nhi tác Phật sự, chúng sinh ưng dĩ thử duyên, đắc nhập luật hạnh. Hữu dĩ mộng ảo, ảnh hưởng, kính trung tượng, thủy trung nguyệt, nhiệt thời diệm, như thị đẳng dụ nhi tác Phật sự. Hữu dĩ âm

事。或有清淨佛土寂寞無言無說無示無識無作無為而作佛事。

如是阿難。諸佛威儀進止。諸所施為無非佛事。

阿難。有此四魔八萬四千諸煩惱門。而諸衆生為之疲勞。諸佛即以此法而作佛事。是名入一切諸佛法門。

菩薩入此門者。若見一切淨好佛土。不以為喜不貪不高。若見一切不淨佛土。不以為憂不礙不沒。但於諸佛生清淨心。歡喜恭敬未曾有也。諸佛如來功德平等。為教化衆生故。而現佛土不同。

阿難。汝見諸佛國。土地有若干而虛空無若干也。如是見諸佛色身有若干耳其無礙慧無若干也。

阿難。諸佛色身威相種性。戒定智慧解脫解脫知見。力無所畏不共之法。大慈大悲威儀所行。及其壽命說法教化。成就衆生淨佛國土。具諸佛法。悉皆同等。是故名為三藐三佛陀。名為多陀阿伽度。名為佛陀。

thanh, ngữ ngôn, văn tự nhi tác Phật sự. Hoặc hữu thanh tịnh Phật độ, tịch mịch vô ngôn, vô thuyết vô thị, vô chí, vô tác, vô vi nhi tác Phật sự.

Như thị, *A-nan*! Chư Phật oai nghi tấn chỉ, chư sở thi vi, vô phi Phật sự.

A-nan! Hữu thử tứ ma, bát vạn tứ thiên chư phiền não môn, nhi chư chúng sinh vi chi bì lao. Chư Phật tức dĩ thử pháp nhi tác Phật sự. Thị danh nhập nhất thiết chư Phật pháp môn.

Bồ Tát nhập thử môn giả, nhược kiến nhất thiết tịnh hảo Phật độ, bất dĩ vi hỷ, bất tham bất cao. Nhược kiến nhất thiết bất tịnh Phật độ, bất dĩ vi ưu, bất ngại, bất một. Đản ư chư Phật, sinh thanh tịnh tâm, hoan hỷ cung kính, vị tăng hữu dã. Chư Phật Như Lai công đức bình đẳng, vị giáo hóa chúng sinh cố, nhi hiện Phật độ bất đồng.

A-nan! Nhữ kiến chư Phật quốc, thổ địa hữu nhược can, nhi hư không vô nhược can dã. Như thị kiến chư Phật sắc thân hữu nhược can nhĩ, kỳ vô ngại huệ vô nhược can dã.

A-nan! Chư Phật sắc thân, oai tướng, chủng tánh, giới, định, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, lực vô sở úy, bất cộng chi pháp, đại từ, đại bi, oai nghi sở hành, cập kỳ thọ mạng, thuyết pháp giáo hóa, thành tựu chúng sinh, tịnh Phật quốc độ, cụ chư Phật pháp, tất giai đồng đẳng. Thị cố danh vi *Tam-miệu Tam-phật-dà*, danh vi *Đa-dà-a-già-độ*, danh vi *Phật-dà*.

阿難。若我廣說此三句義。汝以劫壽不能盡受。正使三千大千世界滿中衆生皆如阿難多聞第一得念總持。此諸人等以劫之壽亦不能受。

如是阿難。諸佛阿耨多羅三藐三菩提無有限量。智慧辯才不可思議。

阿難白佛言。我從今已往不敢自謂以為多聞。

佛告阿難。勿起退意。所以者何。我說汝於聲聞中為最多聞。非謂菩薩。

且止阿難。其有智者不應限度諸菩薩也。一切海淵尚可測量。菩薩禪定智慧總持辯才一切功德不可量也。

阿難。汝等捨置菩薩所行。是維摩詰一時所現神通之力。一切聲聞辟支佛。於百千劫盡力變化所不能作。

爾時衆香世界菩薩來者。合掌白佛言。世尊。我等初見此土生下劣想。今自悔責捨離是心。所以者何。諸佛方便不可思議。為度衆生故。隨其所應現佛國異。

A-nan! Nhược ngã quảng thuyết thử tam cú nghĩa, nhữ dĩ kiếp thọ, bất năng tận thọ. Chánh sử tam thiên đại thiên thế giới mãn trung chúng sinh giai như A-nan đa văn đệ nhất, đắc niệm tổng trì. Thử chư nhân đẳng dĩ kiếp chi thọ, diệc bất năng thọ.

Như thị, A-nan! Chư Phật A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề vô hữu hạn lượng, trí huệ biện tài bất khả tư nghị.

A-nan bạch Phật ngôn: Ngã từng kim dĩ vãng, bất cảm tự vị dĩ vi đa văn.

Phật cáo A-nan: Vật khởi thối ý. Sở dĩ giả hà? Ngã thuyết nhữ ư Thanh văn trung vi tối đa văn, phi vị Bồ Tát.

Thả chỉ, A-nan! Kỳ hữu trí giả, bất ưng hạn độ chư Bồ Tát dã. Nhất thiết hải uyên, thượng khả trắc lượng. Bồ Tát thiên định, trí huệ, tổng trì, biện tài, nhất thiết công đức, bất khả lượng dã.

A-nan! Nhữ đẳng xả trí Bồ Tát sở hành. Thị Duy-ma-cật nhất thời sở hiện thần thông chi lực, nhất thiết Thanh văn, Bích chi Phật, ư bá thiên kiếp, tận lực biến hóa, sở bất năng tác.

Nhĩ thời, Chúng Hương thế giới Bồ Tát lai giả, hiệp chương bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã đẳng sơ kiến thử độ, sinh hạ liệt tướng. Kim tự hối trách, xả ly thị tâm. Sở dĩ giả hà? Chư Phật phương tiện bất khả tư nghị. Vị độ chúng sinh cố, tùy kỳ sở ưng, hiện Phật quốc dị.

唯然世尊。願賜少法還於彼土當念如來。

佛告諸菩薩。有盡無盡解脫法門。汝等當學。何謂為盡。謂有為法。何謂無盡。謂無為法。如菩薩者。不盡有為不住無為。

何謂不盡有為。謂不離大慈不捨大悲。深發一切智心而不忽忘。教化衆生終不厭倦。於四攝法常念順行。護持正法不惜身命。種諸善根無有疲厭。志常安住方便迴向。求法不懈說法無悞。勤供諸佛。故入生死而無所畏。於諸榮辱心無憂喜。不輕未學敬學如佛。墮煩惱者令發正念。於遠離樂不以為貴。不著己樂慶於彼樂。在諸禪定如地獄想。於生死中如園觀想。見來求者為善師想。捨諸所有具一切智想。見毀戒人起救護想。

諸波羅密為父母想。道品之法為眷屬想。發行善根無有齊限。以諸淨國嚴飾之事成已佛土行無限施具足相好。除一切惡淨身口意。生死無數劫意而有勇。聞佛無

Duy nhiên, Thế Tôn! Nguyên tứ thiếu pháp. Hoàn ư bỉ độ, đương niệm Như Lai.

Phật cáo chư *Bồ Tát*: Hữu tận vô tận giải thoát pháp môn. Nhữ đẳng đương học. Hà vị vi tận? Vị hữu vi pháp. Hà vị vô tận? Vị vô vi pháp. Như *Bồ Tát* giả, bất tận hữu vi, bất trụ vô vi.

Hà vị bất tận hữu vi? Vị bất ly đại từ, bất xả đại bi. Thâm phát nhất thiết trí tâm, nhi bất hốt vong. Giáo hóa chúng sinh, chung bất yếm quỵen. Ư tứ nhiếp pháp, thường niệm thuận hành. Hộ trì Chánh pháp, bất tích thân mạng. Chủng chư thiện căn, vô hữu bì yếm. Chí thường an trụ, phương tiện hồi hướng. Cầu pháp bất giải, thuyết pháp vô lận. Cần cúng chư Phật, cố nhập sinh tử, nhi vô sở úy. Ư chư vinh nhục, tâm vô ưu hỷ. Bất khinh vi học, kính học như Phật. Đọa phiền não giả, linh phát chánh niệm. Ư viễn ly lạc, bất dĩ vi quý. Bất trước kỷ lạc, khánh ư bỉ lạc. Tại chư thiên định, như địa ngục tưởng. Ư sinh tử trung, như viên quán tưởng. Kiến lai cầu giả, vi thiện sư tưởng. Xả chư sở hữu, cụ nhất thiết trí tướng. Kiến hủy giới nhân, khởi cứu hộ tướng.

Chư *ba-la-mật*, vi phụ mẫu tướng. Đạo phẩm chi pháp, vi quyến thuộc tướng. Phát hành thiện căn, vô hữu tê hạn. Dĩ chư Tịnh quốc nghiêm sức chi sự, thành kỷ Phật độ. Hành vô hạn thí, cụ túc tướng hảo. Trừ nhất thiết ác, tịnh thân, khẩu, ý. Sinh tử vô số kiếp, ý nhi hữu dũng. Văn Phật vô lượng đức, chí nhi bất quỵen. Dĩ trí

量德志而不倦。以智慧劍破煩惱賊。出陰入界。荷負衆生永使解脫。以大精進摧伏魔軍。常求無念實相智慧。行少欲知足。而不捨世法。不壞威儀法而能隨俗。起神通慧引導衆生。

得念總持所聞不忘。善別諸根斷衆生疑。以樂說辯演法無礙。淨十善道受天人福。修四無量開梵天道。勸請說法隨喜讚善。得佛音聲身口意善。得佛威儀深修善法所行轉勝。以大乘教成菩薩僧。心無放逸不失衆善。行如此法。是名菩薩不盡有為。

何謂菩薩不住無為。謂修學空不以空為證。修學無相無作。不以無相無作為證。修學無起不以無起為證。觀於無常而不厭善本。觀世間苦而不惡生死。觀於無我而誨人不倦。觀於寂滅而不永寂滅。觀於遠離而身心修善。觀無所歸而歸趣善法。觀於無生而以生法荷負一切。觀於無漏而不斷諸漏。觀無所行而以行法教化衆生。觀於空無而不捨大悲。觀正法位而不隨小

huệ kiểm, phá phiền não tặc. Xuất ấm nhập giới, hà phụ chúng sinh, vĩnh sử giải thoát. Dĩ đại tinh tấn, tồ phục ma quân. Thường cầu vô niệm, Thật tướng trí huệ. Hành thiếu dục tri túc, nhi bất xả thế pháp. Bất hoại oai nghi, nhi năng tùy tục khởi thần thông huệ, dẫn đạo chúng sinh.

Đắc niệm tổng trì, sở văn bất vong. Thiện biệt chư căn, đoạn chúng sinh nghi. Dĩ lạc thuyết biện, diễn pháp vô ngại. Tịnh thập thiện đạo, thọ thiên nhân phước. Tu tứ vô lượng, khai *Phạm* thiên đạo. Khuyến thỉnh thuyết pháp, tùy hỷ tán thiện, đắc Phật âm thanh. Thân, khẩu, ý thiện, đắc Phật oai nghi. Thâm tu thiện pháp, sở hành chuyển thắng. Dĩ Đại thừa giáo, thành *Bồ Tát* tăng. Tâm vô phóng dật, bất thất chúng thiện. Hành như thủ pháp, thị danh *Bồ Tát* bất tận hữu vi.

Hà vị *Bồ Tát* bất trụ vô vi? Vị tu học không, bất dĩ không vi chứng. Tu học vô tướng, vô tác, bất dĩ vô tướng, vô tác vi chứng. Tu học vô khởi, bất dĩ vô khởi vi chứng. Quán ư vô thường, nhi bất yếm thiện bốn. Quán thế gian khổ, nhi bất ố sinh tử. Quán ư vô ngã, nhi hồi nhân bất quyện. Quán ư tịch diệt, nhi bất vĩnh tịch diệt. Quán ư viễn ly, nhi thân tâm tu thiện. Quán vô sở quy, nhi quy thú thiện pháp. Quán ư vô sinh, nhi dĩ sinh pháp hà phụ nhất thiết. Quán ư vô lậu, nhi bất đoạn chư lậu. Quán vô sở hành, nhi dĩ hành pháp giáo hóa chúng sinh. Quán ư không vô, nhi bất xả đại bi. Quán chánh pháp vị, nhi bất

乘。觀諸法虛妄無牢無人無主無相。本願未滿而不虛福德禪定智慧。修如此法。是名菩薩不住無為。

又具福德故不住無為。具智慧故不盡有為。大慈悲故不住無為。滿本願故不盡有為。集法藥故不住無為。隨授藥故不盡有為。知衆生病故不住無為。滅衆生病故不盡有為。諸正士菩薩以修此法。不盡有為不住無為。是名盡無盡解脫法門。汝等當學。

爾時彼諸菩薩聞說是法皆大歡喜。以衆妙華若干種色若干種香。散遍三千大千世界。供養於佛及此經法并諸菩薩已。稽首佛足歎未曾有言。釋迦牟尼佛。乃能於此善行方便。

言已忽然不現還到彼國。



tùy Tiểu thừa. Quán chư pháp hư vọng, vô lao vô nhân, vô chủ vô tướng. Bốn nguyện vị mãn, nhi bất hư phước đức, thiền định, trí huệ. Tu như thủ pháp, thị danh *Bồ Tát* bất trụ vô vi.

Hựu, cụ phước đức, cố bất trụ vô vi. Cụ trí huệ cố, bất tận hữu vi. Đại từ bi cố, bất trụ vô vi. Mãn bốn, nguyện cố, bất tận hữu vi. Tập pháp dục cố, bất trụ vô vi. Tùy thọ dục cố, bất tận hữu vi. Tri chúng sinh bệnh cố, bất trụ vô vi. Diệt chúng sinh bệnh cố, bất tận hữu vi. Chư chánh sĩ *Bồ Tát*, dĩ tu thủ pháp, bất tận hữu vi, bất trụ vô vi. Thị danh tận, vô tận giải thoát pháp môn. Nhữ đẳng đương học.

Nhĩ thời, bĩ chư *Bồ Tát*, văn thuyết thị pháp, giai đại hoan hỷ. Dĩ chúng diệu hoa, nhược can chủng sắc, nhược can chủng hương, tán biến tam thiên đại thiên thế giới, cúng dường ư Phật cập thủ kinh pháp, tinh chư *Bồ Tát* dĩ. Khể thủ Phật túc, thán vị tăng hữu, ngôn: Thích-ca Mâu-ni Phật nãi năng ư thủ thiện hành phương tiện.

Ngôn dĩ, hốt nhiên bất hiện, hoàn đáo bỉ quốc.



Phẩm thứ mười một

HẠNH BỒ TÁT

Úc ấy, Phật đang thuyết pháp trong vườn cây *Am-la*.⁽¹⁾ Cảnh đất ấy bỗng nhiên trở nên rộng lớn, nghiêm đẹp. Tất cả chúng hội đều ánh lên màu vàng ròng.

A-nan bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Do nhân duyên chi mà điềm lành ứng hiện: Cảnh này bỗng trở nên rộng lớn, nghiêm đẹp. Tất cả chúng hội đều ánh lên màu vàng ròng?”

Phật bảo *A-nan*: “Đó là *Duy-ma-cật* và *Văn-thù Sư-ly* với đại chúng cung kính vây quanh, phát ý muốn đến đây, cho nên trước tiên ứng hiện ra điềm lành ấy.”

Bấy giờ, *Duy-ma-cật* nói với *Văn-thù Sư-ly*: “Chúng ta nên cùng đến viếng Phật, cùng với chư *Bồ Tát* lễ kính và cúng dường Phật.”

(1) Vườn cây *Am-la* (*Am-la* thọ viên, Sanskrit: *Āmravāna*): Cảnh vườn này ở tại thành *Tỳ-da-ly* (*Vaiśālī*), có nói ở đoạn đầu (Phẩm thứ nhất: *Côi Phật*). Cây *am-la* (*āmra*), cũng đọc là *yê-m-la*, *yê-ma-la*, một loại cây ở Ấn Độ, trái ăn ngon ngọt nhưng hạt đắng không ăn được. *Am-la* dịch nghĩa là khó phân biệt. Gọi như vậy, là vì trái *am-la* từ lúc sống đến lúc chín, vỏ nó vẫn một màu, khó phân biệt trái sống với trái chín. Trong thành *Tỳ-da-ly* có người kỹ nữ mang tên này (trong kinh thường gọi là *Am-la* nữ), có khu vườn rất đẹp đem cúng dường cho Phật, chính là khu vườn này, nên gọi tên như vậy. Mỗi khi thuyết pháp ở thành *Tỳ-da-ly*, Phật và chúng tăng thường ngụ tại đây.

Văn-thù Sư-lý nói: “Lành thay! Nên đi lắm, nay đã phải lúc lắm vậy.”

Duy-ma-cật liền dùng sức thần nâng hết cả đại chúng với tòa sư tử của mỗi vị, đặt lên lòng bàn tay phải của mình, rồi đi đến chỗ Phật ngự. Tới nơi, người để đại chúng với tòa sư tử trên mặt đất, đảnh lễ sát chân Phật, đi quanh Phật bảy vòng theo tay mặt, một lòng chấp tay cung kính, rồi đứng sang một bên. Chư *Bồ Tát* mà người đưa đến, thấy liền rời khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ sát chân Phật, cũng đi quanh Phật bảy vòng theo tay mặt, rồi đứng sang một bên. Các vị đại đệ tử, *Đế-thích*, *Phạm vương*, *Bốn thiên vương*... cũng đều rời khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ sát chân Phật, rồi đứng sang một bên.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn y theo pháp mà hỏi han chư *Bồ Tát*, rồi bảo mọi người trở lại chỗ ngồi. Vâng lời Phật dạy, ai nấy đều ngồi lại chỗ sẵn định của mình.

Phật bảo *Xá-lý-phất*: “Người có thấy *Bồ Tát* Đại sĩ⁽¹⁾ hiện sức thần tự tại chăng?”

“Dạ, con đã thấy.”

“Ý người thế nào?”

“Bạch Thế Tôn! Con thấy đúng là không thể nghĩ bàn, vượt quá sức tưởng tượng, vượt ngoài sự đo lường.”

Lúc ấy, *A-nan* bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nay có một hương thơm chưa từng có. Đó là hương thơm gì vậy?”

(1) Bồ Tát Đại sĩ: chỉ ngài Duy-ma-cật.

Phật bảo *A-nan*: “Ấy là hương thơm nơi lỗ chân lông của các vị *Bồ Tát* kia⁽¹⁾ tỏa ra.”

Bấy giờ, *Xá-ly-phất* bảo *A-nan* rằng: “Từ nơi các lỗ chân lông của chúng tôi, giờ cũng phát ra mùi thơm ấy.”

A-nan hỏi: “Mùi thơm ấy từ đâu đến?”

Xá-ly-phất đáp: “Trưởng giả *Duy-ma-cật* đây đã xin món cơm thừa của Phật từ nước Chúng Hương mà đem về. Những ai đã ăn cơm ấy tại nhà ông thì từ nơi tất cả các lỗ chân lông đều có mùi thơm như vậy.”

A-nan liền hỏi *Duy-ma-cật*: “Mùi thơm ấy sẽ còn được bao lâu?”

Duy-ma-cật đáp: “Cho đến khi cơm ấy tiêu hết.”

Lại hỏi: “ Bao lâu cơm ấy sẽ tiêu hết?”

Đáp: “Hiệu lực của cơm ấy duy trì tới bảy ngày, sau đó mới tiêu hết.

“Lại nữa, *A-nan*! Vị Thanh văn nào chưa vào chánh vị, chưa đắc quả *A-la-hán*, nếu ăn cơm ấy thì sau khi đắc nhập chánh vị cơm mới tiêu hết. Người đã vào chánh vị, nếu ăn cơm ấy thì sau khi được tâm giải thoát, cơm mới tiêu hết. Người chưa phát ý Đại thừa, nếu ăn cơm ấy, cho tới khi phát ý rồi cơm mới tiêu hết. Người đã phát ý, nếu ăn cơm ấy, cho tới khi đắc Vô sinh nhẫn rồi cơm mới tiêu hết. Người đã đắc Vô sinh nhẫn, nếu ăn cơm ấy, đến khi

⁽¹⁾ Đây chỉ các vị *Bồ Tát* từ cõi nước Chúng Hương đi theo vị Hóa *Bồ Tát* mà đến cõi Ta-bà, trước vào nhà *Duy-ma-cật*, kể vào vườn *Am-la* mà cúng dường Phật Thích-ca.

được địa vị Nhất sinh bổ xứ⁽¹⁾ rồi cơm mới tiêu hết. Tỷ như có một chất thuốc tên là Thượng vị, những ai uống thuốc ấy, chỉ khi các thứ độc trừ dứt thuốc mới tiêu hết. Cơm ấy cũng vậy, trừ dứt tất cả các độc phiền não xong, sau đó mới tiêu hết.”

A-nan bạch Phật rằng: “Chưa từng có vậy! Thế Tôn, như thứ cơm ấy ắt có thể làm Phật sự?”

Phật dạy: “Đúng vậy, đúng vậy! A-nan, hoặc có cội Phật dùng ánh sáng quang minh của Phật mà làm Phật sự. Có cội dùng chư Bồ Tát mà làm Phật sự. Có cội dùng người biến hóa của Phật mà làm Phật sự. Có cội dùng cây Bồ-đề mà làm Phật sự. Có cội dùng y phục của Phật mà làm Phật sự. Có cội dùng cơm và đồ ăn của Phật mà làm Phật sự. Có cội dùng vườn hoa, rừng cây, đền đài mà làm Phật sự. Có cội dùng ba mươi hai tướng tốt,⁽²⁾ tám mươi

(1) Nhất sinh bổ xứ: Bạc Đại Bồ Tát đủ công hạnh và phước đức, chỉ còn thị hiện sinh ra ở thế gian một lần nữa là thành Phật Thế Tôn.

(2) Ba mươi hai tướng tốt: (Sanskrit: dvātriṃśan mahā-puruṣa-lakṣaṇāni). Mỗi vị Phật đều có đủ ba mươi hai tướng tốt này. Đó là:

1. Lòng bàn chân phẳng (Túc hạ an bình lập tướng 足下安平立相, Sanskrit: supraṭiṣṭhita-pāda).
2. Bánh xe pháp dưới lòng bàn chân (Túc hạ nhị luân tướng 足下二輪相, Sanskrit: cakrāṅkita-hasta-pāda-tala).
3. Ngón tay thon dài (Trường chỉ tướng 長指相, Sanskrit: dīrghāṅguli).
4. Bàn chân thon (Túc cân phu trường tướng 足跟跢長相, Sanskrit: āyata-pāda-pārṣṇi).
5. Ngón tay ngón chân cong lại (Thủ túc chỉ man vòng tướng 手足指繅網相, Sanskrit: jālāvanaddha-hasta-pāda).

6. Tay chân mềm mại (Thủ túc nhu nhuyển tướng 手足柔軟相, Sanskrit: mṛdu-taruṇa-hasta-pāda-tala).
7. Sóng (mù) bàn chân cong lên (Túc phu cao mãn tướng 足趺高滿相, Sanskrit: ucchaṅkha-pāda).
8. Cặp chân dài thon như chân sơn dương (Y-ni-diên-đoán tướng 伊泥延踰相, Sanskrit: aiṇeya-jaṅgha).
9. Đứng thẳng tay dài quá đầu gối (Chánh lập thủ ma tất tướng 正立手摩膝相, Sanskrit: sthītānavanata-pralamba-bāhutā).
10. Nam căn ẩn kín (Âm tàng tướng 陰藏相, Sanskrit: kośopagata-vasti-guhya).
11. Giang tay ra rộng dài bằng thân mình (Thân quảng trường đẳng tướng 身廣長等相, Sanskrit: nyagrodha-parimaṇḍala).
12. Lông đứng thẳng (Mao thượng hướng tướng, 毛上向相, Sanskrit: ūrdhvaṃga-roma).
13. Mỗi lỗ chân lông có một cọng lông (Nhất nhất khổng nhất mao sinh tướng, 一一孔一毛生相, Sanskrit: ekaika-roma-pradakṣiṇāvarta).
14. Thân vàng rực (Kim sắc tướng 金色相, Sanskrit: suvarṇa-varṇa).
15. Thân phát sáng (Đại quang tướng 大光相, cũng gọi là Thường quang nhất tầm tướng 常光一尋相, Viên quang nhất tầm tướng 圓光一尋相).
16. Da mềm mại (Tế bạc bì tướng 細薄皮相, Sanskrit: sūkṣma-suvarṇa-ccavi).
17. Tay, vai và đầu tròn tương xứng (Thất xứ long mãn tướng 七處隆滿相, Sanskrit: sapta-utsada).
18. Hai nách đầy đặn (Lưỡng dịch hạ long mãn tướng 兩腋下隆滿相, Sanskrit: citāntarāṃsa).
19. Thân hình như sư tử (Thượng thân như sư tử tướng 上身如獅子相, Sanskrit: siṃha-pūrvārdha-kāya).
20. Thân hình thẳng đứng (Đại trực thân tướng 大直身相, Sanskrit: rjugaṭratā).
21. Hai vai đầy đặn mạnh mẽ (Kiên viên hảo tướng 肩圓好相, susaṃvṛta-skandha).
22. Bốn mươi cái răng (Tứ thập xỉ tướng 四十齒相, Sanskrit: catvāriṃśad-danta).

vẻ đẹp⁽¹⁾ mà làm Phật sự. Có côi dùng thân Phật mà làm Phật sự. Có côi dùng hư không mà làm Phật sự, chúng sinh muốn nương theo duyên ấy mà vào luật hạnh. Có côi dùng những ví dụ, như: chiêm bao, ảo hóa, bóng dáng, tiếng dội, hình lộ trong gương, mặt trăng dưới nước, dợn sóng khi trời nắng... mà làm Phật sự. Có côi dùng âm

23. Răng đều (Xỉ tề tướng 齒齊相, Sanskrit: sama-danta).

24. Răng trắng (Nha bạch tướng 牙白相, Sanskrit: suśukla-danta).

25. Hàm sư tử (Sư tử giáp tướng 獅子頰相, Sanskrit: simha-hanu).

26. Nước miếng có chất thơm (Vị trung đặc thượng vị tướng 味中得上味相, Sanskrit: rasa-rasāgratā).

27. Lưỡi rộng dài (Đại thiết tướng 大舌相, Sanskrit: prabhūta-tanujihva).

28. Tiếng nói tao nhã (Phạm thanh tướng 梵聲相, Sanskrit: brahma-svara).

29. Mắt xanh trong (Chân thanh nhân tướng 眞青眼相, Sanskrit: abhinīla-netra).

30. Mắt giống mắt bò (Ngưu nhãn tiệp tướng, 牛眼睫相, Sanskrit: go-pakṣmā).

31. Lông trắng giữa cặp chân mày (Bạch mao tướng, 白毛相, Sanskrit: ūrṇā-keśa).

32. Một khối thịt trên đỉnh đầu (Đảnh kế tướng 頂髻相, Sanskrit: uṣṇīṣa-śīraskatā).

⁽¹⁾ Tám mươi vẻ đẹp (Bát thập chủng hảo, 八十種好, Sanskrit: aṣṭy-anuvyañjanāni), là tám mươi tướng phụ trang nghiêm thân các vị Phật, kèm với ba mươi hai tướng chính đã kể trên. Phật Quang Đại từ điển ghi rõ 80 vẻ đẹp này là:

1. Chỉ trảo hiệp trường, bạc nhuần quang khiết (指爪狹長, 薄潤光潔): Móng tay thon dài, mảnh và sáng bóng.

2. Thủ túc chỉ chỉ viên nhi tiêm trường, nhu nhuyển (手足之指圓而纖長柔軟): Ngón tay, ngón chân tròn, thon dài, mềm dịu.

3. Thủ túc các đẳng vô sai, chư chỉ gian giai sung mật (手足各等無差諸指間皆充密): Tay chân cân xứng, các ngón khi khép lại thì kín đầy.

4. Thủ túc quang trạch hồng nhuận (手足光澤紅潤): Tay chân sáng bóng, tươi hồng.
5. Cân cốt ẩn nhi bất hiện (筋骨隱而不現): Gân xương ẩn kín, không lộ ra.
6. Lưỡng khoả câu ẩn (兩踝俱隱): Hai mắt cá chân ẩn kín.
7. Hành bộ trực tiến, uy nghi hoà mục như long tượng vương (行步直進，威儀和穆如龍象王): dáng đi hướng thẳng phía trước, uy nghi khoan thai như rồng chúa, voi chúa.
8. Hành bộ uy dung tề túc như sư tử vương (行步威容齊肅如獅子王): Dáng đi oai vệ như sư tử chúa.
9. Hành bộ an bình do như ngưu vương (行步安平猶如牛王): Dáng đi bình thản như trâu chúa.
10. Tiến chỉ nghi nhĩ uyển như nga vương (進止儀雅宛如鶴王): Phong thái tiến, dừng thanh nhã, uyển chuyển như ngỗng chúa.
11. Hồi cổ tất giai hữu toản như long tượng vương chi cử thân tùy chuyển (迴顧必皆右旋如龍象王之舉身隨轉): Quay nhìn đều theo bên phải như voi chúa nhắc mình để di chuyển.
12. Chi tiết quân vân viên diệu (肢節均勻圓妙): Các khớp tay chân đều tròn và đẹp.
13. Cốt tiết giao kết do nhược long bàn (骨節交結猶若龍盤): Các đốt xương liên kết nhau như rồng cuộn.
14. Tất luân viên mãn (膝輪圓滿): Đầu gối tròn đầy.
15. Ẩn xứ chi văn diệu hảo thanh tịnh (隱處之紋妙好清淨): Chỗ ẩn vân tốt đẹp và thanh tịnh.
16. Thân chi nhuận hoạt khiết tịnh (身肢潤滑潔淨): Thân và tay chân tươi nhuận, trơn láng, thanh tịnh.
17. Thân dung đôn túc vô úy (身容敦肅無畏): Phong thái đôn hậu, vô úy.
18. Thân chi kiện tráng (身肢健壯): Thân thể tráng kiện.
19. Thân thể an khương viên mãn (身體安康圓滿): Thân thể khỏe mạnh, đầy đủ.
20. Thân tướng do như tiên vương, chu táp doan nghiêm quang tịnh (身相猶如仙王，周匝端嚴光淨): Thân tướng như tiên chúa, toàn thân doan nghiêm sáng sạch.
21. Thân chi chu táp viên quang, dẫn tự nhiên diệu (身之周匝圓光，恒自照耀): Có hào quang thường chiếu sáng quanh thân.

22. Phúc hình phương chính, trang nghiêm (腹形方正莊嚴): Bụng vuông vức, trang nghiêm.
23. Tề thâm hữu toàn (臍深右旋): Rốn sâu, xoay về hướng phải.
24. Tề hậu bất ao bất dột (臍厚不凹不凸): Rốn dày, không lõm không lồi.
25. Bì phu vô giới tiển (皮膚無疥癬): Da không ghẻ lác.
26. Thủ chương nhu nhuyễn, túc hạ an bình (手掌柔軟, 足下安平): Bàn tay mềm mại, lòng bàn chân bằng phẳng.
27. Thủ văn thâm trường minh trực (手紋深長明直): Chỉ tay sâu, dày, rõ ràng.
28. Thần sắc quang nhuận đan huy (唇色光潤丹暉): Môi đỏ thắm, sáng và tươi nhuận.
29. Diện môn bất trường bất đoản, bất đại bất tiểu như lượng đoan nghiêm (面門不長不短, 不大不小如量端嚴): Mặt không dài không ngắn, không lớn không nhỏ, vừa vặn, đoan nghiêm.
30. Thiệt tướng nhu nhuyễn quảng trường (舌相軟薄廣長): Lưỡi mềm, dài, rộng.
31. Thanh âm uy viễn thanh triệt (聲音威遠清澈): Tiếng nói oai hùng, vang xa, trong suốt.
32. Thanh vận mĩ diệu như thâm cốc hưởng (音韻美妙如深谷響): Âm vận hay đẹp như tiếng vang nơi hang sâu.
33. Tĩ cao thả trực, kì khổng bất hiện (鼻高且直, 其孔不現): Mũi cao và thẳng, lỗ mũi kín.
34. Xỉ phương chỉnh tiên bạch (齒方整鮮白): Răng đều đặn, trắng đẹp.
35. Nha viên bạch quang khiết phong lợi (牙圓白光潔鋒利): Răng trắng tròn, sáng sạch, bén nhọn.
36. Nhân tịnh thanh bạch phân minh (眼淨青白分明): Mắt trong, lòng đen lòng trắng phân minh.
37. Nhân tướng tu quảng (眼相脩廣): Mắt dài rộng.
38. Nhân tiếp tề chỉnh trừ mật (眼睫齊整稠密): Lông mi đều và dày.
39. Song mi trường nhi tế nhuyễn (雙眉長而細軟): Lông mày dài và mịn.
40. Song mi trình cam lưu li sắc (雙眉呈紺琉璃色): Lông mày xanh biếc như ngọc lưu li.

41. Mi cao hiển hình như sơ nguyệt (眉高顯形如初月): Lông mày cách xa mắt và cong như trăng lưỡi liềm.
42. Nhĩ hậu quảng đại tu trường luân đoả thành tựu (耳厚廣大脩長輪埵成就): Vành tai rộng, đoả tai dài thông xuống.
43. Lương nhĩ tề bình, li chúng quá thất (兩耳齊平, 離衆過失): Hai vành tai bằng nhau, không có sai khuyết.
44. Dung nghi linh kiến giả giai sinh ái kính (容儀令見者皆生愛敬): Phong cách uy nghi, khiến người thấy liền sinh kính mến.
45. Tăng quảng bình chính (額廣平正): Trán rộng, bằng phẳng.
46. Thân uy nghiêm cụ túc (身威嚴具足): Thân đầy đủ tướng oai nghiêm.
47. Phát tu trường cam thanh, mật nhĩ bất bạch (髮脩長紺青, 密而不白): Tóc dài xanh biếc, dày mà không bạc.
48. Phát hương khiết tế nhuận (髮香潔細潤): Tóc mịn, toả hương thanh khiết.
49. Phát tề bất giao tạp (髮齊不交雜): Tóc ngay ngắn không rối.
50. Phát bất đoạn lạc (髮不斷落): Tóc không đứt rụng.
51. Phát quang hoạt thù diệu, trần cấu bất trước (髮光滑殊妙, 塵垢不著): Tóc trơn bóng, bụi không dính.
52. Thân thể kiên cố sung thật (身體堅固充實): Thân thể vững chắc đầy đặn.
53. Thân thể trường đại đoan trực (身體長大端直): Thân thể cao lớn đoan chính.
54. Chư khiểu thanh tịnh viên hảo (諸竅清淨圓好): Các huyết thanh tịnh tròn đẹp.
55. Thân lực thù thắng vô dư đẳng giả (身力殊勝無與等者): Sức mạnh thù thắng, không ai sánh bằng.
56. Thân tướng chúng sở lạc quán (身相衆所樂觀): Thân tướng được mọi người ưa nhìn.
57. Diện như thu mãn nguyệt (面如秋滿月): Khuôn mặt như trăng tròn mùa thu.
58. Nhan mạo thư thái (顏貌舒泰): Vẻ mặt thư thái.
59. Diện mạo quang trạch vô hữu tân xúc (面貌光澤無有皴皺): Gương mặt sáng bóng không vết nhăn.
60. Thân bì thanh tịnh vô cấu, thường vô xú uế (身皮清淨無垢, 常無臭穢): Da sạch không cấu ghét, thường không có mùi hôi.

61. Chư mao khổng thường xuất diệu hương (諸毛孔常出妙香): Các lỗ chân lông thường tỏa hương thơm.
62. Diện môn thường xuất tối thượng thù thắng hương (面門常出最上殊勝香): Diện môn thường tỏa mùi hương thù thắng bậc nhất.
63. Tướng chu viên diệu hảo (相周圓妙好): Tướng tròn đầy tốt đẹp.
64. Thân mao cam thanh quang tịnh (身毛紺青光淨): Lông trên mình xanh biếc sạch sẽ.
65. Pháp âm tùy chúng, ứng hiện vô sai (法音隨衆，應理無差): Pháp âm tùy theo đại chúng mà ứng hiện, bình đẳng không sai biệt.
66. Đỉnh tướng vô năng kiến giả (頂相無能見者): Tướng đỉnh đầu không ai thấy được.
67. Thủ túc chỉ cương phân minh (手足指綱分明): Đường vân của ngón tay, ngón chân phân minh.
68. Hành thời kì túc li địa (行時其足離地): Khi đi, hai chân đều cách mặt đất.
69. Tự trì bất thị tha vệ (自持不待他衛): Tự giữ gìn, không nhờ người khác hộ vệ.
70. Uy đức nhiếp nhất thiết (威德攝一切): Uy đức nhiếp phục hết thảy.
71. Âm thanh bất ty bất kháng, tùy chúng sinh ý (音聲不卑不亢，隨衆生意): Thanh âm nói ra không thấp không cao, tùy theo ý muốn của chúng sinh.
72. Tùy chư hữu tình, nhạo vi thuyết pháp (隨諸有情，樂為說法): Tùy theo sự ưa thích của chúng sinh mà thuyết pháp.
73. Nhất âm diễn thuyết chánh pháp, tùy hữu tình loại các linh đắc giải (一音演說正法，隨有情類各令得解): Diễn thuyết chánh pháp chỉ bằng một âm thanh, tùy các loài chúng sinh nghe rồi đều có thể hiểu được.
74. Thuyết pháp y thứ đệ, tuần nhân duyên (說法依次第，循因緣): Thuyết pháp theo thứ lớp, tùy nhân duyên.
75. Quán hữu tình, tán thiện hủy ác nhi vô ái tăng (觀有情，讚善毀惡而無愛憎): Quán sát chúng sinh, khen thiện chê ác, nhưng không có tâm yêu ghét.

76. Sở vi tiên quán hậu tác, cụ túc quī phạm (所為先觀後作, 具足軌範): Trước quan sát kỹ các việc rồi sau mới làm, tuân thủ đúng qui tắc.
77. Tướng hảo, hữu tình vô năng quán tận (相好, 有情無能觀盡): Tướng tốt đẹp, chúng sinh không thể nào thấy hết được.
78. Đỉnh cốt kiên thật viên mãn (頂骨堅實圓滿): Xương đầu cứng chắc, tròn đầy.
79. Nhan dung thường thiếu bất lão (顏容常少不老): Dung nhan trẻ mãi không già.
80. Thủ túc cập hung ức tiền, câu hữu cát tường hỉ toàn đức tướng (手足及胸臆前, 俱有吉祥喜旋德相): Nơi chân tay và trước lồng ngực đều có tướng tốt cát tường hỉ (chữ vạn 卐) xoay vần.

Trong Phật bản hạnh tập kinh (佛本行集經; Sanskrit: abhiniṣkramaṇa-sūtra), 80 vẻ đẹp này được ghi là: 1. Móng tay màu như đồng; 2. Móng tay mềm dịu; 3. Móng tay nổi bật; 4. Móng tay tròn đều; 5. Ngón tay thon gầy; 6. Các ngón tay phát triển cân xứng; 7. Các tĩnh mạch ẩn kín; 8. Các tĩnh mạch dân ra; 9. Mắt cá chân ẩn kín; 10. Lòng bàn chân bằng phẳng; 11. Dáng đi như sư tử; 12. Dáng đi như voi chúa; 13. Dáng đi như ngỗng chúa; 14. Dáng đi như trâu chúa; 15. Dáng đi thường hướng về bên phải; 16. Dáng đi tự tại; 17. Dáng đi vững chãi; 18. Thân thể tròn đầy; 19. Thân thể mềm dịu; 20. Thân thể cân đối; 21. Thân thể thanh tịnh; 22. Thân thể dịu dàng; 23. Thân thể không tí vết; 24. Bộ phận sinh dục hoàn chỉnh; 25. Thân thể trắng kiện, các chi thanh nhả; 26. Bước đi khoan thai; 27. Thân thể khỏe mạnh; 28. Thân thể an khang; 29. Thân thể đoan nghiêm; 30. Thân thể nghiêm túc, viên mãn; 31. Tứ chi cân đối với các phần thân thể; 32. Thị lực trong sáng; 33. Thân tướng viên mãn; 34. Thân tướng nhẹ nhàng; 35. Thân tướng cân đối; 36. Bụng phẳng; 37. Rốn sâu; 38. Rốn cuộn theo chiều kim đồng hồ; 39. Làm vui lòng mọi người khi giao tiếp; 40. Giới hạnh thanh tịnh; 41. Da không bị cháy nắng và tàn nhang; 42. Chỉ tay rất đẹp; 43. Chỉ tay sâu; 44. Chỉ tay dài; 45. Miệng không quá rộng; 46. Môi đỏ như trái tần-bà (bimba); 47. Lưỡi mềm mại; 48. Lưỡi mỏng và nhỏ; 49. Lưỡi màu đỏ; 50. Tiếng nói như voi gầm hoặc sấm rền; 51. Tiếng nói rõ ràng, lời cuốn và hoà nhả; 52. Răng cửa tròn; 53. Răng cửa nhọn; 54. Răng cửa trắng; 55. Răng cửa bằng phẳng; 56. Răng cửa bằng phẳng; 57. Răng

thanh, lời nói, văn tự mà làm Phật sự. Hoặc có cội Phật thanh tịnh dùng những việc: tịch tịch, không lời, không thuyết, không chỉ, không ghi, không làm, vô vi mà làm Phật sự.

“A-nan! Như vậy đó, mọi cách đi đứng, nằm ngồi, tới lui của Phật, thấy thấy hành vi, không chi chẳng là Phật sự.

“A-nan! Có bốn thứ ma, tám muôn bốn ngàn thứ phiền não, làm cho chúng sinh phải nhọc nhằn mệt mỏi. Chư Phật liền dùng những pháp ấy mà làm Phật sự. Đó gọi là vào pháp môn của tất cả chư Phật.

“Bồ Tát đã vào pháp môn ấy, nếu thấy tất cả các Phật độ sạch đẹp thì chẳng vui, chẳng ham, chẳng kiêu. Nếu thấy tất cả Phật độ chẳng sạch, thời chẳng buồn, chẳng ngại, chẳng lui. Chỉ đối với chư Phật sinh lòng thanh tịnh, hoan hỷ cung kính, cho là chưa từng có vậy. Công đức của chư Phật Như Lai vẫn là bình đẳng, nhưng vì giáo hóa chúng sinh nên các ngài hiện ra những cội Phật khác nhau.

cửa đều đặn; 58. Mũi cao; 59. Mũi gọn và đẹp; 60. Mắt sáng; 61. Mắt lớn; 62. Lòng mi đen; 63. Lòng trắng và đen của mắt đẹp (như) những cánh hoa sen trắng và xanh sẫm; 64. Lòng mày dài; 65. Lòng mày mềm; 66. Lòng mày phẳng; 67. Lòng mày mịn; 68. Tai dài và dày; 69. Tai bằng phẳng; 70. Thính giác nguyên toàn; 71. Trán cân đối; 72. Trán cao; 73. Đầu rất nở nang; 74. Tóc đen như ong chúa; 75. Tóc dày; 76. Tóc mềm; 77. Tóc đều đặn, vén khéo; 78. Tóc xoắn, mềm; 79. Tóc có mùi thơm; 80. Lòng bàn tay, lòng bàn chân có có những hình chữ srivatsa, (chữ vạn 卐) svastika, nadyavarta, và lalita.

“A-nan! Người thấy các nước Phật, đất đai nhiều thứ khác nhau, nhưng hư không chẳng có nhiều thứ. Cũng như vậy, người thấy chư Phật, sắc thân nhiều dạng khác nhau, nhưng cái huệ vô ngại của các ngài thì chẳng khác nhau.

“A-nan! Về sắc thân của chư Phật, với oai tướng, chủng tánh, giới, định, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, lực vô sở úy, pháp bất cộng, đại từ, đại bi, các sở hành oai nghi như đi, đứng, nằm, ngồi, cùng là thọ mạng của chư Phật, thuyết pháp giáo hóa, thành tựu chúng sinh, làm cho trong sạch cõi Phật, đầy đủ các Phật pháp, thời các ngài đều bình đẳng như nhau. Cho nên gọi các ngài là *Tam-miệu Tam-phật-dà*,⁽¹⁾ cũng gọi là *Đa-dà-a-già-độ*,⁽²⁾ cũng gọi là *Phật-dà*.⁽³⁾

“A-nan! Nếu ta nói rộng nghĩa ba danh xưng ấy, dầu cho người sống đến trọn kiếp cũng không thể nhận lãnh hết. Tỷ như trong cõi tam thiên đại thiên thế giới này, đầy đầy các chúng sinh cũng đều *đa văn* bậc nhất⁽⁴⁾ như

(1) Tam-miệu Tam-phật-dà (Sanskrit: samyak-sambuddha. Pāli: sammā-sambuddha). Một hiệu trong Mười hiệu của Phật, dịch nghĩa là: Bậc giác ngộ hoàn toàn, hiểu biết tất cả.

(2) Đa-dà-a-già-độ (Sanskrit: Tathāgata): Một hiệu trong Mười hiệu của Phật, dịch nghĩa là Như Lai, bậc chứng ngộ cái lý: Không từ đâu đến, cũng không đi về đâu (如來者，無所從來，亦無所去，故名如來). - *Như Lai giả, vô sở tùng lai diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai.* - Kinh Kim Cang).

(3) Phật-dà (Sanskrit: Buddha), đọc tắt là Phật, dịch nghĩa là Giác giả, Bậc giác ngộ, sáng suốt. Chữ Giác ở đây gồm ba nghĩa: 1. Tự giác, 2. Giác tha, 3. Giác hạnh viên mãn.

(4) Đa văn đệ nhất (多聞第一): được nghe nhiều nhất. A-nan được Phật nhận là bậc Đa văn đệ nhất trong số các đệ tử của ngài.

A-nan và được *Niệm tổng trì*,⁽¹⁾ lại sống đến trọn kiếp, cũng không thể thọ nhận cho hết nghĩa lý trên.

“*A-nan*! Như vậy, *A-nậu-da-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* của chư Phật là không có hạn lượng, trí huệ biện tài của các ngài là không thể nghĩ bàn.”

A-nan bạch Phật rằng: “Từ nay con chẳng dám nhận mình là *đa văn* nữa.”

Phật dạy *A-nan*: “Đừng có ý nghĩ thối lui như vậy. Tại sao vậy? Ta nói người *đa văn* bậc nhất, là đối với hàng Thanh văn, chứ chẳng phải với hàng *Bồ Tát*.

“Thôi đi, *A-nan*! Những người có trí chẳng nên hạn độ chư *Bồ Tát*. Tất cả biển rộng vực sâu còn có thể đo lường, nhưng thiên định, trí huệ, tổng trì, biện tài, tất cả công đức của *Bồ Tát* đều chẳng thể đo lường cho xiết.

“*A-nan*! Các người hãy bỏ đi việc lượng định sở hành của hàng *Bồ Tát*. *Duy-ma-cật* đây, một khi hiện sức thần thông, dầu tất cả Thanh văn và Bích chi Phật dùng hết sức biến hóa trong trăm ngàn kiếp cũng chẳng làm được như người.”

Lúc ấy, các vị *Bồ Tát* từ thế giới Chúng Hương đến đồng chấp tay bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Khi mới thấy cõi này, chúng con có ý cho là thấp kém. Bây giờ chúng con tự hối trách, lìa bỏ ý nghĩ ấy. Tại sao vậy? Pháp môn

(1) Niệm Tổng trì: Tổng trì (總持, Sanskrit: Dhāraṇī) dịch âm là *Đà-la-ni*, nghĩa là giữ lấy, thâu lấy tất cả. Có bốn loại Tổng trì: 1. Pháp Tổng trì hay Văn Tổng trì, 2. Nghĩa Tổng trì, 3. Chú Tổng trì hay Thần chú Đà-la-ni, 4. Nhân Tổng trì. Niệm Tổng trì cũng tức là Văn Tổng trì: Được nghe rồi nhớ đủ chẳng quên.

phương tiện của chư Phật là không thể nghĩ bàn. Vì độ chúng sinh, cho nên các ngài tùy theo chỗ thích hợp của họ mà hiện ra các nước Phật khác nhau.

“Dạ, kính bạch Thế Tôn! Xin ngài ban cho chút ít Phật pháp. Khi trở về, chúng con sẽ nhớ tưởng Như Lai.”

Phật dạy các vị *Bồ Tát*: “Có pháp môn giải thoát gọi là Dứt và Không dứt, các người nên tu học. Sao gọi là dứt? Đó là pháp hữu vi. Sao gọi là không dứt? Đó là pháp vô vi. Như *Bồ Tát* là *chẳng dứt hữu vi, chẳng trụ vô vi*.

“Sao gọi là *Bồ Tát chẳng dứt hữu vi*? Đó là: chẳng là dục đại từ, chẳng bỏ dục đại bi. Phát khởi sâu vững tâm *Nhất thiết trí*, không hề xao lãng đối với chí quyết thành Phật. Giáo hóa chúng sinh chẳng hề mệt chán. Thường xét nghĩ việc tùy thuận thi hành bốn pháp thâm nhiếp. Hộ trì chánh pháp chẳng tiếc thân mạng. Gieo trồng các căn lành chẳng hề mệt chán. Tâm trí thường được an ổn, vững chãi, đem phương tiện hướng về Phật quả. Cầu pháp chẳng biếng nhác. Thuyết pháp chẳng hiểm tiếc. Siêng cúng dường chư Phật. Vào chốn sinh tử nhưng không sợ sệt chi cả. Đối với sự vinh nhục lòng không lo buồn, không mừng vui. Chẳng khinh kẻ chưa tu học. Kính trọng người tu học như Phật. Đối với kẻ chìm đắm trong phiền não, khiến họ phát sinh chánh niệm. Lánh xa những cuộc vui chơi, chẳng cho đó là quý. Chẳng tham trước việc sung sướng cho riêng mình, mừng cho kẻ khác được sung sướng.

“Tại các cảnh thiên đình, tưởng đó như các tầng địa ngục. Đối với cuộc sinh tử luân hồi, tưởng đó như vườn

cảnh điện đài. Thấy kẻ đến thỉnh cầu, tướng họ như bậc thầy hiền. Thí xả những vật sở hữu của mình, đủ đầy cái tâm tưởng cầu quả vị của đấng có trí hiểu biết tất cả. Thấy kẻ phá hủy giới cấm, khởi lên cái tư tưởng cứu hộ. Đối với các *ba-la-mật*,⁽¹⁾ tưởng như cha mẹ. Đối với các pháp đạo phẩm, tưởng như quyến thuộc. Nảy nở các căn lành, không hề có giới hạn. Lấy những việc nghiêm túc cõi nước trong sạch để thành tựu cõi Phật của mình. Làm việc bố thí không có kỳ hạn, đủ đầy những tướng chánh và tướng phụ trang nghiêm thân mình. Trừ bỏ mọi việc xấu ác, giữ sạch thân, miệng, ý. Trải vô số lần sinh tử, tâm ý vẫn dưng mãi.

“Nghe vô lượng công đức của Phật, chí quyết như vậy mà chẳng mệt mỏi. Dùng gương trí huệ chém phá giặc phiền não. Dem *ấm, nhập, giới* ra gánh vác chúng sinh, khiến họ được giải thoát mãi mãi. Dem đức tinh tấn lớn, đánh dẹp binh ma. Thường cầu đức tánh vô niệm, trí huệ thật tướng. Thi hành lễ biết đủ, ít tham cầu, nhưng chẳng bỏ pháp thế gian. Chẳng chê bỏ oai nghi cốt cách, nhưng có thể tùy tục mà khởi ra huệ thần thông, dìu dắt chúng sinh. Được *Niệm tổng trì*, nghe rồi chẳng quên. Khéo phân biệt các căn lành lợi hoặc chậm lụt, dứt tuyệt chỗ nghi hoặc của chúng sinh. Dem lòng vui vẻ mà biện thuyết, diễn giảng pháp giáo một cách không ngăn ngại. Mười điều lành được thanh tịnh, thọ hưởng phước lạc ở

(1) Các *ba-la-mật*, tức là 6 pháp *ba-la-mật*: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ.

cõi trời và cõi người. Tu bốn tâm vô lượng,⁽¹⁾ mở đường lên cảnh Phạm thiên. Khuyên thỉnh thuyết pháp, tùy hỷ xưng tán việc lành, được âm thanh của Phật. Thân, miệng, ý trở nên hiền lành, được oai nghi của Phật. Tu các pháp lành một cách sâu vững, sở hành ngày càng tốt đẹp. Nương giáo pháp Đại thừa thành *Bồ Tát Tăng*. Tâm ý không phóng dật, chẳng bỏ mất các việc lành.

“Thi hành những pháp như vậy, gọi là *Bồ Tát* chẳng hết hữu vi.

“Sao gọi là *Bồ Tát* chẳng trụ vô vi? Đó là, tu học lẽ không, nhưng chẳng lấy lẽ không làm chứng đắc. Tu học vô tướng, vô tác, nhưng chẳng lấy vô tướng, vô tác làm chứng đắc. Tu học vô khởi, nhưng chẳng lấy vô khởi làm chứng đắc. Quán lẽ vô thường, nhưng chẳng chán cội lành. Quán những nỗi khổ thế gian, nhưng chẳng ghét việc sinh tử. Quán lẽ vô ngã, nhưng dạy người chẳng chán. Quán lẽ tịch diệt, nhưng chẳng tịch diệt mãi mãi. Quán lẽ xa lìa, nhưng thân tâm tu thiện. Quán lẽ không có chỗ về, nhưng quay về các pháp lành. Quán lẽ không sinh, nhưng đem việc sinh sống mà gánh vác tất cả chúng sinh. Quán lẽ không có phiền não, nhưng chẳng đoạn

⁽¹⁾ Bốn vô lượng tâm (Tứ vô lượng tâm 四無量心, Sanskrit, Pāli: caturbrahmavihāra): là bốn tâm nguyện rộng lớn không có giới hạn của Phật và các vị Bồ Tát. Bốn tâm này đối trị bốn phiền não là sân hận, ganh tị, buồn bực và tham muốn, lại làm lợi ích cho vô lượng vô số chúng sinh, nên gọi là bốn tâm vô lượng, đó là:

1. Từ vô lượng (Sanskrit: maitrī).
2. Bi vô lượng (Sanskrit, Pāli: karuṇā)
3. Hỷ vô lượng (Sanskrit, Pāli: muditā)
4. Xả vô lượng (Sanskrit: upekṣā)

tuyệt các phiền não. Quán lẽ không có sở hành, nhưng đem việc hành pháp mà giáo hóa chúng sinh. Quán lẽ không không, nhưng chẳng bỏ đức đại bi. Quán chánh pháp vị, nhưng chẳng theo Tiểu thừa. Quán các pháp là hư vọng, không có bền chắc, không có ta và người, không có chủ thể, không có tướng trạng. Bốn nguyện chưa tròn, nhưng phước đức, thiền định, trí huệ chẳng phải là hư luống.

“Tu các pháp như vậy, gọi là *Bồ Tát* chẳng trụ vô vi.

“Lại nữa, nhờ có đủ phước đức, nên *Bồ Tát* chẳng trụ vô vi. Nhờ có đủ trí huệ, nên chẳng dứt hữu vi. Nhờ đại từ bi, nên chẳng trụ vô vi. Nhờ tròn bốn nguyện, nên chẳng dứt hữu vi. Nhờ tụ hội các phương thuốc pháp, nên chẳng trụ vô vi. Nhờ khéo tùy bệnh mà cho thuốc, nên chẳng dứt hữu vi. Nhờ biết bệnh của chúng sinh, nên chẳng trụ vô vi. Nhờ trị dứt bệnh của chúng sinh, nên chẳng dứt hữu vi. Các vị chánh sĩ *Bồ Tát*, khi đã tu xong các pháp ấy thì chẳng dứt hữu vi, chẳng trụ vô vi. Đó là pháp môn giải thoát *Dứt và Không dứt*. Các ông nên tu học pháp môn ấy.”

Lúc ấy, các vị *Bồ Tát* kia nghe Phật thuyết thời pháp ấy rồi, đều rất hoan hỷ. Liên dùng các hoa mầu nhiệm với nhiều thứ màu sắc, nhiều thứ mùi thơm, rải khắp cõi thế giới tam thiên đại thiên, cúng dường Phật với kinh pháp này, cũng cúng dường chư *Bồ Tát* cõi này. Rồi đó, các ngài đảnh lễ nơi chân Phật, khen là chưa từng có, và nói rằng: “Đức Phật *Thích-ca Mâu-ni* đã có thể ở cõi này mà thực hành phương tiện một cách khéo léo.”

Nói xong, bỗng nhiên các ngài mất dạng, trở về nước kia.

見阿閼佛品

第十二

爾時世尊問維摩詰。汝欲見如來。為以何等觀如來乎。

維摩詰言。如自觀身實相。觀佛亦然。我觀如來。前際不來後際不去今則不住。不觀色不觀色如。不觀色性。不觀受想行識。不觀識如。不觀識性。非四大起。同於虛空。六入無積。眼耳鼻舌身心已過不在三界。三垢已離。順三脫門。具足三明與無明等。不一相不異相。不自相不他相。非無相非取相。不此岸不彼岸不中流。而化衆生。觀於寂滅亦不永滅。不此不彼。不以此不以彼。不可以智知。不可以識識。無晦無明無名無相。無彊無弱非淨非穢。不在方不離方。

KIẾN A-SÚC PHẬT PHẨM

Đệ thập nhị

Nhĩ thời, Thế Tôn vấn *Duy-ma-cật*: Nhữ dục kiến Như Lai, vi dĩ hà đẳng quán Như Lai hồ?

Duy-ma-cật ngôn: Như tự quán thân thật tướng, quán Phật diệt nhiên. Ngã quán Như Lai, tiền tế bất lai, hậu tế bất khứ, kim tắc bất trụ. Bất quán sắc, bất quán sắc như, bất quán sắc tánh. Bất quán thọ, tướng, hành, thức. Bất quán thức như, bất quán thức tánh. Phi tứ đại khởi, đồng ư hư không. Lục nhập vô tích, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, tâm dĩ quá, bất tại Tam giới. Tam cấu dĩ ly. Thuận tam thoát môn. Cụ túc tam minh, dữ vô minh đẳng. Bất nhất tướng, bất dị tướng. Bất tự tướng, bất tha tướng. Phi vô tướng, phi thủ tướng. Bất thủ ngạn, bất bỉ ngạn, bất trung lưu, nhi hóa chúng sinh. Quán ư tịch diệt, diệt bất vĩnh diệt. Bất thủ, bất bỉ. Bất dĩ thủ, bất dĩ bỉ. Bất khả dĩ trí tri, bất khả dĩ thức thức. Vô hối, vô minh. Vô danh, vô tướng. Vô cương, vô nhược. Phi tịnh, phi uế. Bất tại phương, bất ly phương.

非有為非無為。無示無說。不施不慳。不戒不犯。不忍不恚。不進不怠。不定不亂。不智不愚。不誠不欺。不來不去。不出不入。一切言語道斷。非福田非不福田。非應供養非不應供養。非取非捨。非有相非無相。同真際等法性。不可稱不可量。過諸稱量。非大非小。非見非聞非覺非知。離衆結縛。等諸智同衆生。於諸法無分別。一切無失。無濁無惱。無作無起。無生無滅。無畏無憂無喜無厭無著。無已有無當有無今有。不可以一切言說分別顯示。

世尊。如來身為若此。作如是觀。以斯觀者名為正觀。若他觀者名為邪觀。

爾時舍利弗問維摩詰。汝於何沒而來生此。

維摩詰言。汝所得法有沒生乎。

舍利弗言。無沒生也。

若諸法無沒生相。云何問言汝於何沒而來生此。於意云何。譬如幻師幻作男女。寧沒生耶。

Phi hữu vi, phi vô vi. Vô thị, vô thuyết. Bất thí, bất khan. Bất giới, bất phạm. Bất nhẫn, bất nhuế. Bất tấn, bất dãi. Bất định, bất loạn. Bất trí, bất ngu. Bất thành, bất khi. Bất lai, bất khứ. Bất xuất, bất nhập. Nhất thiết ngôn ngữ đạo đoạn. Phi phước điền, phi bất phước điền. Phi ứng cúng dường, phi bất ứng cúng dường. Phi thủ, phi xả. Phi hữu tướng, phi vô tướng. Đồng chân tế, đẳng pháp tánh. Bất khả xúng, bất khả lượng, quá chư xúng lượng. Phi đại, phi tiểu. Phi kiến, phi văn, phi giác, phi tri. Ly chúng kết phược. Đẳng chư trí, đồng chúng sinh. Ư chư pháp, vô phân biệt, nhất thiết vô thất. Vô trước, vô nào. Vô tác, vô khởi. Vô sinh, vô diệt. Vô úy, vô ưu. Vô hỷ, vô yếm, vô trước. Vô dĩ hữu, vô đương hữu, vô kim hữu. Bất khả dĩ nhất thiết ngôn thuyết phân biệt hiển thị.

Thế Tôn! Như Lai thân vi nhược thử tác như thị quán, dĩ tư quán giả, danh vi chánh quán. Nhược tha quán giả, danh vi tà quán.

Nhĩ thời, *Xá-ly-phát* vấn *Duy-ma-cật*: Nhữ ư hà một nhi lai sinh thử?

Duy-ma-cật ngôn: Nhữ sở đắc pháp, hữu một sinh hồ?

Xá-ly-phát ngôn: Vô một sinh dã.

Nhược chư pháp vô một sinh tướng, vân hà vấn ngôn: ‘Nhữ ư hà một nhi lai sinh thử?’ Ư ý vân hà? Thí như ảo sư ảo tác nam nữ. Ninh một sinh da?

舍利弗言。無沒生也。

汝豈不聞佛說諸法如幻相乎。

答曰。如是。

若一切法如幻相者。云何問言。汝於何沒而來生此。

舍利弗。沒者為虛誑法壞敗之相。生者為虛誑法相續之相。菩薩雖沒不盡善本。雖生不長諸惡。

是時佛告舍利弗。有國名妙喜。佛號無動。是維摩詰於彼國沒而來生此。

舍利弗言。未曾有也。

世尊。是人乃能捨清淨土。而來樂此多怒害處。

維摩詰語舍利弗。於意云何。日光出時與冥合乎。

答曰。不也。日光出時即無衆冥。

維摩詰言。夫日何故行闇浮提。

答曰。欲以明照為之除冥。

Xá-ly-phát ngôn: Vô một sinh đã.

Nhữ khởi bất văn Phật thuyết: Chư pháp như ảo tướng hồ?

Đáp viết: Như thị.

Nhược nhất thiết pháp như ảo tướng giả, vân hà vấn ngôn: ‘Nhữ ư hà một nhi lai sinh thử?’

Xá-ly-phát! Một giả vi hư cuống pháp, hoại bại chi tướng. Sinh giả vi hư cuống pháp, tương tục chi tướng. *Bồ Tát* tuy một, bất tận thiện bốn, tuy sinh, bất trưởng chư ác.

Thị thời, Phật cáo *Xá-ly-phát*: Hữu quốc danh Diệu Hỷ, Phật hiệu Vô Động. Thị *Duy-ma-cật* ư bỉ quốc một nhi lai sinh thử.

Xá-ly-phát ngôn: Vị tăng hữu đã!

Thế Tôn! Thị nhân nãi năng xả thanh tịnh độ, nhi lai nhạo thử đa nộ hại xứ?

Duy-ma-cật ngữ *Xá-ly-phát*: Ư ý vân hà? Nhật quang xuất thời, dữ minh hiệp hồ?

Đáp viết: Phát đã. Nhật quang xuất thời, tắc vô chúng minh.

Duy-ma-cật ngôn: Phù nhật hà cố hành *Diêm-phù-đê*?

Đáp viết: Dục dĩ minh chiếu, vị chi trừ minh.

維摩詰言。菩薩如是。雖生不淨佛土為化衆生不與愚闇而共合也。但滅衆生煩惱闇耳。

是時大衆渴仰。欲見妙喜世界無動如來及其菩薩聲聞之衆。佛知一切衆會所念。告維摩詰言。善男子。為此衆會。現妙喜國無動如來及諸菩薩聲聞之衆。衆皆欲見。

於是維摩詰心念。吾當不起於座接妙喜國。鐵圍山川溪谷江河。大海泉源須彌諸山。及日月星宿。天龍鬼神梵天等宮。并諸菩薩聲聞之衆。城邑聚落男女大小。乃至無動如來及菩提樹諸妙蓮華。能於十方作佛事者。三道寶階從閻浮提至忉利天以此寶階諸天來下。悉為禮敬無動如來聽受經法。閻浮提人。亦登其階。上昇忉利見彼諸天。妙喜世界成就如是無量功德。

上至阿迦膩吒天。下至水際。以右手斷取如陶家輪。入此世界猶得華鬘示一切衆。

Duy-ma-cật ngôn: Bồ Tát như thị. Tuy sinh bất tịnh Phật độ, vị hóa chúng sinh bất dữ ngu ám nhi cộng hiệp dã. Dẫn diệt chúng sinh phiền não ám nhĩ.

Thị thời, Đại chúng khát ngưỡng, dục kiến Diệu Hỷ thế giới, Vô Động Như Lai cập kỳ *Bồ Tát*, Thanh văn chi chúng. Phật tri nhất thiết chúng hội sở niệm, cáo *Duy-ma-cật* ngôn: Thiện nam tử! Vị thử chúng hội, hiện Diệu Hỷ quốc, Vô Động Như Lai cập chư *Bồ Tát*, Thanh văn chi chúng. Chúng giai dục kiến.

Ư thị, *Duy-ma-cật* tâm niệm: Ngô đương bất khởi ư tòa, tiếp Diệu Hỷ quốc, thiết vi, sơn xuyên, khe cốc, giang hà, đại hải, tuyền nguyên, *Tu-di* chư sơn cập nhật nguyệt, tinh tú, thiên long, quỷ thần, *Phạm* thiên đẳng cung, tinh chư *Bồ Tát*, Thanh văn chi chúng, thành áp tụ lạc, nam nữ đại tiểu, nãi chí Vô Động Như Lai cập *Bồ-đề* thọ, chư diệu liên hoa, năng ư thập phương tác Phật sự giả, tam đạo bảo giai, từng *Diêm-phù-đề*, chí *Náo-li* thiên. Dĩ thử bảo giai, chư thiên lai hạ, tất vi lễ kính Vô Động Như Lai, thính thọ kinh pháp. *Diêm-phù-đề* nhân diệc đẳng kỳ giai, thượng thăng *Đao-ly*, kiến bỉ chư thiên, Diệu Hỷ thế giới, thành tựu như thị vô lượng công đức.

Thượng chí *A-ca-ni-trá* thiên, hạ chí thủy tế, dĩ hữu thủ đoạn thủ, như đào gia luân. Nhập thử thế giới, du đắc hoa man, thị nhất thiết chúng.

作是念已入於三昧現神通力。以其右手斷取妙喜世界置於此土。彼得神通菩薩及聲聞衆并餘天人。俱發聲言。唯然世尊。誰取我去。願見救護。

無動佛言。非我所為。是維摩詰神力所作。

其餘未得神通者。不覺不知己之所往。妙喜世界雖入此土而不增減。於是世界亦不迫隘如本無異。

爾時釋迦牟尼佛告諸大衆。汝等且觀妙喜世界無動如來其國嚴飾菩薩行淨弟子清白。

皆曰。唯然已見。

佛言。若菩薩欲得如是清淨佛土。當學無動如來所行之道。

現此妙喜國時。娑婆世界十四那由他人發阿耨多羅三藐三菩提心。皆願生於妙喜佛土。

釋迦牟尼佛即記之曰。當生彼國。

Duy-ma-cật sở thuyết kinh

Tác thị niệm dĩ, nhập ư *Tam-muội*, hiện thần thông lực: dĩ kỳ hữu thủ, đoạn thủ Diệu Hỷ thế giới, trí ư thủ độ. Bĩ đắc thần thông: *Bồ Tát* cập Thanh văn chúng, tinh dử thiên nhân, câu phát thanh ngôn: Duy nhiên, Thế Tôn! Thùy thủ ngã khứ? Nguyên kiến cứu hộ.

Vô Động Phật ngôn: Phi ngã sở vi. Thị *Duy-ma-cật* thần lực sở tác.

Kỳ dư vị đắc thần thông giả, bất giác bất tri kỷ chi sở vãng. Diệu Hỷ thế giới, tuy nhập thủ độ, nhi bất tăng giảm. Ư thị thế giới, diệc bất bách ải, như bốn vô dị.

Nhĩ thời, *Thích-ca Mâu-ni* Phật cáo chư Đại chúng: Nhữ đẳng thả quan Diệu Hỷ thế giới, Vô Động Như Lai, kỳ quốc nghiêm sức, *Bồ Tát* hạnh tịnh, đệ tử thanh bạch.

Giai viết: Duy nhiên, dĩ kiến.

Phật ngôn: Nhược *Bồ Tát* dục đắc như thị thanh tịnh Phật độ, đương học Vô Động Như Lai sở hành chi đạo.

Hiện thủ Diệu Hỷ quốc thời, *Ta-bà* thế giới thập tứ *na-do-tha* nhân phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, giai nguyện sinh ư Diệu Hỷ Phật độ.

Thích-ca Mâu-ni Phật tức ký chi viết: Đương sinh bĩ quốc.

時妙喜世界於此國土所應饒益。其事訖已還復本處舉衆皆見。

佛告舍利弗。汝見此妙喜世界及無動佛不。

唯然已見。

世尊。願使一切衆生得清淨土如無動佛。獲神通力如維摩詰。

世尊。我等快得善利。得見是人親近供養。其諸衆生若今現在若佛滅後。聞此經者亦得善利。況復聞已信解受持讀誦解說如法修行。若有手得是經典者。便為已得法寶之藏。若有讀誦解釋其義如說修行。即為諸佛之所護念。其有供養如是人者。當知則為供養於佛。其有書持此經卷者。當知其室即有如來。若聞是經能隨喜者。斯人則為趣一切智。若能信解此經乃至一四句偈為他說者。當知此人即是受阿耨多羅三藐三菩提記。



Thời, Diệu Hỷ thế giới, ư thử quốc độ sở ứng nhiều ích. Kỳ sự ngật dĩ, hoàn phục bốn xứ, cử chúng giai kiến.

Phật cáo *Xá-ly-phát*: Nhữ kiến thử Diệu Hỷ thế giới cập Vô Động Phật phủ?

Duy nhiên, dĩ kiến.

Thế Tôn! Nguyên sở nhất thiết chúng sinh đắc thanh tịnh độ như Vô Động Phật, hoạch thần thông lực như *Duy-ma-cật*.

Thế Tôn! Ngã đẳng khoái đắc thiện lợi: Đắc kiến thị nhân, thân cận cúng dường. Kỳ chư chúng sinh, nhược kim hiện tại, nhược Phật diệt hậu, văn thử kinh giả, diệt đắc thiện lợi. Huống phục văn dĩ, tín giải, thọ trì, độc tụng, giải thuyết, như pháp tu hành? Nhược hữu thủ đắc thị kinh điển giả, tiện vi dĩ đắc pháp bảo chi tạng. Nhược hữu độc tụng, giải thích kỳ nghĩa, như thuyết tu hành, tắc vi chư Phật chi sở hộ niệm. Kỳ hữu cúng dường như thị nhân giả, đương tri tắc vi cúng dường ư Phật. Kỳ hữu thọ trì thử kinh quyển giả, đương tri kỳ thất tức hữu Như Lai. Nhược văn thị kinh, năng tùy hỷ giả, tư nhân tắc vi thú nhất thiết trí. Nhược năng tín giải thử kinh, nãi chí nhất tứ cú kệ, vị tha thuyết giả, đương tri thử nhân tức thị thọ *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ký.



THAY PHẬT A-SUC⁽¹⁾

Lúc ấy, Thế Tôn hỏi *Duy-ma-cật*: “Nhu ông muốn thấy Như Lai thì quán Như Lai bằng cách nào?” *Duy-ma-cật* thưa:

“Quán Phật cũng giống như tự quán cái tướng thật của thân. Con quán Như Lai như thế này: Lúc trước, ngài chẳng lại, lúc sau, ngài chẳng đi, hiện nay, ngài chẳng trụ. Chẳng quán hình sắc, chẳng quán tánh như của hình sắc, chẳng quán tánh của hình sắc. Chẳng quán tánh của *thọ, tưởng, hành, thức*, cho đến chẳng quán tánh như của thức. Chẳng phải do Bốn đại khởi lên. Bốn đại ấy đồng với hư không: Sáu nhập không chứa giữ gì cả. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm đã vượt qua, chẳng ở tại Ba cõi. Ba cấu nhiễm⁽²⁾ đã lìa, thuận theo Ba môn giải thoát,⁽³⁾ đầy đủ Ba minh. Ba minh ấy đồng với vô minh. Chẳng

(1) Phật A-súc (Sanskrit: Akṣobhya Buddha), tức là Phật Bất Động, cũng dịch là Phật Vô Động, được xem là cõi tịnh độ phương Đông, cũng như cõi Phật A-di-đà là tịnh độ phương Tây.

(2) Ba cấu nhiễm (Tam cấu nhiễm): Ba thứ nhiễm ô tâm ý, cũng gọi là Ba độc: tham, sân, si.

(3) Ba môn giải thoát (Tam thoát môn): Tức Tam giải thoát môn (三解脱門 Sanskrit: vimokṣa; Pāli: vimokkha), là ba pháp môn đưa đến sự giải thoát, tự tại. Đó là Không (空, Sanskrit: śūnyatā), Vô tướng (無相; Sanskrit: ānimitta), và Vô nguyện (無願; Sanskrit: apraṇihit).

phải một tướng duy nhất, chẳng phải nhiều tướng khác nhau. Chẳng phải tướng mình, chẳng phải tướng kẻ khác. Chẳng phải không có tướng, chẳng phải giữ lấy tướng. Chẳng ở bên này, chẳng ở bên kia, chẳng ở giữa dòng, nhưng giáo hóa chúng sinh. Quán lẽ tịch diệt, cũng chẳng tịch diệt mãi. Chẳng phải thế này, chẳng phải thế kia. Chẳng dùng cái này, chẳng dùng cái kia. Chẳng có thể dùng trí mà hiểu, chẳng có thể dùng thức mà biết. Không tối, không sáng. Không danh, không tướng. Không mạnh, không yếu. Không sạch, không dơ. Chẳng ở tại phương vị, chẳng lìa khỏi phương vị. Chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi. Không chỉ, không nói. Chẳng bố thí, chẳng keo lận. Chẳng trì giới, chẳng phạm giới. Chẳng nhẫn nhịn, chẳng giận hờn. Chẳng tinh tấn, chẳng giải đãi. Chẳng định, chẳng loạn. Chẳng trí, chẳng ngu. Chẳng thành thật, chẳng dối trá. Chẳng lại, chẳng đi. Chẳng ra, chẳng vào. Tất cả ngôn ngữ đàm luận đều dứt. Chẳng phải ruộng phước, chẳng phải chẳng là ruộng phước. Chẳng phải đáng nhận sự cúng dường, chẳng phải chẳng đáng nhận sự cúng dường. Chẳng giữ, chẳng bỏ. Chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng. Đồng với sự chân thật, ngang với tánh các pháp. Không thể cân, không thể lường, vượt quá sự cân lường. Chẳng phải lớn, chẳng phải nhỏ. Chẳng phải thấy, chẳng phải nghe. Chẳng phải hiểu, chẳng phải biết. Là các việc trói buộc. Các trí đều bình đẳng, đồng với chúng sinh. Không phân biệt các pháp, tất cả đều không mất. Không trước, không nào. Không tác, không khởi. Không sinh, không diệt. Không

sợ, không lo. Không vui thích, không chán ngán. Không có việc đã qua, không có việc sẽ tới, không có việc hiện nay. Không thể dùng lời nói mà phân biệt, mà chỉ rõ.

“Thế Tôn! Thân Như Lai là như thế. Theo đúng như vậy, dùng phép quán như vậy, gọi là chánh quán. Nếu theo phép quán khác, gọi là tà quán.”

Lúc ấy, *Xá-lý-phát* hỏi *Duy-ma-cật*: “Ông trước thác ở chốn nào mà sinh lại đây?”

Duy-ma-cật nói: “Trong chỗ đắc pháp của ông, có việc thác và sinh chăng?”

Xá-lý-phát nói: “Không có thác và sinh.”

Duy-ma-cật nói: “Nếu trong các pháp không có tướng thác và sinh, sao ông lại hỏi tôi: *‘Thác ở chốn nào mà sinh lại đây?’* Ý ông thế nào? Tỷ như một vị ảo sư hóa ra kẻ nam, người nữ. Đó có phải là thác rồi sinh lại chăng?”

Xá-lý-phát nói: “Không có thác và sinh.”

Duy-ma-cật nói: “Ông há chẳng nghe Phật dạy các pháp đều như tướng ảo hóa đó sao?”

Xá-lý-phát nói: “Đúng như vậy.”

Duy-ma-cật nói: “Nếu tất cả pháp đều như tướng ảo hóa, tại sao ông lại hỏi tôi rằng: *‘Thác ở chốn nào mà sinh lại đây?’*”

“*Xá-lý-phát!* Thác là pháp hư dối, là tướng bại hoại. Sinh là pháp hư dối, là tướng nối tiếp. *Bồ Tát* tuy thác nhưng chẳng hết cội lành, tuy sinh nhưng chẳng thêm việc dữ.”

Lúc ấy, Phật bảo *Xá-ly-phất*: “Có một nước tên là Diệu Hỷ, đức Phật ở đó hiệu là Vô Động.⁽¹⁾ *Duy-ma-cật* đây thác ở nước ấy mà sinh lại đây.”

Xá-ly-phất nói: “Chưa từng có vậy! Thế Tôn! Người này há có thể bỏ cõi thanh tịnh mà vui lòng sinh lại chốn nhiều sân hại này sao?”

Duy-ma-cật hỏi *Xá-ly-phất*: “Ý ông thế nào? Khi ánh sáng mặt trời phóng ra, ánh sáng ấy có hiệp với tánh của sự tối chẳng?”

Xá-ly-phất đáp: “Không. Khi ánh sáng mặt trời phóng ra, thời không còn những chỗ tối.”

Duy-ma-cật lại hỏi: “Tại sao mặt trời vận hành ở cõi *Diêm-phù-đề*?”

Xá-ly-phất đáp: “Là muốn đem ánh sáng chiếu ra để phá trừ sự tối tăm.”

Duy-ma-cật nói: “Bồ Tát cũng vậy. Tuy sinh ở cõi Phật chẳng tịnh, là vì muốn giáo hóa chúng sinh, nhưng chẳng chung hiệp với những kẻ ngu tối. *Bồ Tát* chỉ muốn dứt trừ cảnh tối tăm là phiền não của chúng sinh mà thôi.”

Lúc ấy, đại chúng lấy làm khát ngưỡng, muốn nhìn thấy thế giới Diệu Hỷ với đức Như Lai Vô Động và chúng *Bồ Tát*, Thanh văn của Ngài. Biết được ý nghĩ của tất cả chúng hội, đức Phật bảo *Duy-ma-cật* rằng: “Thiện nam

(1) Phật Vô Động: cũng gọi là Phật Bất động (Sanskrit: Akṣobhya Buddha), dịch âm là A-súc Phật.

tử! Ông hãy vì chúng hội này, hiện ra nước Diệu Hỷ với đức Như Lai Vô Động và chúng Bồ Tát, Thanh văn của ngài. Đại chúng đây đều muốn thấy như vậy.”

Lúc ấy, *Duy-ma-cật* nghĩ trong tâm rằng: “Không rời khỏi chỗ ngồi này, tôi sẽ đón lấy cõi nước Diệu Hỷ, núi Thiết Vi, non nước, suối khe, sông rạch, biển cả, mạch nguồn, núi *Tu-di* với mặt trời, mặt trăng, tinh tú, cung điện của chư thiên, loài rồng, quỷ thần, cùng đại chúng Bồ Tát, Thanh văn, thành ấp, làng xóm, kẻ nam người nữ, kẻ lớn người nhỏ, cho đến đức Như Lai Vô Động với cây Bồ-đề, các hoa sen màu nhiệm đều có thể làm Phật sự ở khắp mười phương. Ba đạo thang báu sẽ bắt từ mặt đất cõi *Diêm-phù-đề* lên tới cung trời *Đao-ly*. Chư thiên sẽ theo thang báu ấy mà đi xuống, ai nấy đều sẽ lễ kính đức Như Lai Vô Động, nghe và thọ kinh pháp. Người ở *Diêm-phù-đề* cũng sẽ trèo thang ấy, đi lên tới cung trời *Đao-ly*, yết kiến chư thiên cung ấy. Cõi thế giới Diệu Hỷ thành tựu những công đức vô lượng như vậy.

“Cho đến miền cao nhất là tầng trời *A-ca-ni-trá*⁽¹⁾ và miền thấp nhất là Thủy tế, tôi sẽ dùng bàn tay phải mà nắm lấy, cũng như người thợ lò gốm cầm cái bàn xoay. Tôi sẽ đưa thế giới kia vào thế giới này cũng như người ta mang một vòng dây hoa, rồi chỉ cho tất cả đại chúng nhìn thấy.”

⁽¹⁾ A-ca-ni-trá (Sanskrit: Akaniṣṭha), dịch nghĩa là Sắc cứu cánh thiên, tầng trời thứ 18, cao nhất trong cõi Sắc giới.

Nghĩ như vậy rồi, *Duy-ma-cật* liền nhập định, hiện sức thần thông. Ông đưa bàn tay phải mà đón lấy thế giới Diệu Hỷ, đặt vào cõi *Ta-bà* này. Những vị đắc thần thông ở cõi ấy như các vị *Bồ Tát*, chúng Thanh văn cùng hàng trời, người, đều phát lên tiếng rằng: “Dạ, Thế Tôn! Có ai đang bắt lấy chúng con mà mang đi? Xin ngài mở lòng cứu hộ chúng con.”

Đức Phật Vô Động nói: “Chẳng phải ta làm việc ấy. Đó là do sức thần thông của *Duy-ma-cật* làm ra vậy.”

Ngoài ra, những vị chưa đắc thần thông thì chẳng có cảm giác, chẳng biết rằng mình đang bị đưa đi. Thế giới Diệu Hỷ, tuy sáp nhập vào cõi này, nhưng chẳng có chi tăng hoặc giảm. Ở thế giới này cũng không có sự chèn ép chặt chội, mà tình trạng vẫn y nguyên như cũ, không khác gì.

Lúc ấy, Phật *Thích-ca Mâu-ni* nói với đại chúng rằng: “Các ông hãy nhìn xem Thế giới Diệu Hỷ với đức Như Lai Vô Động. Nước của ngài trang nghiêm tốt đẹp, *Bồ Tát* thì giữ hạnh trong sạch, chư đệ tử đều thanh bạch.”

Đại chúng đều thưa: “Dạ, chúng con đã thấy như vậy.”

Phật dạy: “Nếu *Bồ Tát* muốn được cõi Phật thanh tịnh như vậy, nên học theo đạo mà đức Như Lai Vô Động đã làm.”

Kinh Duy-ma-cật

Trong khi nước Diệu Hỷ ấy hiện lại, thời mười bốn *na-do-tha*⁽¹⁾ người ta ở thế giới *Ta-bà* này phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, thấy đều nguyện sinh nơi cõi Phật Diệu Hỷ.

Đức Phật *Thích-ca Mâu-ni* liền thọ ký cho rằng: “Các người sẽ được sinh về nước ấy.”

Lúc ấy, thế giới Diệu Hỷ ứng hiện sự nhiều ích ở cõi nước này xong, bèn trở về vị trí cũ của mình. Đại chúng đều nhìn thấy như vậy.

Phật bảo *Xá-lý-phát*: “Người có nhìn thấy thế giới Diệu Hỷ với đức Phật Vô Động chăng?”

Xá-lý-phát bạch rằng: “Dạ, đã thấy. Thế Tôn! Con nguyện cho tất cả chúng sinh đều được cõi thanh tịnh như Phật Vô Động! Nguyện cho tất cả đều được sức thần thông như *Duy-ma-cật*.”

“Thế Tôn! Chúng con lấy làm khoái mà có sự ích lợi tốt lành là được nhìn thấy người này,⁽²⁾ được thân cận và cúng dường. Những chúng sinh nào, hoặc ở đời hiện tại này, hoặc sau khi Phật diệt độ, mà nghe được kinh này, cũng sẽ được sự ích lợi tốt lành như vậy. Huống chi đã nghe rồi, mà còn tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, như pháp mà tu hành? Nếu ai được kinh điển này vào tay mình, tức là được kho tàng Pháp bảo. Nếu ai đọc tụng kinh này, giải thích nghĩa lý trong kinh, theo như giảng thuyết trong

(1) *Na-do-tha* (Sanskrit: *ayuta*): Con số đo lường của Ấn Độ, bằng mười triệu (10.000.000).

(2) Người này: Tức là chỉ *Duy-ma-cật*.

Những ai cúng dường cho người ấy, nên biết rằng họ đã đang cúng dường chư Phật vậy. Những ai sao chép và gìn giữ quyển kinh này, nên biết rằng nơi người ấy cư ngụ tất có đức Như Lai. Nếu ai nghe kinh này mà tỏ ý vui, tất người ấy hưởng về địa vị của bậc có trí hiểu biết tất cả. Nếu ai tin và hiểu kinh này, cho đến chỉ cần một bài kệ bốn câu và diễn giải với kẻ khác, nên biết rằng người ấy chắc chắn sẽ được thọ ký quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.”



(1) Hộ niệm: Bảo hộ, bảo vệ, che chở.

法供養品

第十三

爾時釋提桓因於大衆中白佛言。世尊。我雖從佛及文殊師利聞百千經。未曾聞此不可思議自在神通決定實相經典。如我解佛所說義趣。若有衆生聞此經法。信解受持讀誦之者。必得是法不疑。何況如說修行。斯人則為閉衆惡趣開諸善門。常為諸佛之所護念。降伏外學摧滅魔怨。修治菩提安處道場。履踐如來所行之跡。

世尊。若有受持讀誦如說修行者。我當與諸眷屬供養給事。所在聚落城邑山林曠野有是經處。我亦與諸眷屬。聽受法故共到其所。其未信者當令生信。其已信者當為作護。

PHÁP CÚNG DƯỜNG PHẨM

Đệ thập tam

Nhĩ thời, *Thích-đề-hoàn-nhân*, ư Đại chúng trung, bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã tuy từng Phật cập *Văn-thù Sư-lý*, văn bá thiên kinh, vị tăng văn thử Bất khả tư nghị tự tại thần thông quyết định thật tướng kinh điển. Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa thú, nhược hữu chúng sinh văn thử kinh pháp, tín giải, thọ trì, độc tụng chi giả, tất đắc thị pháp bất nghi. Hà hướng như thuyết tu hành? Tư nhân tắc vi bố chúng ác thú, khai chư thiện môn, thường vi chư Phật chi sở hộ niệm, hàng phục ngoại học, tội diệt ma oán, tu trị *Bồ-đề*, an xử đạo tràng, lý tiền Như Lai sở hành chi tích.

Thế Tôn! Nhược hữu thọ trì, độc tụng, như thuyết tu hành giả, ngã đương dĩ chư quyến thuộc cúng dường cấp sự. Sở tại tự lạc, thành ấp, sơn lâm, khoáng dã, hữu thị kinh xử, ngã diệc dĩ chư quyến thuộc, thỉnh thọ pháp cố, cộng đáo kỳ sở. Kỳ vị tín giả, đương linh sinh tín. Kỳ dĩ tín giả, đương vị tác hộ.

維摩詰所說經此經云不不現住諸佛不可思議阿耨多羅三藐三菩提。

是故天帝。若善男子善女人。受持讀誦供養是經者則為供養去來今佛。

天帝。正使三千大千世界如來滿中。譬如甘蔗竹葦稻麻叢林。若有善男子善女人。或以一劫或減一劫。恭敬尊重讚歎供養奉諸所安。至諸佛滅後。以一一全身舍利起七寶塔。縱廣一四天下高至梵天表刹莊嚴。以一切華香瓔珞幢幡伎樂微妙第一。若一劫若減一劫而供養之。

天帝。於意云何。其人植福寧為多不。

釋提桓因言。甚多世尊。彼之福德若以百千億劫說不能盡。

佛告天帝。當知是善男子善女人。聞是不可思議解脫經典信解受持讀誦修行福多於彼。所以者何。諸佛菩提皆從是生。菩提之相不可限量。以是因緣福不可量。

Duy-ma-cật sở thuyết kinh

Phật ngôn: Thiện tai, thiện tai! Thiên đế, như như sở thuyết, ngô trợ nhĩ hỷ. Thử kinh quảng thuyết quá thọ trì, độc tụng, cúng dường thị kinh giả, đắc vi cúng dường khứ, lai, kim Phật.

Thiên đế! Chánh sử tam thiên đại thiên thế giới, Như Lai mãn trung, thí như cam giá, trúc vĩ, đạo ma, tòng lâm. Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc dĩ nhất kiếp, hoặc giảm nhất kiếp, cung kính tôn trọng, tán thán cúng dường, phụng chú sở an. Chí chú Phật diệt hậu, dĩ nhất nhất toàn thân *xú-ly*, khởi thất bảo tháp, tống quảng nhất tứ thiên hạ, cao chí *Phạm* thiên, biểu sát trang nghiêm, dĩ nhất thiết hoa hương, anh lạc, tràng phan, kỹ nhạc, vi diệu đệ nhất. Nhược nhất kiếp, nhược giảm nhất kiếp, nhi cúng dường chi.

Thiên đế! Ư ý vân hà? Kỳ nhân thực phước, ninh vi đa phủ?

Thích-đề-hoàn-nhân ngôn: Thâm đa, Thế Tôn! Bĩ chi phước đức, nhược dĩ bá thiên ức kiếp, thuyết bất năng tân.

Phật cáo Thiên đế: Đương tri thị thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thị Bất khả tư nghị giải thoát kinh điển, tín giải, thọ trì, độc tụng, tu hành, phước đa ư bỉ. Sở dĩ giả hà? Chư Phật *Bồ-đề* giai từng thử sinh. *Bồ-đề* chi tướng, Bất khả hạn lượng. Dĩ thị nhân duyên, phước bất khả lượng.

佛告天帝。過去無量阿僧祇劫時。世有佛號曰藥王如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。世界名大莊嚴。劫名莊嚴。佛壽二十小劫。其聲聞僧三十六億那由他。菩薩僧有十二億。

天帝。是時有轉輪聖王名曰寶蓋。七寶具足主四天下。王有千子。端正勇健能伏怨敵。

爾時寶蓋與其眷屬供養藥王如來。施諸所安至滿五劫。過五劫已告其千子。汝等亦當如我以深心供養於佛。

於是千子受父王命。供養藥王如來。復滿五劫一切施安。其王一子名曰月蓋。獨坐思惟。寧有供養殊過此者。

以佛神力空中有天曰。善男子。法之供養勝諸供養。

即問。何謂法之供養。

天曰。汝可往問藥王如來。當廣為汝說法之供養。

Duy-ma-cật sở thuyết kinh

Phật cáo Thiên đế: Quá khứ vô lượng *a-tăng-kỳ* kiếp thời, thế hữu Phật hiệu viết Dục vương, Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến Tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Thế giới danh Đại Trang Nghiêm. Kiếp danh Trang Nghiêm. Phật thọ nhị thập tiểu kiếp. Kỳ Thanh văn tăng, Tam thập lục ức *na-do-tha*. Bồ Tát tăng hữu thập nhị ức.

Thiên đế! Thị thời, hữu chuyển luân Thánh vương, danh viết Bảo Cái, thất bảo cụ túc, chủ tứ thiên hạ. Vương hữu thiên tử, đoan chánh, dũng kiện, năng phục oán địch.

Nhĩ thời, Bảo Cái dữ kỳ quyến thuộc cúng dường Dục Vương Như Lai, thi chư sở an, chí mãn ngũ kiếp. Quá ngũ kiếp dĩ, cáo kỳ Thiên tử: ‘Nhữ đẳng diệc đương như ngã, dĩ thâm tâm cúng dường ư Phật.’

Ư thị, thiên tử thọ phụ vương mạng, cúng dường Dục Vương Như Lai. Phục mãn ngũ kiếp, nhất thiết thi an. Kỳ vương nhất tử, danh viết Nguyệt Cái, độc tọa tư duy: ‘Ninh hữu cúng dường thù quá thử giả?’

Dĩ Phật thần lực, không trung hữu thiên viết: ‘Thiện nam tử! Pháp chi cúng dường thắng chư cúng dường.’

Tức vấn: ‘Hà vị pháp chi cúng dường?’

Thiên viết: ‘Nhữ khả vãng vấn Dục Vương Như Lai. Đương quảng vị nhữ thuyết pháp chi cúng dường.’

即時月蓋王子行詣藥王如來稽首佛足。卻住一面白佛言。世尊。諸供養中法供養勝。云何名為法之供養。

佛言。善男子。法供養者。諸佛所說深經。一切世間難信難受。微妙難見清淨無染。非但分別思惟之所能得。菩薩法藏所攝。陀羅尼印印之。至不退轉成就六度。善分別義順菩提法。衆經之上。入大慈悲。離衆魔事及諸邪見。順因緣法。無我無人無衆生無壽命。空無相無作無起。能令衆生坐於道場而轉法輪。諸天龍神乾闥婆等所共歎譽。

能令衆生入佛法藏攝諸賢聖一切智慧。說衆菩薩所行之道。依於諸法實相之義。明宣無常苦空無我寂滅之法。能救一切毀禁衆生。諸魔外道及貪著者能使怖畏。諸佛賢聖所共稱歎。背生死苦示涅槃樂。十方三世諸佛所說。若聞如是等經。信解受持讀誦。以方便力為諸衆生分別解說顯示分明。守護法故。是名法之供養。

Túc thời, Nguyệt Cái vương tử hành nghề Dục Vương Như Lai, khể thủ Phật túc, khước trụ nhất diện, bạch Phật ngôn: ‘Thế Tôn! Chư cúng dường trung, pháp cúng dường thắng. Văn hà danh vi pháp chi cúng dường?’

Phật ngôn: ‘Thiện nam tử! Pháp cúng dường giả, chư Phật sở thuyết thâm kinh, nhất thiết thế gian nan tín nan thọ. Vi diệu nan kiến, thanh tịnh vô nhiễm. Phi dân phân biệt tư duy chi sở năng đắc. *Bồ Tát* pháp tạng sở nhiếp. *Đà-la-ni* ấn ấn chi. Chí bất thối chuyển, thành tựu lục độ. Thiện phân biệt nghĩa, thuận *Bồ-đề* pháp, chúng kinh chi thượng. Nhập đại từ bi. Ly chúng ma sự cập chư tà kiến. Thuận nhân duyên pháp. vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ mạng, không, vô tướng, vô tác, vô khởi. Năng linh chúng sinh tọa ư đạo tràng nhi chuyển pháp luân. Chư thiên, long, thần, *càn-thát-bà* đẳng sở cộng thán dự.

‘Năng linh chúng sinh nhập Phật pháp tạng. Nhiếp chư hiền thánh nhất thiết trí huệ. Thuyết chúng *Bồ Tát* sở hành chi đạo. Y ư chư pháp thật tướng chi nghĩa. Minh tuyên vô thường, khổ, không, vô ngã, tịch diệt chi pháp. Năng cứu nhất thiết hủy cấm chúng sinh. Chư ma, ngoại đạo cập tham trước giả, năng sử bố úy. Chư Phật, hiền thánh sở cộng xưng tán. Bội sinh tử khổ, thị *Niết-bàn* lạc. Thập phương tam thế chư Phật sở thuyết. Nhược văn như thị đẳng kinh, tín giải, thọ trì, đọc tụng, dĩ phương tiện lực, vi chư chúng sinh phân biệt giải thuyết, hiển thị phân minh, thủ hộ pháp cố, thị danh pháp chi cúng dường.

又於諸法如說修行。隨順十二因緣。離諸邪見得無生忍。決定無我無有衆生。而於因緣果報。無違無諍離諸我所。依於義不依語。依於智不依識。依了義經不依不了義經。依於法不依人。隨順法相無所入無所歸。無明畢竟滅故。諸行亦畢竟滅。乃至生畢竟滅故。老死亦畢竟滅。作如是觀。十二因緣無有盡相。不復起見。是名最上法之供養。

佛告天帝。王子月蓋從藥王佛。聞如是法得柔順忍。即解寶衣嚴身之具。以供養佛白佛言。世尊。如來滅後我當行法供養守護正法。願以威神加哀建立。令我得降魔怨修菩薩行。

佛知其深心所念。而記之曰。汝於末後守護法城。

天帝。時王子月蓋見法清淨。聞佛授記以信出家。修集善法。精進不久得五神通。具菩薩道。得陀羅尼無斷辯才。於佛滅後以其所得神通總持辯才之力。滿十小劫藥王如來所轉法輪隨而分布。月蓋比丘

‘Hựu, ư chư pháp như thuyết tu hành. Tùy thuận thập nhị nhân duyên, ly chư tà kiến, đắc vô sinh nhẫn, quyết định vô ngã, vô hữu chúng sinh, nhi ư nhân duyên quả báo, vô vi vô tranh. Ly chư ngã sở. Y ư nghĩa, bất y ngữ. Y ư trí, bất y thức. Y liễu nghĩa kinh, bất y bất liễu nghĩa kinh. Y ư pháp, bất y nhân. Tùy thuận pháp tướng, vô sở nhập, vô sở quy. Vô minh tất cánh diệt cố chư hành diệt tất cánh diệt, nãi chí sinh tất cánh diệt cố lão tử diệt tất cánh diệt. Tác như thị quán, thập nhị nhân duyên vô hữu tận tướng, bất phục khởi tướng. Thị danh tối thượng pháp chi cúng dường.’

Phật cáo Thiên đế: Vương tử Nguyệt Cái, tùng Dục Vương Phật, văn như thị pháp đắc như thuận nhẫn. Tức giải bảo y nghiêm thân chi cụ, dĩ cúng dường Phật, bạch Phật ngôn: ‘Thế Tôn! Như Lai diệt hậu, ngã đương hành pháp cúng dường, thủ hộ chánh pháp. Nguyện dĩ oai thần gia ai kiến lập, linh ngã đắc hàng phục ma oán, tu *Bồ Tát* hạnh.’

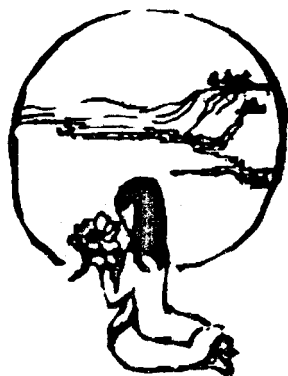
Phật tri kỳ thâm tâm sở niệm, nhi ký chi viết: ‘Nhữ ư diệt hậu, thủ hộ pháp thành.’

Thiên đế! Thời vương tử Nguyệt Cái, kiến pháp thanh tịnh, văn Phật thọ ký, dĩ tín xuất gia. Tu tập thiện pháp, tinh tấn bất cửu, đắc ngũ thần thông, cụ *Bồ Tát* đạo, đắc *đà-la-ni*, vô đoạn biện tài. Ư Phật diệt hậu, dĩ kỳ sở đắc thần thông, tổng trì, biện tài chi lực. Mãn thập tiểu kiếp, Dục Vương Như Lai sở chuyển pháp luân, tùy nhi phân

以守護法勤行精進。即於此身化百萬億人。於阿耨多羅三藐三菩提立不退轉。十四那由他人深發聲聞辟支佛心。無量衆生得生天上。

天帝。時王寶蓋豈異人乎。今現得佛號寶燄如來。其王千子即賢劫中千佛是也。從迦羅鳩孫馱為始得佛。最後如來號曰樓至。月蓋比丘則我身是。如是天帝。當知此要。以法供養於諸供養為上為最。第一無比。

是故天帝。當以法之供養供養於佛。



bố. Nguyệt Cái *tỳ-kheo*, dĩ thủ hộ pháp, cần hành tinh tấn. Tức ư thử thân, hóa bá vạn ức nhân. Ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, lập bất thối chuyển. Thập tứ *na-do-tha* nhân thâm phát Thanh văn, Bích chi Phật tâm. Vô lượng chúng sinh đắc sinh thiên thượng.

Thiên đế! Thời, vương Bảo Cái, khởi dĩ nhân hồ? Kim hiện đắc Phật, hiệu Bảo Diệm Như Lai. Kỳ vương thiên tử, tức Hiền kiếp trung thiên Phật thị dã, tùng *Ca-la-cư Tôn-đa* vi thủy đắc Phật, tối hậu Như Lai hiệu viết Lâu Chí. Nguyệt Cái *tỳ-kheo* tắc ngã thân thị. Như thị, Thiên đế! Đương tri thử yếu: dĩ pháp cúng dường, ư chư cúng dường vi thượng, vi tối, đệ nhất vô tỷ.

Thị cố, Thiên đế! Đương dĩ pháp chi cúng dường, cúng dường ư Phật.



Phẩm thứ mười ba

CÚNG DƯỠNG PHÁP

Úc ấy, ở trong đại chúng, *Thích-dê-hoàn-nhân*⁽¹⁾ bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Tuy con đã theo Phật và *Vân-thù Sư-ly* mà được nghe trăm ngàn kinh điển, nhưng chưa từng nghe kinh điển *Bất khả tư nghị tự tại thân thông quyết định thật tướng* này. Như chỗ con hiểu nghĩa lý mà Phật đã thuyết, nếu có những chúng sinh nào nghe được kinh này và tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, thời chắc chắn đắc pháp này. Huống chi theo như giảng thuyết trong kinh mà tu hành? Những người ấy ắt sẽ đóng cửa các nẻo ác, mở cửa đường lành. Thường được chư Phật hộ niệm, họ sẽ hàng phục bọn ngoại đạo, dẹp phá đám oán tặc ma, tu chánh quả *Bồ-đề*, ở yên nơi đạo tràng, bước theo dấu chân mà Như Lai đã đi qua.

“Thế Tôn! Nếu có những người nào thọ trì, đọc tụng, theo như thuyết mà tu hành, con và những quyến thuộc của con sẽ cúng dường, chu cấp, phụng sự những người ấy. Bất kỳ ở nơi nào, xóm làng, thành ấp, núi rừng hoặc đồng ruộng mà có hội giảng kinh này, con và những quyến thuộc của con sẽ cùng nhau đến đó nghe và thọ pháp. Những người nào chưa tin, con sẽ làm họ sinh lòng tin. Những người nào đã tin, con sẽ theo giúp họ.”

⁽¹⁾ Thích-dê-hoàn-nhân (釋提桓因), dịch nghĩa là Năng thiên chủ: Trong kinh thường gọi là Đế-thích (帝釋, Sanskrit: Indra) hay Thiên đế. Đây là vị vua ở cõi trời Đao-lý, gồm 33 cảnh trời (Tam thập tam thiên 三十三天; Sanskrit: trāyas-trimśat).

Phật phán: “Lành thay, lành thay! Thiên đế, người đã nói như vậy, ta vui vẻ tán trợ người đó.

“Kinh này giảng rộng quả *A-nậu-da-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* của chư Phật đã qua, hiện tại và tương lai.

“Thiên đế! Vì vậy nên những thiện nam tử, thiện nữ nhân nào thọ trì, đọc tụng, cúng dường kinh này, tức là cúng dường chư Phật đã qua, hiện tại và tương lai.

“Thiên đế! Tỷ như trong thế giới tam thiên đại thiên này có đầy chư Phật Như Lai, nhiều đến như mía, tre, lau, lúa, mè, cây rừng... Nếu có những thiện nam tử, thiện nữ nhân trải qua một kiếp hoặc một kiếp giảm⁽¹⁾ mà cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường, phụng sự mọi bề đối với chư Phật ấy; cho đến sau khi chư Phật ấy tịch diệt, lại xây tháp bảy báu mà an trí toàn thân *xá-ly*⁽²⁾ của mỗi đức Phật, mỗi cảnh tháp bề ngang và bề dọc

⁽¹⁾ Một kiếp hoặc một kiếp giảm (Nhất kiếp hoặc giảm nhất kiếp) Một kỳ tăng kiếp và một kỳ giảm kiếp. Lấy tuổi thọ của con người từ 10 tuổi mà bắt đầu tính, cứ qua một trăm năm thì tuổi thọ tăng thêm một tuổi, cho đến lúc tuổi thọ con người được 84.000 năm thì hết một kỳ *kiếp tăng*. Rồi từ đó tính tới, cứ qua một trăm năm thì tuổi thọ con người lại giảm đi một tuổi, cho đến lúc tuổi thọ con người chỉ còn 10 tuổi thì hết một *kiếp giảm*. Một kỳ tăng kiếp và một kỳ giảm kiếp như vậy, cộng thành 16.800.000 năm, tức là một *tiểu kiếp*.

⁽²⁾ *Xá-ly* (Sanskrit: śarīra) là phần di thể của các vị Phật, các vị Thánh để lại sau khi tịch diệt, phân làm 2 loại là:

1. Toàn thân *xá-ly*: trọn phần thân thể còn được giữ mãi, thờ kính trong một tháp,
2. Toái thân *xá-ly*: thân thể sau khi tịch diệt được thiêu thành tro, trong đó còn lại những viên nhỏ sáng đẹp gọi là ngọc *xá-ly*, được chia ra thờ kính ở nhiều nơi.

bằng một côi tứ thiên hạ, bề cao lên tới côi Phạm thiên, phía ngoài và trên mặt đất trang nghiêm bởi các thứ hoa hương, chuỗi ngọc, cờ phướn, kỹ nhạc, vi diệu bậc nhất, cúng dường như vậy trọn một kiếp hoặc một kiếp giảm.

“Thiên đế! Ý ông thế nào? Phước đức mà những người ấy gieo trồng có phải là nhiều chăng?

Thích-đề-hoàn-nhân đáp: “Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Những phước đức ấy, dù trong trăm ngàn muôn kiếp cũng năm tử, thiện nữ nhân ấy nghe được kinh điển *Bát khả tư nghị giải thoát* này và tin tưởng, thọ trì, tụng đọc, tu hành, thì phước đức còn nhiều hơn cả phước đức kia. Tại sao vậy? *Bồ-đề* của chư Phật đều do đó mà sinh ra. Tướng của *Bồ-đề* là không thể hạn lượng. Bởi nhân duyên ấy, phước đức không thể hạn lượng.”

Phật lại bảo Thiên đế: “Vào thuở quá khứ, cách nay vô lượng *a-tăng-kỳ* kiếp, có một đức Phật ra đời hiệu là *Dược Vương Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn*. Cõi thế giới của Phật ấy tên là Đại Trang Nghiêm. Kiếp đó tên là Trang Nghiêm. Phật ấy thọ hai mươi tiểu kiếp, Thanh văn tăng của ngài là ba mươi sáu ức *na-do-tha* vị, *Bồ Tát* tăng của ngài là mười hai ức vị.

Cúng dường pháp

chúa bốn cõi thiên hạ. Vua có một ngàn người con trai, đoan chánh dũng kiện, đủ sức hàng phục những kẻ oán địch.

“Thuở ấy, vua Bảo Cái với quyền thuộc của mình cùng cúng dường đức Như Lai Dược Vương, phụng thí mọi bề yên ổn cho đến trọn năm kiếp. Quá năm kiếp ấy rồi, vua bảo một ngàn người con trai rằng: ‘Các con cũng nên làm như cha, đem lòng sâu vững mà cúng dường Phật.’

“Liên đó, một ngàn người con trai vâng lời vua cha, cúng dường đức Như Lai Dược Vương trọn năm kiếp nữa, các vị này đều phụng thí mọi bề an ổn.

“Khi ấy, trong các vương tử có một vị tên là Nguyệt Cái, ngồi riêng một mình mà suy nghĩ rằng: ‘Liệu có cách cúng dường nào vượt trội hơn cách cúng dường hiện nay chăng?’

(1) Bảy thứ báu (Thất bảo): Bảy điều quý báu của một vị Chuyển luân Thánh vương:

1. Luân bảo: xe quý có thể bay đi trên hư không để hàng phục thiên hạ.
2. Tượng bảo: Voi quý báu, lớn đẹp, chẳng ai có.
3. Mã bảo: Ngựa quý báu nhất, chẳng ngựa nào bằng.
4. Ma-ni châu: Hạt châu như ý.
5. Nữ bảo: Người phụ nhân đoan chánh và đức hạnh nhất.
6. Chủ tạng thần: Quan đại thần có tài cai quản kho tàng, tài chánh.
7. Chủ binh thần: Quan đại thần có tài cầm binh khiến tướng.

“Do thần lực của Phật, nơi không trung liền có tiếng một vị thiên tử phát ra rằng: ‘Thiện nam tử! Có cách cúng dường pháp vượt trội hơn các cách cúng dường.’

“Vương tử liền hỏi: ‘Sao gọi là cúng dường pháp?’

“Vị thiên tử đáp: ‘Ông nên đến hỏi đức Như Lai Dược Vương. Ngài sẽ giảng rộng với ông việc cúng dường pháp.’

“Tức thời, vương tử Nguyệt Cái đến chỗ ngự của đức Như Lai Dược Vương, đánh lễ sát chân Phật, rồi lui lại đứng sang một bên, bạch Phật rằng: ‘Thế Tôn! Trong các cách cúng dường, cúng dường pháp là vượt trội hơn hết. Thế nào gọi là cúng dường pháp?’

“Phật dạy: ‘Thiện nam tử! Kinh điển sâu xa do chư Phật thuyết, tất cả thế gian khó tin, khó nhận, vì diệu khó thấy, thanh tịnh không nhiễm, chẳng phải chỉ do sự suy xét phân biệt mà được; đó là phần chứa giữ trong pháp tạng của *Bồ Tát*; đó là dấu in của ấn *đà-la-ni*, đưa tới địa vị chẳng còn thối chuyển, thành tựu sáu pháp *ba-la-mật*; khéo phân biệt nghĩa, thuận theo pháp *Bồ-đề*; vượt trội hơn hết trong các kinh; vào đại từ bi, lia các việc ma và các tà kiến; thuận theo pháp nhân duyên; không có ta, không có người khác, không có chúng sinh, không có thọ mạng; không, vô tướng, vô tác, vô khởi; có thể khiến chúng sinh ngồi nơi đạo tràng mà chuyển bánh xe pháp; đó là chỗ chư thiên, loài rồng, thần, *càn-thát-bà*... đều khen ngợi; có thể khiến chúng sinh vào được pháp tạng của Phật; thâm nhiếp tất cả trí huệ của các vị hiền

thánh; giảng thuyết chỗ hành đạo của các vị *Bồ Tát*; nương theo nghĩa tướng chân thật của các pháp; giảng rõ những pháp: vô thường, khổ, không, vô ngã, tịch diệt, có thể cứu vớt tất cả những chúng sinh đã hủy phạm giới cấm; khiến cho chúng ma, ngoại đạo cùng những kẻ tham trước phải sợ sệt; đó là chỗ mà chư Phật, hiền thánh đều xưng tụng; trái nghịch với khổ não sinh tử, chỉ rõ sự vui sướng của *Niết-bàn*; đó là chỗ thuyết dạy của chư Phật mười phương trong ba đời.⁽¹⁾ Nếu nghe được những kinh điển như vậy mà tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, dùng sức phương tiện vì chúng sinh mà phân biệt giảng thuyết, chỉ bày rành rẽ, thủ hộ pháp giáo, đó gọi là *cúng dường pháp*. Lại nữa, đối với các pháp, cứ theo như thuyết mà tu hành. Tùy thuận mười hai nhân duyên, lìa các tà kiến, đắc phép nhãn vô sinh, quyết định không có ta, không có chúng sinh, nhưng đối với nhân duyên và quả báo không trái nghịch và không tranh cãi. Lìa những sở hữu của mình. Y theo nghĩa lý, chẳng y theo lời nói. Y theo trí, chẳng y theo thức. Y theo kinh được hiểu rõ nghĩa, chẳng y theo kinh không hiểu rõ nghĩa. Y theo pháp, chẳng y theo người. Tùy thuận theo pháp, không có chỗ nào mà vào, không có chỗ nào mà về. Vì lẽ diệt hết *vô minh*, cho nên cũng diệt hết các *hành*..., cho đến vì lẽ diệt hết *sinh*, cho nên cũng diệt hết *già và chết*.⁽²⁾ Theo phép như vậy rồi, mười hai nhân duyên không có tướng dứt mất,

(1) Ba đời (Tam thế): Tức là đời quá khứ, đời hiện tại và đời vị lai.

(2) Nghĩa là dứt hết 12 nhân duyên, từ vô minh cho đến già chết.

lại cũng không có tướng sinh khởi. Đó gọi là *cúng dường pháp cao nhất*.”

Phật bảo Thiên đế: “Vương tử Nguyệt Cái theo Phật Dược Vương nghe pháp như vậy, được đức nhẫn nhu thuận. Người liền cởi cái áo quý đang đắp trên mình mà cúng dường Phật Dược Vương và bạch Phật rằng: ‘Thế Tôn! Sau khi Như Lai nhập diệt con sẽ thi hành việc cúng dường Pháp, bảo vệ Chánh pháp. Xin Phật dùng oai thần, thương giúp con kiến lập. Xin khiến cho con hàng phục được bọn ma oán, tu hạnh *Bồ Tát*.’

“Phật biết rõ nơi thâm tâm của vương tử, bèn thọ ký cho rằng: ‘Về thuở sau cùng, ông sẽ làm người bảo vệ thành trì Chánh pháp.’

“Thiên đế! Thuở ấy, vị Vương tử Nguyệt Cái thấy pháp thanh tịnh nghe Phật thọ ký, bèn phát tâm xuất gia. Người tu tập thiện pháp tinh tấn, chẳng bao lâu được năm thần thông, đầy đủ đạo *Bồ Tát*, được phép tổng trì và biện tài chẳng gián đoạn. Sau khi Phật Dược Vương vào *Niết-bàn*, người dùng sức thần thông tổng trì và biện tài, trọn mười tiểu kiếp đem chỗ Chuyển pháp luân của Như Lai Dược Vương mà tùy nghi phân bố cho đời. *Tỳ-kheo* Nguyệt Cái, vì bảo vệ Chánh pháp, nên siêng năng tu hành tinh tấn. Liền đó, từ nơi một thân *tỳ-kheo* ấy hóa ra trăm ngàn muôn người. Người đứng trên địa vị không còn thối chuyển đối với quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Mười bốn *na-do-tha* người phát tâm sâu vững quyết

thành Thanh văn *La-hán* hoặc Bích chi Phật. Vô lượng chúng sinh được sinh lên cõi trời.

“Thiên đế! Vua Bảo Cái thuở ấy, nào phải là ai khác, hiện nay thành Phật hiệu là Bảo Diệm Như Lai. Một ngàn người con trai của vua, tức là một ngàn đức Phật liên tiếp trong hiền kiếp này: Đức Phật thứ nhất là *Ca-la-cu Tôn-đa*, đức Phật sau rốt hiệu là *Lâu-chí*. Vị tỷ-kheo Nguyệt Cái, tức là ta đây.

“Thiên đế! Như vậy, nên biết lẽ cốt yếu này: Đối với các việc cúng dường, cúng dường pháp là cao hơn hết, trời hơn hết, bậc nhất không gì sánh nổi.

“Thiên đế! Vì thế, hãy lấy sự cúng dường pháp mà cúng dường chư Phật.”



囑累品

第十四

於是佛告彌勒菩薩言。彌勒。我今以是無量億阿僧祇劫所集阿耨多羅三藐三菩提法。付囑於汝。如是輩經於佛滅後末世之中。汝等當以神力廣宣流布於閻浮提無令斷絕。所以者何。未來世中當有善男子善女人。及天龍鬼神乾闥婆羅刹等。發阿耨多羅三藐三菩提心樂於大法。若使不聞如是等經則失善利。如此輩人聞是等經。必多信樂發希有心當以頂受。隨諸衆生所應得利而為廣說。

彌勒當知。菩薩有二相。何謂為二。一者好於雜句文飾之事。二者不畏深義如實能入。若好雜句文飾事者。當知是為新學菩薩。若於如是無染無著甚深經典。無有恐懼能入其中。聞已心淨受持讀誦如說修行。當知是為久修道行。

CHÚC LỤY PHẨM

Đệ thập tứ

Ư thị, Phạt cáo *Di-lặc Bồ Tát* ngôn: *Di-lặc!* Ngã kim dĩ thị vô lượng ức *a-tăng-kỳ* kiếp, sở tập *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* pháp, phó chúc ư nhữ. Như thị bối kinh, ư Phạt diệt hậu, mặt thế chi trung, nhữ đẳng đương dĩ thần lực, quảng tuyên lưu bố ư *Diêm-phù-đề*, vô linh đoạn tuyệt. Sở dĩ giả hà? Vị lai thế trung, đương hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân cập thiên, long, quỷ thần, *càn-thát-bà, la-sát* đẳng, phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm, nhạo ư Đại pháp. Nhược sử bất văn như thị đẳng kinh, tắc thất thiện lợi. Như thử bối nhân, văn thị đẳng kinh, tất đa tín lạc, phát hy hữu tâm, đương dĩ đỉnh thọ. Tùy chư chúng sinh sở ưng đắc lợi, nhi vị quảng thuyết.

Di-lặc đương tri: *Bồ Tát* hữu nhị tướng. Hà vị vi nhị? Nhất giả háo ư tập cú văn sức chi sự. Nhị giả bất úy thâm nghĩa, như thật năng nhập. Nhược háo tập cú văn sức sự giả, đương tri thị vi tân học *Bồ Tát*. Nhược ư như thị vô nhiệm vô trước, thậm thâm kinh điển, vô hữu khủng úy, năng nhập kỳ trung, văn dĩ tâm tịnh, thọ trì, độc tụng, như thuyết tu hành, đương tri thị vi cứu tu đạo hạnh.

彌勒。復有二法。名新學者。不能決定於甚深法。何等為二。一者所未聞深經。聞之驚怖生疑不能隨順。毀謗不信而作是言。我初不聞從何所來。二者若有護持解說如是深經者。不肯親近供養恭敬。或時於中說其過惡。有此二法。當知是新學菩薩。為自毀傷。不能於深法中調伏其心。

彌勒。復有二法。菩薩雖信解深法。猶自毀傷而不能得無生法忍。何等為二。一者輕慢新學菩薩而不教誨。二者雖信解深法而取相分別。是為二法。

彌勒菩薩聞說是已白佛言。世尊。未曾有也。如佛所說。我當遠離如斯之惡奉持如來無量億阿僧祇劫所集阿耨多羅三藐三菩提法。若未來世善男子善女人求大乘者當令手得如是等經。與其念力。使受持讀誦為他廣說。

世尊。若後末世有能受持讀誦為他說者。當知是彌勒神力之所建立。

佛言。善哉善哉。彌勒。如汝所說。佛助爾喜。

Di-lặc! Phục hữu nhị pháp danh tân học giả, bất năng quyết định ư thâm thâm pháp. Hà đẳng vi nhị? Nhất giả sở vi văn thâm kinh, văn chi kinh bố sinh nghi, bất năng tùy thuận, hủy báng bất tín, nhi tác thị ngôn: ‘Ngã sơ bất văn, tùng hà sở lai?’ Nhị giả nhược hữu hộ trì giải thuyết như thị thâm kinh giả, bất khăng thân cận, cúng dường, cung kính. Hoặc thời ư trung, thuyết kỳ quá ác. Hữu thủ nhị pháp, đương tri thị tân học *Bồ Tát*, vi tự hủy thương, bất năng ư thâm pháp trung, điều phục kỳ tâm.

Di-lặc! Phục hữu nhị pháp. *Bồ Tát* tuy tín giải thâm pháp, du tự hủy thương, nhi bất năng đắc Vô sinh pháp nhẫn. Hà đẳng vi nhị? Nhất giả khinh mạn tân học *Bồ Tát*, nhi bất giáo hối. Nhị giả tuy tín giải thâm pháp, nhi thủ tướng phân biệt. Thị vi nhị pháp.

Di-lặc Bồ Tát văn thuyết thị dĩ, bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Vị tăng hữu dã. Như Phật sở thuyết, ngã đương viễn ly như tư chi ác, phụng trì Như Lai vô lượng ức *a-tăng-kỳ* kiếp, sở tập *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* pháp. Nhược vị lai thế, thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Đại thừa giả, đương linh thủ đắc như thị đẳng kinh, dữ kỳ niệm lực, sở thọ trì, độc tụng, vị tha quảng thuyết.

Thế Tôn! Nhược hậu mạng thế, hữu năng thọ trì, độc tụng, vị tha thuyết giả, đương tri thị *Di-lặc* thần lực chi sở kiến lập.

Phật ngôn: Thiện tai, thiện tai! *Di-lặc*, như nhữ sở thuyết, Phật trợ nhĩ hỷ.

於是一切菩薩合掌白佛。我等亦於如來滅後。十方國土廣宣流布阿耨多羅三藐三菩提法。復當開導諸說法者令得是經。

爾時四天王白佛言。世尊。在在處處城邑聚落山林曠野。有是經卷讀誦解說者。我當率諸官屬為聽法故往詣其所擁護其人。面百由旬令無伺求得其便者。

是時佛告阿難。受持是經廣宣流布。

阿難言。唯然。我已受持要者。

世尊。當何名斯經。

佛言。阿難。是經名為維摩詰所說。亦名不可思議解脫法門。如是受持。

佛說是經已。長者維摩詰。文殊師利。舍利弗。阿難等。及諸天人阿修羅一切大眾。聞佛所說皆大歡喜信受奉行。



Duy-ma-cật sở thuyết kinh

Ư thị, nhất thiết *Bồ Tát* hiệp chưởng bạch Phật: Ngã đẳng diệc ư Như Lai diệt hậu, thập phương quốc độ, quảng tuyên lưu bố *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* pháp. Phục đương khai đạo chư thuyết pháp giả, linh đắc thị kinh.

Nhĩ thời, Tứ thiên vương bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Tại tại xứ xứ, thành ấp tụ lạc, sơn lâm khoáng dã, hữu thị kinh quyển, độc tụng giải thuyết giả, ngã đương suất chư quan thuộc, vị thỉnh pháp cố, vãng nghệ kỳ sở, ủng hộ kỳ nhân. Diện bá *do-tuần*, linh vô tứ cầu đắc kỳ tiện giả.

Thị thời, Phật cáo *A-nan*: Thọ trì thị kinh, quảng tuyên lưu bố.

A-nan ngôn: Duy nhiên! Ngã dĩ thọ trì yếu giả.

Thế Tôn! Đương hà danh tư kinh?

Phật ngôn: *A-nan*! Thị kinh danh vi *Duy-ma-cật* sở thuyết. Diệc danh Bất khả tư nghị giải thoát pháp môn. Như thị thọ trì.

Phật thuyết thị kinh dĩ, Trưởng giả *Duy-ma-cật*, Văn-thù *Sư-ly*, *Xá-ly-phất*, *A-nan* đẳng cập chư thiên, nhân, *a-tu-la*, nhất thiết Đại chúng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành.



Phẩm thứ mười bốn

CHÚC LUY

Úc ấy, Phật bảo *Bồ Tát Di-lặc* rằng: “*Di-lặc!* Nay ta đem pháp *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* đã kết tập trong vô lượng ức *a-tăng-kỳ* kiếp mà phó chúc cho ông. Sau khi Phật diệt độ, vào đời mạt pháp, các ông nên dùng thần lực mà giảng thuyết, lưu hành rộng rãi những kinh như thế này ở cõi *Diêm-phù-đề*, đừng để cho dứt tuyệt. Vì sao vậy? Trong tương lai sẽ có những thiện nam tử, thiện nữ nhân cùng chư thiên, loài rồng, quỷ thần, *càn-thát-bà, la-sát* phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, sẽ ưa thích giáo pháp Đại thừa.⁽¹⁾ Nếu như họ chẳng nghe được những kinh như thế này, ắt sẽ mất đi điều lợi ích tốt đẹp. Như những người ấy mà nghe được những kinh như thế này, ắt họ sẽ được thêm lòng tin vui, phát tâm cho là ít có, sẽ kính vâng nhận lãnh; rồi sẽ tùy chỗ thích hợp được lợi ích cho chúng sinh mà giảng thuyết rộng rãi để cứu độ.

⁽¹⁾ Nguyên văn dùng Đại pháp (大法): pháp lớn, chỉ giáo pháp Đại thừa, sâu xa, huyền diệu, hướng đến việc độ thoát tất cả chúng sinh. Đối lại với Tiểu pháp là giáo pháp Tiểu thừa, người tu hướng đến việc tự giải thoát chính mình trước nhất.

“*Di-lặc* nên biết: Chỉ xét về ngoài thì có hai tướng trạng *Bồ Tát*. Sao gọi là hai? Một là hạng người ưa thích văn chương cầu kỳ, hoa mỹ. Hai là hạng người chẳng sợ nghĩa lý sâu xa, có thể thâm nhập vào lẽ như nhiên chân thật.

“Như những ai ưa thích văn chương cầu kỳ, hoa mỹ, nên biết đó là hạng tu học theo lối mới. Như những ai không nhiễm, không trước, không khiếp sợ những kinh điển thâm sâu, lại còn thể thâm nhập vào trong đó, được nghe rồi lòng dạ trở nên trong sạch, có thể thọ trì đọc tụng, theo như thuyết mà tu hành, nên biết rằng đó là hạng người đã tu lâu đạo hạnh.

“*Di-lặc*! Lại có hai điều thuộc về hạng người tu học theo lối mới, chẳng có lòng quyết định đối với pháp thâm sâu. Hai điều đó là gì? Một là họ chưa được nghe kinh điển sâu xa, khi nghe thời họ sợ sệt sinh nghi, không thể tùy thuận, lại chê bai chẳng tin, liền nói rằng: ‘*Chúng tôi trước đây chưa hề nghe kinh điển như thế. Kinh ấy từ đâu mà có?*’ Hai là nếu có những người họ trì giảng thuyết kinh sâu xa như thế này, họ lại chẳng chịu thân cận, cúng dường cung kính; hoặc trong khi đó còn nói xấu người ấy nữa. Những ai có hai điều ấy, nên biết họ là hạng người tu học theo lối mới. Họ tự làm hại chính mình; đối với pháp sâu xa, họ chẳng thể điều phục tâm ý.

“*Di-lặc*! Lại có hai điều làm cho *Bồ Tát* tuy tin hiểu pháp sâu, nhưng vẫn tự làm hại cho mình, nên chẳng có thể được *Vô sinh pháp nhẫn*. Hai điều ấy là gì? Một là

Kinh Duy-ma-cật

khinh chê hàng *Bồ Tát* theo lối mới, mà chẳng chịu chỉ dạy. Hai là tuy tin hiểu pháp sâu, nhưng còn chấp tướng và phân biệt.”

Bồ Tát Di-lặc nghe thuyết như vậy rồi, liền bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Thật chưa từng có vậy. Theo như Phật thuyết, con sẽ lìa xa những việc xấu kia, phụng trì pháp *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* mà Như Lai đã kết tập trong vô lượng ức *a-tăng-kỳ* kiếp. Trong đời vị lai, nếu có những thiện nam tử, thiện nữ nhân cầu Đại thừa, con sẽ khiến cho họ tự tay nhận được kinh điển này, con sẽ giúp cho họ được thêm trí nhớ, khiến họ thọ trì, đọc tụng và giảng thuyết rộng với những kẻ khác.

“Thế Tôn! Về thuở sau cùng, nếu những ai có thể thọ trì, đọc tụng và giảng thuyết rộng với kẻ khác, nên biết rằng những người đó là do sức thần của *Di-lặc* kiến lập.”

Phật nói: “Lành thay, lành thay! *Di-lặc*, như ông vừa nói như vậy, ta vui vẻ tán trợ ông đó.”

Lúc ấy, tất cả chư *Bồ Tát* đồng chấp tay bạch Phật: “Sau khi Như Lai tịch diệt, chúng con cũng sẽ lưu hành thuyết rộng pháp *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* ở các quốc độ mười phương. Chúng con sẽ mở mang chỉ dẫn cho những vị thuyết pháp, khiến cho thấu đạt nghĩa lý kinh này.”

Bấy giờ, bốn vị thiên vương bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Bất kỳ ở đâu, thành ấp, xóm làng, rừng núi, đồng ruộng mà có người đọc tụng giảng thuyết kinh này, chúng

con sẽ đưa các quan thuộc đến đó nghe pháp và ủng hộ người ấy. Chúng con sẽ khiến cho trong khoảng vuông vức một trăm *do-tuần*, chẳng ai có thể rình rập mà làm hại người ấy.”

Lúc ấy, Phật bảo A-nan: “Hãy thọ trì kinh này và lưu hành giảng thuyết rộng rãi.”

A-nan bạch rằng: “Dạ, con đã thọ trì những chỗ cốt yếu. Bạch Thế Tôn! Nên đặt tên kinh này là gì?”

Phật dạy: “A-nan! Kinh này tên là *Duy-ma-cật sở thuyết*, cũng tên là *Bát khả tư nghị giải thoát pháp môn*. Hãy y như vậy mà thọ trì.”

Phật thuyết kinh này xong, Trưởng giả *Duy-ma-cật*, *Văn-thù Sư-lý*, *Xá-lý-phất*, A-nan cùng chư thiên, người ta, *a-tu-la*, tất cả đại chúng nghe Phật thuyết rồi, đều rất vui vẻ, tin nhận và kính cẩn làm theo.



MỤC LỤC

PHÂN HÁN VĂN

卷 上

佛國品	10
方便品	56
弟子品	72
菩薩品	118

卷 中

文殊師利問疾品	154
不思議品	188
觀眾生品	212
佛道品	246
入不二法門品	286

卷 下

香積佛品	310
菩薩行品	338
見阿閼佛品	372
法供養品	392
囑累品	412

PHẦN DỊCH ÂM

QUYỂN THƯỢNG

PHẬT QUỐC PHẨM.....	11
PHƯƠNG TIỆN PHẨM	57
ĐỆ TỬ PHẨM	73
BỒ TÁT PHẨM	119

QUYỂN TRUNG

VĂN-THÙ SƯ-LÝ VĂN TẬT PHẨM.....	155
BÁT TƯ NGHI PHẨM	189
QUÁN CHÚNG SINH PHẨM.....	213
PHẬT ĐẠO PHẨM.....	247
NHẬP BÁT NHỊ PHÁP MÔN PHẨM.....	287

QUYỂN HẠ

HƯƠNG TÍCH PHẬT PHẨM	311
BỒ TÁT HẠNH PHẨM.....	339
KIỆN A-SÚC PHẬT PHẨM.....	373
PHÁP CÚNG DƯỠNG PHẨM.....	393
CHÚC LUY PHẨM.....	413

PHÂN DỊCH NGHĨA

Quyển thượng

Cõi Phật.....	34
Phương tiện	64
Đệ tử.....	98
Bồ Tát.....	138

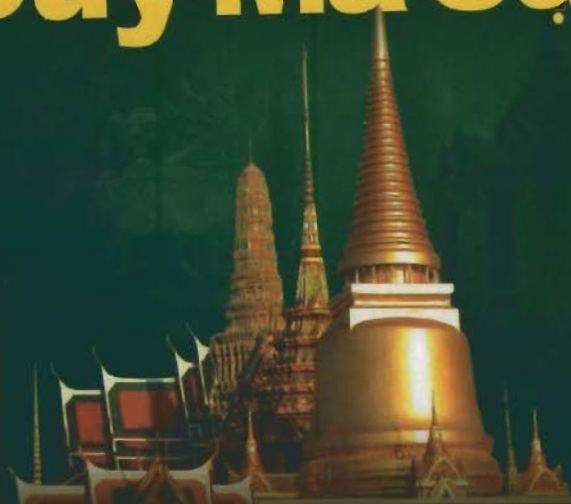
Quyển trung

Văn-thù thăm bệnh.....	174
Không thể nghĩ bàn	202
Quán chúng sinh	232
Đạo Phật.....	270
Vào pháp môn Chẳng phân hai.....	300

Quyển hạ

Phật Hương Tích	326
Hạnh Bồ Tát	354
Thấy Phật A-súc	384
Cúng dường Pháp	404
Chúc lụy	418

KINH Duy Ma Cát



HƯƠNG TRANG
QUANG MINH

Khai - P.5 - Q.3 - TP.HCM
Fax: (84.8) 8342487-8340990
kinhbooksb@hcm.vnn.vn

kinh duy ma cat (BC)

